NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 139 • NOVEMBER 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

BÚT KÝ CỦA
MỘT NHÀ THƠ ĐIÊN **VĨNH HẢO**

HOÀNG THỌ **LÂM CHƯƠNG**

CỬU LONG CẠN DÒNG **ĐỖ HẢI MINH**

Cơ Hội Ngàn Vàng Lại Đến Với Qúy Bạn!

KHÔNG LẼ BẠN BỎ LỠ CƠ HỘI KHÔNG GIA NHẬP MỘT CƠ SỞ VỚI 155 NĂM KINH NGHIỆM VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIÚP BẠN NÂNG CAO TAY NGHỀ MÀ CÒN ĐƯỢC THÊM VÔ SỐ LỢI NHUẬN HẤP DẪN KHÁC NỮA SAO?

New York Life. Thành lập từ năm 1845, New York Life là một trong những cơ sở bảo hiểm và dịch vụ tài chánh hàng đầu tại Hoa Kỳ ngày nay. New York Life hiện đang tuyển mộ những vị đại diện có tài tháo vát và nhiệt tình để bổ sung vào lực lượng rao hàng của chúng tôi. Hiện nay, cơ hội ngàn vàng lại đến với qúy bạn. Hãy gia nhập ngay đội ngũ của một hãng uy tín nhất có khả năng đem lại cho qúy bạn không những tay nghề cao mà còn nhiều dịch vụ đầy lợi lộc hấp dẫn khác nữa!

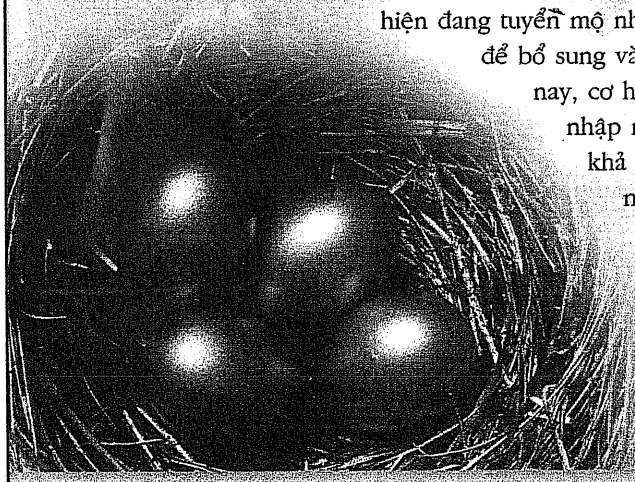

Còn chần chờ gì nữa?
Gọi ngay cho chúng tôi!

EOE M/F/D/V

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (714) 560-7800

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

HAPPY THANKSGIVING 2000

TRUNG TÂM THÚY NGA HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH HUY HOÀNG, SỐNG ĐỘNG
MỞ MÀN CHO MÙA LỄ TẠ ƠN VỚI:

*** Hàng trăm Ca, Nhạc sĩ, Vũ công trên một sân khấu vĩ đại, ánh sáng muôn màu, làm hài lòng mọi trái tim yêu nghệ thuật.**

*** Thật hấp dẫn theo từng tiết mục, mang lại hạnh phúc, cười vui cho mọi gia đình nhân dịp Greetings Season.**

*** Lần đầu tiên, trong Video Việt Nam, kỹ thuật Animation như chuyện Pokémon thần tiên, làm say mê trẻ con khắp thế giới.**

*** Hãy mang lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi lứa tuổi cao niên, thanh niên, thiếu niên bằng cách chọn lựa tác phẩm nghệ thuật giá trị:**

PARIS NIGHT 56

NHỮNG GIỌNG NHẠC HÔM NAY

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với Sự Góp Mặt Của:

KHÁNH LY - Ý LAN - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - LOAN CHÂU - NGỌC ÁNH - CHÂU NGỌC
PHI NHUNG - PHƯỢNG LIÊN - HOÀNG LAN - TRÚC LAM
TRÚC LINH - BẢO HÂN - LYNDA TRANG ĐÀI - MAI LINH

NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ - DON HỒ - THẾ SƠN
TOMMY NGÔ - QUỐC HÙNG - TƯỜNG NGUYÊN
LAY MINH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT

Vở hài kịch đặc biệt: XOAY CHUYỂN SỐ MỆNH
do Nhóm Kịch Thúy Nga trình diễn bởi
Trang Thanh Lan, Quang Minh và Hồng Đào.
Trọn bộ 3 cuốn giá $35 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Thúy Nga

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / **E-mail:** thuynga@thuyngaonline.com

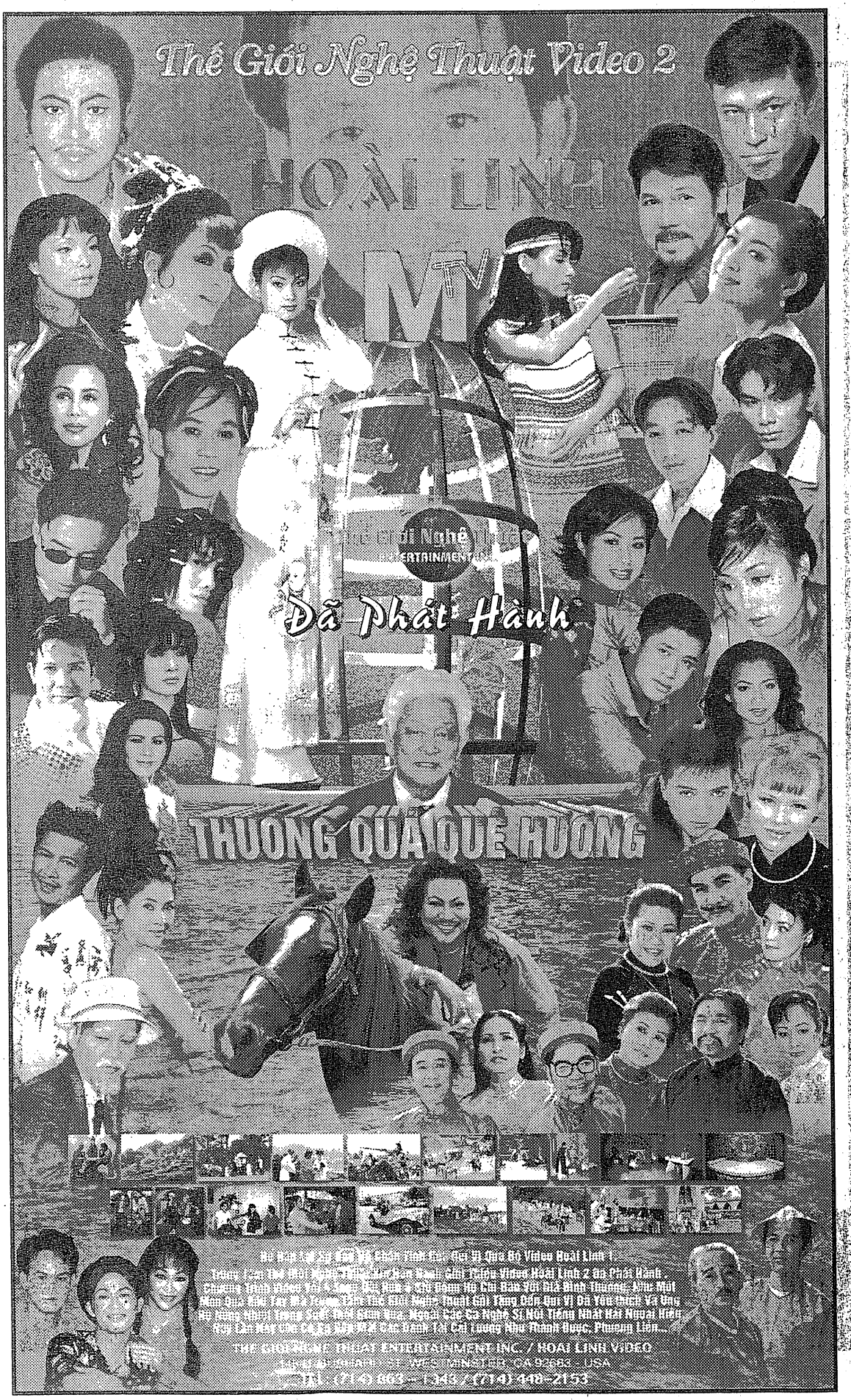
Thế Giới Nghệ Thuật Video 2
HOÀI LINH
MV
Đã Phát Hành
THƯƠNG QUÁ QUÊ HƯƠNG

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

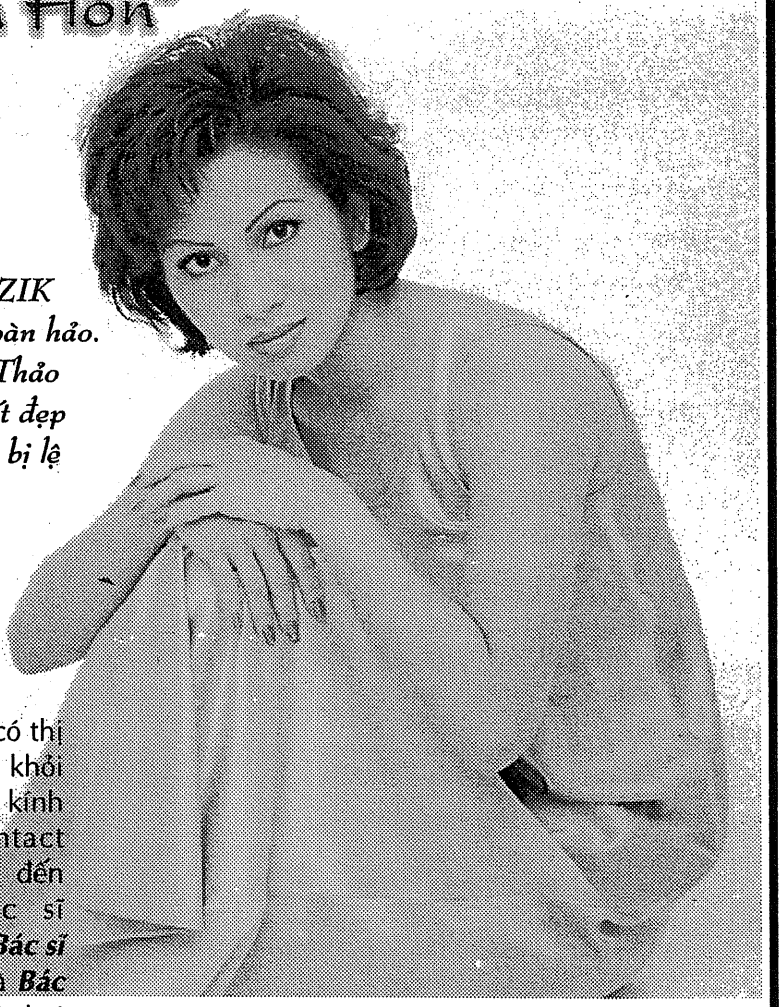

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tử Hải)

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

NHAN SẮC truyện dài (tái bản) Dương Nghiễm Mậu	10MK	THE LOVER'S GIFT Tặng Vật Của Tình Nhân	8MK
GIAI THOẠI THIỀN SƯ Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch	10MK	Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ Bùi Bảo Trúc	
BÔNG HỒNG VÀNG Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch	15MK	VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN	15MK
CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997 biên khảo Hoàng Dung	13MK	BINH BIẾN 11-11-60 hồi ký Vương Văn Đông	18MK
NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, Lý Hồng Xuân luận bình	16MK	CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG tiểu thuyết Ngô Thế Vinh	25MK
TRẦM TƯ danh ngôn Võ Hồng	7MK	VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN HẬU IỆN ĐẠI phê bình, tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc	17MK
KHUNG RÊU truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970 Nguyễn Thị Thụy Vũ (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)	15MK	ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN hồi ký Trần Độ	14MK

Liên lạc: Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
PO.BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934 – 8574.
Email: vannghe@pacbell.net

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

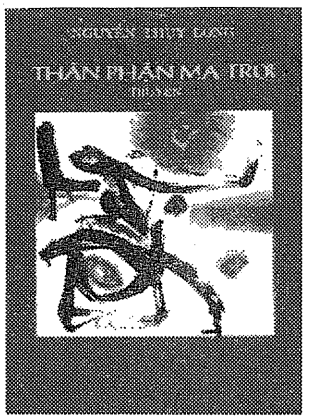

THÂN PHẬN MA TRƠI

Truyện của
NGUYỄN THỤY LONG
Những bức chân dung khốc liệt ghi lại cảnh sống hãi hùng của người dân Việt trong một xã hội không còn nhân tính.
Giá 18 USD

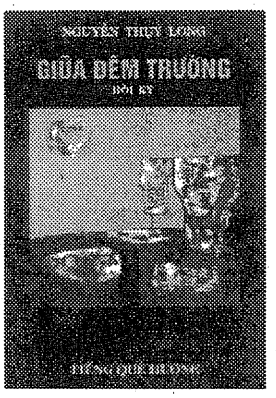

GIỮA ĐÊM TRƯỜNG

Hồi ký của
NGUYỄN THỤY LONG
Nhiều mảnh đời của các văn nghệ sĩ Việt Nam từng một thời vang bóng nhưng đang bị gạt ra bên lề xã hội suốt 25 năm qua.
Giá 14 USD.

HAI NGÀN NĂM MỘT THUỞ

Tuyển tập do **Tin Nhà** thực hiện, quy tụ chứng từ của một số người Công giáo Việt Nam, cố gắng tự nhận diện chính mình trong khi cùng với toàn thể nhân loại bước qua thiên niên kỷ mới. Giá 10 USD.

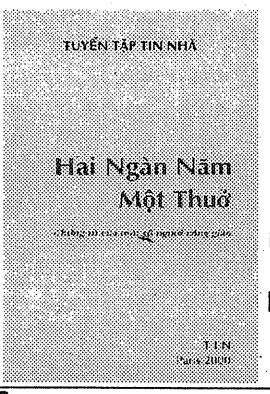

ÂN TÌNH THOÁNG MẤT

Truyện của
PHẠM VĂN THANH
Những chuyện tình thơ mộng được lồng trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam vào những ngày cận Cuộc Di Tản 1975.
Giá 25 USD.

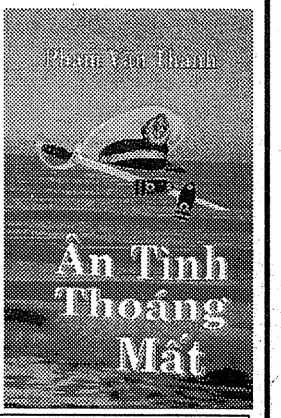

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

1. 10 Đại Thừa Tướng Trung Quốc (Những mẩu chuyện lịch sử nổi tiếng Trung Quốc), Lưu Chiến Vũ biên soạn, $20.00
2. 10 Đại Văn Hào Trung Quốc (Những mẩu chuyện lịch sử nổi tiếng Trung Quốc), Từ Tập Huy biên soạn, $20.00
3. 100 Truyện Cổ Tích Việt Nam hay nhất, Thái Đắc Xuân, $13.00
4. 100 Truyện Ngắn hay Trung Quốc (Bộ 3 tập), Ngô Văn Phú, $38.00
5. 500 Điều Cấm Kị Trong Cuộc Sống Hiện Đại, Hoàng Bắc, $12.00
6. 555 Món Ăn Việt Nam, $13.00
7. Bonsai Toàn Thư, Harry Tonlinson, $22.00
8. Câu Cửa Miệng, Nhân Văn Đinh, $14.00
9. Cây Thuốc Việt Nam, Lê Trần Đức, $33.00
10. Chân Dung và Đối Thoại (bình luận văn chương), Trần Đăng Khoa, $11.00
11. Chọn Hướng Nhà Đất Theo Quan Niệm Cổ (Địa Lý Chính Tông), Tôn Nhan - Nguyễn Nguyên Quân, $8.00
12. Chuyện Cũ Hà Nội, Tô Hoài, $22.00
13. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (Bộ 4 tập), Viện Sử Học, $74.00
14. Đường Thi Tuyển Dịch (Bộ 2 Tập), Lê Nguyễn Lưu, $44.00
15. Etcetera (365 Hí Họa Chọn Lọc), Etcetera, $25.00
16. Hướng Dẫn Thực Hành Windows 98, Nguyễn Tiến, $21.00
17. Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (Bộ 2 tập), Viện Sử Học, $79.00
18. Kim Dung Giữa Đời Tôi (Bộ 3 Tập), Vũ Đức Sao Biển, $22.00
19. Kim Vân Kiều (Tiếng Anh, Lê Xuân Thụy dịch), Nguyễn Du, $16.00
20. Kim Vân Kiều (Nguyễn Văn Minh, dịch tiếng Pháp), Nguyễn Du, $22.00
21. Kỹ Thuật Nấu Ăn Toàn Tập (Dầy 1140 trang), Triệu Thị Chơi, $38.00
22. Lời Hay Ý Đẹp, Nguyễn Anh Dũng, $12.00
23. Nguyên Lý Chọn Ngày Theo Lịch Can Chi, Hoàng Tuấn, $9.00
24. Nước Non Bình Định, Quách Tấn, $16.00
25. Phương Pháp Biện Luận Thuật Hùng Biện, Nguyễn Quốc Siêu dịch, $18.00
26. Sinh Con Theo Ý Muốn, Đỗ Kính Tùng, $6.00
27. Sư Tử Tuyển Bờm Xanh, Nguyễn Tường Bách Biên Dịch, $8.00
28. Suối Nguồn Tươi Trẻ, Lê Thành, $4.50
29. Tào Tháo, Tào Trọng Hoài, $24.00
30. Thập Bát La Hán Quyền, Lạc Việt, $9.50
31. Thuật Dưỡng Sinh Trường Thọ Cổ Truyền Trung Quốc, Biên Trị Trung, $7.00
32. Tích Hợp Đa Văn Hóa Đông Tây, Nguyễn Hoàng Phương, $58.00
33. Tư Tưởng Phật Giáo Việt Nam, Nguyễn Duy Hinh, $20.00
34. Toàn Bộ Những Phương Thuốc Bí Truyền (Dầy 2511 Trang), Ngô Tĩnh, $58.00
35. Tự Điển Hán Việt Từ Nguyên (Dầy 2812 Trang), Bửu Kế, $89.00
36. Tự Việt Hán Việt Hành Thảo, Nguyễn Xuân Hoài, $34.00
37. Từ Ngữ-Thơ Văn Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thạch Giang; $26.00
38. Từ Ngữ Văn Nôm, Nguyễn Thanh Giang, $32.00
39. Từ Điển Phật Học Hán Việt, Nguyễn Tôn Nhan, $49.00
40. Trung Quốc Nhất Tuyệt, Lý Duy Côn, $36.00
41. Truyện Cười Chọn Lọc - Tôi Ghen Với Ông, Nhiều Tác Giả, $10.00
42. Tùy Đường Diễn Nghĩa (Bộ 3 Tập, Bìa Cứng), Chủ Nhân Hoạch, $45.00
43. Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn (Bộ 3 Tập), Nhiều Tác Giả, $105.00
44. Về Nguồn Văn Hóa Á Đông Kinh Dịch, Đông Phong Biên Soạn, $19.00
45. Việt Nam Thời Cổ Xưa, Bùi Thiết, $12.00
46. Xây Dựng Nhà Ở Theo Phong Thủy, Trần Văn Tam, $24.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

VNCR

Khóa Hội thảo và Huấn luyện đặc biệt về Chứng Khoán

Kinh Doanh Chứng Khoán trên Internet

Online Stock Investing

Bảo trợ bởi:

Nhật Báo Người Việt

Đài Truyền Hình Little Saigon TV

Đài VNCR 106.3 FM

Trình bày và hướng dẫn bằng tiếng Việt bởi:

Chuyên viên Đầu tư thuộc các Công-ty Tiger Investment Management, Fidelity Asset Management, và Morgan Stanley Dean Witter

Trình bày từ lý thuyết đến thực hành

Thích hợp cho mọi trình độ

Đề tài & Chương trình tổng quát:

Phân-bố tài khoản trong chiến lược bảo quản vốn an-toàn và đầu tư thắng lợi:

.Cơ chế vận hành Thị trường Chứng khoán. Các loại stocks và quỹ đầu tư. Ý niệm căn bản về phân bố tài khoản. Phương-pháp đối phó rủi ro khi thị trường chao đảo và biến động bất ngờ.

Tổ chức hợp lý việc kinh doanh stock trên Internet:

Các việc chuẩn bị. Nghiên cứu xữ dụng các dữ kiện thông tin để tìm công ty tốt theo những tiêu chuẩn ấn định. Việc xữ dụng các softwares

Biểu diễn tiến trình mua bán cổ phiếu trên Internet:

(qua các Accounts đang hoạt động với các Brokers như Ameritrade, Datek, E-Trade vv....)

Chiến lược kinh doanh chứng khoán thành công:

Tại sao nhiều người thua? Những cạm bẫy của Thị trường. Chiến lược đầu tư thành công.

Chia sẻ kinh-nghiệm :

Tổng kết những điểm then chốt. Trao đổi kinh nghiêm từ giai-đoạn đầu tiên, đến những việc nghiên-cứu, chọn cổ-phiếu, mua bán trong ngày. Giải đáp thắc mắc

---

Chủ nhật 26 tháng 11, năm 2000. từ 8 Am-6:30 Pm

Địa điểm : Phòng Sinh Hoạt Nhật báo Người Việt

14891 Moran St Westminster CA 92683 Tel=714-892-9414

Muốn ghi danh ,xin liên lạc VNCR:Tel= 714-534-9431 Fax=714-534-9433

hoặc gởi e-mail đến dịa chỉ : VNCR@PACBELL.NET

Check, money order xin đề trả cho VNCR

Phiếu ghi danh tham dự Hội thảo Kinh doanh Chứng Khoán 26/11/200

Online Stock Investing (Lệ phí ghi danh trước $49 . Nếu ghi danh tại cửa: $79)

Họ tên:_____

Địa chỉ:_____ State____ Zip:_____

Tel= (_____) _____(nhà) (_____) _____ (sở làm)

Nơi nhận: VNCR 11022 Acacia Pkwy Suite A Garden Grove CA 92840. Tel=714-534-9432

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành, Kicon**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 139 . Tháng Mười Một 2000

CHÍNH TRỊ

17 Vận động quốc tế cho một nước Việt Nam tự do - **Đoàn Viết Hoạt**
23 ĐCSVN đã phản bội thỉnh nguyện thư của Nguyễn Ái Quốc... - **LS. Nguyễn Hữu Thống**

THỜI SỰ VĂN HỌC

28 "Cửu Long cạn dòng..." - **Dỗ Hải Minh**
36 Người trốn chạy Cao Hành Kiện - **Nguyễn Văn Tuấn**
42 Phỏng vấn Giáo sư Đỗ Mạnh Tri - **Kicon.com**

TÀI LIỆU - LỊCH SỬ

68 Vấn đề sáng tạo, tổ chức và sử dụng tài liệu... - **Lâm Vĩnh Thế**
73 Tiền cổ Việt Nam - **Lục Đức Thuận**
87 Di ngôn của một nghệ sĩ đa dạng - **Trần Gia Phụng**
94 Công cuộc nghiên cứu lịch sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

VĂN

60 Bút ký của một nhà thơ-điên - **Vĩnh Hảo**
79 Hoàng Thọ - **Lâm Chương**
83 Huyền thoại bị đánh cắp - **Trần Ngọc Tuấn**
100 Đến với nước Nga - **Phạm Xuân Đài**
104 Tìm một quê hương - **Đoàn Văn Khanh**

THƠ

63. Di tích - **Nguyễn Hòa Trước. 81.** À! Thi sĩ - **Trần Mộng Tú. 85.** Ốm - **Cổ Ngư. 90.** Một ngày bốn mùa - **Trần Vấn Lệ. 103.** Giao mùa - **Hoàng Bích Đào. 107.** Nhớ cát sông Hằng - **Nguyễn Văn Thực**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
48 Sổ tay
53 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Tiểu Ký, Trần Quán Niệm**
109 Chân trời VHNT - **Tiểu Ký, Anh Thành, Saigon Times**
114 Sách báo trong tháng - **Nguyễn Kỳ Phong, Nguyễn Hùng Vũ**

Trang viết dành cho bạn đọc

Khi nhận tờ *Thế Kỷ 21*, mục tôi đọc đầu tiên là "Bạn Đọc Viết." Một số bạn khác cũng vậy. Có người hỏi tại sao. Thoạt nghe hỏi, tôi cũng không thể trả lời ngay tại sao. Ngẫm nghĩ, thì có lẽ nó cũng như là món ăn chơi trong một bữa tiệc cưới ở nhà hàng, món khai vị, ăn nhẹ nhàng lai rai trong khi chờ vào các món chính.

Nhưng thứ tự đọc một tờ báo thì khác với một bữa ăn. Trong bữa tiệc không ai được ăn món tráng miệng trước rồi mới ăn món khai vị sau. Thứ tự của bữa tiệc là bắt buộc, trong khi đọc báo thì tự do, tùy thích muốn xơi món nào trước cũng được. Rõ ràng không phải vì mục Bạn Đọc Viết của *Thế Kỷ 21* được đặt ở đầu tờ báo mà nó được đọc trước. Vậy câu hỏi tại sao đọc mục Bạn Đọc Viết trước, vẫn còn.

Trong khi còn tiếp tục suy nghĩ thì tôi tình cờ được đọc trên một tờ báo khác một bài nói về đúng cái mục "Bạn đọc viết" này, mục này nói chung trên các báo chứ không riêng của *Thế Kỷ 21*. Đại ý bài đó nói đối với báo Việt ngữ thì đây là mục không tin được, vì người ta thường viết với tinh thần đấu tố, thường lợi dụng đất của mục này để lên án, xỉ vả những gì và những ai mình không thích mà chẳng phải chịu trách nhiệm gì cả về những gì mình viết. Đại khái đó là một môi trường rất thuận lợi cho trò ném đá giấu tay.

Không phải là không có lý. Nhưng nói tất cả là như thế thì quá đáng. Tôi cho có tình trạng đó hay không là tùy chủ trương của mỗi báo. Muốn bẩn thì nó thành bẩn, muốn sạch thì nó sạch. Và tôi bỗng nhìn thấy lý do khiến tôi thích đọc mục này: đó là một cái chợ chồm hổm rất vui, ý kiến này, ý kiến nọ một cách hồn nhiên, nghĩ sao viết vậy không đắn đo cẩn thận như khi viết hẳn một bài. Nói không có trách nhiệm là vậy. Nhưng cũng nhờ thế mà nó rất tươi mát và trực tiếp. Và không phải là không có nhiều yếu tố tích cực đâu nhé, tôi đã được đọc nhiều nhận xét rất hay. Khi người viết có thiện ý, người chọn bài có thiện ý thì ta có được một môi trường giao lưu rất thú vị. Nhiều người cũng giống như tôi, nhận thấy chỗ thú vị ấy.

Nguyễn Đình Kháng
(Montreal, Canada)

Góp ý nhỏ

Bài "Hệ thống học vị học hàm..." của tác giả Nguyễn Văn Tuấn trên *Thế Kỷ 21* số 138, trang 106, tác giả viết "Ngoài ra ở Mỹ còn có tệ nạn 'nhà máy văn bằng' (diploma mills) hoạt động hoặc dưới hình thức đại học hàm thụ, hoặc qua hệ thống dạy học từ xa với sự trợ giúp của máy vi tính và mạng Internet" (trang 106, cùng số báo). Tôi đã từng nếm mùi học distance learning education qua hai trường Southern Methodist University và Georgia Tech University, xin chia sẻ ở đây một chút kinh nghiệm của riêng mình. Theo hệ thống học đó, tôi vẫn phải học chung với sinh viên tại campus của họ cùng giờ học, cùng thầy, thi phải thi cùng một lúc dưới sự kiểm tra của proctor. Người này làm việc rất nghiêm chỉnh. Thêm nữa sinh viên học kiểu này bất lợi là kiếm thày và bạn học để thảo luận khó hơn là học tại campus. Cuối khóa học, điểm chấm như sinh viên học tại campus. Xin đừng bất công với họ!

Một vài góp ý nhỏ. Chúc tạp chí TK 21 và tác giả NVT nhiều sức khỏe.

Nguyễn Anh Thang
(Internet)

Nạn rượu chè

Tôi đang theo dõi bài du ký đi Nga của Phạm Xuân Đài trên hai số báo tháng Chín và Mười vừa rồi, và đang chờ xem tiếp. Bài mới đây, trong những điều tác giả nêu lên về nước Nga, tôi chịu nhất là *nạn rượu chè* của đàn ông Nga, một điều quá đúng! Hồi còn mồ ma Liên Xô, Gorbachev đã từng bị lúng túng vì "quốc nạn" này, đã phải ban hành một số biện pháp nghiêm khắc về rượu, nhưng vì có lẽ chỉ nặng tính cách hành chánh nên chẳng đi tới đâu.

Cách nay vài năm, trên một chuyến bay từ Moscow qua New York của hãng Northwest, một số hành khách Nga say rượu đã làm loạn trên máy bay, gần như khống chế hết số tiếp viên hàng không, và nếu cửa vào buồng lái không kịp thời được khóa lại thì có phần chắc các phi công cũng có thể bị hành hung, và số phận

chuyến bay không biết sẽ ra sao. Phi hành đoàn từ trên không trung đã phải báo cho FBI xin can thiệp, và ngay khi máy bay vừa đáp xuống phi trường Kennedy thì giới hữu trách đã áp vào còng tay những tay say rượu gây rối, toàn là người Nga. Đến lúc đó phát ngôn viên của hãng Northwest mới tiết lộ, đại ý: *Tất cả các chuyến bay từ Nga sang đều có hành khách say sưa phá phách, nhưng chúng tôi cố "dĩ hòa vi quý"; duy lần này trầm trọng quá, chẳng đặng đừng, phải cầu cứu FBI!*

Tác giả bài du ký chỉ đi qua Nga một thời gian ngắn mà đã "nắm tình hình" về tệ nạn rượu của xứ ấy như thế, chứng tỏ cũng có để ý quan sát, chứ không chỉ thuần túy "cưỡi ngựa xem hoa."

Nguyễn Đình Hà
(Pennsauken, NJ)

Hám danh

Chúng tôi rất đồng ý với ông Nguyễn Văn Tuấn trong bài "Hệ thống học vị..." đăng tải trong *Thế Kỷ 21* số 138 về tật hám danh (và cả bịp bợm nữa) của một số người Việt chúng ta, dám cả gan (tự) nhận bừa chức tước và danh hiệu. Nhất là trong hoàn cảnh ở hải ngoại, họ tưởng không ai biết, nên mặc sức lừa dối.

Đại khái cảnh bát nháo như thế này: có những ông thiếu úy biến thành thiếu tá, thiếu tá thành trung tá, trung sĩ thành trung úy, trưởng phòng thành chánh sự vụ, chánh sở thành giám đốc... Có những anh giáo làng, hoặc có thể chưa hề đi dạy ngày nào, ngang nhiên dùng tước hiệu giáo sư, và in trên danh thiếp là G.S. Cột, G.S. Kèo. Ở Bolsa mới có ông bỏ mấy ngàn đô ra mua hai bằng Tiến sĩ (không học cũng có bằng, chỉ việc mua thôi), rồi cũng mặc lễ phục tiến sĩ ăn khao đại đăng khoa... Còn các "nhà" thì nhiều vô kể: nhà văn, nhà thơ, nhà nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, nhà học giả...

Không chính danh, hay đúng ra là quá háo danh, thiên hạ thực là đại loạn!

Hoàng Đình Quế
(Los Angeles, CA)

Chuyện đi Nga

Nước Nga mênh mông, tư tưởng và văn hóa của họ vĩ đại, kể cả vết nhơ Stalin cũng vĩ đại, không ai có thể tóm lược trong một chuyến đi vài tuần lễ, nhưng tác giả "Đến với nước Nga" viết dưới con mắt của du khách thì bài viết rất ích lợi cho những du khách tương lai và "du khách hàm thụ."

Tâm *(Internet)*

Cần phải "hiểu từ" như thế nào

Trên *Thế Kỷ 21* số 137, Sept 2000, mục Bạn Đọc Viết có bài "Trích dẫn tài liệu" của ông Nguyễn Khiêm (Sydney, Úc) góp ý với ông Trần Gia Phụng, tác giả bài "Lột trần huyền thoại HCM" đăng trên số 133.

Được biết ông Nguyễn Khiêm là lớp thế hệ sau, cũng như tôi, nên sau khi đọc bài của ông tôi mạnh dạn góp ý kiến về việc "hiểu từ" trong một bài viết.

1. Trong bài "Lột trần..." ông Trần Gia Phụng có viết: "Theo tài liệu của Vũ Thư Hiên và Nguyễn Minh Cần, bộ Chính trị đảng Cộng sản Hà Nội..."

Theo ông Nguyễn Khiêm thì ở Việt Nam từ thập niên 50 đến giữa thập niên 70, đảng CSVN có tên là "Đảng Lao Động VN" chứ không có đảng nào là "Đảng CS Hà Nội."

Đúng danh xưng là như thế, nhưng thiết nghĩ nhóm từ "đảng CS Hà Nội" ông Trần Gia Phụng dùng cũng không sai, vì đó là *một cách dùng thông thường* rất thường gặp để diễn tả đúng cùng một nội dung. Ví dụ, trong *Thế Kỷ 21* số 136, Phan Dũng phỏng vấn Lữ Phương:

- Trả lời câu 1, Lữ Phương nói "Đây là cung cách của giới lãnh đạo Hà Nội ấy mà..." Chữ Hà Nội ở đây hiểu là Việt Nam.

- Câu 2, PD hỏi LP "Lý do nào khiến Tổng Bí Thư của đảng CSVN Lê Khả Phiêu..." thì LP trả lời "Có nhiều lý do... Hà Hội biết rằng..." Chúng ta thấy để chỉ Tổng Bí Thư ĐCSVN, LP vẫn trả lời: Hà Nội...

Mặt khác, trong thời kỳ Việt Nam còn chia đôi, nhóm từ Đảng CSVN (hay Đảng Lao Động VN) trong Nam cũng ít người dùng, vì nếu dùng hai chữ Việt Nam tức là bao gồm cả miền Nam, lúc bấy giờ vốn có một thể chế riêng. Để tránh điều đó, ở miền Nam thường gọi Đảng CS Hà Nội, hay Cộng sản Bắc Việt. Sau khi Việt Nam đã thống nhất, từ ngoài nhìn vào thì chúng tôi dùng nhóm từ Cộng sản Việt Nam, giống như CS Trung Quốc, CS Liên Xô...

2. Về từ "sống chung": ông TGP thấy bà Xuân "trông nom sức khỏe cho bác" mà có con, thì ông ta bảo "sống chung." Ông NK không đồng ý. Theo tôi nếu chia thì giờ làm việc theo kiểu *full time*

hay *part time* như ở Mỹ và dựa theo các tài liệu mà chúng ta đang có về vụ này thì có thể kết luận bà Xuân có *sống chung part time* với cụ Hồ (làm việc ca ba, vào ban đêm, vài lần trong một tuần, chẳng hạn).

3. Ông TGP viết: "Sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân." Ông NK không đồng ý chữ sa thải, viện dẫn câu của Vũ Thư Hiên: "Cô Xuân rất được lòng bác Hồ." Theo tôi được lòng lúc này, sa thải lúc khác (nhất là lúc đã chán chê rồi, hoặc tình thế chính trị bắt buộc), vẫn được như thường.

Cả ba trường hợp trên đều liên quan đến cách "hiểu từ." Nếu chúng ta đồng ý với nhau về một số cách hiểu khác nhau thì có lẽ sẽ đỡ bất đồng ý kiến với nhau.

Nguyễn Thị Cần Giờ
(Readmond)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trang Đài, Vương Đằng, Phạm Ngọc Khôi, Hoàng Huy Khánh, Lâm Chương, Nguyễn Hữu Thống, Ngô Quốc Phong, Phạm Anh Dũng, Đỗ Xuân Trúc, Du Tử Lê, Thảo Chi, Kinh Dương Vương, Nguyễn Thị Cần Giờ, Hồng Khắc Kim Mai, Đỗ Hải Minh, Tăng Kim Lân, Đinh Xuân Dũng, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Khiêm, Phạm Văn Lương, Trần Ngọc Tuấn.

XUÂN SẮP ĐẾN RỒI!

Tết Con Rắn sẽ đến sớm hơn mọi năm. *Báo Xuân Thế Kỷ 21* sẽ nhằm vào số 141, tháng Giêng 2001. Mong quý văn hữu đóng góp bài vở cho số Xuân gửi bài về Tòa soạn trước ngày 05 tháng Mười Hai năm 2000. Xin đa tạ quý vị.

Nguyễn Tà Cúc *(Garden Grove, CA)*: Việc *Thế Kỷ 21* đăng bài của ông Lê Nguyễn Thái Thuận về cái chết của Nhượng Tống trên số tháng Chín vừa rồi là do yêu cầu của bà Lê Ngọc Chấn ở Pháp để, theo lời bà, "minh oan cho chồng tôi." Bài ấy đã được đăng trên tờ *Dân Văn* ở Âu châu, nghĩa là đã được đưa ra công luận rồi, chúng tôi lược đăng lại chỉ vì nghĩ nên góp phần làm sáng tỏ một vấn đề của lịch sử thôi. Ngoài ra, không một ý nào khác, mong chị hiểu. Thân.

Hà Kỳ Lam *(Philadelphia)*: Bức ảnh bìa *Thế Kỷ 21* số tháng Mười năm nay khiến bạn nhớ đến bức ảnh bìa số tháng Mười năm ngoái. Cả hai đều với chủ đề mùa thu, một cái chớm thu, một cái có lẽ chụp lúc mùa thu đã chín. Nhưng bạn đã đoán đúng sự liên hệ của hai tác giả, điều đó khiến chúng tôi lấy làm lạ và khâm phục bạn lắm. Trong nghệ thuật có những sự mách bảo thật là bí mật, mà chắc chỉ một số ít người có thể "nghe" được thôi. Chúc vui.

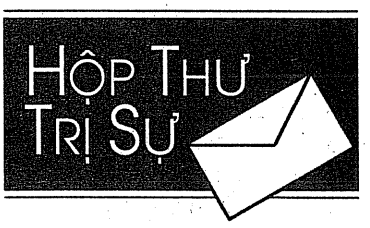

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Dong Tang Tu Lien (ITALY), Tu Xuan (Torrington CT), Nguyen Gia Tien (Switzerland), Rev.Andrew Tuong (Marrero LA), Ha Nguyen Du (Westminster CA), Hoang Tong (San Diego CA), Tran Phien (Austin TX), University of California (Berkly CA), Nguyen Truong (Arcadia CA), Thanh Ton (Lemon Grove CA), Anh Nguyen (Merrifield VA), Tu Van Le (Madison WI), Thai Thi Mai(Tampa FL), Chau Hoang (Orlando FL), Do Xuan Cung (Novato CA), Foothill Foreign Car Service (Auburn CA), Leon Nguyen (Newboston OH), Nguyen Thanh (N.Quincy MA), Le Huong (Sunnyvale CA), Thach Le (San Diego CA), Tran Huy Sao (San Diego CA), Huynh Xuan (Salem OR), OB. Quang Van Toan (Austin TX), Hoang Tuy An (Irvine CA), Quan Thuy Hoai (Irvine CA), Bui Huu Manh (FRANCE), Nguyen Quang Binh (Rosemead CA), VH : Vu Huy Hoang (Czech Republic), Tran Trung Hoa (Denmark), Nguyen Van Kim (FRANCE), Nguyen Thi Ty (FRANCE), Thai Thi Sau (GERMANY), Thuan Hua (Florissant, MO), Vincent Le Phu Hai Omi (FRANCE), Cao Ngoc Quynh (POLAND), Bùi Thị Ngọc Lan (GERMANY).

Độc giả thay đổi địa chỉ

BKSTORE: Le Vu (Germany), Nguyen Van Hy (Oswego IL), Hoang Thi Trang (Garden Grove CA), Dao Uong (Costa Mesa CA), Lan H.Nguyen (Lynnwood WA).

TIN VIỆT NAM

ĐI GHE QUA CẦU

MỘNG RUỘNG

Thử quá giang một chiếc xà lan chở cát từ Mỹ Tho về Tân An chơi, coi có bao nhiêu "sự cố qua cầu."

Theo lịnh của Cục Cảnh sát Đường sông, có một bộ phận nhà nước mới lập ra để kiểm tra từ ghe bầu cho đến xà lan gọi là "trạm điều tiết" nhằm điều tiết lưu lượng và tốc độ của ghe thuyền đi trên sông, đặc biệt lúc ghe thuyền đi qua cầu.

Và các "ông điều tiết" lịnh rằng hễ qua cầu mà gặp lúc nước xuôi thì tất cả phương tiện giao thông đường thủy đều phải chờ, chờ cho đến khi nước ngược mới được từ từ cất cánh, kẻo theo con nước xuôi thì có khi lỡ trớn va đụng chân cầu không lấy gì làm chắc chắn.

Chiếc xà lan chở cát này lúc đến chân cầu Tân An thì đúng khi nước xuôi. Theo đúng tinh thần nghị quyết thì phải chờ, nhưng bị lúc đó thấy không có ai nên xà lan vi phạm trầm trọng nghị quyết, cứ lội theo dòng nước xuôi. Ngờ đâu mới vượt chưa được dăm phút là "trạm điều tiết" lập tức bố trí ca nô tốc độ cao đuổi theo liền, hệt như đuổi thuyền vượt biên vậy.

Cái ca nô chận đầu xà lan, bắt xà lan cát quay lui trở lại, nghĩa là sau khi đã vượt móng cầu một cách bình an rồi, không gây sứt mẻ hay thiệt hại nghiêm trọng gì rồi, thì cái xà lan cát lại phải quay ngược lại... phía bên kia chân cầu, chờ... nước ngược mới được vượt qua.

Xà lan cát cự nự và trình văn bản của Bộ Giao thông, số 613 đàng hoàng, trên đó có nói là "không có qui định cấm phương tiện đường sông chỉ được qua cầu Tân An khi nước ngược." Nhưng dù biết chữ, "ông điều tiết" không thèm đọc, còn cự: "Ai cung cấp văn bản này, gọi người đó lại đây?"

Neo chờ nước ngược mới vượt chân cầu cho đúng tinh thần nghị quyết trạm điều tiết, nhưng sau khi hàng chục xà lan đến giờ nước ngược vẫn không được vượt dưới chân cầu nếu không chịu... vượt lên trên cầu! Lý do của các "ông điều tiết" là chủ xà lan phải vượt lên trên cầu để đóng... phí hướng dẫn qua cầu và phí mua dầu cho ca nô trạm điều tiết. Không đóng phí hướng dẫn năm chục ngàn là miễn qua cầu, dù là qua trên cầu hay dưới cầu.

Đó là nói sơ chuyện cầu Tân An. Còn qua cầu Đồng Nai thì thuộc "trường phái" khác.

Ai đi quá giang ghe qua cầu Đồng Nai, khi cách cầu 200 mét sẽ nghe dồn lên trên sông nước tiếng hô: "Nó đến kìa, lấy tiền chung để chui lẹ đi mấy cha."

"Nó" là chiếc ca nô của Thanh tra Giao thông đường thủy. "Nó" lượn qua lượn lại rồi áp vào mạn ghe để "áp trại bác Hồ nhìn thẳng." Phí "áp mạn" của thủy tặc minh bạch như nghị quyết Trung ương: Tàu trên 100 tấn đóng "phí" 30.000 đồng, trên 200 tấn thì đồng giá 50.000 đồng, ghe nhỏ thì đồng hạng 10.000 đồng. Nếu không sẵn tiền lẻ thì thảy xuống ca nô thủy tặc một gói ba số. Tính sơ một phút có ba chiếc ghe đi qua cầu Đồng Nai, một ngày 24 tiếng cũng thấy thủy tặc dưới chế độ xã hội chủ nghĩa làm ăn cũng... không đến nỗi nào.

Nặc nô bến bãi

Đi hoài trên sông thì cũng có lúc phải đổ vào bến. Thì có ngay đây các "thần bến cảng."

Ở mỗi bến nhỏ, chủ ghe đóng có 300 đồng một tấn và 20.000 đồng mỗi lần vào ra bến. Sau đó, các bến tiếp tục "thu giùm Bộ Tài chính" tùy theo tình hình của mỗi ghe thuyền. Theo lệ, phí vào ra bến có thể miễn đóng nếu chủ ghe đóng riêng cho "người áo trắng" (nhân viên cảng vụ), thí dụ ghe 300 tấn thì đóng hơn 100.000 đồng, còn "đóng riêng" thì chỉ mất có ba đến bốn chục ngàn. Còn nếu ai không đóng riêng thì sao? Thì cũng được, nhưng sau đó đang đi không biết do thông tin làm sao mà cảnh sát Giao thông đường thủy lại chận lại, vạch ra cơ man nào là tội: quá tải, đèn thiếu tín hiệu, thiếu phao cấp cứu.

Bây giờ lại đi quá giang chơi ghe chở 800 tấn, bắt đầu từ bến đá ông Tôn thuộc xã Hạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo qui định có văn bản thì 800 tấn là phải đóng 270.000 đồng, nhưng lệ làng thủy khấu thì chủ ghe chỉ cần nhét vô túi "người áo trắng" 100.000 đồng. Cách làm việc của "người áo trắng" đường sông cũng hệt như "người áo vàng" đường bộ: Ngoắc ghe vào bến, ngó ngó rồi rút ra một tập hóa đơn, rút viết nhưng... không viết. Chủ ghe liền một tay nắm cán viết của "người áo trắng," tay kia nhét

tiền vào túi, sau đó không nói gì, bình tĩnh nhảy xuống ghe. "Người áo trắng" ngập ngừng nói theo mà như nói một mình: "Các ông cứ làm thế này mãi thì..."

Ải bác Hồ

Bây giờ thử quá giang một ghe từ Tiền Giang lên tận "ải bác," tức Cảng Sài Gòn, coi các thủy tặc và thảo khấu có giấy phép làm ăn có đến nỗi nào không.

Chở gạo từ Tiền Giang tới cảng Sài Gòn để đưa lên tàu nước ngoài xuất khẩu cho đạt chỉ tiêu xuất khẩu gạo thì thường thường là "nhẹ đường chung": chỉ qua bốn trạm, mỗi trạm 50 ngàn và một gói ba số. Nhưng đến khi "lọt" tới cảng rồi thì mới là... phiền. Tính tổng cộng từ khi tới cảng Sài Gòn cho đến khi gạo được chất lên bờ, thì ghe thuyền nào cũng phải qua cho lọt mười trạm hay mười cửa ("mười" viết thường vì sợ phạm húy đồng chí Cố vấn).

"Cửa" đầu tiên là cảng vụ ở khu vực cảng Rau Quả. Ghe tấp vô cửa này làm giấy cập mạn tàu. Ngoài khoản phí đúng văn bản, mỗi ghe "đóng thêm" 30 ngàn đồng bằng cách kẹp Bác vào giữa xấp giấy đưa cho nhân viên cảng vụ. Ở cảng Rau Quả giá "đóng thêm" linh động theo thời cuộc, tùy trọng tải của ghe nhưng giá thấp nhất là ba choạc. Nếu không đóng thêm thì ghe chở gạo phải đợi vì "tàu nước ngoài không có chỗ để cập mạn, chờ đó".

Sau khi có giấy phép cập mạn tàu nước ngoài, ghe nhân dân lại đến chốt biên phòng cảng làm thủ tục xin cấp phép cho người và ghe vào cảng. Lại đóng thêm ba choạc đến năm choạc.

Sau khi có hai tờ giấy phép cập mạn và vào cảng rồi, ghe lại đến xin "cửa" bảo vệ tàu. Mỗi tàu nước ngoài đậu ở cảng Sài Gòn được nhà nước bố trí hai "chiến sĩ biên phòng" bảo vệ. Khi ghe chở gạo sắp cập mạn, thì chủ ghe lại đóng cho hai chiến sĩ biên phòng 50 ngàn, có khi 70 ngàn nếu gạo nhiều hơn, xong rồi đưa Chứng minh Nhân dân cho hai chiến sĩ biên phòng giữ hộ trong khi bốc hàng từ ghe lên tàu lớn.

Sau khi đã qua cửa bảo vệ tàu lớn, chủ ghe liền đi bộ lên bờ trình chốt biên phòng về "sự hiện diện của người và ghe trong khu vực." Ở "cửa" này, chủ ghe nộp 10.000 đồng tiền giấy mực theo qui định của nhà nước, rồi "đóng thêm" năm chục ngàn tiền"bồi dưỡng." Đóng xong, giấy tờ ghe lại để đó làm vật tin. Nếu không "bồi dưỡng" cho chốt này thì khi giao hàng xong đến lấy giấy tờ ghe thì cứ được các chiến sĩ chốt biên phòng "lật qua lật lại hoài."

Sau bốn cửa đó, chủ ghe lại chạy lon ton qua "bồi dưỡng" 40 ngàn cho tàu Phòng cháy chữa cháy để họ đến kiểm tra "an toàn cháy nổ." Cái "cửa" này coi vậy chớ không đến nỗi vì hôm nào mưa, "nó" không đến kiểm tra cho nên nhẹ bớt một cửa.

Khi đưa hàng lên cảng, lại qua cái "cửa" gọi là "cửa kiểm kiện." Các ông "kiểm kiện" ra hiệu rằng chỉ ghi đúng số kiện hàng nếu được bồi dưỡng 30% số kiện bị ghi thiếu, nếu không thì hàng có đủ nhưng các ông không xác nhận là "hàng giao đủ," coi như chủ ghe cháy hợp đồng.

Chung cho các ông "kiểm kiện" xong thì đến phiên "cửa" bảo hiểm hàng hoá. Giá mềm thôi: ghe bầu đóng 50 chục ngàn, xà lan đóng 100 ngàn. Các ông bảo hiểm có nhiệm vụ xem hàng hóa có hư không, xuống cấp hay... thấm nước không để giúp các công ty bảo hiểm hàng hóa xuất cảng không nhận hàng thiếu chất lượng. Không chung cho ông bảo hiểm thì gạo tốt thành gạo tấm.

Xong "cửa" bảo hiểm đến "cửa" bốc xếp. Cứ mỗi tấn hàng cẩu lên tàu lớn thì chủ ghe "bồi dưỡng" thêm cho tổ bốc xếp hai ngàn bạc. Khoản bồi dưỡng này nằm ngoài giá cước bốc xếp theo hợp đồng nhưng không có khoản này thì không có người bốc, có khi đang bốc thì thình lình bao gạo nó lọt xuống sông do "sự cố kỹ thuật."

Bốc hàng xong thì gặp "cửa" bảo vệ cảng. Bảo vệ cảng nhảy vào ghe đã bốc hàng, nếu ghe nào có dư một bao gạo thì họ đòi chủ ghe "mua lại" một bao 50 ngàn. Nếu không chịu "mua lại" thì bị lập biên bản "giao hàng thiếu cho tàu nước ngoài làm thiệt hại."

Chưa thấy ở truyện thần tiên nào bảo vệ cảng lại lo cho công ty nước ngoài đến mức trên tình cảm như thế.

Thoát nạn? Chưa, ghe còn phải trở về chớ. Nếu lỡ may có người nhờ chở hàng hóa từ cảng Sài Gòn về ngược lại Tiền Giang thì lại "đi ngược" chừng đó "cửa", đặc biệt nhất là qua thêm một cái cửa thần khóc quỷ sầu: Hải quan. Vào cửa này chủ ghe chỉ có xin con dấu xác nhận có chở hàng từ cảng Sài Gòn đi thôi hà, nhưng cứ mỗi tấn hàng xuất khẩu... về Tiền Giang thì đóng 500 đồng.

Phát huy nền văn hóa tiên tiến và đậm đà, ca dao tục

ngữ thời đại Hồ Chí Minh có thêm một câu mới là *Vào chín ra mười*: đi ghe chở hàng từ tỉnh lên Sài Gòn qua 9 cửa, về lại thì qua 10 cửa.

Đại hội Đảng lần thứ 9 sắp tới nên có thêm trong Báo cáo chính trị" một câu đố thời đại như sau:

"Về chủ trương phát huy nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, thì đi từ Tiền Giang lên cảng Sài Gòn được nhân dân ta phản ánh qua câu tục ngữ "Đi chín về mười."

"Về chủ trương công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thì nhân dân ta đã sáng tạo một công thức toán học chưa từng có của nhân loại, gọi là "Công thức Đỗ Mười," như sau:

(1) Xuất phát Tiền Giang gặp cảng vụ (30-50.000đ) (2) Chốt biên phòng (30-50.000đ) (3) Bảo vệ tàu (50-70.000đ) (4) Phòng cháy Chữa cháy (50-70.000đ) (5) Kiểm kiện (50-70.000đ) - (6) Bảo hiểm hàng hóa (50-100.000đ) (7) Bốc xếp (2.000đ/tấn) (8) Cần cẩu (40-60.000đ) (9) Bảo vệ cảng (60-50.000đ) (10) Hải quan (500đ/tấn).

"Đố các đồng chí Trung ương chiều dài từ Tiền Giang lên Sài Gòn, và từ Sài Gòn về lại Tiền Giang, là dài bao nhiêu... bác Hồ?"

HÃNG QUỐC DOANH SẼ BỊ KIỂM TRA BỞI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Theo hãng tin Đức DPA, hôm 23-10-2000, Bộ Tài Chánh CSVN cho biết trong năm nay các công ty quốc tế sẽ khởi sự kiểm tra khu vực quốc doanh đầy ưu đãi của chế độ, nhưng bộ này chưa cho biết những công ty quốc doanh nào sẽ bị kiểm tra.

Theo một viên chức của Bộ Tài Chánh Hà Nội thì khoảng từ ba tới năm công ty quốc doanh sẽ bị kiểm tra năm 2000 trong đợt đầu của một dự án thử nghiệm tốn kém 20 triệu đôla.

Năm ngoái, theo một chương trình cải tổ cơ cấu bị ràng buộc vào một chương trình viện trợ do Bộ Trưởng Tài Chánh Nhật Bản khởi xướng, chính phủ CSVN loan báo là 100 công ty quốc doanh sẽ lần lượt bị các công ty quốc tế kiểm tra. Đây là lần đầu tiên các công ty quốc doanh của chế độ cộng sản để các công ty ngoại quốc kiểm tra.

Hơn 5.600 công ty quốc doanh tại Việt Nam đang kiểm soát tất cả những ngành công nghiệp quan trọng trong nước như viễn thông, hầm mỏ, giao thông vận tải... 200 công ty quốc doanh lớn nhất đang gây ra 40% tổng số nợ của nhà nước và đó là lý do tại sao nhiều công ty đã lo sợ và không muốn đưa sổ sách cho các công ty kiểm toán quốc tế kiểm tra.

KỊCH SHAKESPEARE CHỜ BÀ CLINTON Ở HÀ NỘI

Một chuyện tình đầy lãng mạn và nguy hiểm đang chờ ông tổng thống Clinton của Mỹ nhưng lần này thì bà vợ của ông, Hillary R. Clinton, lại được mời đến dự khán.

Theo tin tức từ Hà Nội, khi đến Việt Nam thăm viếng vào giữa tháng 11 tới đây, gia đình ông Clinton được mời xem diễn vở kịch "Giấc mộng giữa đêm hè." Nguyên tác thì của kịch tác gia người Anh nổi tiếng thế giới William Shakespeare nhưng được biến cải và trình diễn song ngữ Anh, Việt.

Vở kịch này được trình diễn ở nhà hát thành phố với thành phần diễn viên có cả Việt lẫn Mỹ.

Lorelle Browning, giám đốc dự án cho chương trình trao đổi kịch Việt-Mỹ cho hay "Cũng thú vị xem vở kịch diễn ra thế nào."

Bà Browning đã thành công khi thuyết phục được những người ở Trung tâm Kịch nghệ thành phố chọn một vở hài kịch, thay vì bi kịch của Shakespeare. Bà giải thích: "Người Mỹ cũng như người Việt đã làm cho nhau khóc nhiều thập niên. Bây giờ, đến lúc làm cho nhau cười," theo một bản tin ngắn trong mục Tin Tình Báo của tuần báo Kinh Tế Viễn Đông (FEER).

HT QUẢNG ĐỘ RA THÔNG BẠCH NÓI HÀ NỘI DỐI TRÁ, LỪA GẠT DƯ LUẬN

Nhà cầm quyền Hà Nội đã dối trá, lừa gạt dư luận trong và ngoài nước, HT Thích Quảng Độ gửi thông bạch đi khắp nơi tố cáo như vậy khi tường thuật lại những trở ngại mà phái đoàn cứu trợ nạn nhân lũ lụt miền Tây đã gặp phải.

Cuối tháng 9 vừa qua, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội, Phan Thúy Thanh, lên tiếng trong một cuộc họp báo thường lệ đã nói rằng: "Không một nước nào lại ngăn trở việc cứu trợ nạn nhân lũ lụt."

Thực tế những gì đã xảy đến cho cho phái đoàn cứu trợ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được HT Quảng Độ tường thuật lại chi tiết qua bản thông bạch đề ngày 16-10-2000 từ Sài Gòn chuyển đi cho thấy ngược hẳn lại những gì CSVN

nói.

Bản thông bạch của HT Quảng Độ thuật lại tỉ mỉ hơn những gì đã được kể ngay sau khi sự việc diễn ra ở xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú tỉnh An Giang, cách biên giới Miên-Việt khoảng 10 cây số ngày 7-10 vừa qua. Đoàn cứu trợ GHPGVNTN mới phát được 92 phần quà thì bị công an chận lại và buộc đến một trạm thu thuế trên sông để hỏi cung từ sáng đến gần nửa đêm.

HT cho hay dân chúng nói họ không được nhà nước cứu trợ gì dù họ thiếu thốn có người ăn cháo cầm hơi. Dân chúng tụ tập để nhận quà cứu trợ được nghe nói tới những phái đoàn đem phẩm vật cứu trợ cho Ủy Ban Nhân Dân, Mặt Trận Tổ Quốc "nhập kho để đó, lâu lâu đảng và chính quyền địa phương ra lệnh mới phát, nhưng quà tới tay đồng bào rất ít, thậm chí có nơi chẳng được xơ múi gì."

Đã vậy, bản thông bạch của HT Quảng Độ kể cho hay, đồng bào được phái đoàn tặng phẩm vật cứu trợ đã bị công an đuổi theo lấy lại. Dân chúng đi xuống đến xin cứu trợ đều bị công an xua đuổi. "Họ năn nỉ, van xin bao nhiêu công an cũng không cho nhận quà," bản thông bạch viết.

Hàng trăm công an, bộ đội biên phòng đã vây lấy phái đoàn cứu trợ chỉ có ít người để hỏi cung và làm áp lực đe dọa.

Bạch thư tố cáo nhà cầm quyền CSVN đã xảo trá nói rằng phái đoàn đã "ký biên bản thừa nhận hành vi vi phạm an ninh" trong khi không có ai trong phái đoàn ký. Hòa thượng viết rằng "Cùng một sự kiện mà buổi sáng công an nói một cách, buổi chiều công an nói một cách khác, rồi hôm nay đây Bộ ngoại giao hư truyền cách khác. Thế mới biết chính quyền này, từ trên xuống dưới, tất cả đều sợ sự thật như loài dơi sợ ánh sáng, nên cứ nói quanh co, vo tròn, bóp méo, đổi trắng thay đen."

Cho dù bị cản trở, HT Quảng Độ cho hay Giáo Hội cũng sẽ tiếp tục công cuộc cứu trợ nạn nhân lũ lụt. Tuy nhiên phương thức sẽ thay đổi để hy vọng phẩm vật tới tay được dân chúng. HT mong đồng hương người Việt tiếp tay và giúp đỡ ngài.

CHÍNH QUYỀN HAY CƯỜNG HÀO ÁC BÁ TẠI NINH THUẬN?

Năm "đoàn công tác" của nhà cầm quyền trung ương Hà Nội có thẩm quyền cấp Bộ Trưởng đang có mặt tại nhiều địa phương giải quyết các khiếu tố có tính cách tập thể mà hầu hết liên hệ đến các vụ cướp đất cướp nhà của dân rồi bán lại với giá cao hơn có khi gấp trăm lần để kiếm lời.

Các đoàn này chưa gỡ được mấy phần trong cái núi oan khuất của chính sách cửa quyền hà khắc của các cấp chính quyền địa phương thì tin tức mới đây cho hay, qua tờ Người Lao Động số ra ngày 10-10-2000, chủ một vườn nho bị chính quyền cho người tới chặt hết nho còn chủ vườn thì bị "bắt khẩn cấp" vì chống lại lệnh giải tỏa.

Theo chi tiết của bài báo, lệnh giải tỏa chỉ là để các quan chức địa phương lấy nhà lấy đất của người, cưỡng chế mua với giá rẻ mạt, rồi ngay đó, bán lại cho những người ở mãi đâu đâu đến mua hoặc chính những người bị giải tỏa phải mua lại với giá đất gấp mấy chục lần.

Báo NLĐ nói, ngày 8-9-2000, UBND huyện Ninh Phước (tỉnh Ninh Thuận) đã "tiến hành cưỡng chế giải tỏa bằng cách cho người chặt phá 640 gốc nho đang mang trái (lối 1 tháng rưỡi) của gia đình nông dân Trần Văn Long tại thôn Phước Khánh, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước."

Hai ngày sau, ông Trần Văn Long chống đối bằng cách trương biểu ngữ "Chính quyền huyện, xã chặt phá hoa màu, cướp đất của dân" và ngày 14-9 ông đã bị công an huyện "tiến hành bắt giam khẩn cấp."

Báo NLĐ cho biết, nguyên nhân của vụ việc thì tỉnh Ninh Thuận ra lệnh lấy 15,500m2 đất nông nghiệp giao cho huyện Ninh Phước "qui hoạch khu dân cư mới" ở thôn Phước Khánh "nhằm đáp ứng nhu cầu về đất ở của nhân dân địa phương."

Khu qui hoạch nằm "dọc theo tuyến tránh đường quốc lộ 1A hiện do 18 hộ dân đang canh tác." Chỉ có 9 hộ chịu giao đất còn 9 hộ không chịu giao đất cũng không chịu nhận tiền đền bù. Sự việc kéo dài từ tháng 9/1999 cho đến nay. Tháng 3/2000, nhà cầm quyền huyện Ninh Phước ra quyết định "xử phạt hành chánh mỗi hộ 1 triệu đồng, riêng hộ Trần Văn Long 1.5 triệu đồng do hành vi kéo dài thời gian chấp hành quyết định thu hồi đất."

Việc xử phạt không ai chấp hành và cũng không ai khiếu nại gì, tờ báo kể. Rồi huyện ra lệnh cưỡng chế như kể trên.

Tình tiết được phơi bày

Theo ý kiến của chín hộ

VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ CHO MỘT NƯỚC VIỆT NAM TỰ DO

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Phát biểu tại Đại hội Mạng Lưới Nhân Quyền lần thứ 4, tại Little Saigon ngày 6 tháng Mười 2000.

Trước hết tôi xin nhiệt liệt chào mừng Đại hội MLNQ lần thứ 4 và chúc cho Đại hội thành công. Xin chào mừng Quí vị và các bạn có mặt trong buổi dạ tiệc hôm nay trong đó có nhiều vị đến từ khắp nơi trên thế giới. Sự hiện diện của quí vị làm nổi bật tính toàn cầu của cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung và cuộc vận động cho một nước Việt Nam Tự Do nói riêng. Cộng đồng người Việt hải ngoại chỉ có khoảng ba triệu người, con số thật khiêm tốn so với 78 triệu người dân trong nước. Tuy nhiên, trải rộng trên khắp năm châu bốn bể, cộng đồng người Việt hải ngoại trong thực tế đang đại diện cho dân tộc Việt Nam đối với thế giới và nhân loại. Bằng những sinh hoạt thường ngày mang đậm nét văn hóa dân tộc, chúng ta đang nối dài và mở rộng đất nước Việt Nam ra toàn thế giới, hòa nhập sinh hoạt của người Việt vào dòng chảy tiến bộ của toàn thể nhân loại. Người Việt hải ngoại đang là niềm hy vọng và là cánh cửa mở ra sinh lộ tương lai cho một nước Việt tự do, văn minh và phồn thịnh. Đó là vị trí và vai trò quan trọng của cộng đồng người Việt hải ngoại. Dù chúng ta tự đánh giá mình như thế nào, tình trạng nghèo nàn lạc hậu của đất nước hôm nay vẫn đang thôi thúc chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với vị trí và vai trò thực tế đó.

Để mở đầu buổi nói chuyện hôm nay tôi xin cống hiến Quí vị và các bạn hai câu chuyện sau đây. Hai tháng trước, một tổ chức có tên là The Victims of Communism Memorial Foundation (Nghĩa Hội Tưởng Niệm Nạn Nhân Cộng Sản) mời tôi đến gặp họ để thảo luận về một buổi lễ họ dự định tổ chức vào tháng 11 này. Đây là một tổ chức được Quốc Hội Hoa Kỳ thành lập bằng một Đạo Luật do Tổng Thống Hoa Kỳ ban hành vào năm 1993. Tổ chức này có hai nhiệm vụ: xây dựng một tượng đài tưởng niệm nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, và một viện bảo tàng nạn nhân cộng sản thế giới. Theo đạo luật thành lập Nghĩa Hội này thì cuối năm nay, 2000, tượng đài sẽ bắt đầu được xây dựng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tài liệu do Nghĩa Hội ấn hành nêu lên con số hơn 100 triệu nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Mặc dù tổ chức này đã hoạt động từ năm 1993 tới nay nhưng hình như rất ít người Việt hải ngoại biết đến hoạt động của họ. Đây có thể là khuyết điểm của tổ chức này, nhưng chúng ta cũng đã bỏ lỡ một cơ hội tốt để cùng với họ nêu bật được vấn đề Việt Nam trước công luận Mỹ và quốc tế. Có lẽ không có cộng đồng người thiểu số nào ở Hoa Kỳ có tỷ lệ nạn nhân cộng sản đông và rõ nét bằng cộng đồng người Việt. Đại đa số người Việt tới Mỹ sau năm 1975 với tư cách là những người tị nạn cộng sản. Đó là hàng trăm ngàn người di tản, hàng trăm ngàn người vượt biên, hàng trăm ngàn cựu tù nhân chính trị, cựu sĩ quan quân đội và nhân viên chính quyền quốc gia. Họ đều là nạn nhân cộng sản. Vậy mà có rất ít hình ảnh và số liệu của Việt Nam trong những tài liệu mà Nghĩa Hội đã phổ biến, dù Việt Nam được nêu tên như là một trong những nước có nhiều nạn nhân cộng sản.

Tấm hình chụp người vượt biên là hình những người Cuba đang vượt qua sóng gió để đi tìm tự do. Bức hình đó không thể nào gây xúc động được bằng những bức hình chụp

người vượt biển Việt Nam mà tôi đã thấy trong một trung tâm bảo tàng Boat People ở Ottawa, Canada, do cộng đồng người Việt bên đó giúp chính phủ Canada thực hiện. Kể cả danh từ *Boat People* cũng đã trở thành phổ biến trong thời kỳ có phong trào vượt biển của người Việt. Những hình ảnh vượt biển của người Việt đã gây xúc động cho toàn thế giới, nhất là ở Hoa Kỳ. Thế mà hình ảnh vượt biển trong tài liệu nạn nhân cộng sản thế giới lại không phải là hình ảnh những Boat People Việt Nam. Tôi nói lên những nhận xét này với những người lãnh đạo của Nghĩa Hội Nạn Nhân Cộng Sản và đề nghị họ quảng bá rộng rãi chương trình hoạt động của họ cho cộng đồng người Việt và tạo cơ hội để cộng đồng Việt Nam tham gia vào các hoạt động của Nghĩa Hội. Tôi cũng đã giới thiệu với họ những nhân vật và tổ chức của cộng đồng người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn để họ liên lạc. Về phần chúng ta tôi thấy rõ chúng ta cần cố gắng kết hợp tiềm năng rộng lớn của cộng đồng chúng ta với những nỗ lực cùng chí hướng của chính người Mỹ. Điều này lại càng thích hợp trong bối cảnh hiện nay khi đại đa số người Việt tại Hoa Kỳ đã là công dân Mỹ, có thể vừa đấu tranh với tư cách một người Việt cho một nước Việt Nam dân chủ tự do, vừa có quyền, với tư cách một công dân Mỹ, đòi hỏi chính quyền Mỹ không được đi ngược lại lý tưởng tự do dân chủ trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là với những người cầm quyền ở những nước như Việt Nam, đang vi phạm những quyền tự do căn bản của người dân.

Điều này liên quan tới một sự kiện thứ hai có tính thời sự hơn. Như chúng ta đều biết Tổng thống Bill Clinton quyết định sẽ tới thăm Việt Nam vào tháng 11 này nhân dịp tham dự Hội Nghị APEC tại Brunei. Đây là lần đầu tiên, sau chiến tranh, một Tổng Thống Mỹ chính thức đến thăm Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội. Chúng ta, những người Việt ở miền Nam, đã biết thế nào là xã hội Hoa Kỳ, là nền kinh tế thị trường tự do của Mỹ, một nền kinh tế thịnh vượng nhất thế giới. Chúng ta cũng đã biết thế nào là một xã hội dân chủ, không phải chỉ thông qua các cuộc tranh cử và bầu cử tự do, mà cả trong sinh hoạt thường ngày của người dân Mỹ. Chúng ta biết được cả những ưu điểm lẫn những khuyết điểm của xã hội Mỹ. Đối với chúng ta, những người Việt hải ngoại đã sống lâu ở đây, những hiểu biết đó đã trở thành tự nhiên. Nhưng đối với đa số nhân dân trong nước, nhất là những người dân ở miền Bắc, phải sống dưới chế độ cộng sản hàng nửa thế kỷ nay, kinh tế thị trường và chính trị dân chủ thật còn nhiều xa lạ. Cho nên việc ký kết Hiệp Ước Thương Mại Mỹ-Việt và việc Tổng Thống Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam chắc hẳn sẽ gây nhiều xôn xao trong dân chúng, nhất là tại các thành phố lớn ở miền Bắc như Hà Nội. Đối với người Việt hải ngoại chúng ta, chúng ta đều hiểu rất rõ rằng những sự kiện đó sẽ tác động tích cực tới tình hình nước ta, tạo thêm cơ hội cho người dân trong nước trong cuộc đấu tranh thầm lặng hiện nay của họ để giành lại quyền chủ động về kinh tế thương mại, và từ đó tăng cường thêm niềm tự tin vào tương lai ngày càng tự do hơn trên mọi lãnh vực đời sống xã hội. Nhưng chúng ta đồng thời cũng hiểu rất rõ rằng ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam sẽ làm tất cả những gì họ có thể làm được để giữ độc quyền chính trị và văn hóa, ít nhất cho đến khi nào họ không còn có thể làm được. Để tự do kinh doanh tạo được biến đổi căn bản trên văn hóa và chính trị, chuyển được từ độc tài toàn trị sang dân chủ tự do, đòi hỏi nhiều điều kiện và nhiều thời gian. Liệu những diễn biến ngày một phức tạp hơn của tình hình khu vực, trong bối cảnh một nước Trung Hoa ngày càng mạnh lên cả về kinh tế lẫn quân sự, có cho phép diễn biến hòa bình tiệm tiến từ độc tài sang dân chủ? Đấy là chưa nói tới việc liệu chính kinh doanh tự do có thể phát triển bền vững được không trong một hệ thống xã hội còn độc quyền về văn hóa, thông tin và chính trị? Quan điểm của chúng ta rất rõ ràng: chúng ta ủng hộ tự do kinh doanh nhưng tự do kinh doanh không thể phát triển bền vững được trong một xã hội độc quyền, độc tài toàn trị, trong một xã hội mà bất ổn định ngày càng gia tăng cùng với lòng bất mãn của quần chúng. Và do đó chúng ta không thể ngồi im chờ đợi "cây đũa thần" tự do kinh doanh. Tự do kinh doanh tự nó không thể dẫn tới một xã hội tự do dân chủ. Ngược lại nếu không có những thay đổi căn bản trong văn hóa và chính trị, song hành với tự do kinh doanh, thì tự do kinh doanh sớm muộn sẽ bị bế tắc, và do đó sẽ dẫn đến rối loạn xã hội và chính trị.

Tôi luôn luôn trình bầy quan điểm này trên mọi diễn đàn quốc tế mà tôi có dịp tham dự. Gần đây tôi cũng đã có cơ hội trình bầy quan điểm này với Tổng Thống Bill Clinton khi được gặp ông vào tối 19 tháng 9 vừa qua nhân

dân chống giải tỏa, qua sự tường thuật của báo NLĐ, họ không chấp nhận vì giá đất đền bù quá thấp. Họ không làm gì được với số tiền quá nhỏ nhoi coi như gần bị cướp không nhà đất chỗ ở chỗ canh tác sinh nhai. Trong khi đó, oái oăm thay, nhà cầm quyền lại rao bán lại những mảnh đất này với giá cao gấp nhiều lần.

"Hơn nữa, mục đích thu hồi đất cũng chưa chính đáng" tờ báo trên viết "bởi thực tế, đất được phân lô ra bán cho dân ở nơi khác đến mua còn dân địa phương chẳng mấy ai mua. Nghĩa là nhu cầu về đất ở của dân Phước Khánh chưa thật sự bức xúc để phải thu hồi một cách khắc nghiệt như vậy..."

Trong 18 hộ bị lấy đất, đất của 9 hộ là đất ruộng lúa còn 9 hộ chống đối có đất là vườn nho. Tạo dựng một vườn nho đòi hỏi nhiều công trình, thời gian và kỹ thuật gấp nhiều lần so với ruộng lúa. Những người có quyền không nghĩ gì đến điều này và chỉ bồi thường tượng trưng tất cả giống nhau một giá.

Đau hơn nữa, 9 gia đình chống đối lệnh giải tỏa cho hay, họ được chức việc huyện, xã thông báo "nếu ai có nhu cầu sẽ được mua đất trong vùng qui hoạch." Giá đất qui hoạch được định là 150,000 đồng/m2. Họ được đền bù 7,800 đồng/m2 nhưng phải mua lại chính mảnh đất của họ với giá 150,000 đồng/m2. Nên cười hay nên khóc?

Tờ báo NLĐ thuật lại lời của các hộ dân ở đây nói ông Trần Văn Long là người chống đối mạnh nhất vì toàn bộ lợi tức của gia đình tám miệng ăn của ông trông cậy hoàn toàn vào 640 gốc nho trồng ở đây. Nhưng bây giờ, tất cả đã bị chặt phá, chủ vườn bị bắt nhốt. "Điều này làm các hộ khác hoang mang," tờ báo kể.

Kiều Văn Bê, phó chủ tịch UBND huyện Ninh Phước nói bắt giam ông Long để làm gương cho những hộ khác "vì đã xúi dục lôi kéo các hộ khác chống lại mệnh lệnh chính quyền."

Theo chi tiết kể trong bài báo, nếu không bị chặt phá, lợi tức thu hoạch được từ việc bán nho sẽ giúp gia đình ông trang trải nợ nần và nuôi sống cả nhà. Bây giờ, ông ở tù, vợ và bốn đứa con lớn của ông đang phải đi bán vé số để kiếm sống từng bữa.

Nhà cầm quyền huyện, xã Ninh Phước và Phước Khánh đẩy gia đình ông Long vào đường cùng cho một mục đích không chứng minh được lợi ích công cộng.

Báo NLĐ còn nói rằng "Nhiều bà con ở thôn Phước Khánh thấy gia cảnh đáng thương của gia đình ông Long đã đem tiền, gạo đến cưu mang, giúp đỡ."

BỘ Y TẾ Ù LÌ, BỆNH VIỆN THIẾU THUỐC CẤP CỨU

Một số bệnh viện ở Việt Nam kêu ca rằng nhiều thứ thuốc cần thiết cho việc hồi sức cấp cứu cho những trường hợp khẩn cấp, mổ xẻ đã không có từ lâu nay. Để giải quyết tình trạng này, họ đã phải đi mua thuốc cần thiết trên thị trường chợ đen vì không muốn để bệnh nhân chết, theo một bài viết trên tờ Tuổi Trẻ số ra tuần qua.

Các bệnh viện tại Việt Nam hầu như đều là bệnh viện công. Tờ Tuổi Trẻ cho hay, các bệnh viện đã nhiều lần yêu cầu Bộ Y Tế mua thuốc nhưng không được thỏa mãn "dù đã nhiều lần, nhiều năm kiến nghị".

Báo trên cho hay, bác sĩ trưởng khoa Hồi Sức Cấp Cứu của bệnh viện N (chắc sợ bị đục nên tờ báo không nêu tên cả vị bác sĩ và tên nhà thương) nói "Dù danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y Tế ban hành đầy đủ, nhưng có những loại thuốc hồi sức cấp cứu bệnh viện tìm chỗ mua (chính thức) không ra" nên "phải tìm mua ở thị trường trôi nổi."

Ông này cho hay đi mua như vậy là sai nhưng "không thể nhìn bệnh nhân chết vì không có thuốc cấp cứu."

Ông đơn cử như thuốc Naloxone dùng cấp cứu trẻ con ngưng thở do ngộ độc móc-phin, thuốc chích Bleu de methylene dùng cấp cứu các trường hợp ngộ độc... Ông này còn cho biết "Bệnh viện các tỉnh cũng không có thuốc, nhưng không có thì họ chuyển bệnh nhân đến cho chúng tôi (bệnh viện lớn hơn, đầy đủ phương tiện hơn). Còn chúng tôi biết chuyển đi đâu?"

Tờ báo nói ông này tỏ vẻ lo lắng vì mua thuốc trên thị trường chợ đen còn sợ thuốc giả, thuốc kém phẩm chất.

Tờ Tuổi Trẻ dẫn lời viên chức một bệnh viện lên tiếng chỉ trích các nhà nhập cảng dược phẩm quốc doanh "thấy cái gì người ta mua nhiều, có lợi nhuận cao thì nhập cảng về để bán. Thuốc ít dùng, lợi nhuận ít thì không nhập."

Trong khi đó, một công ty nhập cảng dược quốc doanh thì đổ tội ngược lại. Theo họ "bệnh viện sợ mua thuốc về nếu không có bệnh, thuốc để lâu quá hạn dùng phải bỏ đi, bệnh viện phải bù lỗ."

Dược sĩ Nguyễn Xuân Lập,

giám đốc hãng dược lớn quốc doanh ở Sài Gòn nhận định rằng trong sự thiếu thuốc men này "còn có một phần trách nhiệm của Bộ Y Tế."

Ông này nói những thứ thuốc bệnh viện cần thường là thuốc đặc biệt, thuốc tốt nhưng số lượng cần dùng rất ít.

Hãng thuốc ngoại quốc không đưa các thứ này vào Việt nam vì không thấy lợi nhuận bao nhiêu. Trước nhu cầu của bệnh viện, hãng dược này đã yêu cầu Bộ Y Tế CSVN cấp giấy phép đặc biệt cho nhập cảng nhanh trong vòng một tuần lễ thay vì thủ tục kềnh càng kéo dài từ ba đến sáu tháng để có thể thỏa mãn nhu cầu cứu người khẩn cấp.

Tuy nhiên, tờ báo nói, đến nay, mọi việc vẫn chưa thấy giải quyết."

TRÁNH TRÁCH NHIỆM, ĐỔ VỈ VIỆC ĐỔ DỒN CHO PHAN VĂN KHẢI

Nguồn tin từ báo chí nhà nước CSVN hôm Thứ Hai 9 tháng Mười cho hay trong một hội thảo về "cải cách chế độ hội họp và giảm bớt giấy tờ hành chính tại văn phòng chính phủ" tại Hà Nội mới đây, các viên chức cao cấp nhà nước CSVN đã công khai xác định tình trạng rối rắm, thiếu thống nhất, kỷ luật kỷ cương lỏng lẻo, tranh chấp quyền lực giữa các bộ đã dẫn đến việc thủ tướng CSVN, Phan Văn Khải, phải đích thân giải quyết quá nhiều công việc nhỏ nhặt cũng như đóng vai trò trung gian hòa giải giữa các cơ quan trong chính phủ.

Theo lời phát biểu của Nguyễn Ngọc Đức, phó vụ trưởng vụ tổng hợp văn phòng chính phủ CSVN, thì hiện nay ông Khải và các phó thủ tướng phải giải quyết quá nhiều công việc do các bộ, ngành không chịu giải quyết đẩy ùn lên trên; phải mang nhiều chức danh trong các tổ chức liên ngành, phải hội họp nhiều, mất nhiều thời gian tham gia các hoạt động nghi lễ, giải quyết nhiều sự việc vấn đề theo cơ chế xin-cho...

Vụ trưởng vụ cải cách hành chính văn phòng chính phủ CSVN, Nguyễn Minh Mẫn, cho hay Phan Văn Khải phải thường xuyên liên lạc với 300 nhân vật chủ chốt tại các cơ quan trong hệ thống hành chánh nhà nước CSVN và trong tình trạng hệ thống thể chế chưa được hoàn thiện, đã đặt ông Khải vào tình trạng phải trực tiếp giải quyết không qua hệ thống và nhiều khi phải mở ra các cuộc họp cùng với các cơ quan liên hệ để trực tiếp giải quyết vấn đề.

Một thí dụ điển hình cho điều này là trong số gần 3,900 văn bản do văn phòng chính phủ CSVN đã có đến 95 phần trăm là do ông Khải trực tiếp quyết định.

Giải thích về tình trạng này, Nguyễn Minh Mẫn đã phải thú nhận rằng trong tình hình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường đã có thêm nhiều vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của các bộ vì nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức đã không theo kịp được sự đổi mới. Thêm vào đó, sự phối hợp liên ngành còn thiếu hiệu quả do kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo; quyền hạn của các bộ chưa được phân định rõ ràng do đó dẫn đến tình trạng chồng tréo, tranh chấp phải nhờ đến ông Khải phân xử.

Các quan sát viên ngoại quốc cho hay ông Khải, một chuyên gia được đào tạo tại Liên Xô, từng hứa hẹn cải cách hành chánh, đã bị trói buộc bởi ngay chính bộ máy nhà nước mà ông ta đòi cải tổ.

Các quan sát viên này nói rằng ông Khải ngày càng mất dần hiệu quả trong khi làm việc với nhiều quyết định đổi mới quan trọng vẫn nằm chờ được chấp thuận vì ông ta không có khả năng giải quyết.

Thêm vào đó, tình trạng các viên chức cao cấp nhà nước CSVN tại địa phương đều là các đảng viên trực thuộc các phe phái trong thành phần lãnh đạo đảng nên ngay cả khi những người này có hành vi sai trái, các cơ quan hành chính địa phương và trung ương đều không dám có hành động giải quyết vì sợ "bứt giây động rừng."

Do đó, mới xẩy ra việc trái cẳng ngống là tổng bí thư đảng CSVN Lê Khả Phiêu ra lệnh cho thủ tướng Phan Văn Khải "được phép" trừng phạt các viên chức tham ô, lạm quyền mà không cần phải tham khảo Bộ Chính Trị CSVN.

Trong thời gian gần đây, trước tình trạng hỗn loạn trong guồng máy cai trị, không ai bảo được ai, các viên chức cao cấp nhất trong đảng CSVN bắt đầu hô hào khẩu hiệu "tôn trọng hiến pháp" và "tôn trọng pháp luật" nhưng trên thực tế thì ai cũng biết là đây chỉ là lời nói xuông vì nếu thực sự thi hành pháp luật thì chính các ủy viên Bộ Chính Trị đảng Cộng sản Việt Nam lại là những người bị bắt trước nhất vì các hành vi tham nhũng, lộng quyền của họ.●

dân chống giải tỏa, qua sự tường thuật của báo NLĐ, họ không chấp nhận vì giá đất đền bù quá thấp. Họ không làm gì được với số tiền quá nhỏ nhoi coi như gần bị cướp không nhà đất chỗ ở chỗ canh tác sinh nhai. Trong khi đó, oái oăm thay, nhà cầm quyền lại rao bán lại những mảnh đất này với giá cao gấp nhiều lần.

"Hơn nữa, mục đích thu hồi đất cũng chưa chính đáng" tờ báo trên viết "bởi thực tế, đất được phân lô ra bán cho dân ở nơi khác đến mua còn dân địa phương chẳng mấy ai mua. Nghĩa là nhu cầu về đất ở của dân Phước Khánh chưa thật sự bức xúc để phải thu hồi một cách khắc nghiệt như vậy..."

Trong 18 hộ bị lấy đất, đất của 9 hộ là đất ruộng lúa còn 9 hộ chống đối có đất là vườn nho. Tạo dựng một vườn nho đòi hỏi nhiều công trình, thời gian và kỹ thuật gấp nhiều lần so với ruộng lúa. Những người có quyền không nghĩ gì đến điều này và chỉ bồi thường tượng trưng tất cả giống nhau một giá.

Đau hơn nữa, 9 gia đình chống đối lệnh giải tỏa cho hay, họ được chức việc huyện, xã thông báo "nếu ai có nhu cầu sẽ được mua đất trong vùng qui hoạch." Giá đất qui hoạch được định là 150,000 đồng/m2. Họ được đền bù 7,800 đồng/m2 nhưng phải mua lại chính mảnh đất của họ với giá 150,000 đồng/m2. Nên cười hay nên khóc?

Tờ báo NLĐ thuật lại lời của các hộ dân ở đây nói ông Trần Văn Long là người chống đối mạnh nhất vì toàn bộ lợi tức của gia đình tám miệng ăn của ông trông cậy hoàn toàn vào 640 gốc nho trồng ở đây. Nhưng bây giờ, tất cả đã bị chặt phá, chủ vườn bị bắt nhốt. "Điều này làm các hộ khác hoang mang," tờ báo kể.

Kiều Văn Bê, phó chủ tịch UBND huyện Ninh Phước nói bắt giam ông Long để làm gương cho những hộ khác "vì đã xúi dục lôi kéo các hộ khác chống lại mệnh lệnh chính quyền."

Theo chi tiết kể trong bài báo, nếu không bị chặt phá, lợi tức thu hoạch được từ việc bán nho sẽ giúp gia đình ông trang trải nợ nần và nuôi sống cả nhà. Bây giờ, ông ở tù, vợ và bốn đứa con lớn của ông đang phải đi bán vé số để kiếm sống từng bữa.

Nhà cầm quyền huyện, xã Ninh Phước và Phước Khánh đẩy gia đình ông Long vào đường cùng cho một mục đích không chứng minh được lợi ích công cộng.

Báo NLĐ còn nói rằng "Nhiều bà con ở thôn Phước Khánh thấy gia cảnh đáng thương của gia đình ông Long đã đem tiền, gạo đến cưu mang, giúp đỡ."

BỘ Y TẾ Ù LÌ, BỆNH VIỆN THIẾU THUỐC CẤP CỨU

Một số bệnh viện ở Việt Nam kêu ca rằng nhiều thứ thuốc cần thiết cho việc hồi sức cấp cứu cho những trường hợp khẩn cấp, mổ xẻ đã không có từ lâu nay. Để giải quyết tình trạng này, họ đã phải đi mua thuốc cần thiết trên thị trường chợ đen vì không muốn để bệnh nhân chết, theo một bài viết trên tờ Tuổi Trẻ số ra tuần qua.

Các bệnh viện tại Việt Nam hầu như đều là bệnh viện công. Tờ Tuổi Trẻ cho hay, các bệnh viện đã nhiều lần yêu cầu Bộ Y Tế mua thuốc nhưng không được thỏa mãn "dù đã nhiều lần, nhiều năm kiến nghị".

Báo trên cho hay, bác sĩ trưởng khoa Hồi Sức Cấp Cứu của bệnh viện N (chắc sợ bị đục nên tờ báo không nêu tên cả vị bác sĩ và tên nhà thương) nói "Dù danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y Tế ban hành đầy đủ, nhưng có những loại thuốc hồi sức cấp cứu bệnh viện tìm chỗ mua (chính thức) không ra" nên "phải tìm mua ở thị trường trôi nổi."

Ông này cho hay đi mua như vậy là sai nhưng "không thể nhìn bệnh nhân chết vì không có thuốc cấp cứu."

Ông đơn cử như thuốc Naloxone dùng cấp cứu trẻ con ngưng thở do ngộ độc móc-phin, thuốc chích Bleu de methylene dùng cấp cứu các trường hợp ngộ độc... Ông này còn cho biết "Bệnh viện các tỉnh cũng không có thuốc, nhưng không có thì họ chuyển bệnh nhân đến cho chúng tôi (bệnh viện lớn hơn, đầy đủ phương tiện hơn). Còn chúng tôi biết chuyển đi đâu?"

Tờ báo nói ông này tỏ vẻ lo lắng vì mua thuốc trên thị trường chợ đen còn sợ thuốc giả, thuốc kém phẩm chất.

Tờ Tuổi Trẻ dẫn lời viên chức một bệnh viện lên tiếng chỉ trích các nhà nhập cảng dược phẩm quốc doanh "thấy cái gì người ta mua nhiều, có lợi nhuận cao thì nhập cảng về để bán. Thuốc ít dùng, lợi nhuận ít thì không nhập."

Trong khi đó, một công ty nhập cảng dược quốc doanh thì đổ tội ngược lại. Theo họ "bệnh viện sợ mua thuốc về nếu không có bệnh, thuốc để lâu quá hạn dùng phải bỏ đi, bệnh viện phải bù lỗ."

Dược sĩ Nguyễn Xuân Lập,

giám đốc hãng dược lớn quốc doanh ở Sài Gòn nhận định rằng trong sự thiếu thuốc men này "còn có một phần trách nhiệm của Bộ Y Tế."

Ông này nói những thứ thuốc bệnh viện cần thường là thuốc đặc biệt, thuốc tốt nhưng số lượng cần dùng rất ít.

Hãng thuốc ngoại quốc không đưa các thứ này vào Việt nam vì không thấy lợi nhuận bao nhiêu. Trước nhu cầu của bệnh viện, hãng dược này đã yêu cầu Bộ Y Tế CSVN cấp giấy phép đặc biệt cho nhập cảng nhanh trong vòng một tuần lễ thay vì thủ tục kềnh càng kéo dài từ ba đến sáu tháng để có thể thỏa mãn nhu cầu cứu người khẩn cấp.

Tuy nhiên, tờ báo nói, "đến nay, mọi việc vẫn chưa thấy giải quyết."

TRÁNH TRÁCH NHIỆM, MỌI VIỆC ĐỔ DỒN CHO PHAN VĂN KHẢI

Nguồn tin từ báo chí nhà nước CSVN hôm Thứ Hai 9 tháng Mười cho hay trong cuộc hội thảo về "cải cách chế độ hội họp và giảm bớt giấy tờ hành chính tại văn phòng chính phủ" tại Hà Nội mới đây, các viên chức cao cấp nhà nước CSVN đã công khai xác định tình trạng rối rắm, thiếu thống nhất, kỷ luật kỷ cương lỏng lẻo, tranh chấp quyền lực giữa các bộ đã dẫn đến việc thủ tướng CSVN, Phan Văn Khải, phải đích thân giải quyết quá nhiều công việc nhỏ nhặt cũng như đóng vai trò trung gian hòa giải giữa các cơ quan trong chính phủ.

Theo lời phát biểu của Nguyễn Ngọc Đức, phó vụ trưởng vụ tổng hợp văn phòng chính phủ CSVN, thì hiện nay ông Khải và các phó thủ tướng phải giải quyết quá nhiều công việc do các bộ, ngành không chịu giải quyết đẩy ùn lên trên; phải mang nhiều chức danh trong các tổ chức liên ngành, phải hội họp nhiều, mất nhiều thời gian tham gia các hoạt động nghi lễ, giải quyết nhiều sự việc vấn đề theo cơ chế xin-cho...

Vụ trưởng vụ cải cách hành chính văn phòng chính phủ CSVN, Nguyễn Minh Mẫn, cho hay Phan Văn Khải phải thường xuyên liên lạc với 300 nhân vật chủ chốt tại các cơ quan trong hệ thống hành chánh nhà nước CSVN và trong tình trạng hệ thống thể chế chưa được hoàn thiện, đã đặt ông Khải vào tình trạng phải trực tiếp giải quyết không qua hệ thống và nhiều khi phải mở ra các cuộc họp cùng với các cơ quan liên hệ để trực tiếp giải quyết vấn đề.

Một thí dụ điển hình cho điều này là trong số gần 3,900 văn bản do văn phòng chính phủ CSVN đã có đến 95 phần trăm là do ông Khải trực tiếp quyết định.

Giải thích về tình trạng này, Nguyễn Minh Mẫn đã phải thú nhận rằng trong tình hình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường đã có thêm nhiều vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của các bộ vì nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức đã không theo kịp được sự đổi mới. Thêm vào đó, sự phối hợp liên ngành còn thiếu hiệu quả do kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo; quyền hạn của các bộ chưa được phân định rõ ràng do đó dẫn đến tình trạng chồng tréo, tranh chấp phải nhờ đến ông Khải phân xử.

Các quan sát viên ngoại quốc cho hay ông Khải, một chuyên gia được đào tạo tại Liên Xô, từng hứa hẹn cải cách hành chánh, đã bị trói buộc bởi ngay chính bộ máy nhà nước mà ông ta đòi cải tổ.

Các quan sát viên này nói rằng ông Khải ngày càng mất dần hiệu quả trong khi làm việc với nhiều quyết định đổi mới quan trọng vẫn nằm chờ được chấp thuận vì ông ta không có khả năng giải quyết.

Thêm vào đó, tình trạng các viên chức cao cấp nhà nước CSVN tại địa phương đều là các đảng viên trực thuộc các phe phái trong thành phần lãnh đạo đảng nên ngay cả khi những người này có hành vi sai trái, các cơ quan hành chính địa phương và trung ương đều không dám có hành động giải quyết vì sợ "bứt giây động rừng."

Do đó, mới xẩy ra việc trái cẳng ngỗng là tổng bí thư đảng CSVN Lê Khả Phiêu ra lệnh cho thủ tướng Phan Văn Khải "được phép" trừng phạt các viên chức tham ô, lạm quyền mà không cần phải tham khảo Bộ Chính Trị CSVN.

Trong thời gian gần đây, trước tình trạng hỗn loạn trong guồng máy cai trị, không ai bảo được ai, các viên chức cao cấp nhất trong đảng CSVN bắt đầu hô hào khẩu hiệu "tôn trọng hiến pháp" và "tôn trọng pháp luật" nhưng trên thực tế thì ai cũng biết là đây chỉ là lời nói xuông vì nếu thực sự thi hành pháp luật thì chính các ủy viên Bộ Chính Trị đảng Cộng sản Việt Nam lại là những người bị bắt trước nhất vì các hành vi tham nhũng, lộng quyền của họ.●

VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ CHO MỘT NƯỚC VIỆT NAM TỰ DO

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Phát biểu tại Đại hội Mạng Lưới Nhân Quyền lần thứ 4, tại Little Saigon ngày 6 tháng Mười 2000.

Trước hết tôi xin nhiệt liệt chào mừng Đại hội MLNQ lần thứ 4 và chúc cho Đại hội thành công. Xin chào mừng Quí vị và các bạn có mặt trong buổi dạ tiệc hôm nay trong đó có nhiều vị đến từ khắp nơi trên thế giới. Sự hiện diện của quí vị làm nổi bật tính toàn cầu của cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung và cuộc vận động cho một nước Việt Nam Tự Do nói riêng. Cộng đồng người Việt hải ngoại chỉ có khoảng ba triệu người, con số thật khiêm tốn so với 78 triệu người dân trong nước. Tuy nhiên, trải rộng trên khắp năm châu bốn bể, cộng đồng người Việt hải ngoại trong thực tế đang đại diện cho dân tộc Việt Nam đối với thế giới và nhân loại. Bằng những sinh hoạt thường ngày mang đậm nét văn hóa dân tộc, chúng ta đang nối dài và mở rộng đất nước Việt Nam ra toàn thế giới, hòa nhập sinh hoạt của người Việt vào dòng chảy tiến bộ của toàn thể nhân loại. Người Việt hải ngoại đang là niềm hy vọng và là cánh cửa mở ra sinh lộ tương lai cho một nước Việt tự do, văn minh và phồn thịnh. Đó là vị trí và vai trò quan trọng của cộng đồng người Việt hải ngoại. Dù chúng ta tự đánh giá mình như thế nào, tình trạng nghèo nàn lạc hậu của đất nước hôm nay vẫn đang thôi thúc chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với vị trí và vai trò thực tế đó.

Để mở đầu buổi nói chuyện hôm nay tôi xin cống hiến Quí vị và các bạn hai câu chuyện sau đây. Hai tháng trước, một tổ chức có tên là The Victims of Communism Memorial Foundation (Nghĩa Hội Tưởng Niệm Nạn Nhân Cộng Sản) mời tôi đến gặp họ để thảo luận về một buổi lễ họ dự định tổ chức vào tháng 11 này. Đây là một tổ chức được Quốc Hội Hoa Kỳ thành lập bằng một Đạo Luật do Tổng Thống Hoa Kỳ ban hành vào năm 1993. Tổ chức này có hai nhiệm vụ: xây dựng một tượng đài tưởng niệm nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, và một viện bảo tàng nạn nhân cộng sản thế giới. Theo đạo luật thành lập Nghĩa Hội này thì cuối năm nay, 2000, tượng đài sẽ bắt đầu được xây dựng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tài liệu do Nghĩa Hội ấn hành nêu lên con số hơn 100 triệu nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Mặc dù tổ chức này đã hoạt động từ năm 1993 tới nay nhưng hình như rất ít người Việt hải ngoại biết đến hoạt động của họ. Đây có thể là khuyết điểm của tổ chức này, nhưng chúng ta cũng đã bỏ lỡ một cơ hội tốt để cùng với họ nêu bật được vấn đề Việt Nam trước công luận Mỹ và quốc tế. Có lẽ không có cộng đồng người thiểu số nào ở Hoa Kỳ có tỷ lệ nạn nhân cộng sản đông và rõ nét bằng cộng đồng người Việt. Đại đa số người Việt tới Mỹ sau năm 1975 với tư cách là những người tị nạn cộng sản. Đó là hàng trăm ngàn người di tản, hàng trăm ngàn người vượt biên, hàng trăm ngàn cựu tù nhân chính trị, cựu sĩ quan quân đội và nhân viên chính quyền quốc gia. Ho đều là nạn nhân cộng sản. Vậy mà có rất ít hình ảnh và số liệu của Việt Nam trong những tài liệu mà Nghĩa Hội đã phổ biến, dù Việt Nam được nêu tên như là một trong những nước có nhiều nạn nhân cộng sản.

Tấm hình chụp người vượt biên là hình những người Cuba đang vượt qua sóng gió để đi tìm tự do. Bức hình đó không thể nào gây xúc động được bằng những bức hình chụp

người vượt biển Việt Nam mà tôi đã thấy trong một trung tâm bảo tàng Boat People ở Ottawa, Canada, do cộng đồng người Việt bên đó giúp chính phủ Canada thực hiện. Kể cả danh từ *Boat People* cũng đã trở thành phổ biến trong thời kỳ có phong trào vượt biển của người Việt. Những hình ảnh vượt biển của người Việt đã gây xúc động cho toàn thế giới, nhất là ở Hoa Kỳ. Thế mà hình ảnh vượt biển trong tài liệu nạn nhân cộng sản thế giới lại không phải là hình ảnh những Boat People Việt Nam. Tôi nói lên những nhận xét này với những người lãnh đạo của Nghĩa Hội Nạn Nhân Cộng Sản và đề nghị họ quảng bá rộng rãi chương trình hoạt động của ho cho cộng đồng người Việt và tạo cơ hội để cộng đồng Việt Nam tham gia vào các hoạt động của Nghĩa Hội. Tôi cũng đã giới thiệu với họ những nhân vật và tổ chức của cộng đồng người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn để họ liên lạc. Về phần chúng ta tôi thấy rõ chúng ta cần cố gắng kết hợp tiềm năng rộng lớn của cộng đồng chúng ta với những nỗ lực cùng chí hướng của chính người Mỹ. Điều này lại càng thích hợp trong bối cảnh hiện nay khi đại đa số người Việt tại Hoa Kỳ đã là công dân Mỹ, có thể vừa đấu tranh với tư cách một người Việt cho một nước Việt Nam dân chủ tự do, vừa có quyền, với tư cách một công dân Mỹ, đòi hỏi chính quyền Mỹ không được đi ngược lại lý tưởng tự do dân chủ trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là với những người cầm quyền ở những nước như Việt Nam, đang vi phạm những quyền tự do căn bản của người dân.

Điều này liên quan tới một sự kiện thứ hai có tính thời sự hơn. Như chúng ta đều biết Tổng thống Bill Clinton quyết định sẽ tới thăm Việt Nam vào tháng 11 này nhân dịp tham dự Hội Nghị APEC tại Brunei. Đây là lần đầu tiên, sau chiến tranh, một Tổng Thống Mỹ chính thức đến thăm Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội. Chúng ta, những người Việt ở miền Nam, đã biết thế nào là xã hội Hoa Kỳ, là nền kinh tế thị trường tự do của Mỹ, một nền kinh tế thịnh vượng nhất thế giới. Chúng ta cũng đã biết thế nào là một xã hội dân chủ, không phải chỉ thông qua các cuộc tranh cử và bầu cử tự do, mà cả trong sinh hoạt thường ngày của người dân Mỹ. Chúng ta biết được cả những ưu điểm lẫn những khuyết điểm của xã hội Mỹ. Đối với chúng ta, những người Việt hải ngoại đã sống lâu ở đây, những hiểu biết đó đã trở thành tự nhiên. Nhưng đối với đa số nhân dân trong nước, nhất là những người dân ở miền Bắc, phải sống dưới chế độ cộng sản hàng nửa thế kỷ nay, kinh tế thị trường và chính trị dân chủ thật còn nhiều xa lạ. Cho nên việc ký kết Hiệp Ước Thương Mại Mỹ-Việt và việc Tổng Thống Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam chắc hẳn sẽ gây nhiều xôn xao trong dân chúng, nhất là tại các thành phố lớn ở miền Bắc như Hà Nội. Đối với người Việt hải ngoại chúng ta, chúng ta đều hiểu rất rõ rằng những sự kiện đó sẽ tác động tích cực tới tình hình nước ta, tạo thêm cơ hội cho người dân trong nước trong cuộc đấu tranh thầm lặng hiện nay của họ để giành lại quyền chủ động về kinh tế thương mại, và từ đó tăng cường thêm niềm tự tin vào tương lai ngày càng tự do hơn trên mọi lãnh vực đời sống xã hội. Nhưng chúng ta đồng thời cũng hiểu rất rõ rằng ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam sẽ làm tất cả những gì họ có thể làm được để giữ độc quyền chính trị và văn hóa, ít nhất cho đến khi nào họ không còn có thể làm được. Để tự do kinh doanh tạo được biến đổi căn bản trên văn hóa và chính trị, chuyển được từ độc tài toàn trị sang dân chủ tự do, đòi hỏi nhiều điều kiện và nhiều thời gian. Liệu những diễn biến ngày một phức tạp hơn của tình hình khu vực, trong bối cảnh một nước Trung Hoa ngày càng mạnh lên cả về kinh tế lẫn quân sự, có cho phép diễn biến hòa bình tiệm tiến từ độc tài sang dân chủ? Đấy là chưa nói tới việc liệu chính kinh doanh tự do có thể phát triển bền vững được không trong một hệ thống xã hội còn độc quyền về văn hóa, thông tin và chính trị? Quan điểm của chúng ta rất rõ ràng: chúng ta ủng hộ tự do kinh doanh nhưng tự do kinh doanh không thể phát triển bền vững được trong một xã hội độc quyền, độc tài toàn trị, trong một xã hội mà bất ổn định ngày càng gia tăng cùng với lòng bất mãn của quần chúng. Và do đó chúng ta không thể ngồi im chờ đợi "cây đũa thần" tự do kinh doanh. Tự do kinh doanh tự nó không thể dẫn tới một xã hội tự do dân chủ. Ngược lại nếu không có những thay đổi căn bản trong văn hóa và chính trị, song hành với tự do kinh doanh, thì tự do kinh doanh sớm muộn sẽ bị bế tắc, và do đó sẽ dẫn đến rối loạn xã hội và chính trị.

Tôi luôn luôn trình bầy quan điểm này trên mọi diễn đàn quốc tế mà tôi có dịp tham dự. Gần đây tôi cũng đã có cơ hội trình bầy quan điểm này với Tổng Thống Bill Clinton khi được gặp ông vào tối 19 tháng 9 vừa qua nhân

dịp Trung Tâm Kennedy ở Hoa Thịnh Đốn tổ chức vinh danh những nhà tranh đấu cho tự do trên khắp thế giới. Tôi đề nghị Tổng thống hãy cho ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam hiểu rõ rằng Hoa Kỳ không thể tán đồng chính sách vi phạm nhân quyền và đàn áp tự do dân chủ của họ. Tôi cũng trình bầy với Tổng thống là cộng đồng người Việt hải ngoại ước mong nhân chuyến viếng thăm Việt Nam lần này, Tổng thống sẽ gửi cho nhân dân Việt Nam một thông điệp rõ ràng rằng Hoa Kỳ luôn luôn đề cao lý tưởng tự do dân chủ và nhân quyền ở mọi nơi trên thế giới. Và, tôi đề nghị Quí Vị hãy vận động các vị dân cử Hoa Kỳ cùng chúng ta yêu cầu Tổng Thống Clinton gửi một thông điệp rõ ràng như thế cho nhân dân Việt Nam. Chúng ta tin rằng chỉ với một thông điệp như thế thì chuyến đi thăm Việt Nam của TT Clinton mới có ý nghĩa và mới giúp mở ra giai đoạn cuối cùng trong tiến trình tự do hóa và dân chủ hóa Việt Nam, trong đó toàn dân Việt Nam sẽ giành lại được quyền chủ động trong mọi sinh hoạt xã hội, từ kinh tế thương mại tới văn hóa giáo dục, thông tin và chính trị.

Về phần chúng ta, chúng ta cần cùng nhau tìm cách vận dụng được tiềm năng dồi dào của cộng đồng người Việt hải ngoại để đẩy nhanh tiến trình đó và đạt được những kết quả hữu hiệu hơn nữa trong cố gắng vận động quốc tế ủng hộ chúng ta. Theo tôi, để được hữu hiệu, cuộc vận động quốc tế của chúng ta cần phù hợp với bối cảnh thế giới và tình hình thực tế của Việt Nam. Bối cảnh thế giới hiện nay và những thập niên tới, theo tôi, là hệ quả nối dài của những điều chỉnh chiến lược quốc tế của Hoa Kỳ bắt đầu từ những thập niên 1960, 1970 và hiện ra rõ nét vào đầu thập niên 1980. Thập niên 1960 và 1970 là hai thập niên Hoa Kỳ vừa tiếp tục ngăn chặn sự bành trướng của Cộng sản quốc tế, vừa tìm cách thoát ra khỏi tình trạng bế tắc của chiến lược ngăn chặn. Thập niên 1960 có hai sự kiện trọng đại ảnh hưởng sâu sắc tới tầm nhìn chiến lược của Hoa Kỳ. Đó là trận đụng độ quân sự ở biên giới giữa Liên Sô và Trung Quốc cho thấy mâu thuẫn Nga-Hoa là mâu thuẫn khó thể hàn gắn được, và việc Liên Sô đem vũ khí hạt nhân tới Cuba, tạo nguy cơ thế chiến hạt nhân làm áp lực với Hoa Kỳ. Hai sự kiện đó cộng với tinh thần thực tiễn (pragmatism) đặc thù của người Mỹ và tầm nhìn (vision) chiến lược quốc tế xa dài đã thúc đẩy những chiến lược gia Hoa Kỳ tìm ra chiến lược mới, chiến lược "vượt qua ngăn chặn" (beyond containment) với mục tiêu thắng được Liên Sô mà không làm nổ ra thế chiến hạt nhân hủy diệt toàn thể loài người.

Kết quả của việc áp dụng chiến lược mới đó là cục diện thế giới hoàn toàn thay đổi, từ lưỡng cực đối kháng sang đa cực hợp tác, loại trừ cộng sản quốc tế bằng cách xóa nhòa biên giới và đối kháng tư bản - cộng sản, thay thế bằng quan hệ hợp tác giầu-nghèo, hợp tác Bắc-Nam. Chúng ta hãy điểm lược qua những diễn biến quan trọng theo thứ tự thời gian trong tiến trình thực thi chiến lược mới này: đổ nửa triệu quân Mỹ vào miền Nam VN (1965-1968); mật đàm Mỹ-Trung Quốc ở Warsaw, Ba Lan (bắt đầu từ 1967); Nixon và Kissinger thăm Hoa Lục và ký Thỏa ước Thượng Hải với Trung Quốc (1972); Hiệp định Ba Lê về Việt Nam (1973); Cộng sản Việt Nam chiếm miền Nam Việt Nam (4/1975); Hoa Kỳ phủ quyết (veto) hai đơn xin vào LHQ của hai nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (8/1975); nhóm G7 chính thức ra đời (11/1975); Việt Nam thống nhất dưới tên mới, CHXHCNVN (4/1976); VN được nhận vào LHQ (1977); Cộng sản Việt Nam xâm lăng Campuchia và Trung Quốc tràn quân qua vùng biên giới Việt Nam (1 và 2/1979); Phong trào vượt biên ở VN và Cộng Sản VN bị thế giới cô lập (1977-1990); Đông Âu biến loạn và tan vỡ (1980-1990); Liên Sô xụp đổ (1991); Hoa Kỳ bắt đầu tiến trình trở lại Việt Nam và Á Châu (từ 1990 đến nay). Trong thập niên 1990, thập niên đầu tiên của thời kỳ hậu Liên Sô, các nước Âu Châu và Mỹ cố gắng ổn định vùng Trung Đông. Công việc này không thể thực hiện được khi còn Liên Sô.

Đó là những gì đã diễn ra trong những thập niên vừa qua. Thế giới hiện nay, vào đầu thiên niên kỷ thứ ba này, là một thế giới đang chuyển tiếp từ thời kỳ hậu Liên Sô sang thời kỳ toàn cầu hóa, với nhiều tính chất mới đáng chú ý. Đó là một thế giới ngày càng thu hẹp lại về không gian và đến gần nhau nhanh hơn về thời gian nhờ các tiến bộ trong ngành giao thông vận tải và nhất là ngành thông tin điện tử Internet. Nếu trước đây các quốc gia Âu-Mỹ phát triển nhanh được là nhờ tính di động xã hội cao (social mobility) thì giờ đây một cộng đồng quốc tế cũng đang thành hình nhờ tính di động toàn cầu (global mobility).

Trong bối cảnh thế giới như thế, các quốc gia đang phát triển ngày càng phải mở rộng cửa hơn để hòa nhập vào sinh hoạt chung của cộng đồng quốc tế trong mọi lãnh vực, từ kinh tế thương mại, tới thông tin, văn hóa, học thuật và chính trị. Toàn cầu hóa vừa là cơ hội vừa là thử thách cho mỗi quốc gia, và là xu thế không thể cưỡng lại được. Thế giới sẽ ngày càng trở nên một thế giới đa văn hóa, đa chủng tộc, một thế giới của toàn thể nhân loại, của mọi dân tộc. Chúng ta đang chứng kiến viễn tượng một thế giới như thế, một nhân loại như thế, trong mọi biến động quốc tế, từ Kosovo tới Đông Timor, từ hội nghị WTO ở Seattle, tới hội nghị World Bank-IMF ở Praha, từ Khmer Đỏ tới vụ án Pinochet. Và ngay trong tuần trước, qua buổi lễ bế mạc Olympic Sydney, chúng ta đã được chứng kiến một khung cảnh xum họp đại gia đình nhân loại đa văn hóa, đa chủng tộc, với những hình ảnh hòa ái tiêu biểu như hình ảnh cô gái người bản địa Úc Châu châm ngọn lửa thế vận, hay hình ảnh phái đoàn thể thao Triều Tiên hợp nhất. Thế giới đang trở thành một ngôi nhà chung chan hòa yêu thương và nhân ái, một đại gia đình của tất cả các dân tộc. Trong những thập niên tới đây, xu thế này sẽ phát triển nhanh hơn nữa và rộng khắp hơn nữa. Sẽ không còn một thế giới bị khuynh loát bởi một siêu cường độc nhất nào nữa, dù Hoa kỳ vẫn sẽ là một siêu cường quốc, vẫn sẽ tiếp tục đóng một vai trò không thể thiếu trong việc ổn định thế giới. Cũng sẽ không còn một thế giới chỉ của Âu-Mỹ và do Âu-Mỹ chi phối, dù những gì Âu-Mỹ đóng góp cho tiến bộ của nhân loại, đặc biệt cho Á Châu, từ mấy thế kỷ nay, là vô cùng to lớn, và sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự tiến bộ của nhân loại và của toàn thể thế giới. Nhưng thế giới hôm nay và nhất là trong những thập niên tới sẽ có phần tham dự quan trọng của những yếu tố tiến bộ mới, không Âu-Mỹ, và nhất là của những yếu tố đến từ Á Châu. Chúng ta đều biết ngày nay nhiều nhà nghiên cứu Âu-Mỹ đã cho rằng, một cách khái quát, thế kỷ 19 là thế kỷ của Âu Châu, thế kỷ 20 là thế kỷ của Hoa Kỳ, và thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Á Châu Thái Bình Dương. Những biến chuyển trong khu vực Á Châu TBD trên tất cả mọi lãnh vực, từ kinh tế thương mại tới văn hóa học thuật và chính trị quân sự, đều đang cung cấp cho chúng ta những chỉ dấu như thế. Riêng đối với Hoa Kỳ, Á Châu Thái Bình Dương đã được nâng lên tầm mức chiến lược quan trọng vào bậc nhất và được Tổng thống Bill Clinton chính thức đưa ra trong bài diễn văn đáng ghi nhớ tại Quốc Hội liên bang Úc châu vào ngày 20 tháng 11 năm 1996, ngay sau khi ông tái đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ hai. Trong xu thế đó, chúng ta đang và sẽ tiếp tục thấy diễn ra tại Á Châu TBD cuộc tái hòa nhập Á-Âu Mỹ trong quá trình toàn cầu hóa trên tất cả mọi lãnh vực hoạt động xã hội và trong bối cảnh một Á Châu, nhất là một ASEAN, đang tiến nhanh trên con đường hưng thịnh. Tại mỗi quốc gia trong khu vực này, đặc biệt tại Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, đang và sẽ dồn dập diễn ra những biến chuyển kinh tế xã hội, văn hóa thông tin, và chính trị ngày càng phù hợp với xu thế chung của thế giới và của Á Châu TBD.

Những biến chuyển đó đang và sẽ làm suy yếu và tiến đến vô hiệu hóa mọi ý đồ độc quyền và độc tài của những nhóm cầm quyền dù quân phiệt hay đảng trị tại khu vực ngày càng trở nên quan trọng này của thế giới. Riêng với dân tộc ta, viễn cảnh thế giới và khu vực trong những thập niên tới đang mở ra trước mắt dân tộc Việt nói chung, và những người Việt tự do ở hải ngoại nói riêng, một chân trời phát triển hết sức rộng lớn. Nhưng đất nước và dân tộc chúng ta chỉ có thể tiến về chân trời rộng mở này khi có một cơ chế chính trị và một khung cảnh xã hội tự do trong đó sinh lực và tài năng của mọi người Việt không phân biệt địa phương, tôn giáo, chính kiến, tư tưởng, đều có cơ hội để phát huy. Bằng kinh nghiệm bản thân cũng như bằng thực tế, chúng ta không tin rằng tập đoàn cầm quyền hiện nay ở Việt Nam có thể tạo ra được các điều kiện và cơ hội như thế cho toàn dân Việt Nam, dù họ có "đổi mới" như thế nào. Mọi chương trình "đổi mới" tới nay của ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việ Nam vẫn chỉ nhằm tìm cách thích ứng với tình hình quốc tế mới để duy trì độc quyền chính trị và văn hóa của họ. Tháng 10 năm 1990, ông Nguyễn Cơ Thạch lúc đó còn là Ngoại trưởng, trong bài diễn văn đọc tại Đại hội đồng LHQ đã công nhận rằng đảng CSVN có một sai lầm nghiêm trọng. Đó là muốn xây dựng một chế độ dân chủ "của dân, do dân và vì dân" nhưng lại không do dân mà do đảng. Và ông yêu cầu quốc tế hãy cho đảng Cộng sản VN tiến hành sửa đổi sai lầm này một cách từ từ từng bước một. Nhận được sai lầm của đảng Cộng sản, một sai lầm căn

bản, là một điều tiến bộ đáng được ghi nhận của ông Nguyễn Cơ Thạch. Nhưng có lẽ sự thẳng thắn quá mức đó có thể đã là một trong những nguyên nhân khiến ông bị loại ra khỏi Bộ Chính trị ngay trong đại hội đảng sau đó. Trong một bài viết trên *Diễn Đàn Tự Do* lúc đó, tôi đã nhận định về phát biểu này và đã bác bỏ luận điểm này của ban lãnh đạo cộng sản. Tất nhiên mọi kế hoạch đều phải được thực hiện từ từ từng bước một. Nhưng có hai vấn đề cần làm rõ ở đây liên quan đến mục đích và thời hạn của những bước từ từ đó. Phải chăng những bước đổi mới từ từ đó chỉ nhằm củng cố vị thế độc quyền chính trị và văn hóa của đảng cộng sản? Từ đó tới nay chưa có dấu hiệu nào trong chính sách "đổi mới" của ban lãnh đạo cộng sản phủ nhận điều này. Và từ từ từng bước đến bao giờ? Trong cương lĩnh chính trị của đảng Cộng sản chúng ta không hề thấy có những bước cụ thể, với thời gian nhất định, để đưa đất nước đến chế độ dân chủ. Ngược lại ban lãnh đạo cộng sản không dấu diếm ý đồ duy trì chế độ cộng sản và con đường phát triển đất nước theo chủ nghĩa cộng sản. Có nghĩa là từ từ từng bước ở đây chỉ là một cách hoãn binh để củng cố chế độ mà thôi. Chúng ta không thể có ảo tưởng rằng những bước đổi mới từ từ từng bước mà ban lãnh đạo đảng Cộng sản đang đưa ra để thuyết phục quốc tế sẽ dẫn tới một chế độ dân chủ.

Trừ một điều mà tôi tin chắc đang và sẽ tiếp tục xảy ra ngày một quyết liệt hơn. Đó là mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa ý đồ chiến lược của ban lãnh đạo đảng Cộng sản với xu thế toàn cầu hóa và diễn biến thực tế của tình hình thế giới và ngay tại Việt Nam. Ý đồ chiến lược của ban lãnh đạo đảng cộng sản, thể hiện trong kế hoạch "đổi mới" của họ, chỉ là những ý đồ chủ quan, đi ngược với xu thế và tình hình thế giới, bất cập với khát vọng tự do hạnh phúc của toàn dân Việt, và do đó hoàn toàn không đưa ra được những giải pháp cụ thể để giải quyết tình trạng bế tắc của đất nước, và ngay của chính chủ nghĩa cộng sản nói chung và của đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Chính vì vậy mà ngay trong nội bộ đảng Cộng sản đang bộc lộ những mâu thuẫn nội tại khó thể hàn gắn được. Hầu hết những biến động hiện nay ở Việt Nam, nhất là ở miền Bắc, đều do chính những cán bộ cộng sản về hưu tạo ra, những người không còn chức quyền, không có đặc quyền đặc lợi, và trong nhiều trường hợp, nhất là ở nông thôn, đang bị cường quyền áp bức.

Trong khi đó thì cuộc cách mạng thông tin điện tử toàn cầu, với e-global commerce, e-global culture, và cả e-global politics, đang ngày càng thông lưu biên giới giữa Việt Nam với thế giới, giữa người dân trong nước với cộng đồng người Việt hải ngoại. Việt Nam đang hòa nhập vào dòng tiến hóa chung của thế giới và nhân loại. Người dân Việt ở hải ngoại vả ở trong nước ngày càng có thêm nhiều điều kiện và cơ hội để nối kết với nhau thành một đại khối dân tộc, tách biệt và đối lập với thiểu số cầm quyền. Một xã hội Việt mới đang hình thành thông lưu trong nước với quốc tế, trong nước với hải ngoại. Người dân Việt cả trong nước lẫn hải ngoại đang kết hợp lại tự giúp nhau tăng cường sức mạnh để, bất chấp thiểu số đang cầm quyền, tự động giành lại quyền chủ động từ kinh tế thương mại sang văn hóa, giáo dục, thông tin rồi cuối cùng, tiến đến chính trị. Một cuộc cách mạng mới đang diễn ra, do chính người dân thực hiện một cách tự động và tự phát. Cuộc chiến đấu thầm lặng và dai dẳng của toàn dân Việt cho tự do hạnh phúc và phú cường trong suốt thế kỷ nay, sau nhiều lần bị bội phản, đang bước vào giai đoạn quyết định sau cùng. Người dân Việt trong nước với hải ngoại đang có cơ hội và điều kiện thuận lợi nhất để tìm đến với nhau, giúp đỡ nhau, tăng cường sức mạnh cho nhau, nối kết với nhau, để cùng mở bung cánh cửa Tổ Quốc Việt Nam ra với thế giới. Trào lưu tự do tiến bộ của nhân loại sẽ ùa vào đất nước Việt quét tan đi không khí chính trị, văn hóa lạc hậu đầy ô nhiễm hiện nay, khơi dậy sức sống tiềm ẩn của toàn dân Việt. Một mặt trận mới đã bắt đầu với hai trận tuyến ngày càng rõ nét: một bên là thiểu số cộng sản cầm quyền, lạc hậu, bất lực, bảo thủ và độc đoán; một bên là toàn dân Việt cả trong nước lẫn hải ngoại với khát vọng tự do hạnh phúc và tiến bộ. Trong giai đoạn cuối cùng này những người Việt tự do bất kể đang ở đâu, trong nước hay hải ngoại, trong đoàn thể chính trị, tôn giáo, văn hóa, thông tin nào đều có chung hai công việc cần làm. Một là đẩy nhanh quá trình thông lưu Việt Nam với thế giới, thông lưu người dân trong nước với hải ngoại, chủ động nối kết toàn dân Việt lại thành một đại khối dân tộc trên mọi mặt từ kinh tế thương mại tới văn hóa, thông tin, giáo dục và chính trị để hình thành trận tuyến dân tộc, từ đó tách biệt

thiểu số cộng sản đang cầm quyền ra khỏi đại khối dân tộc. Hai là đẩy nhanh cuộc vận động ngoại giao quốc tế theo chiều hướng tách biệt tập đoàn cầm quyền hiện nay ra khỏi công luận quốc tế về mặt đạo lý và lương tâm nhân loại, tiến lên thách thức tính hợp pháp của tập đoàn cầm quyền hiện tại, và sau cùng đưa ra trước cộng đồng quốc tế giải pháp không cộng sản cho một nước Việt Nam tự do, hòa bình, ổn định và tiến bộ.

Hai công việc này liên quan mật thiết với nhau. Không có một trận tuyến toàn dân Việt làm nền tảng chính nghĩa trong sáng cho cuộc vận động quốc tế thì cuộc vận động quốc tế chỉ là một hình thức ngoại giao cầu cạnh xin xỏ, làm tổn thương tới danh dự dân tộc và không tạo được uy tín cho giải pháp Việt Nam Tự Do. Đồng thời nối kết toàn dân Việt trong nước với hải ngoại không được thực hiện trong bối cảnh đại gia đình thế giới toàn nhân loại tiến bộ, sẽ không tạo được sức mạnh cho người dân trong nước, đồng thời không làm nổi bật được tính chất bảo thủ, lạc hậu và đóng cửa của tập đoàn thiểu số cầm quyền hiện nay, và do đó không tách biệt được họ ra khỏi đại khối dân tộc, và ra khỏi công luận quốc tế. Vận động quốc tế phải nhằm lấy lại danh dự và uy tín cho dân tộc, và tranh thủ được sự đồng tình quốc tế cho một giải pháp không cộng sản để khai thông bế tắc hiện nay của dân tộc.

Thưa toàn thể Quí Vị,

Mặc dù đây là Đại Hội của Mạng Lưới Nhân Quyền, nhưng nhân quyền và dân chủ quan hệ hỗ tương. Dân chủ là môi trường cần thiết để nhân quyền được thực thi. Đồng thời bảo vệ và đòi thực thi nhân quyền là tạo điều kiện để thiết lập chế độ dân chủ. Không thể hy vọng nhân quyền được thực thi trong một chế độ độc tài, nhất là độc tài cộng sản. Do đó tôi tin rằng quí vị thành viên của MLNQ chắc chắn cũng quan tâm thảo luận về tình hình chính trị của thế giới và Việt Nam. Và tôi chắc quí vị cũng đều thấy rằng tình hình thế giới và VN hiện nay đang ngày càng có những diễn biến dồn dập theo chiều hướng thuận lợi cho cuộc đấu tranh chung của chúng ta cho nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam. Và vì mối quan hệ mật thiết giữa nhân quyền và dân chủ như thế, tôi cho rằng chúng ta cần tập trung trao đổi và nhanh chóng đi tới đồng thuận về một tầm nhìn Việt Nam (Vietnam Vision) trong thế kỷ 21, một tầm nhìn Việt Nam có tính chiến lược xa dài trong bối cảnh thế giới và nhân loại những thập niên tới. Sự đồng thuận về tầm nhìn chiến lược này sẽ giúp chúng ta ổn định được tư tưởng, gia tăng được sức mạnh tinh thần cho các cố gắng đang có của mọi cá nhân và đoàn thể cả ở hải ngoại lẫn trong nước. Để từ đó mỗi cá nhân cũng như mỗi đoàn thể sẽ phát huy được các thế mạnh riêng của mình, bằng những phương thức đa dạng và trong mọi lãnh vực hoạt động thích hợp, từ kinh tế thương mại, y tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, tới thông tin, báo chí, và chính trị. Thực ra nhiều nét chính về tầm nhìn chiến lược này đã được trình bầy rải rác trong các bài viết và văn kiện chính trị, tư tưởng của những người đấu tranh cho dân chủ tự do và nhân quyền ở trong nước cũng như ở hải ngoại trong hơn hai mươi năm qua. Ở đây, tôi chỉ xin tổng kết ngắn gọn thành bốn mục tiêu chiến lược như sau :

1/ Thống nhất toàn dân Việt cả trong nước lẫn hải ngoại thành một đại khối dân tộc Việt đấu tranh cho một nước Việt Nam Tự Do;

2/ Tách biệt và cô lập thiểu số cộng sản cầm quyền ra khỏi đại khối dân tộc Việt;

3/ Tách biệt và cô lập thiểu số cộng sản cầm quyền ra khỏi công luận và sự ủng hộ quốc tế;

4/ Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của công luận quốc tế và của các chính phủ dân chủ trên thế giới, nhất là Hoa Kỳ, cho một giải pháp Việt Nam Tự Do được đại đa số dân chúng Việt Nam tán trợ.

Thực hiện được bốn mục tiêu chiến lược này chúng ta sẽ giành lại được thế chủ động, vô hiệu hóa được ý đồ chiến lược thô lậu của ban lãnh đạo đảng Cộng sản, và nhất là thiết lập được một nước Việt Nam Tự Do trong thực tế (de facto). Và từ đó, đặt ban lãnh đạo đảng Cộng sản trước một trong hai chọn lựa: hoặc là đủ bản lãnh và viễn kiến (một điều mà tới nay họ chưa hề có) để tự động trả lại cho nhân dân Việt Nam quyền tự do lựa chọn thể chế chính trị và những người lãnh đạo đất nước, hoặc là sẽ bị tan vỡ trong bạo loạn. Dù xẩy ra trường hợp nào, tôi cũng vững tin rằng tương lai thuộc về đại khối nhân dân Việt, những con người luôn luôn muốn hướng tới tự do, công bằng và tiến bộ, luôn luôn khát vọng xây dựng một đất nước Việt Nam thanh bình và phồn thịnh, xứng đáng với bề dầy lịch sử và với khả năng tiềm tàng của chính họ.●

Little Saigon, 6/10/2000

DO NHỮNG VI PHẠM THÔ BẠO NHÂN QUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÃ PHẢN BỘI THỈNH NGUYỆN THƯ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA HỒ CHÍ MINH

L.S. NGUYỄN HỮU THỐNG

Nhân quyền, một vấn đề toàn cầu

Từ khi con người biết sống hợp quần trong xã hội để thành lập quốc gia, giữa người dân và quốc gia có những nghĩa vụ hỗ tương phát sinh từ một khế ước mặc nhiên mệnh danh là Khế Ước Xã Hội. Chiếu theo khế ước này, người dân có nghĩa vụ phải đóng thuế để nuôi dưỡng quốc gia, phải đi lính để bảo vệ bờ cõi quốc gia. Để đáp lại những hy sinh về tài sản và sinh mạng của người dân, quốc gia cũng có nghĩa vụ phải bảo đảm cho người dân những quyền căn bản như quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó là những dân quyền xuất phát từ tư cách công dân.

Nhân quyền bao quát hơn và có trước dân quyền. Nhân quyền áp dụng cho tất cả mọi người, từ đứa trẻ hài nhi cho đến người trú dân. Nhân quyền xuất phát từ nhân phẩm, từ giá trị bẩm sinh của con người. Những quyền con người về dân sự chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa giáo dục thường được thể hiện trong các quyền công dân và được ghi vào hiến pháp và luật pháp quốc gia.

Mùa Xuân 1945, 50 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc (LHQ). Mục đích để duy trì hòa bình cho các quốc gia, tránh một trận thế chiến thứ ba, chiến tranh nguyên tử toàn diện và toàn diệt.

Để đạt được mục tiêu này, LHQ đề ra hai phương châm hành động:

1) Dẹp bỏ hận thù trong quá khứ, không phân biệt kẻ thắng người bại, không đòi trả thù và bồi thường chiến tranh, LHQ chủ trương hòa giải hữu nghị giữa các dân tộc và hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia.

2) Ý thức rằng sự khinh miệt, phủ nhận hay lãng quên nhân quyền là nguyên nhân đưa tới đại bất hạnh cho dân chúng và sa đọa cho chính quyền, LHQ chủ trương tôn trọng và thực thi nhân quyền cho tất cả mọi người.

Trong chiều hướng hợp tác và hữu nghị giữa các quốc gia, năm 1947 Hoa Kỳ ban hành Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến. Chẳng những để tái thiết các quốc gia đồng minh như Anh, Pháp... mà còn để xây dựng lại các quốc gia thất trận như Đức, Ý v.v... Tại Á Châu năm 1951, cùng với 48 quốc gia khác, Hoa Kỳ đã ký Hòa Ước Nhật Bản để đem lại hòa bình, dân chủ và phát triển cho Nhật Bản.

Trong chiều hướng tôn trọng và thực thi nhân quyền, năm 1941 trong khi chiến tranh còn đang tiếp diễn, tại diễn đàn Quốc Hội Hoa Kỳ Tổng Thống Franklin Roosevelt đã nêu lên bốn nhân quyền căn bản là:

1) quyền tự do ngôn luận (freedom of speech)

2) quyền tự do tôn giáo (freedom of religion)

3) quyền được giải thoát khỏi sự túng thiếu về kinh tế (freedom from want)

4) quyền được giải thoát khỏi sự sợ hãi (freedom from fear), sợ hãi do nạn xâm lược bên ngoài và chuyên chế bên trong.

Tại Hội Nghị San Francisco, 50 quốc gia sáng lập LHQ đã ký kết bản hiệp ước quốc tế mệnh danh là Hiến Chương LHQ (1945) để duy trì hòa bình cho các quốc gia và thực thi nhân quyền cho con người.

Năm sau, LHQ thành lập Ủy Ban Nhân Quyền để soạn thảo Luật Quốc Tế Nhân Quyền.

Và ngày 10-12-1948, Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ) đã được Đại Hội Đồng LHQ thông qua với 48 phiếu thuận và không phiếu chống.

Kể từ ngày đó, nhân quyền không còn là một vấn đề nội bộ của các quốc gia mà là một vấn đề quốc tế, một vấn đề toàn cầu.

Thân tâm an lạc

26 nhân quyền căn bản ghi trong TNQTNQ được bổ túc và khai triển bởi Công Ước về những Quyền Dân Sự và Chính Trị (CUDSCT) và Công Ước về những Quyền Kinh Tế Xã Hội và Văn Hoá (CUKTXHVH) do LHQ ban hành năm 1966.

26 Nhân Quyền căn bản có thể chia thành bốn loại như sau:

1) Những quyền dân sự cho bản thân con người (hay là Quyền Tự Do Thân Thể)

2) Những quyền dân sự của con người trong đời sống xã hội (hay là Quyền An Cư)

3) Những quyền kinh tế xã hội và văn hóa giáo dục (hay là Quyền Lạc Nghiệp)

4) Những quyền tự do tinh thần và tự do chính trị (hay là Quyền Tự Do Dân Chủ)

Tự Do Thân Thể thuộc về **Thân**

Tự Do Tinh Thần và Tự Do Chính Trị thuộc về **Tâm.**

Cùng với những Quyền An Cư và Lạc Nghiệp, *mục đích tối hậu của Nhân Quyền là tạo điều kiện cho con người được Thân Tâm An Lạc.*

Với bản chất bất phục và ngoan cố, đảng Cộng sản đã phủ nhận, khinh miệt nhân quyền và cũng không tôn trọng và thực thi nhân quyền. Họ cho rằng nhân quyền chỉ là những ý niệm Tây Phương không phù hợp với những giá trị Đông Phương.

Đó là một luận điệu ngoan cố và ấu trĩ. Nhân quyền nhằm ba mục đích cao quý là:

1) Đem lại tự do hạnh phúc cho con người,

2) Duy trì Hòa bình hữu nghị cho các quốc gia dân tộc, và

3) Xây dựng một thế giới đại hòa trên ba căn bản bình đẳng, hợp tác và hữu nghị. Đây là ước mơ ngàn đời của nhân loại theo đó "người trong bốn biển đều là anh chị em."

Nhân quyền có hai loại: những quyền của con người (quyền dân sự và chính trị) và những nhu cầu của con người (quyền kinh tế xã hội và văn hoá giáo dục).

Những quyền tự do thân thể gồm có:

Quyền sống, không bị thủ tiêu cá nhân hay tàn sát tập thể, quyền sống trong tự do không bị nô lệ hay nô dịch, quyền an ninh thân thể không bị tra tấn hành hạ, không bị bắt giam độc đoán, quyền được xét xử công bằng, được tòa án và luật pháp bảo vệ, quyền bình đẳng trước pháp luật v.v...

Những quyền tự do tinh thần và tự do chính trị gồm có quyền tự do tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do tuyển cử hay quyền tham gia chính quyền. Những nhân quyền này không phải là những ý niệm Tây phương mà là những quyền phổ cập của con người khắp nơi trên thế giới.

Những quyền an cư lạc nghiệp như quyền tự do cư trú và đi lại, tự do xuất ngoại và hồi hương, quyền riêng tư, quyền tị nạn, quyền tư hữu, quyền được làm việc, được trả lương tương xứng và công bằng, có mức sống khả quan, quyền y tế, quyền giáo dục, quyền văn hóa v.v... Những quyền này cũng không phải là những ý niệm Tây phương mà là những quyền hay nhu cầu thiết yếu của con người khắp nơi trên thế giới.

Vả lại, *ý niệm Thân Tâm An Lạc chính là một ý niệm nhân bản và đạo lý Đông phương.*

Phản bội thỉnh nguyện thư (1919)

Nếu Đảng CS còn hồ nghi về điểm này, họ chỉ cần đọc lại *Thỉnh Nguyện Thư (TNT) của Dân Tộc Việt Nam* do Nguyễn Ái Quốc đại diện Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước đệ trình các chính phủ đồng minh và chính phủ Pháp sau Thế Chiến Thứ Nhất (1919). Thỉnh Nguyện Thư có phần chủ văn như sau:

"Từ sau cuộc chiến thắng của đồng minh (...) một kỷ nguyên mới của luật pháp và công lý sẽ khai mở, đem lại hy vọng chứa chan cho các dân tộc bị trị (...) Trong khi chờ đợi quyền Dân Tộc Tự Quyết được thừa nhận và thực thi, dân tộc Việt Nam trân trọng đệ trình các chính phủ đồng minh và chính phủ Pháp những thỉnh nguyện khiêm tốn sau đây..."

Về cơ chế, TNT yêu cầu thiết lập chế độ pháp trị thay thế chế độ cai trị bằng nghị định và nghị quyết (régime des lois).

Về tư pháp, TNT yêu cầu bãi bỏ vĩnh viễn và toàn thể các Tòa Án Đặc Biệt là công cụ khủng bố và đàn áp (suppression des Tribunaux d'Exception)

Về nội dung, TNT có đề cập (nhắc khéo) đến quyền Dân Tộc Tự Quyết và những quyền tự do căn bản sau đây:

1. Đại Xá Chính Trị Phạm (quyền sống của tù nhân chính trị)
2. Quyền Bình Đẳng trước Pháp Luật
3. Tự Do Ngôn Luận và Báo Chí

4. Tự Do Hội Họp và Lập Hội
5. Tự Do Di Trú và Đi Lại
6. Tự Do Giáo Dục
7. Thiết lập chế độ Pháp Trị
8. Tự Do Tuyển Cử để bầu Phái Bộ Thường Trực Việt Nam tại Quốc Hội Pháp (để đạo đạt những nguyện vọng của nhân dân Việt Nam lên Quốc Hội Pháp).

Trong tám thỉnh nguyện hay nhân quyền này có hai quyền Tự Do Thân Thể (Quyền 1 và 2), ba quyền Tự Do Chính Trị (Quyền 3,4 và 8), một quyền An Cư (Quyền 5), một quyền Lạc Nghiệp (Quyền 6) và một thỉnh nguyện về tổ chức cơ chế (Điều 7).

TNT đứng tên Nguyễn Ái Quốc, đại diện Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước (Groupe des Patriotes Annamites). Hội này do L.S. Phan Văn Trường (người Luật Sư Việt Nam đầu tiên) thành lập năm 1914 để đấu tranh công khai, ôn hòa, và bất bạo động, đòi tự trị và độc lập cho Việt Nam. TNT nêu lên chủ trương hợp tác và thương nghị với Pháp.

Nguyễn Ái Quốc là bút hiệu chung của Phan Văn Trường (Luật Sư), Nguyễn Thế Truyền (Kỹ Sư), và Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh). *"Nguyễn"* là dòng họ đa số tại Việt Nam và *"Ái Quốc"* là phỏng theo tên *Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước.*

Năm 1919, Tổng Thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson qua Pháp tham dự Hội Nghị Versailles và Hội Quốc Liên (tổ chức tiền thân của Liên Hiệp Quốc). Phan Văn Trường đã cùng Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành đến yết kiến Tổng Thống Wilson để đệ trình TNT tám điểm nói trên. Chúng ta biết chắc rằng L.S. Phan Văn Trường là tác giả TNT vì ông đề cập đến những vấn đề pháp lý chuyên biệt như chế độ pháp trị, chế độ tòa án đặc biệt, quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng trước pháp luật v.v...Ông cũng đề nghị thành lập Phái Bộ Thường Trực Việt Nam tại Quốc Hội Pháp vì, cùng với Phan Chu Trinh, ông đã từng được Quốc Hội Pháp mời đến điều trần và đạo đạt những thỉnh nguyện của người Việt Nam về chính sách của Pháp tại Đông Dương.

Ngày nay sau hơn tám thập niên, Đảng CS vẫn không thực thi tám nguyện vọng của dân tộc Việt Nam nêu trong Thỉnh Nguyện Thư.

Trước hết Đảng Cộng Sản không tôn trọng quyền dân tộc tự quyết được quy định trong Hiến Chương LHQ và trong hai Công Ước Quốc Tế Nhân Quyền LHQ. Họ không cho phép người dân được tự do lựa chọn chế độ chính trị của quốc gia. Nếu ngày nay ĐCS tổ chức trưng cầu dân ý cho người dân được quyền lựa chọn chế độ chính trị, thì ít nhất

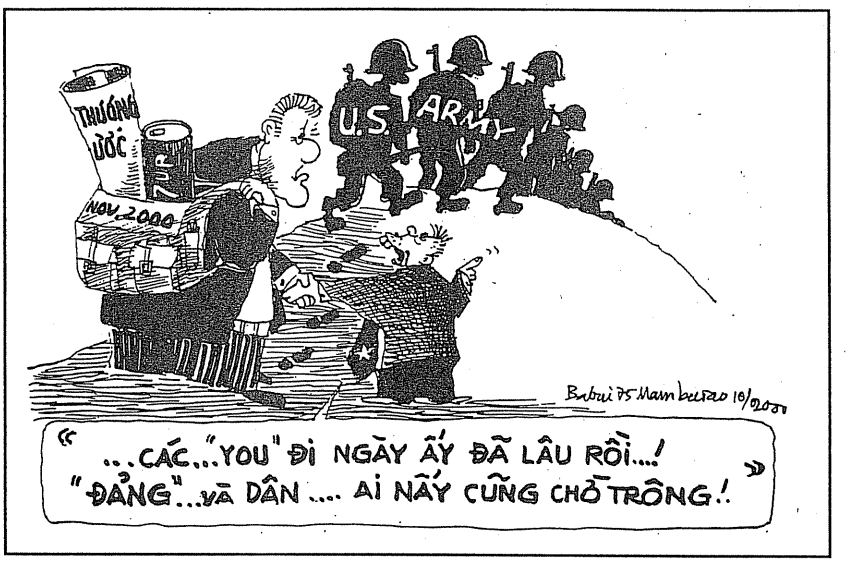

90% nhân dân sẽ lựa chọn chế độ tự do dân chủ và kinh tế thị trường và bác bỏ chế độ vô sản chuyên chính (được núp sau chiêu bài xã hội chủ nghĩa).

Ngoài ra họ đã vi phạm thô bạo tất cả tám nhân quyền ghi trong Thỉnh Nguyện Thư:

1. *Vi phạm chế độ pháp trị* bằng cách cai trị bởi nghị quyết hay nghị định, như nghị định 31/CP năm 1997 ban hành quy chế quản chế hành chánh.

2. *Vi phạm quyền sống* của con người bằng cách thủ tiêu những người quốc gia yêu nước và tàn sát tập thể đồng bào các giới vì lý do tôn giáo, chính kiến, thành phần xã hội hay tài sản. Ngoài ra họ còn vi phạm quyền an ninh thân thể bằng cách bắt giữ độc đoán và tra tấn hành hạ các tù nhân lương tâm, tù nhân chính trị, tù nhân tôn giáo v.v...

3. *Vi phạm quyền bình đẳng trước Pháp luật* vì đã kỳ thị đối xử đối với các tôn giáo, với

những người có chính kiến phản kháng, đối với các tầng lớp xã hội phi vô sản đặc biệt đối với các gia đình quân cán chính và trí thức văn nghệ sĩ gốc Việt Nam Cộng Hoà.

4. *Vi phạm quyền tự do ngôn luận và báo chí* bằng cách không cho công dân được quyền ra báo. Hiện nay ngoài các hệ thống truyền thanh truyền hình và các loa công cộng tại phường khóm xã ấp, ĐCS còn phát hành trên 300 nhật báo và tạp chí để hướng dẫn và đầu độc dư luận quần chúng. Bất cứ ai phát biểu điều gì trái với chính sách của nhà cầm quyền đều có thể bị truy tố về các tội tuyên truyền chống chế độ, lạm dụng quyền dân chủ, phá hoại chính sách đoàn kết quốc gia, phản nghịch, phản quốc hay âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân. Mới đây Hà Sĩ Phu đã bị truy tố về tội phản quốc mà hình phạt có thể đến tử hình, vì ông đã công khai tuyên bố giã từ chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. *Vi phạm quyền tự do hội họp và lập hội,* không cho thành lập xã hội dân sự. Họ chỉ hợp thức hoá các hội quốc doanh như công đoàn nhà nước, giáo hội quốc doanh, và các đoàn thể cứu quốc là những tổ chức ngoại vi của ĐCS. Trong một vụ án chính trị chỉ có hai bị cáo (Nguyễn Đan Quế và Nguyễn Văn Thuận) cũng đủ để truy tố họ về tội âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân.

Về các hội chính trị, ĐCS là độc đảng và nắm độc quyền lãnh đạo.

6. *Vi phạm quyền tự do cư trú và đi lại* như việc ban hành quy chế quản chế hành chánh và quản thúc tại gia để biến tư thất thành ngục thất (nhà tù nhỏ) và biến đất nước thành một khám đường lớn (nhà tù lớn).

7. *Vi phạm quyền tự do tuyển cử* vì trong chế độ "đảng cử dân bầu" người dân không có quyền ứng cử và bầu cử. Mới đây tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang đã bị bác đơn ứng cử đại biểu quốc hội chỉ vì có những hành vi và tư tưởng đối kháng đường lối của nhà cầm quyền.

8. *Vi phạm quyền tự do giáo dục* để được độc quyền tư tưởng nhằm truyền bá chủ thuyết Mác Lê để nhồi sọ và đầu độc các thế hệ thanh thiếu niên. Hơn nữa, nhà cầm quyền Hà Nội đã bất lực trong việc tổ chức một hệ thống giáo dục tiểu học miễn phí quy định trong Công Ước Kinh Tế Xã Hội và Văn Hoá mà họ đã tham gia năm 1982. Chiếu theo Công Ước này, các quốc gia hội viên có nghĩa vụ tổ chức hệ thống giáo dục tiểu học miễn phí trong vòng hai năm kể từ ngày ký kết hay tham gia Công Ước. Như vậy từ 16 năm nay, nhà cầm quyền Hà Nội đã vi phạm quyền giáo dục miễn phí của học sinh.

Vì Đảng CS đã phản bội tám nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt Nam nên Thỉnh Nguyện Thư 1919 đã trở thành Bạch Thư năm 2000 để tố cáo những vi phạm nhân quyền thô bạo của Đảng CS.

Phản bội Tuyên ngôn Độc lập (1945)

Ngoài việc phản bội Thỉnh Nguyện Thư của Dân Tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc công bố năm 1919 nhân danh Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước, ĐCS còn phản bội bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945 do Hồ Chí Minh tuyên đọc tại Quảng Trường Ba Đình, Hà Nội.

Tuyên Ngôn Độc Lập Việt Nam đã phỏng theo Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ (1776) bằng lời mở đầu:

"Con người sinh ra bình đẳng và được Tạo Hóa ban cho những quyền bất khả chuyển nhượng như quyền Sống, quyền Tự Do và quyền Mưu Cầu Hạnh Phúc."

Với chính sách ngụy trang và dối trá, dùng giả nhân giả nghĩa để cướp chính nghĩa, ĐCS chỉ nêu lên những mục tiêu ghi trong Tuyên Ngôn Độc Lập làm chiêu bài hay bánh vẽ để vận dụng lòng yêu nước của người dân, hầu thực hiện mục tiêu chiến lược của họ là cướp chính quyền.

Do đó họ đã không thực thi các mục tiêu của Tuyên Ngôn Độc Lập và đã vi phạm tất cả các nhân quyền ghi trong Tuyên Ngôn.

1.- *Vi phạm quyền sống của con người* bằng cách thủ tiêu cá nhân và tàn sát tập thể. Thủ tiêu cá nhân vì lý do chính kiến như việc hạ sát những người quốc gia yêu nước như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, Đức Huỳnh Phú Sổ, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Khái Hưng, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà v..v...

Tàn sát tập thể vì lý do tôn giáo, như việc bắn giết các giáo hữu Cao Đài tại Củ Chi trong Chiến Tranh Đông Dương. Tàn sát tập thể vì lý do chính kiến như việc sát hại năm ngàn người quốc gia tại Huế trong dịp Tết Mậu Thân 1968. Tàn sát tập thể vì lý do thành phần xã hội hay tài sản như việc sát hại 200 ngàn nông dân trong năm đợt đấu tố cải cách ruộng đất trong thập niên 1950.

Vi phạm quyền sống trong tự do, không bị nô lệ hay nô dịch. Như Tần Thủy Hoàng bắt dân làm nô dịch để xây Vạn Lý Trường Thành, ngày nay nhà cầm quyền Hà Nội bắt dân làm nô dịch để xây Xa Lộ Trường Sơn. Xây Xa Lộ Trường Sơn không phải vì lý do phát triển kinh tế mà chỉ để xây *Huyền Thoại Hồ Chí Minh* (vì Xa Lộ Đông Trường Sơn là hiện thân của đường mòn Hồ Chí Minh).

Nhà cầm quyền Hà Nội còn dung túng việc mua bán các phụ nữ Việt Nam để làm *nô lệ tình dục* hay hộ lý tập thể tại một số quốc gia Á Châu như Trung Hoa, Cam Bốt v.v...

2.- *Vi phạm quyền tự do dân chủ của người dân*

Đảng Cộng Sản hứa hẹn sẽ thiết lập một chế độ dân chủ gấp triệu lần các chế độ dân chủ tư sản Tây Phương. Đây chỉ là một khẩu hiệu tuyên truyền.

Ngày nay chúng ta không so sánh Việt Nam với các nước Tây phương và cũng không so sánh Việt Nam với các nước Á Châu như Ấn Độ, Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Phi Luật Tân v.v...

Chúng ta hãy lấy nước láng giềng Cam Bốt làm đối tượng so sánh mức độ dân chủ của hai nước trong bán đảo Đông Dương.

Bốn thước đo dân chủ là:

1) tự do tôn giáo 2) tự do báo chí 3) tự do lập hội và 4) tự do tuyển cử.

Với tổng số 100 điểm cho bốn quyền tự do, mỗi quyền được chấm tối đa 25 điểm.

1) *Tự do tôn giáo:*

Cam Bốt tương đối không có đàn áp tôn giáo: 15 điểm

Việt Nam: đàn áp tôn giáo trên thực tế và chủ trương tiêu diệt tôn giáo theo chủ thuyết: 0 điểm.

2) *Tự do báo chí:*

Cam Bốt có các báo đối lập và độc lập: 10 điểm

Việt Nam: công dân không được quyền ra báo: 0 điểm

3) *Tự do lập đảng:*

Cam Bốt: ít nhất có ba đảng: Đảng Nhân Dân của Hun Sen, Đảng Bảo Hoàng của Ranariddh và Đảng Quốc Gia của Rainsy: 15 điểm

Việt Nam: ĐCS là độc đảng: 0 điểm

4) *Tự do tuyển cử:*

Cam Bốt: Trong cuộc bầu cử mới đây, Đảng Nhân Dân chỉ được 43% số phiếu, trong khi các đảng đối lập Bảo Hoàng và Quốc Gia chia nhau hơn 50% số phiếu.

Nếu phe dân chủ biết kết hợp lại trong thế liên minh lưỡng đảng, thì ngày nay rất có thể Ranariddh đã trở thành thủ tướng và Rainsy thành phó thủ tướng: 10 điểm

Việt Nam: dưới chế độ "đảng cử dân bầu," dân chỉ bầu lên các đại biểu do ĐCS cử ra: 0 điểm

Tổng cộng: Cam Bốt: 50 điểm

Việt Nam: 0 điểm

Đây là mối nhục cho Việt Nam. Từ ngày lập quốc chưa bao giờ uy thế của Việt Nam trên trường quốc tế lại sa sút như vậy.

Và Việt Nam ngày nay đã đứng chót trong bậc thang dân chủ của 190 quốc gia trên thế giới.

3.- *Vi phạm quyền mưu cầu hạnh phúc của người dân*

Về mặt kinh tế xã hội, nhà cầm quyền Hà Nội đã không giữ lời cam kết sẽ đem lại cơm no áo ấm cho người dân. Họ đã áp dụng chính sách kinh tế quốc doanh và tập trung tất cả các tài sản quốc gia trong tay nhà nước. Họ đã hoàn toàn thất bại trong việc đem lại cho người dân một mức sống khả quan, có công ăn việc làm, được trả lương tương xứng và công bằng, được quyền an sinh xã hội, quyền bảo trợ gia đình v.v...

Việt Nam ngày nay là một trong những nước nghèo đói nhất trên thế giới, lợi tức bình quân mỗi đầu người chỉ bằng 1/50 tại Tân Gia Ba, 1/15 tại Mã Lai, 1/10 tại Thái Lan, 1/4 tại Nam Dương hay Phi Luật Tân và không bằng 1/3 tại Congo (lợi tức bình quân năm 1996 tại Việt Nam là 290 Mỹ Kim so với 990 Mỹ Kim tại Congo).

Hơn nữa những bất công và bất bình đẳng xã hội đã gây nên sự chênh lệch giàu nghèo quá đáng, khiến cho lợi tức thực tế của người dân trung bình tại nông thôn còn kém xa con số lý thuyết 290 Mỹ Kim một năm.

Và Việt Nam ngày nay là nước nghèo đói nhất trong số 170 quốc gia trên thế giới.

*

Cũng vì những lý do nói trên, ĐCS không có tư cách và khả năng lãnh đạo quốc gia.

Và chế độ CS phải được giải thể để người dân được quyền mưu cầu hạnh phúc bằng cách thiết lập một chế độ dân chủ pháp trị, trong đó các nhân quyền và dân quyền được tôn trọng, kinh tế quốc gia được phát triển và công bằng xã hội được thực thi.●

Đọc Tác Phẩm Mới của Ngô Thế Vinh:

"CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG"*

ĐỖ HẢI MINH

LTS: *Đỗ Hải Minh là một cây viết quen thuộc trên báo Bách Khoa trước 1975, chuyên khảo về lịch sử và văn minh Chàm. Sẽ xuất bản năm 2000: "Dân Tộc Champa: Hành trình Tìm về Cội Nguồn." Xuất thân Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và tốt nghiệp M.A. Đại Học Kansas, Hoa Kỳ. Lớn lên ở miệt Hậu Giang Châu Đốc nên rất am tường về hệ sinh thái đồng bằng sông Cửu Long.*

Mùa Nước Lên và Mùa nước giựt tại vùng châu thổ sông Cửu Long

Trong nhiều thập niên trước đây, người dân vùng châu thổ sông Cửu Long, tức Mekong, đã quen sống với nạn ngập lụt hàng năm như là một hiện tượng thiên nhiên đến đều đặn theo chu kỳ, nên nhà cửa dọc hai bên sông rạch thường cất theo kiểu nhà sàn, và chiều cao của các cây cột sàn thường được tính toán vừa cho không ngập lụt sàn nhà. Chỉ trừ những năm Thìn thì hầu như đã thành thông lệ, mực nước dâng cao hơn, nhà nhà đều sẵn sàng sống những ngày nước ngập sàn, phải kê cao giường lên để ngủ, chờ đến ngày mực nước hạ xuống (người địa phương gọi là "nước giựt") gia đình con cái mới trở lại nền nếp sanh hoạt bình thường. Do đó, tại vùng châu thổ sông Mekong, giới bình dân thường quen và bình tĩnh sống và chịu đựng với cái gọi là "mùa nước lên" thay vì "mùa lũ lụt" như ở miền Bắc hoặc miền Trung, như được phổ biến sau này.

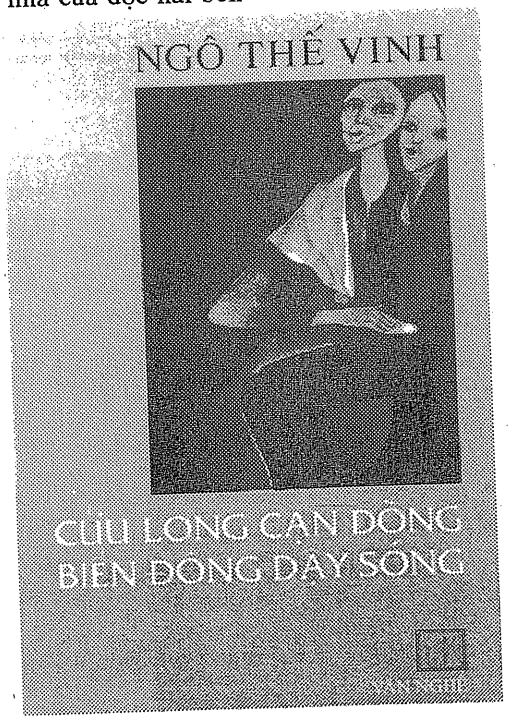

Dấu hiệu báo mùa nước lên tại vùng châu thổ sông Mekong chủ yếu là vào khoảng tháng Tám âm lịch, từng giề lục bình hoặc rau muống, đôi khi choán cả chiều rộng con sông, nguyên từ các cánh đồng trên đất Cam Bốt bị nước ngập, trốc gốc, nối đuôi nhau trôi chật sông theo dòng nước xuống đến phần đất Việt Nam. Mực nước từ từ dâng cao rồi tràn qua các bờ sông rạch, làm ngập các cánh đồng, cho nên vùng châu thổ có loại lúa sạ, tăng trưởng theo mực nước dâng cao có khi đến bảy, tám thước, và khi nước giựt khô ráo, thân cây lúa nằm rạp mình trên đất chờ gặt.

Để tiết giảm áp lực nước đổ xuống, người ta đã đào một hệ thống kinh chằng chịt tại vùng châu thổ sông Mekong đồng thời khai thác tác dụng rửa phèn cho vùng đất mới để canh tác.

Đến mùa nước lên, người ta phải canh chừng đo mực nước hằng giờ để báo động kịp thời khi mực nước vượt quá mức bình thường các năm trước. Khi áp lực nước từ thượng nguồn bớt đi, thì mực nước liền đứng lại và hạ xuống rất nhanh cho nên trong bình dân gọi là "nước giựt." Người

ta nói nước giựt, vì mực nước hạ xuống trông thấy rõ từng phút từng giờ.

Nước lên và nước giựt, tuy nhiên, không diễn ra đồng đều cùng một lúc. Trên dòng nước cuồn cuộn chảy ra các cửa biển, hễ ở vùng Châu Đốc nước giựt xuống thì vùng Cần Thơ, Vĩnh Long, v.v. ở hạ lưu nước lại bắt đầu dâng lên, ngập tràn bờ, tràn đồng, rồi cũng lại hạ xuống, giống như hiện tượng xảy ra trong bình thông nhau.

Cùng với con nước đục ngầu mang theo phù sa, các loại cá lội theo vào ruộng đồng đẻ trứng, cho đến thời kỳ nước giựt thì loại nước cỏ vàng xậm từ trong đồng ruộng chảy ra, vô số cá con lúc nhúc từng đàn, nhứt là loại cá linh, theo nhau ùa tràn trở ra các kinh rạch để ra sông lớn, cho nên dọc theo các kinh rạch này, người ta đóng đáy bắt cá, có thời điểm cá rộ, lưới không chịu nổi phải giở lên thả cho đi bớt; bằng không thì sẽ bị lủng lưới.

Với mùa nước lên và mùa nước giựt như vậy, hệ sinh thái vùng châu thổ sông Cửu Long được cân bằng một cách tự nhiên, và hễ năm nào mực nước dâng lên cao quá mức bình thường thì người dân thường đơn giản nghĩ là do thiên tai ngoài tầm với của con người.

Hiện tượng cân bằng sinh thái tự nhiên đó không còn nữa, từ khi dân số vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long tăng cao do việc thiết lập các khu định cư tiếp đón dân các vùng khác đến sanh sống, nhiều nơi đắp bờ ngăn giữ nước trồng lúa ngắn ngày gia tăng sản lượng. Ngày xưa, các thế hệ tiền nhân đến lập nghiệp thường chọn các khu đất gò, tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, gọi là "đất giồng," nên đến mùa nước lên, các cánh đồng bát ngát cò bay thẳng cánh biến thành biển nước mênh mông, thì đất giồng này vẫn là các khu an toàn cho người dân và cả cho các loài rắn. Ngược lại, trong vài thập niên qua, các khu định cư mới thường chỉ nhằm vào các vùng đất có điều kiện cho đồng bào canh tác, nên khi đến mùa nước dâng lên, có nơi phải ngập sâu xuống cả hai, ba thước nước, nên cái mà giới bình dân thường quen gọi là "thiên tai" hẳn nhiên phải nặng nề và tác hại nhiều hơn. Ngoài ra, điều mà các nhà môi trường học đã lớn tiếng kêu gào nhiều nhất trong những năm gần đây là nạn chặt cây phá rừng bừa bãi; những rừng cây xanh um từ xưa mang chức năng giữ lại trong lòng đất một lượng nước quan trọng ở các đầu nguồn thì nay không còn nữa hoặc đã biến thành quá lưa thưa, nên nước mưa xuống thì cứ thẳng chảy ra, làm tăng khối lượng nước ngoài dòng sông và hẳn nhiên mực nước sông phải dâng cao khi mưa nhiều ở thượng nguồn.

Cửu Long Cạn Dòng, một nghịch lý?

Nhà văn Ngô Thế Vinh vừa cho ra đời một tác phẩm mới nhan đề khá hấp dẫn: "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" do Nhà Xuất Bản Văn Nghệ ấn hành, đã được các giới thân hữu, nhứt là Nhóm Bạn Sông Cửu Long tiếp đón với rất nhiều phấn khởi như là một đóng góp lớn cho sanh hoạt bảo vệ môi trường.

Nhưng một câu hỏi có thể được nêu lên ngay là liệu nhan đề tác phẩm như có tiềm ẩn một cái gì nghịch lý hay không? Bởi lẽ một đàng, mực nước ồ ạt dâng cao và dòng nước sông Mekong chảy siết từ Cam Bốt xuống phần đất Việt Nam, trong cuối tháng Chín và đầu tháng Mười năm 2000 vừa qua đã làm cuốn trôi nhiều nhà cửa kể cả các nhà sàn dọc theo các kinh rạch, đã gây chết hơn 300 nhân mạng, các cộng đồng người Việt hải ngoại, theo tinh thần tương thân tương trợ giữa đồng bào ruột thịt, đang vất vả và tích cực tổ chức quyên góp cứu trợ, tác phẩm của Ngô thế Vinh lại nêu lên sự cạn dòng, có nghĩa là dòng Cửu Long không còn nước chảy nữa, thì nghĩa là sao?

Sự thực, nạn ngập lụt khiến nước tràn bờ, tràn đồng tại đồng bằng sông Cửu Long do lượng nước dồn dập từ trên thượng nguồn đổ xuống là một hiện tượng xảy ra hàng năm theo chu kỳ nhứt định, và kéo dài trong một thời gian một hai tháng là cùng. Trong trường kỳ, trái lại, không phải chỉ là vấn đề tràn ngập nước nữa, mà là vấn đề mực nước dòng sông Mekong có khuynh hướng ngày càng hạ xuống, sẽ đưa dẫn đến nguy cơ cạn kiệt, một nguy cơ tác hại quy mô khó lường, khó mà chận đứng được, và giải pháp không còn có thể là tích cực quyên góp cứu trợ nhứt thời nữa.

Khuynh hướng cạn kiệt nước, trước mắt, sau những ngày nước tràn đồng theo chu kỳ hàng năm, đã được các nhà khoa học ghi nhận ở hiện tượng vùng nước nhiễm mặn từ các cửa Tiền Sông Hậu đang ngày càng lấn sâu vào nội địa, và dấu hiệu là các loại cá chuyên sống vùng nước lợ đã bắt đầu được phát hiện ở một số vùng trước chỉ có các loại cá nước ngọt sanh sống. Nạn nhiễm mặn không những chỉ diễn ra tại các dòng sông mà còn thấm vào lòng đất khiến các giếng nước ngọt đào trong

các vùng sâu bên trong cũng sẽ không còn sử dụng được. Trên các vùng nước nhiễm mặn hẳn nhiên sẽ không còn các giống lúa truyền thống nữa, và điều tai hại đang đe dọa trong tương lai là cho đến nay, chưa có một giống lúa nào được tạo được trong các phòng thí nghiệm có thể thích ứng với vùng đất nhiễm mặn cả. Như vậy, liệu Việt Nam có thể còn giữ được sản lượng gạo xuất cảng vào hàng nhì thế giới như hiện nay hay không? Và trong lâu dài, nếu tình hình xấu đi hơn nữa, liệu người dân Việt trong nước sẽ còn đủ gạo để ăn hay không? Đó là những câu hỏi chủ yếu mà tác giả với một thủ thuật văn pháp kỳ diệu đã lần đưa người đọc phải quan tâm tìm hiểu thêm.

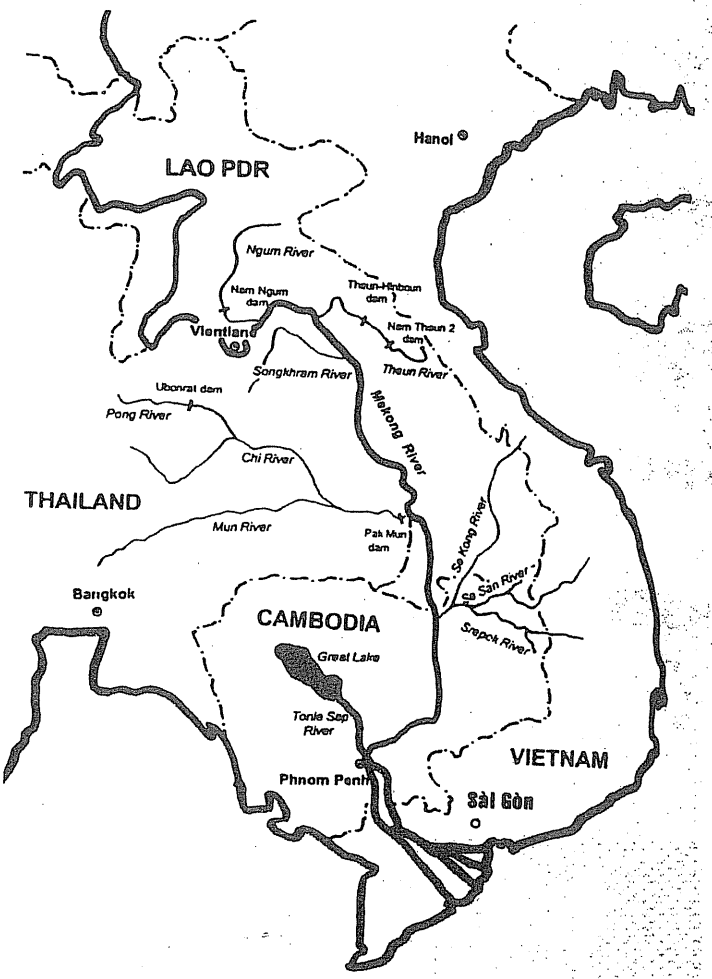

Sông Cửu Long qua ba nước Đông Dương và các phụ lưu của nó.

Nguyên nhân hiện tượng cạn dòng của sông Mekong có thể được tìm thấy trước mắt không phải trong thiên tai, mà trong chính tác động của con người. Để tranh thủ ngoi lên, mỗi nước nằm trên dòng chảy của sông Mekong - tất cả đều là những nước đang phát triển - đều cùng muốn làm sao tự sản xuất nhiều năng lượng chừng nào hay chừng nấy, để sử dụng vào công cuộc phát triển kinh tế, trong đó nền kỹ nghệ được đặt ưu tiên hàng đầu. Giấc mơ phát triển này đã và đang thúc đẩy các nước nằm trên dòng chảy của sông Mekong đua nhau hình thành các dự án thiết lập và xây dựng những đập nước, lắp đặt các nhà máy thủy điện, tạo ra nguồn năng lượng than trắng, nguồn năng lượng giá rẻ nên tương đối hấp dẫn do không lệ thuộc vào việc nhập cảng dầu từ các nước ngoài hao tốn ngoại tệ.

Theo công pháp quốc tế, giữa các nước có lãnh thổ liền nhau đều có phân định biên giới quốc gia bắt buộc công dân và hàng hóa từ nước này sang nước kia phải tuân theo một số điều kiện; riêng về nước trên con sông thì cứ theo dòng mà chảy xuôi chớ không có gì hạn chế cả. Tuy nhiên, từ khi kỹ thuật thiết lập các đập nước được thực hiện, đòi hỏi phải ngăn và chuyển dòng sông để đưa nước vào các hồ chứa dự trữ khổng lồ, được tính toán đều đặn tháo ra theo lượng hoạch định, dùng vận hành các turbin khổng lồ làm ra điện.

Hậu quả trước mắt của công cuộc chuyển dòng để dự trữ lượng nước cho riêng quốc gia mình, hẳn nhiên, chẳng những làm biến đổi dòng chảy thiên nhiên mà còn làm giảm khối lượng nước chảy xuôi dòng bình thường từ thượng nguồn ra biển cả như từ bao thế kỷ nay. Về mặt này, ai cũng rõ, Trung Quốc là nước có lợi thế hơn cả do lãnh thổ nằm ở vị trí đầu nguồn của sông Mekong, và trên thực tế, Trung Quốc, từ vài thập niên qua, đã triệt để khai thác vị trí tối thuận lợi của mình để xây dựng một loạt các con đập bậc thềm, bất

kể quyền lợi của các nước ở hạ lưu. Kế tiếp, theo thứ tự, các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào rồi Cam Bốt, và Việt Nam là nước nằm ở cuối nguồn hẳn nhiên phải chịu thiệt hơn cả.

Theo những điều trình bày trên, sự ra đời của tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" thoạt nhận thì thấy hình như là một nghịch lý, trước nạn lũ lụt hoành hành tại vùng châu thổ sông Cửu Long, dấy lên những phong trào rầm rộ cứu lụt trong các cộng đồng người Việt hải ngoại. Nhưng khi đặt vấn đề dòng sông Mekong trong một bối cảnh quy mô toàn vùng và trong lâu dài có nguy cơ cạn kiệt, thì tác phẩm, nói chung, phản ánh một nỗ lực thu hút mọi người quan tâm đến một ngày mai, xây dựng một viễn tượng đúng đắn về địa lý chánh trị học (geopolitics) mở rộng tầm nhìn mang tính chiến lược soi sáng tiềm năng khả dụng cùng những mặt hạn chế, nhứt là của các nước nằm ở hạ lưu, trong việc khai thác nguồn nước sông Mekong phục vụ phát triển kinh tế, trước chánh sách ngạo mạn nước lớn của Trung Quốc ở trên thượng nguồn.

Cửu Long cạn Dòng, Biển Đông dậy Sóng

Trong bối cảnh kể trên và qua cách trình bày, người đọc có thể nhận ra ngay, tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng," dày 646 trang, không phải là tác phẩm thuộc dạng tiểu thuyết hay truyện như "Mây Bão," "Bóng Đêm," Gió Mùa," "Vòng Đai Xanh," "Mặt Trận Ở Sài Gòn" đã xuất bản trước đây, nguyên đã tạo nên một thế đứng vững chắc được nể trọng cho Ngô Thế Vinh trong văn giới trong những năm qua.

Về cấu trúc, sách được phân chia thành 23 chương cộng thêm những trang "Lời Dẫn Nhập," một phần Phụ lục về "Ký Họa Đoàn Thám Hiểm Sông Mekong 1866-1873," và đoạn "Thay Lời Kết" ở những trang cuối cùng.

Ở cuối đoạn "Dẫn Nhập," tác giả ghi "Cà Mau Năm Căn 11/99," thoạt nhận, có thể làm người đọc không am tường, hiểu lầm, cho là tác phẩm xuất xứ từ trong nước. Thực sự, địa danh Cà Mau - Năm Căn chỉ phản ánh quá trình hình thành tác phẩm bao gồm cả chuyến đi khảo sát thực địa tận trong nước thể hiện qua những hình ảnh rất phong phú, sống động in ở sau mỗi chương sách, bên cạnh những hình ảnh của những thời xa xưa nói lên những cuộc tra cứu tư liệu rất công phu, đòi hỏi nhiều thời gian vật chất, ghi lại những nguồn tham khảo vẫn tưởng đã bị dòng thời gian chôn sâu vào quên lãng.

Để tiện cho người đọc theo dõi và vị trí hóa các sự kiện lịch sử về con sông Mekong, ngay ở phần đầu, tác giả đã cẩn thận lập ra bảng kê các niên biểu trải rộng qua bảy quốc gia, từ thế kỷ thứ I mãi đến năm 2000 là năm hoàn thành cây cầu Mỹ Thuận bắc qua Sông Tiền, gợi lên một tầm nhìn khoáng đạt, bao quát chớ không nhứt thiết giới hạn trong một khung địa lý thu hẹp ở một địa phương.

Tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" được hình thành theo một thể tài khá lý thú và độc đáo. Theo giải bày của Ngô Thế Vinh trong Lời Dẫn Nhập, thì "đây không thuần túy là một cuốn *'tiểu thuyết - fiction'* được hiểu như là một sản phẩm của tưởng tượng, nhưng là dạng *"dữ kiện tiểu thuyết - faction: fact & fiction"* với một số nhân vật văn học và phần dự phóng là hư cấu để cùng với người đọc đi tới những vùng đất, nơi có con sông Mekong hùng vĩ chảy qua..."

Mô thức *dữ kiện tiểu thuyết* là một sáng tạo độc đáo, duy nhứt, của nhà văn Ngô Thế Vinh, chắc chắn sẽ được đón nhận một số tranh luận, mở ra những cuộc trao đổi sẽ rất lý thú trong văn học sau này.

Hình như dụng ý của tác giả, chủ yếu nhằm khơi lên vấn đề từ chi tiết tạo nên một khung lý luận, đưa người đọc vào một số tình huống phải suy nghĩ, phải quan tâm đến một chủ đề bao quát lớn lao hơn bao trùm toàn bộ tác phẩm: dòng sông Mekong dưới tác động tai hại của các công trình thủy điện, mỗi nước dựa vào chủ quyền quốc gia cứ tùy tiện xây dựng, hầu hết chỉ tập chú vào sản lượng điện năng, xem nhẹ hoặc xem như không có các tác hại lâu dài về môi sinh, những tệ trạng về mọi mặt mà người dân trong vùng phải gánh chịu. Ngô Thế Vinh không đóng khung vấn đề trong nội vi một nước, mà còn cảnh giác về các tác hại của tiếp cận theo lối khép kín đóng cửa rút cầu này. Ngoài ra, Ngô Thế Vinh còn làm hiện rõ mối đe dọa cố hữu của nước lớn Trung Quốc ở đầu nguồn đang lạnh lùng hành động khống chế các nước ở hạ lưu, về mặt sử dụng lượng nước, về các chất thải kỹ nghệ âm thầm chảy xuống từ tỉnh Vân Nam nơi thượng nguồn...

Mỗi chương sách được đặt tên đôi khi nghe rất thi vị nhẹ nhàng nhưng thực chất là khai triển một đề tài gợi lên cho người đọc rất

nhiều xúc cảm phê phán gay gắt. Chẳng hạn như Chương XIV ghi là "Chuyến Tàu Lỡ Trên Sông Mekong Và Con Cá Đuối Trong Tỉnh Đồng Tháp," thực sự nội dung là vạch trần một cách thấm thía thái độ thiển cận của những viên chức chánh quyền Cộng Sản có trách nhiệm đã không cấp phép cho nhà thám hiểm biển sâu người Pháp, hầu như độc nhất vô nhị, nổi tiếng trên thế giới là Jacques-Yves Cousteau, xin mang chiếc tàu ngầm thám hiểm tý hon Calypso đi ngược dòng Mekong thu thập dữ kiện khoa học. Jacques-Yves Cousteau nay đã qua đời nên Việt Nam đã mất đi cơ hội bằng vàng để bổ sung phần hiểu biết khoa học vốn đã nghèo nàn về hệ sinh thái con sông Mekong!

Chương XXII mang tên "Tìm Về Phương Đông Địa Đàng Lại Đánh Mất" khêu gợi óc tò mò của người đọc, để lần theo các trang sách, từ từ phát hiện ra địa đàng chính là nền văn hóa cổ thời Đông Nam Á, với những dữ kiện mới được khám phá gần đây, những khu rừng mưa trên Cam Bốt, hệ thống thủy lợi và giao thông trên vùng Ốc Eo châu thổ sông Mekong.

Từ chương này sang chương khác, tác giả đã lần đưa người đọc đi qua các vùng đất các nền văn minh những nơi con sông Mekong chảy qua, bắt đầu từ vùng đầu nguồn ở Tây Tạng rồi sang Vân Nam, Miến Điện, qua Thái Lan, di chuyển qua Khu Tam Giác Vàng và lãnh thổ Lào với Cánh Đồng Chum. Từ những ngày ở Singapore, tác giả đã đưa người đọc về đất Cam Bốt với Cánh Đồng Chết thời Pol Pot, rồi mới quay về với vùng đất mẹ Việt Nam khốn khổ, đến Bến Tre, Cái Bè, đến vùng Tràm Chim Tam Nông đầm lầy rồi, rồi trở qua đất Lào, Cam Bốt, đi vào vùng Biển Hồ Tonlé Sap kỳ thú, rồi lại quay trở về Nam Việt Nam... Mỗi chương là một đề tài được nêu lên và phân tích theo những góc cạnh tiếp cận vô cùng phong phú và đa dạng, không chương nào giống chương nào cả. Tuy khác nhau về tình tiết, nhưng giữa các chương, như tác giả đã trình bày, được gắn liền bằng một dòng tư tưởng nhất quán, vẽ lên những bức tranh thường là đen tối đè nặng lên dòng sông Mekong do thảm trạng các nước đua nhau thực hiện các công trình xây dựng đập vận hành các nhà máy thủy điện, chặn giữ nước và làm ô nhiễm lượng nước từ thượng nguồn.

Trong quá trình triển khai nội dung từng chương, tác giả thường tận dụng cơ hội cung ứng những dữ kiện và thông tin quý báu, được minh họa bằng các hình ảnh sống động của nhiều thập niên trước về lịch sử, về văn hóa hoặc văn minh cổ thời ở địa phương, như Phù Nam, Ốc Eo, Champa, Tây Tạng... Qua các trang sách và hầu như đã thành một quán tính có thể nhận thấy rõ, không đề cập thì thôi, nhưng hễ đi vào một vấn đề nào, Ngô Thế Vinh hầu như đi vào rất sâu, cung ứng rất nhiều dữ kiện, nhiều bằng chứng lý thú, thúc đẩy người đọc càng đọc càng thích thú, đến một đoạn nào đó, có thể như "quên đường về." Tuy nhiên, trong lúc tiến tới say mê như vậy, và có khi đã thấy vừa đủ liều lượng, Ngô Thế Vinh, ở nhiều đoạn sách, có thể đột ngột bẻ tay lái sang *lane* chớp nhoáng chuyển sang một vấn đề khác không có chút bịn rịn nào cả. Trong một phút giây nào đó, người đọc bất ngờ bị cảm thấy như hụt hẫng, chới với đi vào một vấn đề khác. Và mỗi lần như vậy, người đọc không thể làm gì khác hơn là từ từ lật ngược lại các trang đã qua, để hệ thống hóa lại nội dung, trước khi thưởng thức tiếp các trang sách. Chừng đó, người đọc mới cảm thấy được bút pháp điêu luyện của tác giả và xác định rõ, tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" đúng như được ghi nhận là "đầy ắp tư liệu" có giá trị lịch sử và cả giáo dục nữa, không thể đọc phơn phớt để thưởng thức như là một quyển tiểu thuyết bình thường được.

Chính trong những điều kiện kể trên, mới nổi bật lên và như in sâu vào tâm trí người đọc những sự kiện lịch sử của một thời xa xưa mà người ta không thể quên được về con sông Mekong, chẳng hạn như thông tin về chuyến đi thám hiểm của Francis Garnier, Doudard de Lagrée ngược dòng sông Mekong để tìm thủy lộ giao thương từ Sài Gòn sang Trung Hoa; về số phận tiêu vong của loại cá hiếm *Pla Beuk, Dolphin* trên dòng sông Mekong... Thông tin lý thú nhứt có lẽ là mặc dầu con sông Mekong được vẽ trên mọi bản đồ thế giới, nhưng chỉ mới đây thôi, chỉ vào năm 1994, người ta mới chánh thức xác định được tọa độ chính xác điểm khởi nguồn của sông Mekong nơi một địa điểm hoang vắng nhứt của cao nguyên Trung Á.

Như tên tác phẩm đã phân định, rõ ràng có hai vế chủ yếu được đề ra ở đây. Vế "Cửu Long Cạn Dòng" là tiếng kêu cảnh giác về nguy cơ xảy đến trong một tương lai gần kề cho dòng sông Mekong khi mỗi quốc gia nằm trên dòng sông chỉ nhằm nhu cầu phát triển nguồn thủy điện cứ tiếp tục xây dựng đập,

không cứu xét đúng mức các hậu quả tai hại về môi sinh cho dân chúng trong vùng và cả dân chúng các quốc gia ở vùng hạ lưu.

Ngô Thế Vinh đứng trên quan điểm môi sinh, nên nêu vấn đề nặng về khía cạnh nhân bản, đòi hỏi những nguồn lợi kinh tế, trên cấp bậc quốc gia, thu thập được do các con đập không thể hy sinh quá đáng về những điều kiện sống bình thường của người dân trong vùng được.

Nhân dịp này, tác giả đã thẳng thắn vén lên bức màn huyền thoại lâu đời của các định chế quốc tế chuyên trách tài trợ các dự án phát triển, cụ thể là Ngân Hàng Thế Giới - World Bank, Ngân hàng Phát Triển Á Châu – Asian Development Bank, thường thấy thuận lợi hơn khi hợp tác với các chánh quyền độc tài địa phương, viện lẽ các chánh quyền này có đủ điều kiện duy trì ổn định chánh trị cần thiết để tiến hành các dự án xây đập, luôn luôn đòi hỏi phải tổ chức di chuyển dân chúng sống trong vùng bị chôn sâu dưới khối nước dự trữ ở các hồ chứa.

Trong vấn đề dòng sông Mekong, một nước Trung Hoa to lớn đang ngự trị ở thượng nguồn, độc quyền nắm thế thượng phong, lặng lẽ xây dựng hàng loạt đập thủy điện bậc thềm, biến các đoạn dòng sông Mekong thành ô nhiễm quá mức do chất thải của các nhà máy kỹ nghệ nằm dọc theo bờ sông, mà không có một biện pháp xử lý nào cả; Việt Nam và Cam Bốt là các nước nằm dưới vùng hạ lưu hẳn nhiên sẽ phải lãnh đủ các hậu quả ô nhiễm này.

Để được tự do hành động cho quyền lợi riêng mình, Trung Quốc luôn luôn né tránh, không bao giờ muốn thành hội viên Ủy Hội Sông Mekong, và đây có thể là một phát hiện kỳ thú của tác phẩm, ít được dư luận thế giới quan tâm: Trung Quốc đã cho phá vỡ các khối đá khổng lồ để tạo ra một dòng sông chảy xuống đến đất Lào. Khuynh hướng bá quyền của Trung Quốc đã được củng cố thêm do bởi chủ trương bành trướng lãnh thổ ở vùng Biển Đông được tác giả phân tích tại chương XV là chương mang tên được dùng làm tên tác phẩm: "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng," đặc biệt triển khai về thứ hai của tên sách (Biển Đông Dậy Sóng) hàm ý nhắc đến biến cố Hoàng Sa năm 1974 và Trường Sa năm 1988 - vết thương hằng sâu khó lành của mọi người dân Việt - từ đó, ghi nhận những khía cạnh của chủ trương bá quyền của Trung Quốc trong vùng Đông Nam Á. Trong bối cảnh đầy đe dọa về lãnh thổ và lãnh hải ngoài Biển Đông, nhân vật Hộ (trang 476) chắc hẳn

đã làm nhiều người đọc bàng hoàng khi khẳng định: *"Từ hơn một thập niên qua, việc đơn phương chuyên quyết tiến hành xây chuỗi bảy con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam, trên thực tế Trung Quốc đã phát động một cuộc chiến tranh môi sinh không tuyên chiến với năm nước nước hạ nguồn sông Mekong."* Nhưng đối lại và gợi nhớ tinh thần bất khuất của mọi người dân Việt Nam, Ngô Thế Vinh đã cho ghi ở đầu chương các vần thơ cảnh cáo bất hủ của Lý Thường Kiệt: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...*

Như tác giả xác định, các nhân vật trong tác phẩm đều thuộc phần hư cấu, nhưng lối xây dựng hư cấu của Ngô Thế Vinh thực sự đã tạo cảm giác như phảng phất đâu đây hình ảnh, phong cách một số mẫu nhân vật có thật ngoài đời. Đó là ông Khắc, một nhà báo lão thành, cộng tác với tờ báo Mỹ chuyên trách các đề tài về Đông Nam Á và Việt Nam; Cao thuộc Nhóm Bạn Cửu Long thường xuất hiện nhiều trong các chương sách, phát biểu tầm nhìn bao quát có giá trị chiến lược lâu dài về môi sinh; Duy là một thanh niên gốc Bắc, lớn lên trong Nam, tốt nghiệp Đại học Mỹ, có nhiều công trình đăng ở tập san y khoa nổi tiếng, bên cạnh có Bé Tư, một cô gái thông minh sâu sắc, nhưng rất chín chắn, được Ngô Thế Vinh đệm thêm một vài nét phác họa tình cảm với Duy để gây chút thơ mộng trong câu chuyện dòng sông Mekong...

Các nhân vật này tạo thành chất kết dính các sự kiện, được gắn vào các vai trò dấn thân vì môi sinh, tham quan, tham dự các hội nghị, trao đổi... được tác giả lồng vào những phát biểu sâu sắc, chứng tỏ thẩm quyền trong lãnh vực chuyên môn có liên quan, khi thì mang tính nhận định hoặc quan điểm, khi thì phê phán cần thiết ở trong các tình huống thích hợp liên quan đến dòng sông Mekong. Những nhận định và phê phán này thường nhẹ nhàng trong phong cách lịch sự trí thức, nhưng khi cần thì cũng rất khe khắt, chẳng hạn như đối với cuộc thảm sát quy mô thời Pol Pot, chủ trương cáp duồn thời Lon Nol ở Cam Bốt, những mặt tiêu cực của chánh sách Đổi Mới tại Việt Nam, hậu quả tiêu ma cho Tràm Chim vùng Tam Nông, một số loài vật quý hiếm trên thế giới có nguy cơ bị diệt chủng... Ngô Thế Vinh cho thấy đã thận trọng duy trì liều lượng vừa phải để những người nhất là những chức quyền có liên quan vẫn còn lắng tai nghe được và để cho nội dung thẩm thấu một cách từ tốn theo trình độ hiểu biết của họ.

Có một điều gợi lên cho người đọc chút xót xa cho đất nước Việt Nam trong hoàn cảnh hiện tại là các nhân vật thuộc hàng chuyên gia Ngô Thế Vinh xây dựng trong tác phẩm thì hoặc thuộc thế hệ lão thành, hoặc thế hệ trẻ mới vươn lên, nhưng hầu hết đều từ nước ngoài đi vào quê mẹ. Dù vậy, tác giả cũng đã không để cho họ cảm thấy như là những người xa lạ trên quê hương mình, bất chấp các thủ tục vụn vặt, chẳng hạn như phải khai báo với công an địa phương (chi tiết phiền hà này không có ghi trong tác phẩm). Đến khi sang nước khác tiếp xúc với chuyên viên như Cham Sak chẳng hạn là chuyên viên đang sanh sống hành nghề tại nước Thái Lan chánh gốc của mình, họ phát biểu một cách hồn nhiên trên cơ sở là chuyên gia Việt Nam với nhiệt huyết phục vụ môi sinh, phục vụ đất mẹ Việt Nam của họ.

Được trang bị vốn hiểu biết kỹ thuật chuyên môn cùng kinh nghiệm thu thập ở nước ngoài, các nhân vật chuyên gia Việt Nam này cũng mang theo về nước tầm nhìn bao quát có tính chiến lược lâu dài và phương pháp xử lý bám sát tinh thần đối chiếu khoa học, hẳn nhiên phải khác và đôi khi còn đối nghịch với cả cách nhìn không tự thấy là cục bộ của nhân vật Mười Nhe mà Ngô Thế Vinh đã xây dựng phản ảnh một cách trung thực tài tình mẫu hình cán bộ Cộng Sản trung kiên có thể tìm thấy ở nhiều nơi tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Ngay cái tên Mười Nhe cũng đã gợi lên chút tính trào lộng, ai cũng tưởng rằng ông Mười Nhe này luôn luôn... nhe răng cười, nhưng sự thực, Mười Nhe đã được Ngô Thế Vinh mô tả "vóc người ốm nhỏ, có nước da sạm đen hơi tái của người thiếu máu kinh niên, khuôn mặt xương xẩu vẻ cằn cỗi và khắc khổ..." là hình ảnh hiếm hoi của những người Cộng Sản chân chính còn sót lại, trong chức vụ Huyện Ủy Tam Nông, đã tích cực thực thi chánh sách đổi mới bằng "kế hoạch ngũ niên tự phát," nâng dân số Huyện lên gấp đôi, mang lại cho đồng bào một đời sống sung túc trong một thời gian kỷ lục. Ông Mười Nhe đã cho chặt phát rừng tràm thả cửa, đánh cá không phải chỉ bằng lưới mà cả bằng chất nổ, bắt tất cả cá tôm các cỡ, cỡ nhỏ không bán thì để nổi lều bều trên mặt nước, người dân không mấy chốc đều khá giả. Nhưng hậu quả là, diện tích rừng tràm nổi tiếng phong phú thì

nay chỉ còn một phần ba, cả ngàn con hạc quý hiếm nay chỉ còn khoảng 500 con! Mười Nhe vui và hãnh diện với thành tích vượt bực của mình trong công trình đưa Huyện nhà đi lên, (tác giả không có ghi khẩu hiệu "tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội") nhưng làm sao để đưa vào đầu con người cán bộ già nua và thủ cựu này khái niệm vùng đầm lầy và tràm chim là một kho tàng phong phú về sinh học, là cái nôi của chu kỳ sinh sản và tăng trưởng cho nhiều giống cá và các loài sinh vật khác? Thiếu học và cuồng tín vẫn còn là "nguyên nhân nỗi khổ không phải chỉ trên những con người mà còn với đám chim muông và cây cỏ," một khía cạnh của thảm trạng của dòng sông Cửu Long mà Ngô Thế Vinh đã nêu lên một cách vô cùng thấm thía cho những ai còn có chút suy tư.

Người ta phát hiện ông Mười Nhe có một đứa con trai tên Thuận theo học trên tỉnh được Mười Nhe kín đáo tự hào, nhưng bị cho là "chỉ biết có sách vở, cùng bày đặt nói tới nói lui chuyện tào lao môi sinh môi tử." Qua sự bảo trợ của Bé Tư, Thuận được Hội Hạc Quốc tế cấp học bổng du học. Theo thời trang, Thuận đã chọn đi Mỹ và đang cố gắng hết sức mình để đạt mức bắt buộc 550 điểm môn Anh văn, cho nên người ta chỉ trông chờ một lớp người trẻ như Thuận thay thế những người như Mười Nhe đến tuổi phải nằm xuống dưới đáy mồ, trong tương lai thế hệ trẻ trong và ngoài nước mới cùng chân thành truyền đạt cho nhau trên cùng một băng tần, cùng kết hợp nhau xử lý các vấn đề môi sinh dòng sông Cửu Long mà thôi.

Nhưng không, thời gian chờ đợi ấy sẽ có thể rất xa, và nhân vật Bé Tư dù sao cũng chỉ là một hư cấu mang tính lý tưởng; ngoại trừ là trong dòng tộc, còn thì rất khó mà thiết lập quan hệ gắn bó với Thuận như thế trên thực tế được.

Ngô Thế Vinh đã có cách xử lý thiết thực và vô cùng tuyệt diệu để thay đổi cách làm ngay của Mười Nhe: cho một đồng chí từ cấp trung ương Đảng khêu gợi lại cho Mười Nhe lòng căm thù, nêu lý do mất cảnh giác về an ninh quốc phòng - *"phá hoại hết rừng tràm là phá hoại chiến khu..."* (trang 200).

*

Qua 645 trang sách, tranh của Nghiêu Đề, mẫu bìa của Khánh Trường, Cao Xuân Huy trình bày nội dung, được minh hoạ bằng hàng loạt hình sinh động, một số có giá trị lịch sử, tác phẩm Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" của Ngô Thế Vinh đã đưa người đọc đi từ thượng nguồn ở Tây Tạng, vượt qua các ghềnh thác và sóng gió của lịch sử từng quốc gia mới xuống đến vùng châu thổ có các cửa sông tỏa nước ra biển.

Dưới thể tài theo mô thức "dữ kiện tiểu thuyết" độc đáo, duy nhứt, của bản thân Ngô Thế Vinh, tác phẩm quả thật đã thể hiện một công trình nghiên cứu công phu theo chiều sâu cặn kẽ của từng vấn đề nêu lên, đánh dấu một đỉnh cao trong văn nghiệp Ngô Thế Vinh. Giá trị căn bản của tác phẩm là đã thành công, xuyên qua các dữ kiện, cung ứng những thông tin giá trị vô song về quá khứ sóng gió của từng khu vực dòng sông Mekong chảy qua, để từ đó đưa dẫn người đọc làm quen rồi tiếp cận với các vấn đề môi sinh được đặt cho toàn vùng, và xây dựng một tầm nhìn chiến lược bao quát, thoát khỏi những vướng bận cục bộ địa phương chỉ biết có riêng mình.

Do thái độ ngạo mạn đàn anh của Trung Quốc một mặt răn đe xâm lược ở mặt Biển Đông, một mặt nắm quyền quản lý khép kín, thao túng ở đầu nguồn, dòng sông Mekong đang thực sự đối diện với một tương lai đầy bất trắc do nạn xây đập không có bàn thảo phối hợp, chia xẻ quyền lợi hợp lý, cân bằng sinh thái với các nước khu vực hạ lưu.

Tác phẩm đã làm nổi bật một số chủ điểm, đơn giản hóa một số hiểu biết chuyên sâu, để xây dựng ý thức chung về các tai họa có khả năng xảy đến, cụ thể là nguy cơ dòng sông Mekong cạn kiệt, nạn nhiễm mặn đang lan dần vào nội địa quốc gia ở hạ lưu - lại chính là Việt Nam.

Tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng" của Ngô Thế Vinh gióng lên tiếng chuông báo động về các nguy cơ kể trên. Mong tiếng chuông báo động này sẽ vang xa, tập hợp một lực lượng nhân sự ngày một đông đảo, huy động trí tuệ cùng góp sức giải quyết các vấn đề môi sinh chủ yếu đã được nêu lên cho dòng sông Mekong nói chung và cho phần hạ lưu, châu thổ sông Cửu Long nói riêng tại Việt Nam.●

10.17.2000

* Văn Nghệ xuất bản, 646 trang, giá US$25.00; ngoài nước Mỹ $28.00. Liên lạc: Văn Nghệ, 9351 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - USA. Tel: (714) 934-8574.

NGƯỜI CHẠY TRỐN CAO HÀNH KIỆN

NGUYỄN VĂN TUẤN

Giải Nobel Văn chương năm nay được trao cho Nhà văn và viết kịch người Trung Quốc, nhưng mang quốc tịch Pháp, Gao Xingjian (Cao Hành Kiện). Theo thông báo chính thức của Hàn lâm viện Thụy Điển, ông Cao được trao giải thưởng trị giá khoảng 915,000 đô-la Mỹ này là do *"công trình văn học có giá trị đại đồng, với một bút pháp cay đắng sâu sắc và ngôn ngữ độc đáo, đã mở ra hướng đi mới cho tiểu thuyết và kịch nghệ Trung Quốc"* (1). Ông Cao là người Trung Quốc đầu tiên, nhưng là người Á châu thứ tư, được trao giải thưởng cao quí này; những người trước ông là: Nhà thơ Ấn Độ, Rabindranath Tagore, 1913; Nhà văn Nhật, Yasunari Kawabata, 1968; và Nhà văn/thơ Nhật, Kenzaburo Oé, 1994.

Đây là một sự ngạc nhiên, không những cho chính ông Cao, mà còn trong giới văn học Á châu. Thực vậy, trong các nhà văn và nhà thơ gốc Á châu, hai người từng được đề cử nhiều lần và có hi vọng chiếm giải Nobel Văn chương là Nhà thơ người Trung Quốc nhưng hiện đang sinh sống ở Mỹ, Bei Dao (Bắc Đảo); và nhà văn người Nam Dương, Pramoedya Ananta Toer. Tuy nhiên, sự kiện một nhà văn người Á châu đoạt giải thưởng cao quí này đã làm cho nhiều người thường nghi ngờ về "Hội chứng Nobel" thở phào nhẹ nhõm là ít ra Hàn lâm viện Thụy Điển cũng có quan tâm đến văn học ở các quốc gia Á châu. Giới văn nghệ sĩ Á châu từng nghi ngờ, với nhiều lý do chính đáng, rằng ban giám khảo trong Hội đồng Nobel không am hiểu về các tác phẩm văn học ngoài Âu châu. Người ta kể lại rằng rằng ông Oé chỉ được sự chú ý của Hội đồng Nobel khi một người trong Hội đồng Nobel đi du lịch ở Nhật và tình cờ đọc được một bài thơ của ông, mặc dù ông Oé từng nổi tiếng trong giới văn chương Nhật trước đó.

Giải Nobel Văn chương [và Hòa bình] thường thu hút một vài phê phán, chỉ trích của các chính quyền. Một số trong giới chính trị và báo chí Mỹ từng lên tiếng chỉ trích Hội đồng Nobel là "chống Mỹ" khi trao giải Nobel Văn chương cho nhà văn Gunter Grass vào năm 1999. Chính phủ Nhật cũng không hài lòng khi Nhà văn/thơ Kenzaburo Oé nhận giải thưởng này vào năm 1994. Và năm nay, sự kiện ông Cao Hành Kiện, một người Trung Quốc lưu vong ở Pháp, được chọn trao giải Nobel Văn chương, cũng làm cho Nhà cầm quyền Trung Quốc cảm thấy "khó chịu." Họ (chính quyền Trung Quốc) cho rằng giải thưởng này mang màu sắc chính trị (vì ông Cao là một người chống cộng sản); rằng ông Cao không phải là người Trung Quốc (vì ông mang quốc tịch Pháp); rằng ở Trung Quốc có nhiều nhà văn viết hay hơn ông Cao; v.v... Hàn lâm viện Thụy Điển phủ nhận tất cả các lời chỉ trích này của Chính phủ Trung Quốc.

Không như những nhà văn gốc Tây phương được trao giải trước đây (như William Faulkner, T.S. Elliot, Bertrand Russell, Winston Churchill, Ernest Hemingway, Albert Camus, Boris Pasternak, André Gide, v.v...) thường là những người rất nổi tiếng trên văn đàn quốc tế, tên tuổi ông Cao Hành Kiện, cũng giống như trường hợp của Nhà thơ Kenzaburo Oé, rất ít được biết đến trong giới văn học Tây phương và nhất là giới văn học nói tiếng Anh. Nhưng ở Âu châu, mà đặc biệt là Pháp (nơi ông đang sinh sống), ông Cao là một người có tiếng và từng được trao vài giải thưởng cao quí. Người viết bài này có cơ duyên đọc một cuốn tiểu thuyết của ông và một số bài viết về ông trên Tạp chí Nghiên cứu Á và Phi châu (*Asian and African Studies*) trước khi ông được trao giải thưởng Nobel. Bài viết này chỉ nhằm giới thiệu ông Cao và một số tác phẩm của ông. Một phần lớn dữ

kiện được dựa vào các bài viết trong tạp chí trên và chuyển ngữ một số đoạn trong lời giới thiệu (do Giáo sư Marbel Lee thuộc Trường Đại học Sydney viết) cho cuốn tiểu thuyết *Lingshan* của ông.

Sau một thời gian dài u ám trong thời Cách mạng Văn hóa, chính sách *"Đổi mới"* do Đặng Tiểu Bình chủ xướng đã tạo ra một môi trường phì nhiêu cho sự phát triển văn học. Nhiều nhà văn và nhà thơ tiền phong (*avant-garde*) xuất hiện trong thập niên 80s. Nhưng sau biến cố Thiên An môn, một số đã bỏ Trung Quốc ra nước ngoài sinh sống. Trong thập niên 80, Trung Quốc có tham vọng sẽ đuổi kịp các nước Tây phương về tiến bộ kinh tế và khoa học kỹ thuật. Giới trí thức, kể cả nhà văn, đã tiếp cận ngày một nhiều lý thuyết và tư tưởng từ các nước Tây phương. Kết quả là nhiều lý thuyết văn học Tây phương được đón nhận một cách nồng nhiệt vào văn học Trung Quốc. Tuy nhiên, một số nhà văn tỏ vẻ hoài nghi về việc "nhập cảng nguyên xi" các lý thuyết Tây phương, vì họ cho là các thuyết này làm giảm năng lực sáng tạo của người Trung Quốc. Họ khởi xướng phong trào "Bước ra khỏi nhà tù của người khác" (*Walking out of other people's prisons*), và chủ trương phân tích văn học Trung Quốc không dùng lý thuyết của Tây phương. Một trong những nhà văn nằm trong nhóm này được chú ý đến là nhà văn Cao Hành Kiện.

Ông Cao Hành Kiện sinh ngày 4 tháng 1, năm 1940 (tức sau khi Nhật xâm chiếm Trung Quốc), nguyên quán tỉnh Giang Tây (Jiangxi), trong một gia đình có thể gọi là trung lưu. Cha ông là một nhân viên ngân hàng, và mẹ là một tài tử kịch bán chuyên nghiệp. Ông theo học trung và đại học dưới chế độ cộng sản. Ông tốt nghiệp đại học chuyên khoa Pháp văn năm 1962 từ Viện Ngoại ngữ ở Bắc Kinh. Có lẽ do khuyến khích và ảnh hưởng của mẹ, ông làm quen và tỏ ra có năng khiếu với văn chương và nghệ thuật sân khấu từ nhỏ. Ông tập viết nhật ký từ lúc lên tám. Ngay từ những ngày tháng u tối trong thời Cách mạng Văn hóa (1966-1976), một giai đoạn mà giới trí thức bị trấn áp, ông đã sáng tác một số tác phẩm, nhưng không bao giờ được phổ biến. Thực ra, ông đã phải đốt nhiều kí lô bản thảo vì một phần sợ liên lụy gia đình, một phần không muốn các bản thảo này lọt vào tay của những người mà ông cho là không biết tôn trọng văn hóa. Dù biết rằng không thể công bố tác phẩm mình sáng tác, nhưng ông vẫn viết, vì theo ông, viết văn làm cho người ta bớt đau khổ, trí óc sống lại, và là một phương cách khẳng định sự hiện hữu của mình.

Tuy nhiên, trong những năm trước biến cố Thiên An môn, ông đã trở nên nổi tiếng. Năm 1981, ông cho xuất bản một tiểu luận nhan đề *"Thảo luận Đại cương về Nghệ thuật trong Tiểu thuyết Hiện đại" (A Preliminary Discussion of the Art of Modern Fiction)*. Cuốn sách này đã mở màn cho một cuộc tranh luận về chủ nghĩa hiện đại (Modernism) trong giới văn học Trung Quốc lúc bấy giờ, và chính quyền đã bắt đầu "để ý" đến ông.

Nhưng ông nổi tiếng trong giới văn học nghệ thuật Trung Quốc không phải qua phê bình văn học, mà qua kịch nghệ. Năm 1982, ông cho trình diễn vở kịch *Tín hiệu báo động* (*Alarm Signal*, 1982) (2) ở Nhà hát Nghệ thuật Nhân dân tại Bắc Kinh, và tác phẩm này đã đưa tên tuổi ông lên hàng các nghệ sĩ tiền phong và hàng đầu lúc đó ở Trung Quốc. Một năm sau, 1983, ông cho trình diễn một vở kịch ngớ ngẩn mang tựa đề *Trạm xe búyt (The bus stop*, 1983) cũng rất thành công, nhưng đồng thời cũng mang lại một tai họa cho ông. Tuy những vở kịch này chỉ là "thử nghiệm," nhưng sự dè dặt này vẫn không làm hài lòng các quan chức trong chính quyền. Thứ trưởng Thông tin và Tuyên truyền nhận xét rằng vở kịch *Trạm xe buýt* là một tác phẩm độc hại nhất kể từ ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc! Năm 1983, Nhà nước phát động phong trào *"Quét sạch ô nhiễm tinh thần"* mà thực chất là nhắm vào phê bình Chủ nghĩa Hiện đại cùng với Chủ nghĩa Tư bản và tự do tư sản. Cùng lúc này, *Trạm xe buýt* bị cấm trình diễn.

Ngoài áp lực từ phía chính quyền, ông còn phải đương đầu với những vấn đề sức khỏe cá nhân. Năm 1982, bác sĩ chẩn đoán ông mang bệnh ung thư phổi, một căn bệnh mà cha ông mắc phải và chết trước đó vài năm. Vì nghĩ mình sẽ chết, sáu tuần sau đó, ông bắt đầu một cuộc sống xa hoa mà đồng tiền có thể mua được. Ông tung tiền ra thưởng thức tất cả những món ngon vật lạ, và cùng lúc... đọc sách. Nhưng một chẩn đoán thứ hai cho thấy ông không bị ung thư phổi! Ông như người đang chết sống lại. Tuy nhiên, đương đầu với một bộ máy của nhà cầm quyền suốt ngày suốt tháng chỉ trích, phê bình độc địa về mình, ông quyết định trốn khỏi Bắc Kinh, đi ngao du

khắp miền trung Trung Quốc. Suốt năm tháng trường, trong cuộc hành trình hơn 15.000 cây số, ông đi qua tám tỉnh lỵ và bảy khu rừng thiên nhiên cổ kính. Kết quả của cuộc hành trình này là cuốn tiểu thuyết tự thuật *Lingshan* hay *Linh Sơn* hay *Hồn Núi* (bản tiếng Anh dịch là *Soul Mountain*) mà ông hoàn tất ở Paris vào năm 1989, và xuất bản vào năm 1990 (3).

Trong thời gian chưa bị Nhà cầm quyền theo dõi, ông cũng thỉnh thoảng được cử đi họp hội nghị các nhà văn ở Pháp (1979) và Ý (1980). Qua các hội nghị này, ông đã thiết lập được mối quan hệ với đồng nghiệp ở Âu châu. Năm 1987, ông được bổ nhiệm làm Nghiên cứu sinh (Fellow) ở Đức khoảng sáu tháng. Trong thời gian làm việc ở Đức, ông đã có ý định rời bỏ đất nước và sống lưu vong. Do đó, sau khi mãn hạn nhiệm sở, ông quyết định xin tỵ nạn chính trị và được chấp nhận ở lại Pháp từ đó (4).

Nhờ thông thạo tiếng Pháp và đã từng quen thuộc với văn học Pháp trong thời đi học, ông đã hội nhập một cách dễ dàng vào môi trường văn học Pháp ngay từ năm đầu tỵ nạn (1987). Phần lớn sáng tác của ông là các tác phẩm sân khấu. Do đó, ông có được phương tiện khác (ngoài văn và thơ) để tạo tên tuổi mình trong giới văn học nghệ thuật Tây phương. Các tác phẩm sân khấu của ông đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ ở Âu châu, và đã được nhiệt liệt khen ngợi. Năm 1994, Giáo sư Goran Malmqvist, một học giả lừng danh người Thụy Điển, dịch khoảng 10 tác phẩm của ông Cao sang tiếng Thụy Điển, và đưa đi trình diễn ở Nhà hát Hoàng gia Thụy Điển, nhân dịp ông Cao được bổ nhiệm làm Nhà viết kịch cho Nhà hát.

Những tác phẩm sân khấu ông viết sau thời gian định cư ở Paris cho thấy một trình độ vững chải và già dặn hơn. Những tác phẩm của ông hoàn toàn thoát ly khỏi những gì mang tính truyền thống của kịch nghệ Trung Quốc. Cái độc đáo trong kịch của ông là mang tính chất Tây phương (thường có ít màn trình diễn, cô đọng), nhưng người phương Tây lại cảm thấy rất khác biệt và mới mẻ so với kịch nghệ ở Âu châu! Có lẽ vì thế mà các tác phẩm kịch nghệ của ông đã thành công cao ở Paris cũng như ở những thủ đô văn hóa khác thuộc Âu châu. Năm 1993, ông được Chính phủ Pháp trao giải thưởng cao quí *"Chevalier de l'Ordre des Arts et des Literatures,"* một ghi nhận về tài năng và sự thành công của ông trong văn học.

Với một lai lịch và quá trình cá nhân như thế, không ai ngạc nhiên khi thấy ông Cao là một người nhạy cảm với chính trị. Có thể nói, ông là một người chạy trốn. Ông chạy trốn tập thể, cộng đồng. Ông đi tìm cái bản ngã cá nhân. Cái ý niệm đào tẩu này thường xuất hiện trong các tác phẩm của ông. Đó là một giải pháp của ông cho cá nhân trước sự hiện hữu cá nhân bị xã hội hóa (socialised existence), ngay cả trong một cộng đồng rất nhỏ như chỉ có hai người. Ông dùng cuốn tiểu thuyết mang tính tự thuật *Hồn Núi* và vở kịch *Chạy Trốn (Absconding)* để phân tích nhiều khía cạnh về ý nghĩa của xã-hội-hóa hiện hữu này.

Hồn Núi

Mỗi cá nhân, vì nhu cầu sống, cần sự có mặt của người khác chung quanh mình. Cá nhân cần một cộng đồng mà trong đó hắn là một thành viên. Có cộng đồng, hắn cảm thấy ấm áp, an toàn, và bớt cô đơn; nhưng cũng chính cái cộng đồng đó đồng thời mang lại nỗi lo lắng cho cá nhân. Đây là một nghịch lý mà cá nhân con người phải đương đầu. Lịch sử nhân loại đã ghi chép nhiều trường hợp mà trong đó cá nhân bị xui khiến - hoặc bằng vũ lực, hoặc bằng ý thức hệ - để thần phục quyền lực của một nhóm người. Sự đầu hàng của cá nhân trước tập thể trở thành một thói quen, thông lệ, tập quán, truyền thống, và hiện tượng này không phải là đặc trưng cho một văn hóa nào. Ở Trung Quốc ngày xưa, triết lý Khổng Tử đã được phát triển thành một loại ý thức hệ chuyên quyền. Cùng với các cơ sở tinh thần khác, triết lý này đã thâm nhập vào mọi tầng lớp xã hội một cách thâm căng cố đế. Một cá nhân, ngay từ lúc mới sinh ra đã được dạy phải trung thành với một nhóm người cai trị, theo một hệ thống đẳng cấp rất cụ thể. Nếu cá nhân đó không có ý định thách thức lại hệ thống này [và chuốc lấy hậu quả], cá nhân trở thành thụ động: hoặc đi tu, hoặc tìm nơi ẩn dật, và tìm đến văn chương để bày tỏ quan điểm mình. Nhưng trong chế độ Cộng sản, sự lựa chọn này cũng không còn. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, nhân danh chủ nghĩa yêu nước và cách mạng cộng sản, mọi thành viên trong xã hội lúc bấy giờ bị lôi cuốn theo phong trào hi sinh cá nhân cho tập thể.

Hồn Núi là một câu chuyện của một người

đi tìm sự yên tĩnh và tự do cho cá nhân, và cũng là một phản ứng văn chương trước phong trào hủy hoại cá nhân trong cuộc cách mạng cộng sản. Trong tác phẩm, tác giả sử dụng kỹ thuật kể chuyện để xua đuổi nỗi cô đơn của mình, và cùng lúc, dựng lại quá khứ của chính mình, cũng như ghi lại ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Văn hóa đến con người và môi sinh của Trung Quốc. Trong hơn 500 trang giấy, tác giả khai thác nhiều khía cạnh về quan hệ giữa con người và ý nghĩa của nó với một cá nhân. Có lẽ do ảnh hưởng cách viết kịch, trong *Hồn Núi*, dù là tự thuật, nhưng tác giả dùng nhiều đại danh từ như *tôi, anh, ông, hắn, chàng,* và *nàng* để chỉ chính mình, và qua đó, ông có cơ hội tự phân tích mình. Trong một hành trình hiu quạnh, nhân vật chính tìm cách xoá bỏ sự cô đơn bằng cách tạo ra một người đồng hành mới *anh/ông* để qua đó nhân vật chính có thể nói chuyện. Ở đây, cái *anh/ông* phản ánh cái *tôi*, và dĩ nhiên cũng trải qua nỗi cô đơn, nên tác giả lại tạo ra một *nàng* để có thêm một người đồng hành. Với *nàng*, tác giả có một đối tượng để khai thác tinh thần của nữ giới. Qua những nhân vật phản chiếu cái bản ngã của một cá nhân, tác giả phiêu lưu vào những cuộc đối thoại với những nhân vật vô danh khác để kể chuyện về những nhóm người khác nhau cư trú trên mảnh đất rộng lớn Trung Quốc, mà trong phân tích cuối cùng, người đọc có thể tìm thấy họ ở bất cứ xã hội nào.

Cao Hành Kiện

Trong *Hồn Núi*, độc giả sẽ đi du ngoạn cùng tác giả dọc theo bờ sông Dương Tử gặp nhiều con người thú vị như những nhà sư, người ẩn dật, ca sĩ dân ca, một người đàn bà già mất hết răng từng là một hoa khôi địa phương, và được biết huyền thoại về những con người tí hon có thể nhảy nhót trong cổ họng của người khác, sống bằng hưởng thụ đờm và lẻn trốn ra ngoài cửa miệng khi "người chủ nhà" ngủ gật để trình tấu cho Ngọc Hoàng xem. Người đọc sẽ chia xẻ nỗi khổ tâm của một vị trưởng lão về một ban nhạc trẻ đã làm náo động và làm đau khổ cho cả làng vì họ ồn ào ca hát những bài nhạc giật gân, xập xình, và còn nhảy nhót, vặn vẹo uốn éo cặp mông theo những nhịp điệu mà dân làng chưa bao giờ nghe hay biết đến!

Hồn Núi còn có một số câu chuyện mà người đọc sẽ cảm thấy sởn tóc gáy khi theo dõi. Ông thuật lại trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa (1966-1976), một nhóm người "cấp tiến" trói một số đối thủ chính trị của họ lại thành từng nhóm ba người, bên cạnh bờ sông, và dùng súng máy bắn như mưa vào những con người không cách gì cựa quậy vào đâu được cho tới khi họ chết vì đạn, vì những vết thương đầy mình, hoặc bị té xuống sông và chết đuối. Ngoài ra, còn có những câu chuyện về băng đảng, hãm hiếp phụ nữ, và tự tử, cũng như những câu chuyện về sự hủy hoại môi trường sống một cách khủng khiếp mà chúng ta khó tưởng tượng nổi. Và còn có chuyện một anh chàng nhà báo nọ nhất định đòi ôm nựng con gấu trắng Panda để rồi cuối cùng bị con gấu cắn xé làm anh mất bộ phận sinh dục!

Một vài đoạn trong cuốn tiểu thuyết cho thấy ông có vẻ bị ám ảnh bởi dục tính. Trong *Hồn Núi*, ông sáng chế ra một một phụ nữ đồng hành, và qua những câu đối thoại giữa ông và người yêu tưởng tượng này có thể làm cho độc giả có ấn tượng là ông rất ghét đàn bà. Trong một đoạn, ông tả người bạn đồng hành này là "một con thú hoang vùng vẫy, ương ngạnh," nhưng rốt cuộc đã bị ông bắt được và cải hóa thành một người đàn bà dễ bảo trong vòng tay của ông. Ông còn cho độc giả biết rằng ông là người đàn ông đầu tiên đã đem lại cho cô ta niềm vui trong cái bao tải! Ông tự hào tuyên bố rằng ông không bao giờ quỳ lụy với, hay là kẻ nô lệ của, đàn bà.

Chạy Trốn (5)

Vở kịch ngắn này được viết xong vào năm 1990; trong đó, ông lồng bối cảnh của biến cố Thiên An Môn (xảy ra năm 1989) vào hai màn trình diễn. Trong tác phẩm này, ông sử dụng một ngôn ngữ lạnh lùng, yếm thế, và hoài nghi. Ông không tỏ ra hay dành một thiện cảm nào cho những người biểu tình cũng như những người cầm quyền. Trong vở kịch, có hai người thanh niên (một nam và một nữ), và một người đàn ông trung niên tạm lánh nạn trong một nhà kho bỏ hoang.

Người đàn ông trung niên phát biểu rằng nếu sinh viên tiếp tục biểu tình, tấn công vào chính quyền mà không hiểu chiến lược về tổ chức, rút lui, thì họ không nên tham gia vào chính trị; bằng không, họ chỉ là những con vật hi sinh cho một ván bài chính trị. Người nam thanh niên cực lực phản đối luận điểm này, vì anh ta cho rằng phê phán trên của người trung niên không có tính xây dựng; nếu ông ta đã biết thế thì tại sao ông ta không đứng ra lãnh đạo cuộc biểu tình. Người trung niên bào chữa cho hành động của ông ta bằng một triết lý... chạy trốn. Ông nói: *"Trên đường chạy trốn là cô, là tôi, và cũng là số phận của anh ta. Chạy trốn là số phận của con người."*

Trong một đoạn kịch, khi người nam thanh niên đi ra ngoài giải lao, một loạt đạn vang lên; hai người còn lại trong nhà kho tưởng tượng rằng người thanh niên đã bị giết chết. Trong bóng tối, người con gái đóng vai trò chủ động, mặc dù người trung niên miễn cưỡng kháng cự. Họ làm tình lúc chỗ này, lúc chỗ kia trong căn nhà hoang. Cái hoạt cảnh trên và tính chính trị của vở kịch dẫn đến một nhà phê bình ở trong nước (Trung Quốc) nhận xét rằng vở kịch này là một tác phẩm khiêu dâm của một nhà văn ngoại quốc không có kinh nghiệm thực tế gì trong biến cố ngày 4 tháng Sáu (tức biến cố Thiên An Môn). Tệ hơn nữa, nhóm người Mỹ tài trợ cho ông viết vở kịch này cũng không hài lòng, vì trong vở kịch không có một "anh hùng" nào từ nhóm sinh viên biểu tình như họ muốn phải có. Họ yêu cầu ông sửa đổi. Ông Cao chẳng những nhất định không sửa, mà còn trả lại tiền đặt cọc, tiền dịch thuật, và lấy lại bản thảo!

Đối với ông, văn học và chính trị phải tách rời nhau, văn học phản ánh nỗi băn khoăn của cá nhân, của bản ngã; chính trị có liên đới đến cộng đồng và từ chối bản ngã. Ông cho rằng nếu văn học chịu sự ảnh hưởng của chính trị thì đó quả là một nỗi bất hạnh của văn học. Ông viết: *"Văn học chủ yếu là một sự kiện riêng tư của cá nhân. Điều quan trọng là nó không nên bị bắt buộc và dĩ nhiên không nên áp đặt cấm đoán, bất kể nhân danh đảng, quốc gia, hay dân tộc. Áp đặt những ý tưởng trừu tượng này sẽ làm cho văn học chết đi."*

Sự xung đột giữa ý muốn cá nhân và ý muốn tập thể, cũng như ý nghĩa của sự xung đột này còn được ông lý giải khá chi tiết trong tiểu luận "Vô chủ nghĩa" (*Without Isms*) mà ông trình bày trong "*Hội nghị về Bốn mươi năm Văn học Trung Quốc*" tổ chức tại Đài Bắc. Đứng trước các thế lực chính trị, dư luận công chúng, thuyết giáo đạo đức, quyền lợi của Đảng và tập thể, ông cảm thấy cá nhân con người không còn lựa chọn nào khác hơn là chạy trốn. Chạy trốn để duy trì những giá trị cá nhân, như nhân cách và sự độc lập tư tưởng. Ông tìm thấy ở văn học một nơi trú ẩn an toàn nhất cho cá nhân.

Văn học, theo ông, phải khai sáng, phê phán, thách thức, đánh đổ, vượt qua các ý thức hệ. Còn nếu hạn chế văn học trong khuôn khổ của một ý thức hệ chính trị hay hệ thống đạo đức là đồng nghĩa với việc biến văn học thành một công cụ tuyên truyền, công cụ đạo đức, và là một nỗi bất hạnh của văn học. Trong chế độ cộng sản, tất cả các giá trị cá nhân đều phải nhường cho các giá trị cộng đồng. Người ta hô hào văn học phải phục vụ cho chủ nghĩa yêu nước. Trong tiểu luận *Huyền thoại về quốc gia và sự điên dại của cá nhân*, ông Cao lý giải rằng chủ nghĩa yêu nước đã làm lu mờ sự phát triển của nền văn học hiện đại Trung Quốc. Kể từ ngày cộng sản nắm chính quyền, giới trí thức Trung Quốc, kể cả nhà văn, tự coi mình là những người phát ngôn cho dân tộc, và việc đó, tự nó, đã từ chối quyền hiện hữu của cá nhân, từ chối bản ngã của cá nhân. Chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa yêu nước Trung Quốc đã làm cho việc thực thi một chế độ nhân quyền, đặc biệt là tự do tư tưởng, cực kỳ khó khăn. Trí thức Trung Quốc có thể can đảm chống đối hệ thống đạo đức truyền thống và quyền lực của chế độ phong kiến, nhưng họ lại tỏ ra bất lực khi đương đầu với sự mê tín hiện đại của quốc gia. Sự mê tín này có cơ hội nảy nở và phát triển ở Trung Quốc nhờ vào một tập hợp tiềm thức có qui mô quốc gia, được núp dưới bản năng sinh tồn, chứ không phải dưới danh nghĩa một hiện tượng đạo đức nào

cả. Ông viết: *"Sau khi chủ nghĩa phong kiến bị tan rã, những giá trị đạo đức thời phong kiến dựa vào lòng trung thành với người cai trị trở thành những giá trị đạo đức thời thượng là yêu nước, yêu dân tộc." Việc thể hiện tình cảm cách mạng và hiện thực xã hội chủ nghĩa đã trở thành những cơ chế bắt buộc cho các hoạt động sáng tác. Trong khi đó, những bản năng cơ bản của con người, sự suy nghĩ, nhạy cảm, nhận thức, phán đoán của cá nhân bị kiềm chế hoặc làm cho còi cọc đi. Do đó, văn học cộng sản đôi lúc chỉ có chức năng thể hiện những hiện thực giả dối.*

Theo ông Cao và một số trí thức Trung Quốc, những ông hoàng tinh thần của thế kỷ 20 ở Trung Quốc là những sáng tạo của nước ngoài, một số từ Đức, một số từ Nga. Trong văn học cũng tương tự: từ Đức, Nga, Pháp và Mỹ. Điều này đã cướp đi người Trung Quốc năng lực sáng tạo, và hậu quả là các cuộc tranh luận văn học thường là những bàn luận vấn đề của người khác. Những tranh luận văn học ở Trung Quốc, theo ông, là những cuộc cãi vã, tranh chấp của các nước khác: giữa Plato và Aristotle, Zola và Hugo, hay Chernyshevsky và Freud. Đó không phải là những tranh luận đích thực cho Trung Quốc. Hoàn toàn không có một sáng tạo thay đổi nào cho những lý thuyết văn học của nước ngoài, bởi vì người Trung Quốc thiếu một ngôn ngữ lý thuyết cho riêng họ để mổ xẻ những lý thuyết này, họ thậm chí thiếu đề tài để thảo luận! Ông viết: *"Nói một cách khác, những lý thuyết văn học hiện đại, gần cả một thế kỷ, sống dưới bóng của người khác và lang thang một cách lưỡng lự trong các nhà tù của quan niệm và thông số của người khác."*

Nói chung, cuộc đời của ông Cao Hành Kiện có nhiều điểm giống với phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả, nhà văn người Việt hải ngoại. Ông cũng trải qua những ngày tháng bị chính quyền cộng sản làm khó, cũng tỏ ra cay đắng với chế độ đó, cũng là một người tỵ nạn chính trị, v.v... Ngoài ra, những nhận xét về văn học của ông Cao cũng có thể nói là gần gụi với chúng ta, và làm nhiều người trong chúng ta liên tưởng đến những tranh luận trong giới nghiên cứu văn học Việt Nam gần đây. Có lẽ đã đến lúc Văn học Việt Nam cũng nên bước ra khỏi cái trại tù tư tưởng của người Tây phương, và tìm một hướng đi cho riêng mình.

Con người chạy trốn và đi tìm cái tự do cá nhân của Cao Hành Kiện làm tôi liên tưởng đến ít nhất là một người Việt Nam khác cũng đang đi tìm cái tự do cá nhân: Nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Có thể Hàn lâm viện Thụy Điển đúng khi họ tuyên bố rằng *Hồn Núi* là một tác phẩm mà người ta không thể nào so sánh được với bất cứ tác phẩm nào khác. Và dùng cách nói như vậy, tôi nghĩ chắc chúng ta cũng có thể nói *Chuyện Kể Năm 2000* cũng là một câu chuyện khó có thể so sánh với một câu chuyện nào khác. Có thể đề tài của *Hồn Núi* mang tầm-vóc-nhân-loại hơn đề tài của *Chuyện Kể Năm 2000*. Nhưng nếu phải chọn lựa giữa tác phẩm tiêu biểu của ông Cao (*Hồn Núi*) với *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn, tôi sẽ chọn tác phẩm sau. Không phải vì tôi là người Việt, hay mắc phải tính thiên vị trong sự chọn lựa, nhưng với một cảm nhận khách quan, tôi thấy văn phong trong *Chuyện Kể Năm 2000* hay hơn văn phong trong *Hồn Núi* nhiều. Quả thực, đọc qua *Hồn Núi*, tôi cảm thấy viễn ảnh về một nhà văn Việt Nam được trao giải Nobel văn chương trong tương lai không phải là quá xa.●

Chú thích

1. Tạm dịch từ *"for an oeuvre of universal validity, bitter insights and linguistic ingenuity, which has opened new paths for the Chinese novel and drama"*.

2. Có người dịch sang tiếng Anh là *"Absolute signal."*

3. Tác phẩm *Lingshan* (*Linh sơn* mà tôi tạm dịch là *Hồn Núi*) xuất bản ở Đài Bắc và Paris năm 1990. Tác phẩm này cũng được dịch sang tiếng Thụy Điển (*Andarnas berg*), và tiếng Pháp (*La Montagne de l'Ame*). Cả hai bản dịch đều thu hút nhiều chú ý của giới văn học Âu châu. Bản tiếng Anh có tựa đề là *"Soul Mountain"* do Giáo sư Marbel Lee, thuộc Trường Đại học Sydney (Australia), dịch và xuất bản vào Tháng Chín năm 2000. Tác phẩm này được đánh giá rất cao và đã nhận được nhiều khen ngợi từ giới văn học ở Đài Loan. Hàn lâm viện Thụy Điển lựa chọn và đánh giá là *"một trong những sáng tác văn chương, mà người ta không thể nào so sánh được với bất cứ tác phẩm nào khác."*

4. Ông sống trong một căn chung cư nhỏ thuộc một khu ngoại ô nghèo nàn ở Thành phố Paris. Khu chung cư của ông cư ngụ là nơi mà người Việt Nam bên Paris thường gọi là *"làng."*

5. Có người dịch sang tiếng Anh là *"Fugitives,"* và tiếng Pháp, *"La Fuite."*

PHỎNG VẤN GIÁO SƯ ĐỖ MẠNH TRI

KICON.COM thực hiện

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri du học tại Pháp năm 1950, sau đó ông dạy học và là một trong những người chủ trương tờ Tin Nhà *xuất bản năm 1990.*

Ông viết một số sách, điển hình như cuốn Ngón Tay Và Mặt Trăng, *và cuốn sách gần đây được nhiều người để ý tới, đó là* Đọc Thông Điệp Hướng Về Thế Kỷ 21 của Hoà Thượng Thích Huyền Quang. *Ngày 9 tháng 10 vừa qua, giáo sư Đỗ Mạnh Tri đến thăm Kicon, đã dành cho Kicon cuộc mạn đàm thân mật với Đinh Quang Anh Thái. Hiện diện trong buổi mạn đàm còn có nhà văn Phạm Xuân Đài.*

*

Kicon: Xin được phép hỏi giáo sư Đỗ Mạnh Tri về chủ trương của tờ *Tin Nhà* mà giáo sư là một trong những người góp công ngay từ đầu?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Vâng, tờ *Tin Nhà* chúng tôi ra mắt số đầu tiên vào năm 1990. Giai đoạn đó xảy ra việc nhà cầm quyền Hà Nội quản thúc giáo sư Nguyễn Ngọc Lan và lưu đầy Linh Mục Chân Tín , thành ra tờ *Tin Nhà* ra đời để hỗ trợ ông Nguyễn Ngọc Lan và Linh Mục Chân Tín. Sau đó chúng tôi xuất bản Nhật ký của Nguyễn Ngọc Lan, những bài viết, chứng từ hoặc tác phẩm của Chân Tín, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, Bùi Minh Quốc và Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Đó là tất cả các công trình nhỏ mọn mà chúng tôi làm, nằm trong mục tiêu ủng hộ những tiếng nói dân chủ hay những người tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam. *Tin Nhà* muốn làm một cái loa cho họ, phần khác cũng muốn tìm cách nối tiếp giữa tiếng nói ở nhà và đồng bào hải ngoại để mọi người ý thức tầm quan trọng của công cuộc đấu tranh cho tự do tại Việt Nam.

Kicon: Giáo sư vừa cho biết tờ *Tin Nhà* được xuất bản số đầu tiên năm 1990 để phản đáp biện pháp nhà nước Hà Nội đàn áp Linh Mục Chân Tín và giáo sư Nguyễn Ngọc Lan. Trước năm 1990, rất nhiều các vị lãnh đạo tôn giáo khác, đặc biệt là hàng giáo phẩm lãnh đạo Phật giáo Việt Nam đã bị đàn áp, bắt giữ. Thế thì khi tờ *Tin Nhà* xuất bản vì vụ Linh mục Chân Tín và ông Nguyễn Ngọc Lan, như vậy liệu người ta có thể hiểu rằng tờ *Tin Nhà* ưu tiên loan tải các tin tức về Công giáo hay không?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Một phần thì người ta có thể nghĩ như vậy, nhưng nếu đọc tờ *Tin Nhà* thì thấy rằng tuy chúng tôi là người Công giáo nhưng chúng tôi không đặt vấn đề Công giáo hay không Công giáo. Chúng tôi đặt vấn đề tự do cho người Việt Nam trước nhất, chẳng hạn khi chúng tôi xuất bản tập *Phật Giáo Thống Nhất - Thống Nhất Phật Giáo*, trong đó có hai tài liệu. Một là chứng từ của ông Đỗ Trung Hiếu là người lo nhiều nhất về vấn đề thống nhất Phật giáo, và tài liệu thứ hai là chứng từ của Hòa thượng Thích Quảng Độ. Chúng tôi là người đầu tiên đưa ra hai tài liệu đó. Chúng tôi cũng xin nhắc lại, trước năm 1975, người xuất bản cuốn *Nhất Chi Mai, Chết Mới Được Nên Lời*, chính là giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, hồi đó còn là linh mục.

Phạm Xuân Đài: Cách đây vài năm, chúng tôi đã có dịp giới thiệu cuốn *Ngón Tay và Mặt Trăng* của Giáo sư Đỗ Mạnh Tri, (mà trong buổi mạn đàm thân mật này xin phép gọi Giáo sư bằng anh) trên tạp chí *Thế Kỷ 21*. Ra đời trong bối cảnh đang có những tranh cãi, đôi khi khá gắt gao có thể dẫn đến tình trạng mất hòa khí về một vấn đề rất tế nhị là tôn giáo, cuốn *Ngón Tay và Mặt Trăng* của Đỗ Mạnh Tri đã đưa ra một tiếng nói rất hòa nhã và trí thức, và đã thuyết phục được nhiều người đọc. Nhân buổi mạn đàm này, xin anh nói qua quan niệm của anh về những chuyện xung đột đáng lẽ không nên có, giữa các tôn giáo với nhau.

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Nói rất ngắn thôi, và xin anh cho phép tôi trả lời ngoài đề. Tôi thấy hai chữ tôn giáo nó cũng hồ đồ lắm. Trong các tôn giáo, có ba tôn giáo độc thần tức là Hồi giáo, Do Thái giáo và Kitô giáo. Trong Kitô giáo có nhiều giáo phái. Ba tôn giáo độc thần nói trên có những đòi hỏi tuyệt đối. Nói thẳng ra là không có nhân nhượng. Vì thế, nếu chúng ta cho rằng có cái gọi là sự "tranh chấp" giữa đạo Công giáo hiện nay với các tôn giáo khác, thì chỉ giữa ba tôn giáo độc thần thôi, đã rất gay gắt rồi. Tất cả những gì đang diễn ra lúc này ở Palestine hay bên Do Thái chứng tỏ rằng cái trung tâm hòa bình hay chiến tranh của địa cầu vẫn còn là Jerusalem. Ba tôn giáo độc thần đó đều thuộc một gốc Abraham. Không bao giờ tôi quên được cậu nói của Sadate, thủ tướng Ai Cập, trước quốc hội Israel: "Nhân danh Thiên Chúa của Abraham." Tổ phụ Abraham có hai người con, Ismael, người con của nữ tì và Isaac người con sinh sau nhưng là của Sara, vợ chính.

Chiến tranh khởi đầu từ khi Abraham nghe vợ, tống mẹ con Ismael ra khỏi nhà, bỏ rơi trong sa mạc. Ismael sẽ là ông tổ của dân A Rập và Isaac, ông tổ của dân Do Thái. Tôi thấy chiến tranh - hòa bình ngày hôm nay vẫn là vấn đề thế giới. Chiến tranh vùng Vịnh trước đây, rồi các cuộc tranh chấp, các biến động như tại đông Timor đều ít nhiều dính dáng tới Jérusalem. Jérusalem nghĩa đen và nghĩa bóng, là thánh thành của dân Do Thái, của một tỷ tín đồ Hồi giáo, hai tỷ tín đồ Kitô giáo, vẫn là tâm điểm của chiến tranh và hòa bình. Xin nhấn mạnh: và hòa bình. Tưởng nên nhắc lại rằng Jérusalem có nghĩa là Kinh Thành của Hòa Bình. Salem Shalom, Hòa Bình. Không biết trên thế giới, từ hơn năm ngàn năm qua có kinh thành nào đã chồng chất trận địa như Jerusalem.

Kicon: Gần đây, giáo sư Đỗ Mạnh Tri cho xuất bản cuốn sách tựa đề là *Đọc Thông Điệp Hướng Về Thế Kỷ 21 của Hòa Thượng Huyền Quang*. Một số người đọc cuốn sách này có cảm tưởng rằng, có phần nào đó, giáo sư đã công kích Phật giáo. Giáo sư nghĩ sao về nhận xét này?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Khi mình cầm bút, thì mình phải đảm nhiệm tất cả mọi hậu quả và khi đã viết rồi thì nó thuộc về người đọc. Mà theo tôi nghĩ, sự qua lại giữa người đọc và người viết, nó vừa bí ẩn, vừa thuộc về sự tình cờ, mà trong cái tình cờ đó có rất nhiều yếu tố. Yếu tố xã hội, tâm lý v.v... Còn sự thành tâm của mình thì người ta có đón nhận hay không là chuyện khác.

Tôi đã mở đầu tập sách nhỏ đó (*Đọc Thông Điệp Hướng Về Thế Kỷ 21 của Hòa Thượng Huyền Quang*) một cách rất thẳng thắn. Tôi viết rằng, theo tôi nghĩ, *Thông Điệp Hướng Về Thế Kỷ 21* là một sự lầm lẫn. Và tôi kết luận rằng, bạn đọc có tin tôi hay không thì tùy ý, nhưng tôi viết những trang sách đó là vì tôi tha thiết với Phật giáo. Vì riêng tôi, tôi vẫn nghĩ rằng, trong con người tôi có Phật giáo. Mấy ngàn năm Phật giáo Việt Nam để lại trong tôi những dấu ấn. Tôi là người Công giáo mà lại nói rằng mình tha thiết với Phật giáo thì nghe nó ngứa tai. Nhưng mà Phật giáo là phần gia tài của tôi. Mỗi chúng ta là một gia tài. Gia tài nó không như cái bàn, cái ghế ở bên ngoài ta. Nó ở trong ta. Gia tài chính là chúng ta. Chúng ta là gia tài. Mà trong cái phần gia tài tôi đã nhận được, và tôi sẵn sàng đảm nhận, có khía cạnh Phật giáo. Mặc dầu tôi không được học hỏi về Phật giáo, nhưng Phật giáo là bầu khí văn hóa của Việt Nam. Văn hóa trước hết là một bầu khí, như sữa Mẹ, chứ văn hóa không phải trong những cuốn sách. Tôi viết cuốn sách nhỏ đó là vì tôi tha thiết với Phật giáo, tôi thấy Thông Điệp đó nói là của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, nhưng tôi không tin tác giả bản thông điệp là Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Và những người viết bản văn đó, theo tôi, họ làm hại Phật giáo Việt Nam.

Kicon: Nói một cách thật tóm tắt, thì điểm nào được xem là căn bản nhất của bản Thông Điệp mà giáo sư cho là nhầm lẫn?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Điểm quan trọng nhất là thay vì giúp cho đồng bào Việt Nam và Phật tử nói riêng hướng về thế kỷ 21, thì Thông Điệp lại nhằm tấn công Giáo hội Công Giáo. Chúng ta cần gì phải tấn công. Mỗi người chúng ta hãy tự là mình. Mỗi người Việt Nam hãy tự là mình. Một khi chúng ta đã tự là mình, đã gặp được mình (mà mình gặp được mình không phải là chuyện dễ) thì chúng ta có thể gặp được người khác.

Phạm Xuân Đài: Trong quá khứ, giáo hội Vatican truyền đạo đến các nước Đông phương đã có nhiều sự đụng độ giữa nền văn hóa của các nước đó và các vị thừa sai mang Phúc âm đến cho các dân tộc Đông phương. Với tư cách là một người Công giáo, theo giáo sư, tâm hồn Á Đông, tư tưởng triết học Á

Đông có cái gì đó khiến nó mâu thuẫn, đụng chạm với đức tin đến từ Tây phương?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Tôi xin trả lời anh một cách gián tiếp. Theo các sách Phúc Âm và lịch sử của giáo hội Công giáo thì Đức Kitô không sống lâu. Khi Ngài rao giảng thì Ngài mới có 30 tuổi. Vấn đề đó cũng khó biết, có thể lúc đó Ngài 40 tuổi, hoặc 50 tuổi. Mà Ngài chỉ rao giảng có hai, ba năm thôi. Mà khi Đức Kitô rao giảng thì có một sự đụng độ lớn với cái tôn giáo nơi Ngài sống là Do Thái Giáo. Rồi khi Ngài chết đi, và theo người Công giáo, Ngài sống lại, và 12 tông đồ, đa số là thất học, nghèo nàn, họ đi rao giảng và chỉ trong một thời gian ngắn, đã lan tràn khắp đế quốc La Mã. Việc rao giảng đó gặp sự chống đối khắp mọi nơi. Nghĩa là, khi Kitô giáo ra đời, thì Kitô giáo đã trái ngược với tất cả các tôn giáo lúc đó. Trái ngược với Do Thái giáo: chính các thầy cả của Do Thái giáo đã muốn thủ tiêu Đức Kitô. Rồi sau khi vượt qua Do Thái giáo, Kitô giáo cũng khác với các tôn giáo thời bấy giờ tại La Mã.

Tôi nói như thế này thì chắc sẽ có người Công giáo trách tôi: Đức Kitô không đến trần gian này để lập đạo.

Phạm Xuân Đài: Có nghĩa "đạo" là cái cơ cấu mà người đời dựa trên lời dạy của Đức Kitô để mà thiết lập nên. Nói cách khác, "đạo," hiểu là giáo hội, là một tổ chức của trần thế?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Vâng. Giáo hội có cái khía cạnh đó. Theo tôi nghĩ, Đức Kitô đến rao giảng một Thiên Chúa không biên giới, không bờ bến. Không phải Do Thái, cũng không phải là Roma, không phải Á Đông, cũng chẳng phải Tây phương. Cho nên nó có một cái gì rất đặc biệt. Ngài đến để khẳng định một cái gì vượt thời gian và không gian. Chẳng hạn, ngày nay chúng ta ai cũng nói nhân quyền. Nếu đọc Phúc Âm cho kỹ thì Đức Giêsu đến để nâng cao con người. Mà con người là... con người, có vậy thôi. Vàng, đen, trắng, đỏ, già, trẻ, trộm cắp, hay hiền nhân quân tử, tất cả đều là người. Và đã là người thì phải được tuyệt đối tôn trọng. Theo tôi, đó là thông điệp chủ yếu của Đấng Kitô. Còn các tôn giáo, kể cả Công giáo đã thực hiện cái thông điệp đó tới mức nào lại là một chuyện khác.

Kicon: Xin ngắt lời giáo sư. Giáo sư vừa mới nói rằng khi Đức Kitô đi rao giảng, thì đối với ngài, Nhân quyền là giá trị cao nhất. Mới đây, tòa thánh Vatican đã phổ biến một thông điệp mang hình thức tuyên ngôn, nội dung đòi hỏi giáo dân phải giữ vững cũng như xiển dương những giáo điều riêng của Hội Thánh, và nhìn nhận Hội Thánh là thẩm quyền duy nhất mang lại cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Một vài đoạn trong bản tuyên ngôn viết rằng: *"...những tín đồ của những giáo phái Ki-Tô giáo khác sẽ bị thiếu sót một cách nặng nề trong vấn đề cứu rỗi." "Hội thánh Thiên Chúa giáo La Mã là phương tiện duy nhất đem lại sự cứu rỗi cho toàn thể nhân loại."* Theo giáo sư, liệu tuyên ngôn này của Tòa Thánh có phần nào đó mâu thuẫn với những giá trị của con người đã được Đấng Cứu Thế rao giảng hay không?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Cái tuyên ngôn Dominus-Jesus, tức là tuyên ngôn Chúa Giêsu mà anh vừa nói tới, có lẽ mình nên gắn liền với vụ phong Á Thánh cho Piô 9 và Gioan 23. Tôi xin nói rất thành thực, tôi rất buồn khi tòa thánh Vatican phong Á Thánh cho Piô 9 và Gioan 23. Việc phong Á Thánh đối với La Mã là việc rất hệ trọng. Tôi công nhận người ta đã phải khảo sát rất lâu năm để làm việc đó. Và tôi tin rằng, nếu tòa thánh phong Á Thánh hai vị giáo chủ là Piô 9 và Gioan 23, thì hai vị đó chắc chắn đã có đời sống thánh thiện đáng làm gương mẫu cho giáo dân. Tất nhiên, các vị có thể có những thiếu sót này nọ, bởi vì các Thánh không phải là những con người toàn vẹn, chẳng có ai toàn vẹn, nhưng có những nét đáng làm gương. Nhưng tôi nghĩ rằng, khi phong Á Thánh cho Piô 9, thì chẳng những Giáo hội tuyên dương cá nhân một tín hữu Kitô giáo nhưng còn là, trước hết là, tuyên dương một vị Giáo chủ. Mà trong giáo hội Rôma, thì một vị giáo chủ cũng là người đại diện đầu tiên cho khuôn mặt của giáo hội. Vì thế, Pio 9 đứng về phương diện đó là vị giáo chủ của Syllabus. Syllabus có nghĩa là "danh sách." Danh sách này biên ra 80 điều sai lầm bị giáo chủ lên án. Tôi chỉ nói một điều trong 80 điều: "Phải tách rời Giáo hội khỏi Nhà nước và phải tách rời Nhà nước khỏi Giáo hội." Điều đó ngày nay không ai cho là lạ lùng. Điều này được một số tín hữu thời xưa đề cao, chẳng hạn Lamennais bên Pháp. Nhưng bị Giáo hoàng Pio 9 lên án như một điều sai lầm. Tuyên dương Piô 9, tôi thấy cái đó nhắc lại nhiều kỷ niệm buồn, nhiều trang sử đen tối trong lịch sử Giáo hội. Thế chưa đủ. Lại còn thêm tuyên ngôn của Hồng y Ratzinger là người đứng đầu Bộ Tín Lý Đức Tin của Tòa

thánh. Mà Bộ Tín Lý Đức Tin ngày xưa gọi là Le Saint Office. Nói đến bộ này là người ta sợ lắm vì đó là các tòa án dị giáo đã đưa lên giàn hỏa nhiều người hay là phạt vạ tuyệt thông nhiều người. Tôi hoàn toàn đồng ý với hồng y Ratzinger về điểm Đức Kitô đã đem tới, đã rao giảng một Tin mừng, một Tin vui. Tin vui tình thương, Tin vui ánh sáng, Tin vui tự do.

Tôi không bao giờ phân biệt tình yêu và tự do nơi Đức Kitô. Ngày nay người ta nói rất nhiều đến tình yêu đến nỗi tình yêu đã thành khẩu hiệu quảng cáo. Nhưng người ta quên rằng Đức Giêsu rao giảng một tình yêu gắn liền với tự do. Đối với tôi, Thiên Chúa và Tự do đi đôi với nhau. Kitô và Tự do là một. Nếu giết Tự do là giết Tình yêu. Nếu hồng y Ratzinger muốn nói rằng, Đức Kitô mang đến một thông điệp đặc biệt, không nên pha loãng, không nên giảm thiểu, nhất là trong cuộc đối thoại tôn giáo, thì tôi hoàn toàn đồng ý. Nhưng tiếc rằng, chủ tịch Bộ Tín lý Đức Tin đã có thái độ khép lại. Một chi tiết thôi: Hai Giáo hoàng Phao lô 6 và Gioan Phao lô 2 đều gọi Giáo hội Chính Thống giáo (Orthodoxe) là "Giáo hội anh em." Hồng y Ratzinger lại yêu cầu tòa thánh từ nay đừng gọi Chính Thống giáo là giáo hội anh em vì họ là giáo hội "riêng biệt" (Eglise particulière). Cái lối chơi chữ đó, tôi cho là một lối chơi chữ tai hại. Rồi các Giáo hội Kitô giáo khác như Tin lành, Anh giáo v.v... thì bị gọi là các giáo hội "thiếu sót," hay "què quặt" (déficientes). Tôi chưa nói đến việc đối thoại với các tôn giáo khác. Thái độ đó là một thái độ quá đóng kín. Cho nên có câu của Thánh Augustinô "ngoài Giáo hội, không có sự cứu rỗi." Nhưng mà phải hiểu Giáo hội là gì, Giáo hội là ai. Với Hồng y Ratzinger, từ nay phải nói: "Ngoài Rôma, không có sự cứu rỗi." Riêng tôi, tôi không chấp nhận điểm đó.

Từ trái: Phạm Xuân Đài, Đỗ Mạnh Tri, Đinh Quang Anh Thái

Kicon: Đó là quan điểm của Hồng y Ratzinger, nhưng lý do nào khiến Giáo Hoàng Phao Lô Đệ Nhị lại chuẩn thuận bản tuyên bố đó, nhất là giai đoạn gần đây, vị chủ chăn của Công giáo hoàn vũ đang nỗ lực xóa bỏ những hiểu lầm và tạo ra một sự khoan dung, thông cảm giữa các tôn giáo?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Nếu anh đọc kỹ tuyên ngôn đó, thì anh sẽ thấy là Hồng y Ratzinger là người đứng đầu Bộ Tín Lý Đức Tin của Tòa thánh đệ trình bản tuyên ngôn đó và Đức Giáo Hoàng chấp thuận. Đức Giáo Hoàng không ký vào bản tuyên ngôn. Có điều, sự chấp thuận của Gioan Phaolô 2 vẫn đặt vấn đề. Vấn đề cân bằng giữa nhiều khuynh hướng trong Giáo hội. Dù sao, đối thoại tôn giáo vừa bị tổn thương nặng.

Phạm Xuân Đài: Từ Công Đồng Vatican 2 cách đây hơn 30 năm, Giáo hội đã có một thái độ rất cách mạng, tức là bắt đầu đối thoại với các tôn giáo khác. Từ đó, giáo hội đã thực hiện liên tiếp những cuộc đối thoại, nhưng mặt

khác, cũng chính trong Giáo hội lại có khuynh hướng bảo thủ, không muốn đối thoại, không muốn sự ngang hàng giữa giáo hội và các tôn giáo khác. Nói cách khác, khuynh hướng độc tôn vẫn hiện diện trong giáo hội. Liệu bản tuyên ngôn Giáo hội mới đưa ra có là sự phản ảnh quan điểm của những người bảo thủ trong Giáo hội, nhằm phản ứng lại việc cởi mở, đối thoại của Giáo hội?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Khi nói đến bảo thủ hay thủ cựu, đây là những điều thường làm người Công giáo khó chịu. Vatican không phải là một tổ chức trần thế mà là một tổ chức vừa trần thế vừa thiêng liêng. Tôi xin trả lời gián tiếp là căn bản của dân chủ là nhân quyền. Căn bản của nhân quyền là nhân phẩm. Căn bản của nhân phẩm xuất phát từ Tin Mừng. Thiên Chúa không biên giới, vượt thời gian, vượt không gian. Nhưng mà Thiên Chúa, chúng ta gặp ở đâu? Đọc Phúc âm, đoạn nói về ngày phán xét cuối cùng, Chúa Kitô nói rằng, khi ta đói các anh không cho ta ăn, ta khát, các anh không cho ta uống. Có người trả lời là chúng tôi có gặp Chúa đâu để mà phụng dưỡng. Chúa bèn nói rằng, người Ả rập phía Đông Jerusalem bị đói, các anh không cho người ta ăn, những người đó chính là Ta. Cái anh Việt cộng đó anh ấy khát, các anh không cho anh ta uống, anh Việt cộng đó là Ta. Nếu anh không nhìn thấy Thiên Chúa, thì có một cách rất dễ dàng để thấy, đó là nhìn những người chung quanh ta. Cho nên nếu mà phủ định con người tức là phủ định Thiên chúa.

Bây giờ nói đến chuyện dân chủ. Giáo triều Rôma (Curie Romaine) đã từng chống dân chủ, nhân quyền. Trong bản cáo tội của Gioan Phao Lô 2 hồi tháng 3 năm nay, một trong những điều được nói tới là việc Giáo hội đã từng vi phạm nhân quyền. Tức là vi phạm dân chủ. Bây giờ giáo hội trở thành vô địch về mặt nhân quyền. Điều này rất tốt, rất hợp với Tin Mừng. Còn về phương diện nhân loại thì trong giáo triều Rôma thì người ta không thích dân chủ, có vậy thôi.

Khi tôi nói những điều trên, xin anh đừng cho rằng tôi phê bình gay gắt Giáo hội. Người Công giáo thường phê bình giáo hội rất nhiều. Thí dụ năm 1523,Giáo hoàng Hadrien 6 hay 4 tôi không nhớ rõ có nói đại khái thế này: "Sự dữ đã tràn lan từ Giáo hoàng tới các Hồng y, Giám mục. (Sự dữ, tiếng Tây gọi là "le mal." *Le mal* có nghĩa rất mạnh. Ta chỉ có chữ ác). Cái ác đã tràn lan từ đầu đến các chi thể, từ Giáo hoàng xuống các Hồng y, Giám mục. Cho nên chúng ta phải sấp mình trước mặt Chúa, ăn năn hối cải để khỏi bị Ngài phán xét trong ngày thịnh nộ của Ngài."

Tôi xin thêm một điều. Đó là giáo hội của tôi. Mà tôi cũng là thành phần bất xứng của giáo hội đó. Và giáo hội này cũng làm rất nhiều việc tốt lành. Thí dụ rất nhỏ: người phụ nữ hiện nay có rất nhiều điều có thể trách cứ Giáo hội nhưng trong lịch sử văn minh thế giới, chưa có tôn giáo nào tôn trọng người phụ nữ bằng Kitô Giáo và đặc biệt bằng Công giáo. Chỉ một luật một vợ - một chồng đã hết sức nâng cao người phụ nữ. Theo tôi nghĩ, không có nền văn minh nào tôn trọng người phụ nữ bằng Văn minh Kitô giáo. Và không có đạo nào đã nâng người phụ nữ lên bằng đạo Công giáo, mặc dù người phụ nữ có rất nhiều điều để trách cứ Giáo hội.

Kicon: Vì là một cuộc mạn đàm nên xin phép được trở lại với tờ *Tin Nhà*. Xin giáo sư cho biết lý do nào mà hầu hết bài vở đăng trên *Tin Nhà* đều liên quan đến những đảng viên cộng sản hiện đang chống đảng. Và lý do nào khiến một số người nhận định rằng *Tin Nhà* có phần nào đó thiên tả?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Chuyện thiên tả hay thiên hữu thì cũng khó nói lắm. Vì thời này cũng không biết đâu là tả biết đâu là hữu. Cũng như vấn đề tôn giáo. Theo tôi nghĩ, trong thế giới hiện tại, vấn đề không phải là đối thoại giữa các tôn giáo mà vấn đề là mỗi tôn giáo phải đối thoại với nhau. Tôi nói một thí dụ rất nhỏ: Tất cả những biến cố ở bên Jerusalem là vấn đề giữa Israel và Israel; giữa Hồi giáo và Hồi giáo; giữa người Ả Rập và người Ả Rập.

Cũng như vấn đề Công giáo, không phải là đối thoại với Phật giáo, người Công giáo phải đối thoại với người Công giáo trước. Tôi là người Công giáo, tôi phải làm sao tôi có thể chịu nổi tôi trước, vấn đề tả với hữu cũng thế, người hữu phải nói chuyện với người hữu, người tả phải nói chuyện với người tả, vấn đề là như vậy chứ không phải là vấn đề tả với hữu.

Hiện thời, theo tôi nghĩ là như vậy. Thành ra nói tả với hữu thì khó hiểu lắm, mà chúng ta thường bị khép vào một khuôn khổ đã lỗi thời rồi. Thế giới thay đổi, chúng ta phải cố nhận diện được hiện tại, theo đó tôi nghĩ không có ai đi trước thời cuộc, nếu mà chúng ta đi kịp được thời cuộc là may lắm rồi, những

người mà chúng ta nói là đi trước thời cuộc là những người đi kịp thời cuộc, còn những người khác, thời cuộc đã ở cuối thế kỷ thứ hai mươi mà vẫn còn sống trong tâm trạng thế kỷ thứ mười tám hay mười chín.

Theo tôi nghĩ, phần lớn người Việt Nam của mình và đất nước Việt Nam của mình chưa ra khỏi thế kỷ thứ mười chín. Riêng tôi, tôi không tin là ai có thể đi trước thời cuộc, thời gian và tương lai không thuộc về bất cứ ai, không ai có thể đi trước, chúng ta đi kịp là may rồi. Nói về tả hữu thì khó, nhưng nói nôm na thì tả hay hữu cũng không phải là vấn đề.

Khi chúng tôi xuất bản *Tin Nhà*, thú thật với anh, lúc đó Hà Sĩ Phu bắt đầu có bài trên báo "Trăm Con," khi tôi đọc bài đó, tôi bảo "trời ơi, bài như thế này," rồi tôi tìm hiểu Hà Sĩ Phu là ai, rồi tôi viết thư về nhà hỏi để kiếm, rồi bấy giờ mới có "Đôi điều suy nghĩ của một công dân," rồi có lẽ vì cách đưa tin của chúng tôi, chúng tôi đưa tin ít thôi, nhưng chúng tôi muốn đưa tin một cách hiệu quả nhất và tôi thấy rằng, những người chúng tôi đưa lên đều được giải thưởng của Nhân quyền, vâng, Hà Sĩ Phu, rồi Bùi Minh Quốc, rồi Nguyễn Hộ, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Lữ Phương.

Kicon: Có phải giải thưởng của Human Right Watch?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Vâng. Chúng tôi cũng không hiểu tại sao những cái đó lại đến với chúng tôi, thật ra tôi không có những liên lạc với những nhân vật đó. Điều tôi muốn làm là đối thoại với họ trên giấy trắng mực đen thôi, chứ tôi cũng không muốn tìm gặp. Cách đưa tin như vậy cho thấy chúng tôi cũng tương đối khách quan, nên họ mới gửi cho chúng tôi. Nếu anh còn nhớ, số Tin Nhà 19 là số hết sức đặc biệt, lần đầu tiên có những tin tức chính từ Bộ chính trị gửi ra, mà theo tôi, hiện giờ tôi cũng vẫn không hiểu tại sao nó lại tới chúng tôi. Hồi đó chúng tôi được mấy tin đó, mà chúng tôi thì xuân thu nhị kỳ mới ra một số, tôi cứ để đấy chờ xem mấy báo bên Paris có ra không. Báo *Diễn Đàn*, họ phải có tin tức của bộ chính trị chứ? Tôi không thấy họ nói gì cả, hỏi chỗ nọ chỗ kia cũng không thấy nói, cho nên chúng tôi ra, số 19 gồm toàn những tin của Bộ chính trị ra cả. Họ đến với chúng tôi có lẽ vì họ thấy chúng tôi đưa tin cũng tương đối khách quan.

Kicon: Anh Phạm Xuân Đài, anh có điều gì muốn hỏi Giáo sư Đỗ Mạnh Tri nữa không?

Phạm Xuân Đài: Chúng tôi muốn nói lời cảm ơn. Vì nhân buổi mạn đàm này, tôi cũng được hiểu thêm về tờ *Tin Nhà*, quan niệm của Giáo sư Đỗ Mạnh Tri về vấn đề tôn giáo, kể cả khía cạnh thời sự đang gây chú ý. Trên một phương diện nào đó, những điều Giáo sư vừa nói đã khai thông được, giúp chúng ta hiểu thêm quan điểm của một trí thức Công giáo về một số vấn đề hiện tại. Xin cảm ơn anh và chúc anh những ngày ở quận Cam vui vẻ, gặp được nhiều điều vừa lòng.

Kicon: Giáo sư có điều gì nhắn nhủ với tuổi trẻ?

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Nhắn nhủ với tuổi trẻ. Tôi không giám.

Kicon: Vậy thì xin giáo sư có một vài lời tâm sự với tuổi trẻ.

Giáo sư Đỗ Mạnh Tri: Tôi xin các bạn trẻ hãy tự mình đặt những bước đi cho mình. Xin các bạn đừng có quên rằng các bạn cũng là những gia tài. Tức là dĩ vãng cũng ở trong các bạn. Xin chúc các bạn càng ngày càng trẻ lên. Bởi vì chúng ta sinh ra là chúng ta già. Già với tất cả cái gia tài ở trong ta. Các bạn trẻ hãy cố trẻ lên và tự mình vạch ra những bước đi. Tương lai là cái gì chưa có. Bước đường tương lai của các bạn trẻ chưa có. Chính những bước đi sẽ làm nên những nẻo đường cho chúng ta. Và nếu chúng ta thành tâm, thì mọi nẻo đường, cũng như mọi dòng sông đều chảy về biển cả. Mỗi người một nẻo đường, nếu các bạn trẻ là những người có chí, thành tâm đặt những bước đi và rồi đi những bước của mình thì sẽ gặp những người cùng đi. Cũng như những giòng suối nhỏ sẽ thành con sông và sông nào cũng đều ra biển. Còn biển dẫn chúng ta tới đâu, chúng ta không biết.

Tôi cũng xin tâm sự với các bạn già. Xin các bạn già bớt dạy tuổi trẻ. Bởi vì kinh nghiệm là cái bó đuốc chỉ soi sáng cho người cầm nó thôi. Kinh nghiệm khoa học thì dậy cho người khác được. Còn kinh nghiệm sống là cái bó đuốc chỉ soi cho chúng ta thôi. Và chúng ta hay quên rằng một thời chúng ta đã trẻ. Tôi rất mong các bạn già từ nay bớt viết thư cho các bạn trẻ. Và viết nhiều thư cho các bạn già để các bạn già học hỏi lẫn nhau và chúng ta phải hỏi tuổi trẻ để may ra có thể học được tuổi trẻ điều gì. Bởi vì giáo dục là luôn luôn tự giáo dục mình.

Kicon: Xin cám ơn giáo sư Đỗ Mạnh Tri và nhà văn Phạm Xuân Đài về cuộc mạn đàm này.●

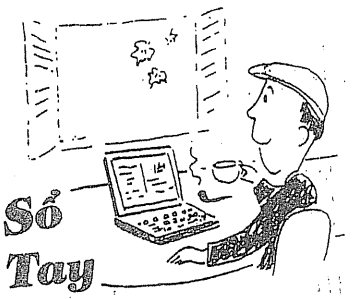

THUỴ SĨ, MỘT XỨ PHỨC TẠP

Tôi vẫn tưởng Thụy Sĩ có một chế độ dân chủ kiểu mẫu cho mọi người, ở đó việc gì dân cũng được hỏi ý kiến trước khi nhà cầm quyền quyết định. Tôi đã đến Thụy Sĩ mấy lần, nhưng lần này mới hiểu thể chế dân chủ và đời sống xã hội của nước này nó phức tạp thật! Nước Mỹ thành lập khi 13 "thuộc địa," nay gọi là tiểu bang, họp với nhau ký "hợp đồng lập quốc" gọi là Hiến pháp, sau đó các bang khác mới xin vào. Thụy Sĩ cũng thành lập khi ba "tổng" (canton) đầu tiên họp lại với nhau năm 1291 để tự vệ trước các đế quốc Âu châu, dần dần các tổng khác tham gia. Nhưng 20 tổng và 6 "nửa tổng" ở Thụy Sĩ vẫn giữ rất nhiều quyền tự trị mà chắc các tiểu bang bên Mỹ biết thì sẽ phải ghen là tại sao họ không được hưởng như thế.

Tháng Mười, lá vàng nổi lên chen lẫn giữa những rừng tùng bách, sườn núi với đàn bò gặm cỏ, mặt hồ phản chiếu bóng cây, các đỉnh núi xa xa phủ tuyết, cảnh vật đúng như trên tấm lịch treo tường. Bên trong hình ảnh thung lũng bình an đó, nếu bạn lái xe vượt đèn đỏ là bạn biết cuộc đời là bể khổ ngay! Người dân nào cũng có thể gọi điện thoại báo cho cảnh sát cái xe vi phạm luật, và cảnh sát họ tin dân mới khổ chứ!

Trên chuyến xe lửa từ Frankfurt (Main) về Zurich một bà giáo dẫn con đi chơi nhân được nghỉ lễ đang trên đường trở về nhà ở Chur, tôi hỏi các trường ở Thụy Sĩ đang nghỉ lễ gì vậy? Bà cho biết mỗi nơi nghỉ những ngày lễ khác nhau. Vậy hệ thống giáo dục là chung cả nước hay mỗi tỉnh một khác? Bà giáo cười: Mỗi làng một khác! Nước này có chừng 3000 làng (communes).

Từ thung lũng này qua thung lũng kia đã thấy khác. Đi qua một làng để ghé coi nhà của một người quen, anh Ruân bạn tôi cho biết: "Ở vùng này đàn bà vẫn chưa được bỏ phiếu!" Đó là một hệ quả của tinh thần địa phương tự trị.

Nhưng một nước như Thụy Sĩ chắc không có lựa chọn nào khác là để cho các địa phương nhiều quyền tự trị. Dân nói ba ngôn ngữ chính, Đức, Pháp, một số nhỏ tiếng Ý và số rất nhỏ nói tiếng Romane. Tôn giáo thì nhiều giáo hội Tin Lành lẫn Công giáo - nhưng đến năm 1973 dòng Tên mới được hoạt động chính thức, sau một cuộc trưng cầu dân ý. Bấy nhiêu thứ khác nhau mà bằng lòng sống chung với nhau thành một nước đã là một chuyện lạ. Sống với nhau một cách bình an và thịnh vượng, phải kể là kỳ công! Và đó là nhờ họ tôn trọng "luật chơi" dân chủ. Nó cũng như tôn trọng luật đi đường. Anh Vũ Ngọc Ruân nói ở đây chạy quá tốc độ từ 50 lên 55 cây số một giờ là phạt chết tiền rồi! Lên 60 cây thì sẽ mất đến 500 đô la Mỹ! Vượt đèn đỏ thì mất cả tháng lương tiền phạt. Di dân say rượu lái xe thì suốt đời khó lòng được nhập tịch! Nhà bạn tôi chỉ trổ tường làm một lỗ thông hơi thổi từ bếp ra sân sau, thế mà bị phạt 4000 Franc Thụy Sĩ vì không xin phép trước - tương đương hơn hai ngàn rưỡi Mỹ kim!

Tôi ở nhà Ruân và Eiko, trong nhà nói tiếng Nhật, tiếng Đức, tôi nói chuyện với cậu con trai bằng tiếng Pháp, với Eiko bằng tiếng Anh, với Ruân bằng tiếng Việt mà hai người kia nghe cũng hiểu, lâu lâu lại góp ý kiến. Có lẽ nước Thụy Sĩ nó cũng phức tạp như vậy. Khi có hai, ba người sống chung là đã cần một thứ kỷ luật rõ ràng minh bạch rồi. Khi số người đông mà lại khác nhau đủ thứ thì phải có thứ kỷ luật dân chủ, nếu không thì khó sống chung lắm. Mà làm sao loài người không khác nhau được? Trong một nhà có bao giờ chúng ta "nhất trí" được đâu? Cho nên dân Thụy Sĩ cứ luôn luôn được hỏi ý kiến. Ít nhất, sau khi có quyết định chung nào thì cũng không ai khiếu nại là tại sao không hỏi ý tôi. Trưng cầu ý kiến xong rồi thì ý kiến nào đa số thuận sẽ thắng, thiểu số đành vui vẻ chịu thua. Sống với nhau là phải có thỏa hiệp, chẳng có cuộc sống chung nào hoàn hảo, lý tưởng cả!

Ruân nói, ở đây hầu như tháng nào cũng có trưng cầu dân ý. Bữa tôi ở đó nhà Ruân nhận được tài liệu bằng bốn trang báo hàng ngày hỏi ý kiến dân thành phố có muốn tiếp tục kết nghĩa huynh đệ với thành phố Côn Minh ở Trung Hoa hay không. Họ trình bầy vấn đề, ghi rõ chi phí nếu tiếp tục kết nghĩa (hơn 600 ngàn một năm), nêu các điều thuận lợi và các lý do chống đối (Tiêu tốn tiền vô ích mà "thành phố bạn" Côn Minh thì đầy tham nhũng, nước bạn thì cứ vi phạm nhân quyền, v.v.) Thành phố Zurich sẽ gửi phiếu bầu đến nhà, các công dân sẽ cho ý kiến rồi gửi qua bưu điện. Mà đó chỉ là một trong mấy cuộc trưng cầu dân ý trong tháng, phần lớn là của làng, của

tổng, và lâu lâu của cả nước.

Đi qua những thung lũng quanh co, những cảnh đẹp nên thơ, nhìn những ngôi nhà ngói đỏ thanh bình với những cửa sổ có chậu hoa độc đáo, tôi vẫn tự hỏi những người dân coi bộ hiền lành, chất phác ở đây làm cách nào sống được cuộc sống bình yên, hạnh phúc như vậy, trong khi dân mình toàn những anh hùng liệt sĩ thì cứ cực khổ mãi. Cái khác nhau, có lẽ là họ trọng luật chơi dân chủ trong tinh thần tương nhượng, bao dung.

DÂN MỸ ĐÃ BẦU XONG

Khi báo này tới tay quý vị thì cuộc bầu cử tổng thống và Quốc hội Mỹ đã chấm dứt. Nhiều người ở xa, và ngay cả người ở Mỹ, không hiểu được lối tính phiếu bầu Tổng thống Mỹ, gọi là "Cử tri đoàn" (Electoral College), một di sản từ thời lập quốc của họ. Mỗi tiểu bang được dành một số phiếu cử tri đoàn bằng số ghế dân biểu của tiểu bang, cộng hai phiếu tương đương hai nghị sĩ. Vùng Washington D.C. có riêng ba phiếu, tổng cộng cử tri đoàn cả nước có 538 phiếu, ai thắng 270 phiếu là đắc cử.

Khi soạn hiến pháp, các nhà lập quốc Mỹ dành việc bầu Tổng thống và Phó Tổng thống cho một "Cử tri đoàn" họp từ các tiểu bang, nhiều ít tùy theo dân số. Trên nguyên tắc lúc đầu, Cử tri đoàn có toàn quyền chọn lựa Tổng thống, Phó Tổng thống. Khi không có ai hội đủ đa số trên 50% thì Hạ viện sẽ chọn Tổng thống trong số ba người cao phiếu nhất, còn Thượng viện sẽ chọn Phó Tổng thống trong hai người cao phiếu nhất còn lại! Những thủ tục đó nay không thấy dùng nữa. Đã có lệ ai thắng ở tiểu bang nào thì được hưởng hết phiếu cử tri đoàn của tiểu bang đó (winner takes all). Tiểu bang đông nhất là California được 54 phiếu, New York 33, Texas 32, Florida được 25 phiếu, v.v.. Ít phiếu nhất như Vermont, Wyoming... được 3 phiếu.

Ai thắng ở Cali có ngay 20% của số 270 phiếu cần để đắc cử Tổng thống, dù tiểu bang này chỉ có 11% dân số Mỹ. Có thể xảy ra tình trạng một Tổng thống đắc cử khi chiếm đa số phiếu cử tri đoàn nhưng lại không được hơn 50% số phiếu của dân chúng bầu cho. Điều này đã xảy ra 15 lần trong lịch sử Mỹ. Năm 1996 ông Clinton được 379 phiếu cử tri đoàn nhưng chỉ được 49% dân ủng hộ, năm 1992 ông được 370 phiếu cử tri đoàn, với 43% phiếu của dân. Cả hai lần ông đều thắng ở California.

Có người, như Nghị sĩ Birch Bayh đã đề nghị bỏ Cử tri đoàn để dân bầu trực tiếp chức Tổng thống và Phó Tổng thống. Có người đã đề nghị ai chiếm được một tỷ lệ, thí dụ 20% phiếu dân chúng một tiểu bang thì lấy 20% phiếu cử tri đoàn ở đó. Nhưng các đề nghị này chưa được chấp thuận. Điều này cho thấy thay đổi hiến pháp và thói quen của một quốc gia rất khó. Như bà giáo người Thụy Sĩ mà tôi gặp trên xe lửa, bà than về hệ thống giáo dục tản quyền của xứ bà, nhưng cũng lắc đầu không biết bao giờ sửa được! Có những nước thay đổi hiến pháp soành soạch như người ta thay áo, không biết như vậy có "dân chủ" hơn hay không?

DÂN MỸ ĐI BẦU ÍT HƠN

Là người ngoại quốc, tôi cũng không ngờ các tiểu bang ở Mỹ có quyền rất rộng rãi trong việc bầu cử, kể cả khi bầu các chức vụ liên bang. Do đó, trong lịch sử, nhiều tiểu bang đã đặt ra các hạn chế cử tri. Muốn mọi người dân có quyền bỏ phiếu như nhau trên toàn quốc, Quốc hội liên bang phải sửa hiến pháp nhiều lần.

Vì thế mới có Tu chính án Hiến pháp số XV năm 1870 cấm kỳ thị chủng tộc trong việc bầu cử, Tu chính án Hiến pháp XIX năm 1920 cấm kỳ thị vì lý do phái tính (cho phụ nữ cũng có quyền đi bầu). Tu chính án XXIV năm 1964 cấm hạn chế dựa trên số tiền thuế đóng góp, v.v. Đạo luật năm 1965 về Dân quyền đã được tăng cường những năm 1975 và 1985 để bảo vệ quyền ghi tên vào danh sách cử tri của mọi công dân, cấm viện dẫn các lý do như phải thông thạo tiếng Anh, biết chữ hay mù chữ, cư ngụ thời gian bao lâu, hay các thứ tật nguyền, v.v.. Đến năm 1993, Tổng thống Clinton ký đạo luật về Ghi danh Bầu cử mà Quốc hội do đảng Dân Chủ kiểm soát đã thông qua nhưng bị cựu Tổng thống Cộng Hòa George Bush phủ quyết trước đó. Đạo luật này buộc các tiểu bang ghi vào danh sách cử tri mọi công dân khi họ lấy bằng lái xe lần đầu, sinh ra từ "Cử tri Lái xe" (motor voter). Có lẽ nhờ đạo luật này mà con số cử tri ghi danh ở Mỹ tăng lên, từ 133.8 triệu năm 1992 thành 149.8 triệu năm 1996.

Nhưng số cử tri tăng thì tỷ lệ số người đi bầu lại giảm. Năm 1960 có 63% dân Mỹ đi bầu, năm 1972 chỉ còn 55%, xuống 50% năm 1988, và tám năm sau chỉ còn 49%. Năm đó, ông Clinton đắc cử với 49% của 49% số cử tri, tức là dưới một phần tư tổng số. Nhưng luật là luật, ông Clinton vẫn làm tổng thống. Năm 1998 không có bầu tổng thống, số người cất công đi

bầu Hạ viện và 1/3 Thượng viện còn thấp nữa, dưới một phần ba số ghi danh.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CHÁN PHÈO!

Tỷ lệ đi bầu thấp chắc làm cho nhiều người cảm thấy thể chế dân chủ ở xứ này không có gì hay như ta tưởng. Nhưng có một điều là khi trong nước kinh tế thịnh vượng, ngoài thì không có chiến tranh với ai, người dân thấy các ứng cử viên coi bộ "sêm sêm," chẳng thấy gì quan trọng trong việc chọn người cai trị, nên họ ở nhà. Năm nay đến tuần lễ chót vẫn coi như bất phân thắng phụ, nên cả hai đảng đều tìm cách lôi kéo những cảm tình viên của mình cất công đi bỏ phiếu.

Cuộc bầu cử Quốc hội và Tổng thống đều gay go. Cho nên không những hai đảng mà các tổ chức tư khác cũng hô hào các đoàn viên đi bầu. Vì ai vắng mặt tức là để cho phe đối thủ thắng phiếu! Các công đoàn thì kêu gọi giới lao động, mục sư Jesse Jackson đi hô hào người da đen, những người đó thường bầu cho đảng Dân Chủ. Liên minh Cơ đốc giáo lôi cuốn các người chống phá thai, Hội Súng Toàn quốc NRA thì gửi thư cho tất cả 2.4 triệu hội viên nhắn họ nhớ đi bầu, những người này thường ủng hộ đảng Cộng Hòa.

Ai đi bầu cũng hy vọng hành động của mình sẽ thay đổi cục diện cả nước. Vì mình sẽ chọn người cai trị mình trong bốn năm sắp tới. Ai cũng nghĩ người mình chọn là người xứng đáng nhất, đem lại nhiều phúc lợi nhất không những cho mình mà cho cả toàn dân! Bây giờ thấy những người nghĩ khác hẳn mình lại thắng, hành động đi bầu của mình có thể thành vô ích khi ứng cử viên phe bên kia thắng, có khi chỉ thắng với một đa số nhỏ nhoi! Mà ai thì cũng nghĩ rằng chỉ ứng cử viên mình chọn mới đáng đắc cử, những người bỏ phiếu cho bên kia nếu không đốt nát thì cũng ích kỷ, chỉ nghĩ đến tư lợi! Tại sao mọi người không hiểu như mình, nghĩ như mình, bỏ phiếu như mình? Ít nhất cũng phải là đa số "có trình độ" ngang với mình mới đáng được chọn một ông tổng thống chứ?

Đó là tâm trạng của nhiều cử tri trước và sau ngày bỏ phiếu. Ngay cả những người không được sống trong thể chế dân chủ, chẳng bao giờ được bầu cử tự do, họ cũng đoán trước tâm trạng đó, và có thể vì thế họ thấy chán chế độ dân chủ ngay trước khi được nếm thử mùi vị.

LUẬT CHƠI DÂN CHỦ VẪN ĐỠ TAI HẠI NHẤT

Nhưng suy nghĩ như vậy là sai lầm. Chế độ dân chủ không bao giờ hứa hẹn mọi người sẽ biết giống nhau, suy nghĩ như nhau. Bản chất của chế độ Dân Chủ là có bất đồng ý kiến và bầy tỏ sự bất đồng một cách công khai. Ở trong chùa hay nhà thờ thì chúng ta có thể cầu nguyện cho tất cả đồng tâm nhất trí, nhưng trong một xã hội bình thường thì điều đó là không tưởng. Những người hô hào "nhất trí" hay "đồng thuận" có khi chỉ để che dấu một khuynh hướng độc tài. Dân Chủ nghĩa là mỗi người hãy khăng khăng bảo vệ lập trường của mình mà không sợ ai chỉ trích mình gây rối, chia rẽ phá hoại - tệ hơn nữa là vu cho cái tội phản quốc, hoặc là theo tà đạo!

Bỏ phiếu là hành động quan trọng nhất, có tính cách quyết định nhất, cho thấy tính chất một xã hội là dân chủ thật hay giả mạo dân chủ. Bỏ phiếu xong thì ngồi chờ coi kết quả mình có được đa số đồng ý hay không. Thắng thì vui, nhưng không lạm quyền, tính cúp sổ gạo của phe đối lập. Thua thì buồn nhưng sẽ chờ kỳ bầu cử lần tới vận động nữa, chứ không tính xóa đi bầu lại, như ông Milosevic định làm ở Nam Tư hay ông Tướng Robert Guei ở Côte d'Ivoire.

Chế độ dân chủ cơ bản là những "luật giao đấu," hay gọi là "luật chơi" - như chơi cờ tướng hay đá banh. Mối đồng thuận duy nhất của mọi người là đồng ý tôn trọng luật chơi. Dân Chủ không hứa hẹn một xã hội toàn hảo, không bảo đảm một cách chọn người cai trị tốt nhất và được tất cả hoan nghênh.

Một tạp chí của người Việt Nam ở Đông Âu đã nêu rõ ý nghĩa của thể chế dân chủ, cho thấy ý thức dân chủ của người Việt Nam ở đâu cũng như nhau. Tờ báo *Đàn Chim Việt* xuất bản ở Ba Lan do Cao Ngọc Quỳnh chủ trương viết trong Lời Tòa Soạn số tháng Hai năm 2000: "Dân chủ không phải là một chủ thuyết. Dân chủ chỉ là một cách quản lý xã hội. Lịch sử đã chứng minh nó là cách quản lý tốt nhất mà nhân loại được biết... Nó quản lý tốt bởi vì nó có khả năng thích ứng tốt nhất với mọi chuyển biến. Nói cách khác, nó nằm trong quá trình thường xuyên tự hoàn thiện." Cố Thủ tướng Anh Winston Churchill cũng nói như vậy: "Dân Chủ là thể chế rất tồi, nó chỉ khá hơn tất cả những thể chế đã thử áp dụng trên trái đất này!"

Báo *Đàn Chim Việt* lấy khẩu hiệu là một câu nói của Phan Tây Hồ: "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh." Nếu mọi người Việt Nam hiểu ý nghĩa thể chế dân chủ

như tờ báo này viết, thì mục tiêu "Khai dân trí" sẽ đạt được.

Cuối cùng, đêm 7 tháng Mười Một vừa rồi nếu quý vị thấy người mình chọn cho lên làm tổng thống Mỹ lại thất cử chỉ vì thua vài trăm ngàn lá phiếu thì quý vị đã làm gì? Tất nhiên, quý vị có quyền nổi giận, có thể chửi mấy cái anh (chị) bỏ phiếu cho cái ông đắc cử là thậm ngu, chí ngu, đã làm một việc sai lầm tai hại cho cả nước Mỹ. Nhưng sau cùng thì chúng ta phải biết rằng "trong một xã hội dân chủ, hiến pháp bảo đảm người dân có quyền chọn sai!" Đó là một quyền hiến định! Mai mốt rồi họ sẽ thấy rằng "họ chọn sai, mình mới đúng!" Nhưng mình đã lỡ tôn trọng luật chơi đa số thắng thiểu số, thôi nhịn một keo! Hai năm nữa đa số sẽ biết lỗi và hối cải! Ít nhất, mình chỉ phải chịu đựng hai năm thôi.

Xin dùng một hình ảnh của báo *Đàn Chim Việt:* "Dân Chủ là một cỗ xe an toàn. Ngồi trên cỗ xe này hành khách có thể yên tâm trên đường di chuyển tới tương lai. Không ai sẽ bị hành hạ, bị quẳng xuống dọc đường, thậm chí bị giết mà không biết vì sao tai nạn lại xảy ra cho mình - trong sự tự tung tự tác của những người cầm lái vĩ đại hoặc chưa vĩ đại!"

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI Ở NAM TƯ

"Cuối cùng chúng tôi được tự do. Chúng tôi có thể thở như những người bình thường." Đó là lời Milica Danilovic, một sinh viên 22 tuổi ở Beograde khi biết đảng Xã hội của Tổng thống Slobodan Milosevic và Liên minh Cánh Tả của bà vợ ông, Mirjana Markovic đã thua phiếu trước Liên minh Dân Chủ (DOS) đối lập trong các cuộc bầu cử khắp nước, và ứng cử viên đối lập Vojislav Kostunica dẫn trước Milosevic hơn 20% số phiếu. Kostunica (đọc là Cốtx TÚN ít da) chiếm đến 52% số phiếu ngay tại làng quê của Milosevic.

Dân Nam Tư chứng tỏ là họ đã trưởng thành. Mặc dù nhà nước chiếm độc quyền hầu hết các phương tiện truyền thông, mặc dù phe đối lập lâu nay vẫn rời rã, thiếu tổ chức, mặc dù Milosevic vẫn kiểm soát quân đội, công an, kiểm soát cả Ủy ban Bầu cử, dân Nam Tư vẫn bầy tỏ ý kiến qua lá phiếu một cách tự do. Họ tự thoát khỏi nỗi sợ hãi, thoát khỏi những ảo tưởng, cả hai là những khí cụ mà các chế độ độc tài vẫn sử dụng để kiểm soát dân.

Ông Vojislav Kostunica năm 1974 là một giáo sư luật khoa 30 tuổi đã phản đối chính phủ Tito. Vì hành động đó mà ông bị cách chức, mất việc dậy học. Mười năm sau, ông Kostunica đã lên tiếng đòi thiết lập chế độ đa đảng, một đề nghị trái ngược với Đảng Cộng Sản không khác gì những ông Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Đan Quế ở Việt Nam bây giờ đang đòi hỏi ở Việt Nam. Khi chế độ cộng sản ở Đông Âu sụp đổ năm 1989, ông Kostunica cùng các bạn lập nên đảng Dân Chủ.

Sự sụp đổ của chế độ Milosevic bắt đầu khi người dân không còn sợ nữa. Dân chúng thành phố Cacack ở xa Beograde hàng trăm cây số đã lái xe kéo về thủ đô, các đoàn xe chạy dài mấy chục cây số, do những chiếc máy ủi đất dẫn đầu để sẵn sàng dẹp những chướng ngại vật. Họ đến chiếm trụ sở quốc hội, đài phát thanh, miệng hô "Vojo, Vojo" là biệt danh của vị Tổng thống mới đắc cử. Các thanh niên, sinh viên ở thủ đô bao giờ cũng là mũi nhọn trong phong trào chống chính quyền, nhưng nếu không có các đoàn dân chúng từ khắp nơi kéo về thì bộ máy đàn áp của chế độ có thể vẫn tiếp tục trung thành với Tiểu Lênin.

Bộ máy đó rạn nứt từ bên trong. Trước hết là những người làm báo, làm phát thanh, một công cụ đàn áp hữu hiệu của những chế độ cộng sản độc tài. Bẩy mươi ký giả Đài phát thanh Beograde xưa nay vẫn đóng vai tay chân của Đảng, đã thức dậy, ký một kiến nghị "yêu cầu ban giám đốc thay đổi chính sách biên tập." Một đòi hỏi rất khiêm tốn, dè dặt nhưng họ phải can đảm lắm mới dám ký. Cô Jelena Hinic ở đài phát thanh nói sau khi ký tên vào kiến nghị: "Bao năm qua chúng tôi đã bị nhào nặn để biết 'tự khiểm duyệt'... Ngày mai chắc tôi sẽ mất việc." Nhưng đó là tiếng gọi từ lương tâm của họ. Riêng lương tâm nghề nghiệp cũng đủ làm cho họ thấy không thể tiếp tục lối loan tin một chiều, che dấu sự thật! Thế là các ký giả khác của Nhật báo Politika, đài truyền hình RTS, cho đến cơ quan thông tấn Tanjug đều noi theo. Cái miệng của chế độ, những nhà báo nô lệ đã tự cắt đứt dây trói chứ không chờ đợi được cởi trói. Công cụ thống trị quan trọng bậc nhất đã tan rã!

Kế đến là quân đội, họ đã bị đẩy vào các cuộc chiến tranh chết vô ích. Các vị tướng ra lệnh: quân đội không bắn dân trừ khi người lính bị tấn công. Các lãnh tụ đối lập từ bao lâu nay vẫn kêu gọi dân chúng bất bạo động. Và sau cùng chính viên tướng tư lệnh lực lượng công an xung phong nòng cốt của

chế độ đã tự ý liên lạc với phe đối lập để mặc cả. Họ yêu cầu phải huy động được 200 ngàn dân đi biểu tình thì họ sẽ có lý do để công an không bắn vào dân!

Trong một cuộc đối đầu giữa công an và những người biểu tình tại Quảng trường Tiền phong, công an xung phong lăm lăm vũ khí, lựu đạn cay, đeo mặt nạ chống khói. Nhiều người dân đả đảo công an là bọn phản bội, nhưng cũng nhiều người kêu gọi: "Hãy đứng về phía chúng tôi!" Bỗng một người công an tự tháo bỏ cái mặt nạ ra, cả đám đông tiến tới đưa tay ra bắt tay anh ta. Một phụ nữ đến ôm lấy anh. Thế là những người công an khác cũng tháo bỏ mặt nạ của họ. Công an cũng là người, cũng muốn mang cái mặt thật của con người. Tại trụ sở Quốc hội, dân chúng đang bị kìm lại trước hàng rào công an chiến đấu. Bỗng nhiên một em bé bốn tuổi tách khỏi cánh tay người bố, chạy lon ton qua hàng rào công an, lẫm chẫm bước lên các bậc thềm và cả đám đông vỗ tay hoan nghênh. Thế là tất cả mọi người ào tới. Đợt đầu bị công an bắn lựu đạn khói phải rút lui. Họ bảo nhau không đánh lại công an. Đến khi dân tiến tới đợt thứ nhì thì công an rút lui.

Milosevic đổ, Nam Tư là nước sau cùng ở Đông Âu xóa bỏ chế độ cộng sản, mặc dù đã đổi tên thành đảng Xã Hội.

THÁNG MƯỜI, Ở PHÁP

Trong tháng Mười, các giải Nobel được công bố, và giải Văn chương trao cho một nhà văn Trung Quốc sống ở Pháp: ông Cao Hành Kiện. Nhiều người ngạc nhiên vì không biết đến các tác phẩm của ông, cái tin thật bất ngờ, mà chính ông, đang ở Frankfurt dự Hội chợ Sách, cũng ngạc nhiên - nhà văn không phải một chủng loại có tiếng về đức khiêm tốn. Một người ngạc nhiên mà thích thú là ông Jean Viard, điều khiển nhà xuất bản Les Editions de l'Aube. Khi các bản thảo của ông Cao bị các nhà xuất bản Pháp như Gallimard, Actes Sud từ chối không in thì ông Viard đã liều mà nhận in. Ông khoe đã đem thế chấp cái nhà lấy vốn in sách Cao Hành Kiện.

Công ty xuất bản ở miền Provence đã in bốn cuốn tiểu thuyết của Cao Hành Kiện. Bán chạy nhất là những cuốn La Montagne de l'âme và Le Livre d'un homme seul. Nhưng cho đến khi nghe tin Cao được giải Nobel thì tất cả mới bán được có 23 ngàn cuốn. Trong tuần lễ đầu tiên sau khi được giải, bán thêm ngay 25 ngàn cuốn. Sách của Cao Hành Kiện bán nhiều nhất ở Pháp và các xứ nói tiếng Pháp, nhưng cũng bán rất nhiều ở Đài Loan. Ở lục địa Trung Hoa, chính phủ cộng sản không cho bán, tất nhiên. Ông Cao đã trốn khỏi Hoa lục sang sống ở Pháp sau biến cố Thiên An môn năm 1989.

Điều đáng buồn là chính quyền cộng sản ở Bắc Kinh đã lên án ban tuyển chọn giải thưởng Nobel. Giống như thời xưa Cộng Sản Liên xô lên án Hàn Lâm viện Thụy Điển khi Boris Pasternak được trao giải.

Liệu ban tuyển chọn giải Nobel có bị ảnh hưởng chính trị hay không? Tránh khó lắm. Mấy năm rồi họ trao giải cho các nhà văn thiên tả ở Ý và Tây Ban Nha, năm nay họ quay ra tặng giải cho một nhà văn Trung Hoa phản kháng chế độ cộng sản. Như vậy có thể gọi là chính trị hay không? Ông Viard, nhà xuất bản tiết lộ: Ai cũng biết là từ mấy năm nay Giải Nobel vẫn đi tìm một nhà văn Trung Quốc! Ông Viard biết Cao Hành Kiện thuộc hàng nhà văn "nobélisable" nhưng cũng không ngờ giải tới sớm như vậy.

Báo *L'histoire* xuất bản ở Pháp số 247, ra tháng Mười năm 2000 dành 37 trang cho một hồ sơ: "Các tội ác của Cộng Sản," nêu con số nạn nhân "100 triệu người chết." Hồ sơ mở đầu với một câu: "Kể từ năm 1917, tất cả các chế độ cộng sản đều là những chế độ phạm tội." Tại sao số nạn nhân nhiều hơn cả số người mà Hitler đã tiêu diệt? Vì ngay tuần lễ đầu tiên sau khi lập chính quyền xô viết, những người bolchevik đã coi khủng bố chỉ là một hành động tự vệ chống lại giai cấp tư sản. Và từ năm 1916 họ đã công bố nhu cầu tiêu diệt những người tư sản "với tính cách một giai cấp," và sau đó họ mở rộng nội dung chữ "tư sản" để bao gồm tất cả những ai bất đồng ý kiến với họ. Một phần đáng chú ý trong số báo viết về thái độ của giới trí thức, văn nghệ ở Pháp đối với chế độ cộng sản. Những người thành thật tin tưởng thống chế Stalin là người cha lành của nhân loại đã từ chối tất cả những lời chứng về tội ác ở Liên xô, chỉ vì họ ghét chế độ tư bản, ghét Mỹ. Maurice Merleau-Ponty năm 1947 còn ca tụng bạo lực: "(Lịch sử) chỉ thấy bạo lực, nhưng chọn bạo lực cách mạng thì vẫn hơn bởi vì nó có một tương lai nhân bản." Một nhân vật của Jean Paul Sartre trong Les Mains Sales thì nói: "Không đập vỡ quả trứng thì không làm được món ôm lét" phụ họa chủ trương "cứu cánh biện minh cho phương tiện."●

SỰ MẦU NHIỆM CỦA NHỮNG KHÚC QUANH CUỘC ĐỜI JULIE BARNES

THANH THẢO

Có rất nhiều điều xảy ra trong đời sống chỉ cần một chút thay đổi nhỏ là có thể biến từ một sự bất hạnh thành một nỗi vui sướng (hoặc ngược lại) mà không giải thích được lý do, chẳng hạn như số phận của một thiếu nữ vô gia cư 20 tuổi, tên Julie Barnes tại Massachusetts.

Tháng 12 năm 1999, Julie Barnes, vào lúc đó 19 tuổi và đang mang thai, cùng với người bạn trai cũ, Thomas Levesque, tạm sống tại một kho chứa hàng bỏ hoang ở Worcester, Massachussetts, vì cả hai là những người vô gia cư. Vì phải dùng đèn cầy để có ánh sáng, trong một lúc bất cẩn, một trong hai người đã làm đổ đèn cầy gây hỏa hoạn. Cả hai đã bỏ trốn khỏi khu vực khi lửa bốc cao. Trong khi đó, những nhân viên cứu hỏa đến chữa cháy đã phải leo vào tận cuối kho hàng vì sợ có người bị kẹt bên trong. Kết quả, sáu lính cứu hỏa thiệt mạng vì họ bị mất lối ra khi lửa quá lớn làm đổ tường, và khói mịt mù không thể nhìn thấy đường ra. Bốn ngày sau, cảnh sát Worcester bắt giam cả hai người trong nhà tù tiểu bang tại Framingham, và công tố viện truy tố họ tội vô ý giết người. Với những tội danh bị truy tố, nếu bị kết tội, Julie Barnes có thể lãnh án 120 năm tù. Không nơi nương tựa, không có tiền thế chân, ngồi tù trong lúc mang thai, hoàn cảnh một thiếu nữ như Julie Barnes lúc đó thật bi đát. Chưa kể, hình ảnh hai nghi can gây hỏa hoạn làm chết nhân viên cứu hỏa được đăng tải trên trang nhất những tờ báo địa phương như còn tăng thêm sự hổ thẹn cho Julie.

Nhưng cũng nhờ hình ảnh được đăng tải trên những báo địa phương mà hoàn cảnh của Julie Barnes mới có cơ hội "biến." Hình của Julie đã gây sự chú ý cho một cặp vợ chồng, ông bà Tim và Debby King. Ông Tim King là giám đốc điều hành thành phố Ellsworth, Maine, bà Debby là một nhân viên ngành du lịch, có một cô con gái nuôi từ nhiều năm ông bà yêu thương như con ruột. Khi nhìn thấy hình Julie khá giống con gái nuôi của ông bà, Jennifer, 17 tuổi, ông bà King đã cất công tìm hiểu lý lịch. Jennifer đã được ông bà King xin làm con nuôi lúc còn rất nhỏ, khi Jennifer rất ốm yếu và được nhân viên sở xã hội tiểu bang mang khỏi nhà người mẹ ruột vì cho rằng bà mẹ ruột không phải là người có khả năng nuôi em đến nơi đến chốn. Ông bà King không biết nhiều về gia đình người con nuôi của mình cho đến lúc này. Sau một thời gian điều tra, khi biết được Julie chính là chị ruột của Jennifer, hai ông bà King kinh ngạc vô cùng. Họ quyết tâm tìm cách cứu giúp Julie, khởi đầu là tìm đủ số tiền $25,000 đóng thế chân để Julie được về nhà họ sống tại Ellsworth chờ ngày ra tòa. Vào giữa tháng Bảy năm 2000, Julie đã được đón về nhà ông bà King. Vì Julie đã bỏ ngang Trung Học, ông bà King đã cho cô đi học lại những lớp cần thiết tương đương. Trong mái gia đình đầy tình thương của hai ông bà King, hai chị em ruột chia cách nhau từ nhỏ đã trở nên thân thiết rất nhanh chóng. Ông bà King còn làm giấy tờ nhận nuôi luôn đứa bé trai, tên Joshua, được Julie sinh ra trong nhà tù vào tháng Sáu. Dù số phận và thời gian ngồi tù của Julie còn chờ được quyết định tại tòa, nhưng ít ra, khi biết có nơi để gọi là nhà, có người săn sóc cho con, và tìm được người em ruột, Julie cũng đã được an ủi nhiều. Nhưng khúc quanh cuộc đời Julie Barnes đã mang theo nhiều hứa hẹn tốt đẹp hơn dự tính.

Tại phiên tòa Thượng Thẩm ngày 19 tháng 9 vừa qua, Chánh Án Timothy Hillman đã phán quyết rằng Julie Barnes và người bạn trai cũ không có tội vì họ dùng đèn cầy làm phương tiện ánh sáng để sinh hoạt. Khi vô ý gây đám cháy, họ chạy trốn vì hoảng sợ, và vì họ vô gia cư, họ không có bổn phận phải trình báo với ai về vụ hỏa

hoạn này. Chánh Án Hillman còn thêm rằng cả hai người không thể nào lường trước được hậu quả của đám cháy và cái chết của sáu người lính cứu hỏa. Với phán quyết này, Chánh Án Hillman ra lệnh Julie được trắng án. Mặc dù văn phòng Chánh Biện Lý quận Worcester có 30 ngày để kháng cáo, hạn chót là ngày 19 tháng 10 năm nay, nhưng Trưởng Ty Cứu Hỏa Michael McNamee, người đã điều động vụ chữa lửa, cho rằng phán quyết của Quan Tòa là dịp hàn gắn những vết thương lòng nơi thân nhân những người quá cố, và cũng là dịp cho những người như Julie làm lại cuộc đời.

Sự mầu nhiệm của những gì chưa xảy đến, những điều chúng ta ước mơ mà chưa thực hiện được, nhiều khi chỉ nằm đằng sau khúc quanh, ngã rẽ của đường đời. Trong trường hợp cô Julie Barnes, cơ hội đó nằm đằng sau lớp khói dày của trận hỏa hoạn tại kho hàng bỏ hoang. Nhớ được rằng mọi thứ trong đời sống dường như có sự ràng buộc chặt chẽ của điều tốt đẹp và sự xấu xa, đôi khi giúp chúng ta có đủ nghị lực vượt qua những bất hạnh của cuộc đời, mà không bỏ cuộc, để còn tiếp tục tiến bước... sang một khúc quanh khác.

NẠN KHAN HIẾM GIÁO CHỨC

THANH THẢO

Ngày Thứ Ba, 26 tháng 9 năm 2000, Thống Đốc Tiểu Bang California Gray Davis vừa ký ban hành thành luật cho phép các học khu toàn tiểu bang được phép tìm và mướn giáo sư từ các tiểu bang khác về California vì số giáo sư trong tiểu bang không đủ cung ứng nhu cầu học đường, đặc biệt là với sĩ số học sinh thấp trong các lớp học. Điều này đã làm hài lòng Dân Biểu Tiểu Bang Jack Scott, thuộc Pasadena, cha đẻ của dự luật này, và cũng làm hài lòng những người điều hành các học khu trong tiểu bang. Nhưng câu hỏi hiện được đặt ra là tìm và mướn giáo sư từ đâu khi những tiểu bang khác cũng có cùng một vấn đề?

Nạn thiếu hụt giáo sư đang là một vấn đề không của riêng một cộng đồng hay tiểu bang nào, mà là một vấn đề có tầm mức toàn quốc. Trong những năm gần đây, vì nền kinh tế chung phồn thịnh, nhiều kỹ nghệ có việc làm và phúc lợi tốt hơn đã thu hút một số không nhỏ giáo sư đổi nghề. Thêm vào đó, những giáo sư đang ở tuổi 40 hay 50 sẽ phải về nghỉ hưu trong vòng mười năm trở lại, nhưng hiện tại, số giáo sư mới tốt nghiệp cũng ngày càng giảm. Điều này khiến cho vấn đề ai sẽ là người dạy dỗ con cái chúng ta tại trường học trong tương lai trở nên một thắc mắc chưa có câu trả lời trong tâm những bậc phụ huynh thời nay.

Theo bài đăng trên tạp chí Newsweek, số phát hành ngày 2 tháng 10, Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ đã dự đoán rằng từ nay cho đến năm 2010, toàn quốc sẽ cần phải có thêm sơ sơ... hơn một triệu giáo viên và giáo sư mới thay thế cho những giáo sư sắp sửa hoặc sẽ về hưu vào thời điểm này. Đây là phân nửa số 2 triệu 600 ngàn giáo sư hiện đang làm việc cho Bộ Giáo Dục. Không những thiếu giáo sư, ngay cả giáo sư thay thế cũng không còn đủ vì ngành giáo dục đòi hỏi nhiều khả năng, thiện chí, và sự kiên nhẫn hơn nhiều ngành khác, nhưng lương bổng lại không cao. Chưa kể, giáo sư tại Mỹ không được học sinh kính trọng như tại các quốc gia có nền văn hóa lâu đời như những nước Á châu chẳng hạn, thế nên vấn đề thiếu giáo sư sẽ càng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, theo dự kiến của bà Sandra Feldman, Chủ Tịch Nghiệp Đoàn Giáo Chức Hoa Kỳ. Vì tình trạng này, các học khu toàn quốc đã nghĩ ra nhiều cách để giải quyết nạn khan hiếm giáo sư khác nhau, mỗi cách mỗi vẻ, nhưng đều đạt kết quả phần nào.

Việc đầu tiên là hạ thấp những tiêu chuẩn tuyển chọn giáo sư. Học khu toàn quốc đã mở rộng cửa đón nhận tất cả những người có thiện chí, ngay cả khi những người này chưa có bằng cấp về ngành giáo dục, và họ còn tìm trong những cộng đồng người di dân từ Âu Châu, Á Châu và Phi Châu để có được những giáo sư phụ trách môn Toán, và Khoa Học, những môn vốn dĩ đã khan hiếm giáo sư trước khi có tình trạng thiếu hụt này. Theo bà Carlos Ponce, Giám Đốc Nhân Sự thuộc Hội Đồng Giáo Dục Chicago, nạn thiếu hụt giáo sư là một chất xúc tác để tạo nên sự thay đổi cần thiết từ lâu về vai trò của những người làm công tác giáo dục. Bà cho rằng giáo sư là trái tim của học đường, là yếu tố duy nhất ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành đạt của học sinh sau này, những học sinh đó có thể là con cái của những gia đình có lợi tức thấp, trung lưu,

hoặc giàu có.

Trong khi nhiều người lo ngại sự khan hiếm giáo sư sẽ dẫn đến tình trạng những người không đủ trình độ sẽ đảm trách việc dậy dỗ học sinh, những người như bà Ponce lại cho rằng đây là điều kiện lý tưởng để viết lại bản sơ yếu lý lịch về một giáo sư lý tưởng. Bà cho biết điều cần thiết không nhất định phải là những người chỉ có bằng tốt nghiệp về giáo dục, mà phải là những người biết rõ về ngành chuyên môn, có thiện chí học hỏi thêm hàng năm, phải có kiến thức về xử dụng máy điện toán và mạng lưới thông tin toàn cầu, và chịu khó học hỏi tìm tòi thêm để hiểu tâm lý trẻ thơ, cũng như biết hòa đồng với các em, không những là người bản địa, mà còn thuộc các sắc tộc thiểu số nữa. Và những người được cho là "lý tưởng" như danh sách vừa liệt kê là những người thuộc mọi ngành nghề, tầng lớp xã hội, ngay cả những người đã từng làm những công việc khác, nay muốn đổi nghề. Nhưng làm cách nào để thu hút những người này vào ngành giáo dục?

Việc hai ứng cử viên Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Phó Tổng Thống Al Gore đang hứa hẹn sẽ dùng $16 tỉ Mỹ Kim để thu hút giáo sư trong vòng 10 năm sắp tới, và ông Thống Đốc tiểu bang Texas George W. Bush cũng tuyên bố trong những cuộc vận động rằng nếu đắc cử Tổng Thống, ông dự định sẽ chi tiêu $5 tỉ 300 triệu Mỹ Kim để đào tạo thêm giáo sư cho thấy vấn đề thu hút giáo sư không phải là việc dễ làm.

Tại vùng đất đắt đỏ, khan hiếm như thung lũng Điện Tử, Silicon Valley, phía Bắc tiểu bang California, nhiều học khu đã có chương trình xây nhà bán cho giáo sư với giá hạ để thu hút họ về dạy tại học khu. Giáo sư cũng được mượn tiền nợ nhà với lãi xuất thấp, và được bồi hoàn tiền học. Tuy đây là cách thu hút giáo sư tốn kém, nhưng theo các nhà điều hành học khu, đây là một khoản đầu tư có lợi cho phụ huynh về lâu về dài.

Trong khi đó, học khu New York, học khu lớn nhất toàn quốc, đã nghĩ ra cách áp dụng thử một chương trình gọi là "Teaching Fellows," tìm trong những người không thuộc ngành giáo dục xem những ai muốn thử dạy học với số lương khoảng $35,000 một năm. Từ mùa Xuân năm nay cho đến ngày hết hạn 15 tháng Bảy, học khu nhận được 3,200 đơn. Sau một tháng thực tập mùa Hè, chỉ còn 325 người được chọn để giảng dạy khóa mùa Thu năm nay tại những trường học có số điểm thấp nhất toàn học khu. Những người nhận công tác giáo dục tạm thời này là những luật sư, bác sĩ, những người mẹ ở nhà trông con, một cựu chánh án, và cả một nhạc sĩ, ông Rassan Salandy. Ông Salandy cho biết ngày đầu tiên ông bị hoảng sợ vì không biết làm cách nào để "trị" 30 học sinh lớp Năm. Nhưng một thời gian sau đó, ông cảm thấy sung sướng và hãnh diện vì ngoài môn nhạc lý, ông còn dạy được các em bài học tôn trọng giáo sư và thành thật, tự kiểm. Một hôm, các em phá phách quá, ông đã định phạt các em và hỏi rằng nếu em nào cảm thấy xứng đáng được ra chơi thì cứ bước ra cửa trong giờ giải lao. Tất cả lớp đã ngồi lại và trả lời ông rằng các em không xứng đáng được hưởng giờ chơi đó. Đây là những em thuộc một học khu khó trị nhất, tại trường Mother Hale Academy, thành phố Bronx.

Những thành phố khác tìm cách giải quyết vấn đề thiếu giáo sư như những ngành thương mại khác. Học khu Houston tặng tiền thưởng $3,000 Mỹ Kim cho những giáo sư dạy môn khó tìm người khi họ ký hợp đồng về dạy học tại học khu. Ngoài ra, giáo sư cũng được hưởng những khoản hạ giá đặc biệt tại hầu hết các dịch vụ địa phương như giặt ủi, sửa xe... Học khu Chicago tìm giáo sư tại các nước châu Phi như Nigeria...

North Carolina hiện dẫn đầu toàn quốc về việc khuyến khích giáo chức học thêm và thi để lấy bằng cao hơn trong ngành giáo dục. Khi đậu kỳ thi tiêu chuẩn toàn quốc này, giáo sư sẽ được thưởng $10,000 Mỹ Kim, và tất cả các lớp học, cũng như tiền đóng để đi thi sẽ được tiểu bang tài trợ. Chưa kể, lương của các giáo sư này cũng được tăng lên hàng năm. Toàn tiểu bang North Carolina chỉ mới có 5,000 giáo sư đi thi, nhưng vì kết quả khả quan, hiện nay sáu tiểu bang khác toàn quốc đang bắt chước cách thức nâng trình độ của các giáo sư này. Đó là các tiểu bang California, Florida, Georgia, Missouri, Oregon và South Carolina.

Ngoài vấn đề tìm được giáo sư, việc giữ chân các giáo sư cũng là một việc làm khó khăn không kém. Theo bà Sandra Feldman, sau thời gian năm năm, thường các giáo sư cảm thấy bị bó buộc,

và vì thế để giữ chân họ, những cách tăng lương, trả tiền những lớp học nâng cao kiến thức cũng chưa đủ, mà các em học sinh phải được tập luyện sự kính trọng giáo sư và bậc phụ huynh không xem giáo chức như những người trông giữ con cái, mà phải là những nhà giáo dục, những người ảnh hưởng lớn lao đến tương lai con em của mình. Có được như thế, những người đã chọn theo con đường mô phạm mới có thêm nghị lực để tiếp tục đến trường làm công việc đào tạo nhân tài tương lai, bằng không, những đại kỹ nghệ *dot.com* hiện đang thịnh đạt sẽ là nơi tập trung những người dạy dỗ con cái của chúng ta trong tương lai không xa vậy.

HỆ THỐNG Mc DONALD CẢI THIỆN MÔI SINH CHO LOÀI GÀ?

TIỂU KÝ

Mỗi năm hệ hống nhà hàng hamburger McDonald đặt mua hai tỷ trứng gà để làm món ăn sáng Egg Mc Muffins và vài món cần trứng khác. Do số tiêu thụ khổng lồ đó, và để tỏ ra họ quan tâm tới vấn đề dinh dưỡng - môi sinh, hệ thống McDonald bắt đầu đòi hỏi các trại cung cấp trứng cho họ phải nuôi gà trong những điều kiện tử tế hơn - Nếu không, McDonald sẽ không thèm mua trứng của họ nữa!

Hàng triệu con gà từ nay sẽ nhờ McDonald mà được dễ thở hơn : mỗi con gà mái sẽ phải được sống trong một diện tích ít ra là 72 tấc vuông Anh (square inches) - Các chị gà mái có thể nằm xuống chứ không bị dồn ép đứng ù lì một chỗ trong cái chuồng chật chội. Hơn thế, các nhà chăn nuôi cũng được yêu cầu không được chặt mỏ gà bớt đi hoặc dùng các kỹ thuật ép gà nhịn ăn, rụng lông... để thúc chúng đẻ trứng cho nhiều!

Trong vài năm mới đây, McDonald cũng đã đưa ra những lệ luật cho các nhà nuôi bò và gà bán thịt cho hệ thống Fast Food của họ. Bob Langert, người lo về môi sinh lành mạnh cho các thú vật mà công ty McDonald dùng làm đồ ăn đã tuyên bố: "Khi động tới vấn đề trách nhiệm xã hội, công ty chúng tôi muốn đi tiên phong."

Một số người khác nghĩ rằng McDonald đã tung chiến dịch làm áp lực với các nhà nuôi gà, chỉ vì họ bị tổ chức PETA (People for the Ethical Treatment of Animals) tấn công từ nhiều năm về vấn đề này. Trên mạng lưới điện toán, tổ chức PETA cũng đã từ lâu kết tội hệ thống nhà hàng McDonald đã mua trứng của những trại chăn nuôi - mà gà bị ép nhốt trong các chuồng dơ dáy và chật hẹp, suốt ngày đứng chen chúc và bị nhồi ăn, không có chỗ để nhúc nhích chứ đừng nói nằm cho thoải mái. Không biết ăn trứng và thịt gà nuôi như vậy, có phải là một nguyên nhân cho con người bị căn bệnh căng thẳng (Stress) phổ thông khắp thế giới kỹ nghệ ngày nay chăng?

Trong lá thư dài sáu trang gửi các nhà chăn nuôi, hệ thống McDonald cho biết kể từ cuối năm tới, họ sẽ chỉ mua hàng của nhà chăn nuôi nào hợp tác với họ trong việc cải thiện đời sống cho loài vật. Tổ chức PETA nay đã ngừng việc chống đối McDonald, yêu cầu hệ thống này tiến thêm nữa về hướng ăn nhiều rau cỏ và bớt ăn thịt đi. PETA nay đang quay mũi dùi tấn công sang các hệ thống nhà hàng khác như Burger King, Kentucky. Wendy và các hệ thống siêu thị như Kroger, Safeway, Albertson's..

Giới nuôi gà tất nhiên rất bực bội về đòi hỏi của hệ thống McDonald. Họ cho rằng hệ thống này đã quá lạm dụng quyền mua hàng khi muốn ra lệnh cho các nhà sản xuất trứng phải chăm sóc gà cách nào! Các nhà chăn nuôi cho rằng khi gà không "hài lòng" thì làm sao chúng đẻ trứng? Chúng phải OK thì mới đẻ chứ?! Làm sao McDonald biết loài gà muốn gì mà đòi hỏi?

Là hệ thống bán đồ ăn "nhanh" lớn nhất Hoa Kỳ, McDonald có 13 ngàn tiệm tại khắp nước Mỹ - chưa kể các nơi khác trên Âu và Á châu. Họ mua 2.5% trong số 75 tỷ trứng gà sản xuất hàng năm tại Hoa Kỳ - nhiều nhất từ vùng California, có thương vụ riêng về trứng gà là 333 triệu Mỹ kim một năm). Đòi hỏi các nhà chăn nuôi nới rộng chuồng gà cho mỗi con thêm 50% diện tích như thế, McDonald có thể làm cho nhiều trại gà nhỏ sập tiệm vì chi phí của họ bị tăng nhiều, trong khi trứng đang trên đà mất giá vì thiên hạ bắt đầu sợ Cholesterol, ăn bớt trứng đi? McDonald chỉ ráng đi bước đầu trong việc đòi hỏi sinh môi tốt hơn cho loài gà... thực ra Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ và nghiệp đoàn các nhà sản xuất trứng cũng đang nghiên

cứu để tìm cách tăng diện tích sống cho loài gà đẻ trứng, nhưng họ không nghĩ tới diện tích rộng 72 inches vuông như McDonald. Quần chúng Âu Mỹ bắt đầu có ý thức và tích cực hơn trong việc thay đổi cách ăn uống cho hợp với môi sinh lành mạnh của thời xa xưa, khi ông cha họ chưa dư thừa tiền bạc như ngày nay. Tại các siêu thị người ta thấy nhiều loại trứng do các mẹ gà "nuôi ngoài lồng" (Cage free). Thực ra, chúng ta không thể hiểu chữ "không lồng hay ngoài lồng" nghĩa là gì. Mấy hãng tiếp thị của các công ty Mỹ có đủ trò chơi chữ nghĩa, có khi chỉ để bán hàng mà thôi, nhiều khi làm cho người mua bị lầm to. Chẳng hạn họ thường quảng cáo "Cholesterol free" ngay trên các loại dầu ăn hay margerine làm bằng dầu thảo mộc. Tuy không có cholesterol nhưng những thứ này ăn vô là bạn tiêu thụ 100% chất béo - thật dễ sợ hơn những thức ăn chỉ có chút ít cholesterol trong đó!

THẾ VẬN HỘI 2000 TẠI SYDNEY

TRẦN QUÁN NIỆM

Quan trên trông xuống, người ta trông vào

Trung tuần tháng 9, 2000 một tỷ (ngàn triệu) khán giả trên nước Mỹ và khắp thế giới, say mê theo dõi các cuộc tranh tài thể thao Mùa Hè tại Thế Vận Hội 2000 lần thứ 27. Kỳ này Úc là nước chủ. Và cũng như mọi nước được vinh dự tổ chức Thế Vận Hội, Úc đã bỏ nhiều công sức, tiền bạc, sáng kiến để hoàn thành một Thế Vận Hội, tráng lệ, vĩ đại và hoàn hảo. Đây là cơ

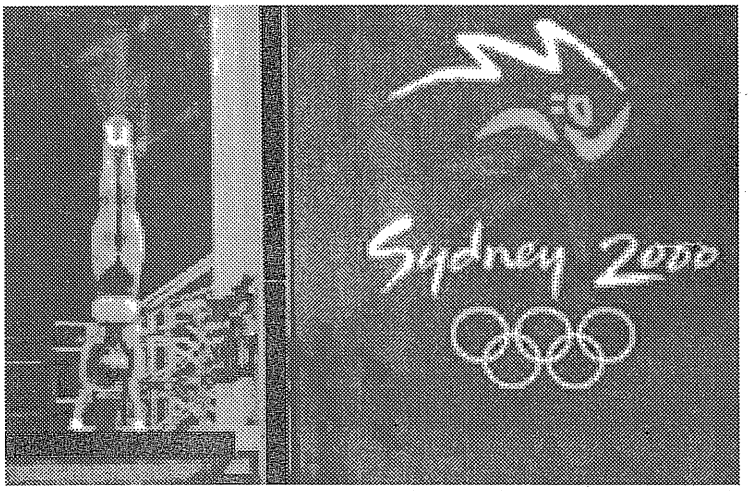

hội hy hữu để phô trương cho thế giới biết đến quốc gia mình, thu tiền khách du lịch và cũng là một hãnh diện cho quốc gia trên bình diện toàn cầu.

Quả thật thế, buổi lễ khai mạc kéo dài trên bốn tiếng đồng hồ với nhiều tiết mục đặc biệt, nhưng nổi bật nhất là chiếc vạc lửa vĩ đại (cauldron) được châm lửa từ một thác nước và vạc lửa từ từ nâng lên cao theo chiều xoắn ốc và cháy rực rỡ suốt trên hai tuần lễ Thế Vận Hội. Dù người khó tính nhất cũng phải công nhận là sau năm năm chuẩn bị, nước Úc đã thành công mỹ mãn, rất đáng tự hào. Tuy nhiên cũng khá tốn kém. Đó là sự tham gia của 120 con tuấn mã, 1950 nhạc công, 100 vũ công, 220 nhà biểu diễn lửa, 800 nhân viên yểm trợ và hàng ngàn ngày tập luyện ở nhiều địa điểm bí mật khác nhau. Tổng cộng chi phí ước chừng 58 triệu đô la Úc (khoảng 32 triệu Mỹ kim). Đây là một giá khá cao, (chỉ cái vạc lửa đã tới 6.6 triệu Mỹ Kim), nhưng như đã nói, đây là một vinh dự quốc gia, có tốn phí bao nhiêu cũng xứng đáng. Nhưng không chỉ tốn kém mà thôi, nước tổ chức còn phải đương đầu với nhiều khó khăn khác. Thử tưởng tượng với 10,500 lực sĩ cuả 199 quốc gia trên thế giới tham dự, mỗi nước có những nhu cầu ẩm thực khác biệt, ăn uống vào những giờ giấc khác nhau, chỉ nội việc tuyển đầu bếp và sửa soạn bữa ăn đúng khẩu vị, bổ dưỡng cho các lực sĩ cũng là vấn đề nan giải, chưa nói tới lỡ thức ăn không tươi ngon, lực sĩ ngộ độc, mất sức khỏe thì quả là đại họa. Một phòng ăn lớn với sức chứa 5,000 người, mở cửa suốt ngày đêm. Vấn đề cư trú và an ninh cũng là mối lo hàng đầu vì năm 1972, quân khủng bố Palestine đã lọt vào làng Thế Vận bắt cóc và sát hại hai lực sĩ Do Thái và bốn người trong phái đoàn này vì mục tiêu chính trị. Giao thông và truyền tin cũng quan trọng không kém, làm sao để các lực sĩ đến nơi dự thi đúng địa điểm và giờ giấc. Để phụ tay với ban tổ chức Thế Vận (International Olympic Committee viết tắt IOC) và chính quyền Úc, có 47,000 người tình nguyện đảm trách mọi việc lớn nhỏ.

Ngày bế mạc, các lực sĩ và người tham dự chắc chắn không thể nào quên được bầu trời Sydney bừng lên rực rỡ trong một rừng pháo bông vĩ đại chưa từng thấy với hậu cảnh là thành phố Sydney và cây cầu chính của hải cảng,

cũng như khó có thể quên được tinh thần hâm mộ thể thao và hiếu khách của dân chúng Úc.

Thế Vận Hội 2000 đề cao giới phụ nữ

Quả đúng như thế, từ nhiều Thế Vận Hội những thập niên vừa qua, vai trò của người phụ nữ càng ngày càng nổi bật. Khác hẳn với 104 năm về trước, khi Thế Vận Hội được khôi phục tại thành phố Athens do Bá Tước người Pháp là Piere de Coubertine khởi xướng, giới nữ bị cấm ngặt, không được vào xem hoặc tham dự. Theo đà tiến hóa của thời gian, quan niệm về nam nữ thay đổi dần dần. Ngày nay nữ giới được chấp nhận tham gia hầu hết mọi bộ môn điền kinh tại Thế Vận Hội, từ những môn nhẹ nhàng đến những môn đòi hỏi nhiều sức khỏe và sự chịu đựng dẻo dai.

Đặc biệt trong kỳ Thế Vận Hội thứ 27 này, sự vinh danh phụ nữ được đề cao hơn cả. Các nữ lực sĩ xuất sắc như Dawn Frazer, Betty Cuthbert, Debbie King Flintoff được giao nhiệm vụ rước đuốc, riêng cô Cathy Freeman đã được vinh dự châm ngọn lửa Thế Vận vào chiếc vạc lửa trong đêm khai mạc. Tuy cô không phải là người nữ đầu tiên làm việc này, nhưng cô Freeman là nữ lực sĩ môn chạy nước rút 400 mét người Aborigine. Ở đây cũng cần nói thêm là thổ dân Aborigine là người bản xứ tại Úc Châu (tương tự người da đỏ tại Mỹ). Khi người Anh xâm chiếm Úc, họ đã tàn sát hoặc đối xử tàn tệ với thổ dân Aborigine, và ngày nay thổ dân Aborigine là nhóm người thiểu số nghèo khổ, điều kiện sinh sống thấp kém, trong một nước Úc phát triển, giầu có. Ông Juan Antonio Samaranch, chủ tịch IOC đã dành cho cô Freeman vinh dự châm đuốc Thế Vận để lưu ý thế giới và dân chúng Úc về tình trạng thổ dân Aborigine hiện nay, cũng như trong bài diễn văn ngày khai mạc cũng như ngày bế mạc, như một biệt lệ. ông nhắc tới vấn đề này, thầm ý nhắn nhủ thủ tướng John Howard vì ông này cho tới bây giờ vẫn chưa ngỏ lời xin lỗi người Aborigine về những lỗi lầm của người da trắng đối với họ trong 200 năm qua, cũng như chưa cải tiến đúng mức mối tương quan giữa hai nhóm dân Úc.

Một điều khác cũng được ghi nhận là trong kỳ Thế Vận Hội này, lần đầu tiên các lực sĩ Nam và Bắc Hàn diễn hành dưới 1 bóng cờ trung lập. Trên màn ảnh nhỏ, người ta thấy đâu đâu cũng có các khuôn mặt phụ nữ đoạt những thành quả vẻ vang. Điển hình, Hoa Kỳ có ngôi sao sáng về chạy đua nước rút là Marion Jones đoạt 3 huy chương vàng trong các cuộc chạy đua nước rút 100 mét, 200 mét và tiếp sức 400 mét, và 2 huy chương đồng trong môn nhẩy xa và chạy tiếp sức 100 mét. Các nữ lực sĩ Trung Hoa chế ngự ngành nhẩy hồ bơi (diving), cũng như các nữ lực sĩ tí hon (dẫn đầu là Andrea Raducan) môn nhào lộn xứ Lỗ Mã Ni đã chiếm trọn huy chương vàng giải toàn đội cũng như ba giải nhất nhì ba của môn này. Và còn nhiều nữa. Trong 98 huy chương Hoa Kỳ đoạt được, giới nữ chiếm nhiều nhất. Tương tự, các nữ lực sĩ nhẩy hồ bơi Trung Quốc đoạt nhiều huy chương hơn nam giới, cũng như Lỗ Mã Ni, trong môn nhào lộn (gymnastic).

Chính trị và huy chương

Dù người ta muốn tách rời Thế Vận Hội ra ngoài chính trị, với quan niệm Thế Vận Hội là nơi tranh tài thể thao thuần túy của lực sĩ khắp thế giới, nhưng trên thực tế, Thế Vận Hội không sao tránh khỏi ảnh hưởng lôi kéo của chính trị. Năm 1920 Áo, Bảo Gia Lợi và Đức không được mời tham dự vì vai trò của họ trong đệ nhất thế chiến. Năm 1936 Đức Quốc xã tổ chức Thế Vận Hội và Hittler đã xử dụng nó vào mục đích tuyên truyền giống dân 'siêu việt Aryan'. Năm 1948 Đức và Nhật không được mời tham dự Thế Vận vì vai trò cuả họ trong đệ nhị thế chiến. Năm 1956 Liban và Ai Cập tẩy chay Thế Vận Hội Melbourge vì Do Thái chiếm đóng kinh đào Suez. Năm 1972 quân khủng bố Palestine giết lực sĩ Do Thái trong làng Thế Vận cốt gây tiếng vang chính trị. Năm 1980, Hoa Kỳ không tham dự Thế Vận Hội tại Moscow do Nga là nước chủ. Để trả đũa, năm 1984 Liên Xô và 13 nước Cộng Sản tẩy chay Thế Vận Hội tại Los Angeles. Năm 1988 Bắc Hàn, Nicaguara, Ethiopia và Cuba không tham dự Thế Vận Hội tại Seoul v.v. Trong khi đó nhiều nước sau một thời gian vắng bóng, lại tham dự Thế Vận Hội như Trung Quốc (1971, sau 13 năm vắng mặt), 1992, lực sĩ Nam Phi tái tham dự Thế Vận Hội.

Chỉ nội việc chào cờ khi nhận huy chương cũng đã nhuốm mầu sắc chính trị. Đã có thời gian, người ta đề nghị lực sĩ tranh tài với tư cách cá nhân, không đại diện quốc gia. Dù muốn dù không, trong mỗi kỳ Thế Vận Hội người ta có thói quen kiểm điểm thành quả về số lượng huy chương đoạt được của từng quốc gia, coi đó như mức đo về sự hùng cường và ưu việt của con dân

quốc gia đó. Đồng thời quốc gia đoạt nhiều huy chương cũng hãnh diện và là một lợi khí về mặt chính trị, ngoại giao.

Thế Vận Hội 2000: Mỹ: Vàng 39, Bạc 25, Đồng 33 (tổng cộng 97). Nga: V. 32, B. 29, Đ. 28 (88). Trung Quốc: V. 28, B. 18, Đ. 15 (59).Úc: V. 16, B. 25, Đ. 17 (58). Riêng Việt Nam đoạt một Bạc về môn Thái Cực Đạo nữ do cô Trần Hiếu Ngân. Không may cho Nga năm nay phải đứng hàng nhì, vì nếu Liên Bang Sô Viết không tan rã, thì tổng cộng các nước trong liên bang (như Ukraine, Lithuania, Kazahatan v.v.) đoạt 163 huy chương đủ loại, ăn đứt Hoa Kỳ và các nước khác. Nước Đức là quốc gia đáng nể trong dĩ vãng với số huy chương đoạt được, nhưng năm nay lu mờ thấy rõ, đứng hàng thứ năm. Riêng quốc gia chủ là Úc thắng lợi huy hoàng với số 58 huy chương trong khi dân số Úc chỉ có 19 triệu, thua một huy chương so với Trung Cộng (59) với dân số cả tỷ người.

Thuốc trợ sức

Để các cuộc tranh tài được công bình và đích thực là nỗ lực cá nhân phô diễn sự chịu đựng dẻo dai và sức khoẻ cũng như tài năng ưu việt, mọi loại thuốc trợ sức đều bị tuyệt đối cấm. Tuy nhiên không nhiều thì ít, lực sĩ các nước vẫn lén xử dụng, với hy vọng Ủy Ban Y Tế Thử Nghiệm của IOC không khám phá được. Do đó trọng trách của Ủy Ban này là có trong tay các loại thử nghiệm hoá học tinh tế và bén nhạy nhất để tránh bị qua mặt. Tại Thế Vận Hội 1996 người ta nghi lực sĩ Trung Cộng xử dụng thuốc trợ sức, nhưng các loại thử nghiệm của IOC không khám phá được, nên lời đồn đãi chỉ là nghi ngờ không được chứng minh. (Trung Cộng nói họ ăn con 'đông trùng hạ thảo' đại bổ). Năm 2000 có lẽ các thử nghiệm tinh vi hơn, nên Trung Cộng hãi quá đồng loạt rút lui 27 lực sĩ trước giờ dự tranh, chắc hẳn để tránh bị xấu mặt. Có lẽ đây cũng là trường hợp nữ lực sĩ chạy nước rút 400 mét của Pháp Mary Jose Pérec đã rút lui đột ngột và bí mật vào giờ chót trong cuộc tranh tài với Cathy Freeman. Chồng của Marion Jones là CJ Hunter (cũng là lực sĩ môn chạy nước rút) không vượt qua được bốn lần thử nghiệm thuốc trợ sức nên bị loại. Các lực sĩ môn cử tạ quốc gia Bảo Gia Lợi và Lỗ Mã Ni bị tước đoạt huy chương vàng vì kết quả thử nghiệm cho hay họ dùng thuốc trợ sức. Chỉ tội nghiệp cô bé lực sĩ môn nhào lộn người Lỗ Mã Ni là Andrea Raducan khóc hết nước mắt vì sơ suất uống hai viên thuốc cảm có chất pseudoephedrine nằm trong danh sách thuốc bị cấm. Dù ông bác sĩ cho toa bị treo giò và ai cũng đồng ý cô chỉ là nạn nhân xui xẻo, nhưng luật lệ vẫn được nghiêm chỉnh thi hành. Kết quả cô Raducan mất chiếc huy chương vàng và 16,000 Mỹ Kim tiền thưởng đi kèm. Với các loại thuốc bổ không bị cấm, các lực sĩ xử dụng tối đa (ống chích vứt đầy thùng rác) hy vọng thể lực mạnh mẽ hơn.

Những con số

Có 199 quốc gia tham dự, 10,500 lực sĩ, 21,000 phóng viên truyền thông, 10,000 người đứng hai bên đường xem rước đuốc, bán bảy triệu vé vào cửa, 47,000 người tình nguyện, các lực sĩ đoạt 928 huy chương đủ loại, công ty truyền hình Mỹ trả 750 triệu Mỹ Kim để độc quyền phát hình cho dân chúng Mỹ, 15 kỷ lục mới (nhiều nhất trong một Thế Vận Hội). Quốc gia Phi Châu Ethiopian đoạt tám huy chương trong tổng số 18 huy chương dành cho môn chạy bộ đường trường.

Các trường hợp đặc biệt

Dự tranh tại Thế Vận Hội gồm cả các lực sĩ bị khuyết tật, như anh Terrence Parkin thuộc Nam Phi, bị điếc không thể nghe tiếng súng lệnh, cần phải nhìn đèn bật sáng để nhẩy xuống nước. Thế nhưng anh cũng đoạt huy chương bạc trong môn 200 thước bơi ếch. Nữ lực sĩ Hoa Kỳ là cô Runyan, tranh tài môn chạy 1,500 mét, gần như bị mù, chỉ nhìn thấy hình ảnh lờ mờ bên khoé mắt để biết có người chạy kèm hai bên. Nữ lực sĩ Marion Jones bị ảnh hưởng tinh thần không ít, khi chồng là CJ Hunter bị loại khỏi môn chạy nước rút vì xử dụng thuốc trợ sức. Nhưng chưa bằng cô Gloria Alogie xứ Nigeria, hôn phu bị tử nạn trong tai nạn lưu thông tại Úc, cô muốn đưa xác chồng về nước, nhưng xứ này nghèo, bắt cô tự túc tiền vé máy bay, nên cô đành ở lại dự thi và đoạt huy chương bạc trong cuộc chạy đua 100 mét.

Lời kết

Nước Úc đã thành công ngoạn mục, tổ chức được một Thế Vận Hội hoàn hảo, êm xuôi, làm Hoa Kỳ phải hổ thẹn khi nhớ lại kỳ tranh tài Thế Vận tổ chức trước đây tại Atlanta, đầy rẫy những trục trặc kỹ thuật, trở ngại giao thông, tiếp vận khiếm khuyết, hối lộ và xử dụng thuốc trợ sức bất hợp pháp. Đồng thời người ta băn khoăn lo ngại không hiểu Thế Vận Hội năm 2004 tổ chức tại Athens có đạt được tầm vóc này không?●

BÚT KÝ CỦA MỘT NHÀ THƠ-ĐIÊN

VĨNH HẢO

Hắn đi thật rồi. Chỉ để lại một xấp bản thảo trên bàn viết, hầu hết là thơ, chỉ có một bài văn xuôi, viết theo lối tùy bút, hay một thứ lưu ký để gửi cho người ở lại. Chủ nhà cũng là chỗ quen biết nên rán chờ cho tới khi nào xấp bản thảo được trao đúng người rồi mới lo dọn dẹp căn phòng để cho người khác mướn. Căn phòng vẫn còn nồng mùi khói thuốc. Một cái giường nhỏ. Một bàn viết nhỏ ngó ra cửa sổ nhỏ. Xấp bản thảo được lấy đi rồi thì trên bàn chỉ còn trơ lại một cái gạt tàn thuốc bằng thủy tinh đã được rửa sạch, lau khô, và đặt úp xuống. Hắn đi thật rồi. Một nhà thơ. Một gã điên. Một bàn viết. Một cái gạt tàn. Một cuộc đời. Hắn có điên không nhỉ? Cái đó khó mà nói được. Có thể đối với cuộc đời này, đối với thiên kỷ mới này, hắn điên thật đấy. Không tin à? Thì đọc thử những gì hắn viết xem. Hắn viết rất tỉnh. Đây là bài viết tỉnh nhất của hắn. Nhưng vẫn không bao giờ được chúng ta chấp nhận. Vậy thì hắn điên thật rồi còn gì! Nhưng nói cho cùng thì hắn là một gã điên rất đáng yêu. Một gã điên rất thơ. Một gã thơ rất điên. Một gã điên không quậy phá, không phiền nhiễu ai. Điên một cách lặng lẽ, âm thầm. Hắn vào đời bằng nỗi điên âm thầm rồi từ giã cuộc đời cũng bằng nỗi điên âm thầm ấy...

*

Nếu ở đời này còn có một thứ gì đó đáng nói, và có một cách nói nào đó đáng dùng đến, thì hẳn là cái bọn biết chữ nghĩa như chúng ta phải nghĩ đến thơ, phải không? Ừ, chỉ có thơ thôi, chứ còn văn xuôi với ba thứ tiểu thuyết, hồi ký, nhật ký, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tùy bút, tự truyện, biên khảo... thì có quái gì đâu. Chỉ được cái dài hơi mà thực chất chỉ phản ảnh đức tính rườm rà của những kẻ nhiều chuyện mà thôi.

Tôi nói vậy không phải chỉ vì tôi là một thi sĩ đâu nhé. Đừng vội cười. Bạn nghĩ rằng tôi tự đề cao mình chứ gì? Không đâu. Thực tế nó như vậy. Dù tôi đã có vài thi phẩm được in, tôi vẫn chưa bao giờ lấy đó làm điều minh chứng cho cái vẻ thơ của tự thân. Tôi chỉ tự thấy mình thơ khi tôi sống và thở được cái thơ ấy bằng những tra vấn, bằng những dấu hỏi đối với con người và cuộc đời (thơ-hỏi- thở ấy mà!). Í dà, nói đến đây thì lòng bốc hứng, xin chờ một chút để tôi đốt điếu thuốc cái đã. Ưm... ưm. Xong rồi, tôi đã nói gì đấy nhỉ. À, vì

đời tôi rất thơ mộng, cho nên tôi tự cho tôi là một nhà thơ chứ chẳng phải là giống khỉ nào khác! Còn những bài thơ trong mấy tập thơ của tôi đấy à? Ui dào, có thấy ai nhắc gì đến thơ tôi đâu, mà thực ra thì ngoài một số bằng hữu cùng có thơ văn trên cùng một tờ báo ra, cũng chẳng mấy ai biết gì đến tôi hay cái bút hiệu làm thơ của tôi cả. Nhưng chẳng sao đâu. Thế giới thơ hôm nay chỉ còn ở những người điên. Những người không điên thì không biết thưởng thức thơ. Cho nên thơ tôi mà chẳng ai thèm đọc, hoặc đọc mà chẳng thèm để ý, hoặc để ý mà chẳng thèm cảm nhận, hoặc cảm nhận mà rồi vẫn không sướng muốn điên lên được... thì đó vẫn là lẽ thường tình của một thế giới thường tình.

Ôi, hãy thử tưởng tượng một thế giới thường tình! Nó kinh tởm và dị dạng khủng khiếp biết bao! Làm sao những người điên và những nhà thơ có thể sống trong đó được nhỉ! Người ta không biết rằng khi mọi thứ trên đời đều được sắp xếp gọn ghẽ, ngăn nắp, ổn định, nề nếp, ngay hàng thẳng lối, và nhất là an ninh, trật tự... và *healthy!*... ờ, ờ, lành mạnh, tức là sức khỏe cá nhân cũng như môi trường sinh thái, và cả tinh thần nữa, đều được chùi rửa, kì cọ cho trong sạch, thì thế giới sắp sửa bước vào một cơn khủng hoảng cực kỳ khiếp đảm thần sầu! Một cơn khủng hoảng với sự thác loạn của những cơn điên, mà lại là những cơn điên không thơ mộng! Những cơn điên tiết của những kẻ không điên, hoặc những kẻ không điên mà giả vờ như ta đây là điên khủng khiếp lắm (mà kỳ thực chỉ là điên láu cá, điên mà ma lanh khôn vặt dữ thần dữ tợn! Tôi gọi những gã giả điên này là những thằng khùng, chứ còn điên đấy à, điên nó thượng thừa cao cả hơn nhiều. Cái thằng điên nó trong sạch lắm, nó không biết hại ai, cũng không biết lợi dụng ai, không nhiều lời lắm chuyện, và đặc biệt là không biết giận, hờn, lẫy, tự ái, tự cao, tự tôn...)

Tại sao tôi dám nói như vậy? Tại sao tôi có thể thấy trước được cơn khủng hoảng tồi tệ của nhân loại sắp xảy đến? Tiên tri chăng? Không, tôi không phải nhà tiên tri. Tôi cũng không phải nhà khảo cứu về nhân chủng học, về môi trường học, về xã hội học, về tâm lý và tâm phân học, về giáo dục hay về kinh tế, về văn hóa hay về y-dược... Tôi chỉ nói lên cái thấy rất thực tế của tôi đối với những gì mà người ta đang vận động, đang tranh thủ sắp xếp và yêu cầu cả thế giới phải thế này thế nọ. Tóm lại một câu là khi những người điên và những người sắp điên không còn cơ hội để điên nữa, cũng như khi những nhà thơ và những người đọc thơ không còn cơ hội để thơ nữa, thì thế giới sẽ hỗn loạn theo chiều hướng thiếu hẳn chất điên và chất thơ. Tình trạng của thế giới hơn năm ngàn năm nay là tình trạng hỗn loạn rất thiên nhiên được điều hướng và dung hòa bởi những nhà thơ và những nhà điên. Khi cái đầu của những nhà thơ và những nhà điên từ từ được tẩy rửa đi chất thơ và chữa lành đi chất điên thì nhân loại cũng từ từ bước vào một kỷ nguyên của sự không thơ-không điên! Nhân loại sẽ tự hào, sung sướng với những điều họ đang làm để cứu chữa, cứu nguy cho hành tinh này, mà kỳ thực, ho đang tay trong tay, đề huề bước vào một cõi chết tàn úa, khô khan, lạnh lùng...

Thế giới không thơ-không điên là thế giới phản thiên nhiên, là thứ thế giới của những con số và những ký hiệu tân kỳ điện tử. Những con số không còn được dùng để đếm bao nhiêu con chim, bao nhiêu chiếc lá, bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu ngày tháng đợi chờ, bao nhiêu người tình qua nẻo mộng... mà chỉ lo đếm những đồng tiền, ngân sách thăng giảm, số người bị ung thư, số người bỏ thuốc lá, số người bị bệnh Aids, số đĩ điếm ma cô, số băng đảng tăng giảm, số tội ác và tai nạn xe cộ trong năm, số người đến trường và không đến trường, số người có con và không có con, bao nhiêu cặp vợ chồng ly dị và không ly dị, bao nhiêu người ủng hộ ông tổng thống và bao nhiêu người không ủng hộ... Ôi, những con số của thăm dò, thống kê, liệt kê, đối chiếu, so sánh... những con số bị lôi đi, bị bức hiếp phải xếp hàng đôi với những danh từ, những cụm từ không có chút gì thơ mộng! Con số không còn là những biểu tượng đơn thuần, không còn đơn sơ mộc mạc như chính nó, mà cũng không còn nữa những biểu tượng. Chỉ có ký tượng, ký hiệu của những con số không còn chất thơ, những con số nô lệ đã bị tục-hóa... Ấy, bạn cho rằng tôi nói gì khó hiểu quá hả? Có gì khó hiểu đâu, chỉ tại bạn đã mất hết chất thơ và chất điên mới không hiểu những gì tôi nói đó thôi. Đừng có lắc đầu, đừng có quay đi, hãy nghe tôi nói này, tôi nói lại cái điều khi nãy tôi muốn nói mà chưa nói hết ý: có một số người, hay có thể nói là có một thế lực, đang vận động tước bỏ tất cả tính chất thơ và những phụ thuộc của thơ. Thế lực này được điều động bởi những kẻ có đầu óc được trang

bị và cấu thành bởi một hệ thống điện tử và những kẻ này lại được sự tôn thờ, trọng vọng và chí thành chí thiết của một đám môn đệ cuồng tín khoa học. Chính họ đang xua đuổi và truy diệt những gì thơ mộng nhất trên hành tinh này. Bạn thử nghĩ lại xem, có phải là con người càng lúc càng tự mâu thuẫn và khùng hơn không! (vừa vận động trở về với thiên nhiên vừa hưởng thụ các nhu liệu điện tử, CD-Rom, mạng lưới điện toán, tiện nghi vật chất của thời đại văn minh kỹ thuật...)

Khoan đã, chờ một chút, để tôi mồi điếu thuốc. Được rồi, được rồi, hì hì, thuốc lên giá làm cho hồi nãy đi bộ ra chợ không đủ tiền trả, phải quay về lục lại ba tiền cắc lẻ trong nhà. Đó, đó, sẵn đây nói luôn, chẳng hạn như cái việc hút thuốc. Người ta vận động cấm hút thuốc nơi công cộng, rồi lại vận động cấm hút thuốc trong nhà có đàn bà và con trẻ, vận động cai thuốc, rồi lại tiến thêm, cấm quảng cáo thuốc lá... sau này sẽ tiến đến việc cấm sản xuất thuốc lá cho xem. Hề hề, nói đến chuyện cấm thuốc lá thấy thật là *funny* quá đỗi! Nhân loại đang tiến đến một tình trạng tự mâu thuẫn, tự tạo cho mình những điều kiện hỗn loạn mới, luýnh qua luýnh quýnh trong chính sợi dây trói của mình mà không biết! Bạn không thấy điều đó sao. Cho ví dụ à? Vậy chưa rõ sao lại cần ví dụ nữa. Để coi nào, ví dụ như... ví dụ như... à, đã ví dụ rồi đó mà, ví dụ như chuyện cấm thuốc lá đó. Này nhé, hãy đi từng bước một...

Bất kể điếu thuốc mà tôi có trên tay bắt nguồn từ đâu, từ một thứ lịch sử xa xôi nào... chẳng hạn như Kha-luân-bố khi khám phá ra châu Mỹ năm 1492 đã thấy những người da đỏ bản xứ hút thuốc bằng những ống píp dài sọc! Từ đó, thuốc lá theo chân ông Kha-luân-bố cũng như những thủy thủ đoàn tìm đất mới sau này, đem thuốc lá truyền vào châu Âu. Từ châu Âu, thế kỷ thứ 16, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha gieo rắc hương vị của thuốc lá khắp thế giới theo bước chân viễn chinh, đô hộ. Ủa, nghĩ rằng không cần phải nói những điều trên mà sao tự nhiên lại nói! Thôi, hãy quay lại cái hiện tiền này. Có thể nói rằng điếu thuốc trên tay tôi, là món quà tặng quí giá nhất mà Kha-luân-bố mang lại cho thế giới để kềm chế bớt cơn khủng hoảng của những thế kỷ cận đại và hiện đại. Cái đó cũng là một thứ duyên kỳ lạ đấy chứ, phải không nào? Nếu thực sự có một ông Thượng Đế tối cao nào đó sắp xếp mọi thứ thì hẳn là ông đã sắp đặt cái chuyện Kha-luân-bố khám phá ra châu Mỹ để rồi khám phá luôn một thú vui mới cho nhân loại. Chính cái thú vui có muộn này là dược chất (đúng là dược chất theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) có khả năng kềm chế lại phần nào những xuẩn ngốc và sai lầm mà con người tạo ra. Này nhé, đây là những ví dụ cụ thể: khi tôi đang bận bịu với một điếu thuốc, có phải rằng tôi phải tạm thời ngưng một công việc khác, chẳng phải sao!

Công việc khác là công việc gì? Có thể là sự táy máy xuẩn động của cánh tay, bàn tay, ngón tay. Cũng là cử động của tay, người ta làm nên điều thiện hay điều ác. Hút thuốc tự nó không là thiện, không là ác. Đó chỉ là một hành động, một cử chỉ trung gian, một thời gian ngắn cho sự ngơi nghỉ giữa các hành vi ác hay thiện. (Mà nói đến thiện-ác thì chẳng bao giờ nhân loại có thể cùng đưa ra được một kết luận phổ quát để xác định thế nào hoàn toàn là thiện, thế nào hoàn toàn là ác trong từng hành vi, cử chỉ, ý niệm của mỗi con người trong hoàn cảnh và thời gian đặc biệt của nó). Cho nên trong cái tiêu cực tác hại của thuốc lá, hẳn là phải có những điều bổ ích ở mặt nào đó khiến cho hàng triệu người trên thế giới từ mấy trăm năm nay, hay cả vài ngàn năm nay, đã bỏ công, bỏ của ra mà đốt, mà phì phèo khói thuốc bất kể nó hại đến buồng phổi hay sức khỏe của chính họ.

Dù cho các nhà khoa học và y dược học có chứng minh bao nhiêu điều tác hại của thuốc lá, họ cũng không thể phản bác được thực tế rằng thuốc lá là một thứ kích thích tố, một chất xúc tác tinh thần để sản sinh những kiệt tác nghệ thuật của các triết gia, văn thi sĩ, kịch tác gia, nhạc sĩ, họa sĩ... nói chung là các nghệ sĩ tài danh lỗi lạc của nhân loại. Thử tưởng tượng đi, nếu không có thứ xúc tác thơ mộng và độc hại (cho sức khỏe) đó, thì làm sao các nghệ sĩ có thể sáng tạo các nghệ phẩm của họ một cách bềnh bồng thơ mộng được; và thử hỏi nếu nhân loại từ 2000 năm nay không thưởng thức và chịu ảnh hưởng bởi các nghệ phẩm đó thì thế giới hôm nay là cái đống phân dập đềnh hôi thúi đến mức nào chứ! Không phải rằng thuốc lá đã làm quân bình cán cân lực lượng giữa các đối lực thiện-ác, điên-tỉnh, thánh-phàm, thơ-không thơ... trong thế giới loài người khiến cho những kẻ ác (hay những kẻ không có chút máu điên và thơ mộng nào) chết sớm hơn một chút để thế giới bớt hỗn loạn cũng như chính thuốc lá đã khiến cho

những kẻ điên và thơ mộng chọn được con đường thật thơ mộng và điên để rút lui khỏi thế giới khùng này một cách sớm sủa hơn! Họ phải rút lui bớt và tùy theo mức độ xuống lên của cái đám phàm phu không điên kia chứ nếu những nhà điên và những nhà thơ cứ hì hục sinh sản và giành vườn lấn đất với bọn phàm phu thì thế giới này cũng chẳng còn là thế giới. Cho nên, cái gì cũng tương đối thôi nhé. Ở cái cõi bấp bênh ảo hóa này mà cứ đòi hỏi niềm bình an hay sự lành mạnh tuyệt đối thì rõ thật là khùng đấy ạ. Nếu tất cả nhân loại đều điên và sống rất thơ thậm chí chỉ cần cái tỉ lệ người điên-thơ nhiều hơn mức cần thiết chút xíu thôi thì thế giới này nổ tung ngay; ngược lại cũng vậy, thiếu một nhà thơ-điên trong đám 1,000 người không thơ-điên thì thế giới sẽ bị hủy hoại. Cứ chờ xem. Hề hề, chưa hiểu à? Thì cứ 1,000 tên phàm phu tục tử không có máu điên thì có một gã điên ra đời để chế ngự bớt. Khi đám không điên tăng nhiều thì bọn điên cũng tăng theo tỉ lệ 1/1,000 đó.

Cho nên, khi đám phàm không điên ngày nay nẩy ra cái chiêu thức cấm thuốc lá thì quả thật là muốn báo hiệu một thời kỳ đen tối mù lòa của một thế giới bằng thẳng ngay ngắn như phi đạo của sân bay... Cái thế giới ấy chắc chắn sẽ cáo chung ngay sau đó chẳng bao lâu đâu bởi vì nó rất là khùng khi đòi hỏi các điều kiện thuận lợi một chiều cho đời sống bình an của đám phàm phu (vốn dĩ càng lúc càng gia tăng khủng khiếp khiến cho tỉ lệ 1/1,000 đã bị phá vỡ và biến thành 1/10,000!) mà không ngờ rằng chính một chút bất an dặm thêm cho đời sống này mới giữ được sự bình an cho thế giới và làm nổi bật cái vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời. Khoan, cần phải giải thích thêm chút xíu ở điểm này: không phải cái tay nào hút thuốc lá cũng là những nhà điên và những nhà thơ cả đâu nhé! Ở đây chỉ có tỉ lệ 1/100 (e có thể là 1/1,000 nữa kia, nhưng thôi, cứ cho một con số khiêm nhường là 1/100 đi). Tức là trong 100 gã hút thuốc, chỉ có một gã là thực sự hút thuốc thôi. 99 gã hút thuốc một cách cuồng

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

DI-TÍCH

Nước lên cát xuống dọn triều
chân suông ngón lỏng em chiu-chít về
sương xanh cắn miếng ngọt the
răng ngời giọng thổ sướt trề vỗ tôi

Sớm mai đội gió lầy trời
đất thong-dong sãi lược nồi tóc hoa

Em tôi căng bóng nhẫy-nhòa
hở lườn cong dụ bắt mê-muội liền
phấn phun áo nực lăn ren
tôi ho ngực nghẹn lá chèn nhột gây

Em chê tôi vụng đãi-bôi
thốc bừa sinh-lực máu hồi-hộp thân

Nài thu gấp khúc chuyển-vần
cho xuân sổ ứ luồng săn-sắt này
tắm nhờn da-dẻ rất hay
mắt rau câu lưỡi cặm lài lối lên

Muối trơ; tôi sắc vào đêm
ngõ đưa em đến cỏ phiên-phiến vàng

Yêu em! Cái nghiệp trễ-tràng
thịt tươi kia mới tội ngàn kiếp mua
ủ cây vét rãnh se bờ
nai lưng yểu-điệu sóc mùa-màng ngon

Vẩy bong em búng xác dồn
góp dè riêng lập miếu tồn-trữ tôi

sáu. 00

nhiệt, hút như nghiện ngập, hút không thưởng thức và không sáng tạo bất cứ một thành phẩm nào cho đời qua khói thuốc; đám này hút thuốc để gián tiếp góp phần làm giảm tuổi thọ và nhân số cần thiết cho nhân loại. Chỉ có một gã điên trong số đó là hút để giữ gìn một chút thơ cho thế giới thôi. Đấy, cho nên cấm thuốc lá, tưởng rằng đơn giản làm lành mạnh cho thế giới hóa ra chỉ làm hại. Bởi vì sự sáng tạo độc đáo thì không bao giờ được nẩy sinh từ những phi đạo hay từ một thế giới bình an. Cái sáng tạo nó tới từ những cơn điên, từ sự dẫy dụa đớn đau của thân xác hay của tâm hồn. Thế giới này sở dĩ còn tồn tại đến ngày hôm nay với nhân số tràn lan lai láng một cách không cần thiết mà không bị nổ tung là chính nhờ sự mấp máy, động đậy hay động cỡn của những cơn điên. Hãy thử gia thêm một chút tưởng tượng để thấy cái kết quả mà con người ngày nay mong đợi qua các cuộc vận động và các phong trào làm sạch môi trường của họ. Rõ ràng là mâu thuẫn, mâu thuẫn một cách khôi hài và rất là vô duyên.

Này nhé, tại sao người ta có thể vừa sợ nhân mãn vừa khuyến khích sinh sản! Thực là buồn cười khi người ta bắt đầu nơm nớp lo sợ sự tràn ngập của con người khiến cho diện tích đất sống cũng như lương thực sẽ bị khan hiếm thiếu hụt trong một tương lai nào đó đồng thời người ta lại tạo ra những qui ước để ràng buộc nhau rồi khích lệ sự sinh đẻ, cấm kỵ những phương thức làm giảm thiểu hay cản trở sự sinh đẻ... nhưng cũng không quên đọc sách báo playboy, playgirl, coi phim khiêu dâm, uống thuốc Viagra! Ôi trời, cứ tưởng tượng một nhà giáo đang vận động sinh viên học sinh phát truyền đơn chống thuốc lá sau khi tan trường ghé vào hiệu thuốc tây mua vài viên Viagra! Cái hình ảnh gì kỳ quái thế! Chẳng phải nhà giáo ấy vận động ủng hộ nạn nhân mãn sao chứ! Bộ tưởng rằng chuyện nhân mãn và chuyện thuốc lá không quan hệ gì nhau sao cà!

Xem nào, năm vừa qua trên một đài phát thanh quốc tế nổi tiếng loan tin rằng các nhà nghiên cứu y dược vừa đưa ra một giả thiết (chỉ là giả thiết thôi, mấy ổng khôn lắm, đâu có tuyên bố những kết luận chắc nịch 100% đâu!) rằng "có thể" thuốc lá sẽ làm giảm vấn đề ham muốn tình dục cho phái nam. Hì hì, nghe cái tin đó tôi biết ngay là mấy ông bà khoa học gia đã bị sự mua chuộc của các hội cấm thuốc lá để đưa ra một vài lời cảnh cáo như thế mà thôi (cảnh cáo bằng một giả thiết thì chẳng có hại gì cho uy tín nghề nghiệp chuyên môn của khoa học gia cả). Thử tưởng tượng thêm một chút nữa đi: sau khi những lời cảnh cáo trên đưa ra, những người trong bang hội chống thuốc lá hẳn là rất đắc ý, ngồi rung đùi nhấp trà nóng ăn bánh ngọt để chúc mừng nhau, ca tụng nhau... và chính vì không hút thuốc nên vấn đề tình dục của họ rất mạnh, họ cũng sẽ ăn mừng bằng những cuộc hành lạc thâu đêm suốt sáng, vợ hay chồng không đáp ứng được nhu cầu tình dục của họ thì họ lăng quăng lấn quấn đi tìm đối tượng khác, mèo mả gà đồng, loạn phụng nem chả... tệ hơn thì dẫn đến những vụ hãm hiếp bậy bạ, hoặc hãm hiếp có sự đồng thuận của nạn nhân, hoặc xách nhiễu tình dục với người cùng sở, khác sở, với người cùng nhà, khác nhà... cho đến cả những bậc mẫu mực đứng đầu trong chính quyền, trong tôn giáo, trong ngành giáo dục... vẫn cứ bị mang tiếng mang tai như thường về chuyện tình dục bậy bạ... Sao vậy? Có cái gì thừa mứa bất ổn nơi những thân thể cường tráng không bịnh của những người không hút thuốc chăng? Và quí vị hãy trả lời dùm tôi câu hỏi này: làm sao có thể giải quyết được nạn nhân mãn trong tương lai như quí vị yêu cầu trong khi quí vị rất là hí hửng đưa ra cái "giả thiết" là thuốc lá làm giảm tình dục? Và quí vị còn thòng thêm một câu vừa hăm dọa vừa khích lệ rất ư là dâm đãng: "Có lẽ từ nay (khi giả thiết này được đưa ra) các đấng mày râu sẽ giảm đi chuyện hút thuốc rất nhiều bởi vì chẳng ai muốn giảm đi cái chuyện rất cần thiết..." Làm như là cuộc sống chỉ có ròng một thứ nhu cầu phàm tục ấy vậy! Rõ ràng là một thứ giả thiết được đưa ra bởi một nhóm phụ nữ, hẳn là vậy, vì quí vị nghĩ rằng đối với đàn ông thì chỉ có một thứ họ khoái nhất, muốn dụ dỗ họ thì chỉ cần nhắm vào cái khoái ấy thôi. Tôi còn nghĩ rằng cái đầu mối của sự tranh cãi kiện tụng, chống đối nhau về thuốc lá nó được khởi nguyên từ hai vợ chồng nào đó (hoặc là chồng hút thuốc vợ không, hoặc ngược lại). Gây cãi nhau trong nhà mãi mà không cùng, họ đẩy vấn đề ra trước công chúng... rồi từ từ thành một phong trào. Hai vợ chồng đầu tiên đưa phong trào ấy ra chắc bây giờ đã già lú không còn hơi sức tranh luận hoặc đã qua đời vì bệnh lao phổi (không phải lao phổi vì thuốc lá mà vì lao tâm khổ trí và nhọc hơi cãi cọ nhau quá độ) nhưng phong trào cứ vậy mà đi tới, đi tới, thành một món

hàng thời thượng hợp vệ sinh nhất của thế kỷ. Đấy, như vậy đấy. Hãy quay lại vấn đề tình dục và thuốc lá. Quí vị muốn gì đây? Muốn cấm thuốc lá và khuyến khích tình dục? Chấp nhận nạn nhân mãn hơn là cho phép hút thuốc? Quí vị thực là khùng! Cho rằng cái giả thiết của quí vị đưa ra là khả tín đi, vậy thì, khi tình dục sung mãn mà không hút thuốc để làm giảm cơn dục thì chỉ có tìm cách làm bậy mà thôi. Thế sao những đầu óc thông minh của quí vị không nghĩ ra thứ thuốc nào làm giảm tình dục mà lại đi chế biến thuốc Viagra? Mà cái nạn của tình dục tôi e rằng nó còn khủng khiếp hơn cái nạn hút thuốc cả trăm lần. Nhất là cái nạn ấy lại được bày ra bởi những người không có chút chất thơ hay chất điên nào! Cái nạn ấy có hai mặt nghịch chiều mà mặt nào cũng hại cả: hoặc góp phần làm lây lan bệnh Aids và các chứng bệnh liên quan trực tiếp đến bộ phận sinh dục (chưa kể các bệnh khác như

yếu thận, đau lưng, rã đầu gối...), hoặc góp phần làm tăng dân số! Quí vị muốn cả thế giới này sinh và sống trong sự dìu dắt của những cơn động cỡn dục tình không chút thơ mộng điên cuồng lại rai nào sao? Quí vị muốn cả thế giới này biến thành một màu thuần túy, một màu trắng đục của giới học đường, y dược, bệnh viện, nhà xác? Hay chỉ đơn giản là muốn kiến tạo một thế giới lành mạnh về thể chất? Lành mạnh thể chất để làm quái gì với những tâm hồn bênh hoạn chứ! Cái thể chất lành mạnh của quí vị, và cả phong trào rình rang rầm rộ đang lên của quí vị cũng chẳng mang theo một thứ hành lý đạo đức mới mẻ cao đẹp nào cả ngoại trừ sự lạm dụng đàn bà và trẻ em để làm lá chắn tranh đấu. Vậy rồi với một thể xác lành mạnh và sự thúc bách của dục vọng, quí vị sẽ đóng góp gì cho thế giới này? Làm tình, ngoại tình, hiếp dâm, sách nhiễu tình dục, sinh sản bừa mứa, hô hào ngừa thai hay phá thai, kết án và giết chết những người ủng hộ ngừa thai hay phá thai, uống thêm nhiều thuốc bổ và Viagra? Đấy, đấy, nền đạo đức an sinh xã hội của quí vị là như thế? Quí vị gân cổ lên, gồng sức mình lên, cả một đời, để thiết lập một xã hội, một thế giới khật khùng dường ấy! Hãy tự hỏi lại xem, thế giới này có cần chăng sự truyền giống của những con người chỉ thuần túy thông minh một cách vệ sinh sạch sẽ ngay ngắn thẳng thớm thơm tho lịch lăng xăng lẩn thẩn nhộn nhịp rộn ràng rỗng ta rỗng tuếch mà không hề một lần trong đời biết ngồi lắng một mình? Rốt cuộc, quí vị chỉ tự diễu và đang tự tử mà không biết. Đó là chưa kể một vấn nạn khác liên quan đến nhân mãn và sự thiếu hụt lương thực. Hè hè, nếu thực sự bạn muốn nói một chút về những điều thực dụng thì tôi cũng nhắc thêm như vầy: bạn cho rằng thuốc lá làm giảm chuyện ăn uống, làm người ta ăn mất ngon. Đúng, tôi công nhận điều đó đã được chứng minh trong thực tế. Vì mấy người bạn bỏ thuốc lá của tôi đã trở thành những người hạm ăn một cách đáng sợ. Bây giờ họ đã mập phì ra gấp đôi so với thời gian hút thuốc trước đây và bắt đầu chịu tốn tiền tốn bạc để xin tham dự những chương trình đai-ét rất khổ nhọc. Đó quả thật là thành quả đáng kể cho một xã hội luôn mong ước đào tạo những người mập mạp mũm mĩm thừa mứa. Nhưng thử tưởng tượng mấy chục triệu người trên thế giới bỏ hút thuốc và trở thành một lực lượng hạm ăn hùng hậu thì có phải là làm tăng thêm nỗi lo âu cho toàn cầu về vấn đề thiếu hụt lương thực hay sao chứ! Rõ ràng là những cố gắng của các bạn chỉ tạo ra những kết quả chống trái lẫn nhau.

Thôi, có lẽ tôi chỉ nói sơ sơ vài điều như vậy. Nói nhiều quá không chừng những lời của mình lại trở thành thứ phương châm tào lao cho một nhóm tài phiệt bán buôn nào đó vận động cho ngành sản xuất thuốc lá! Tôi chẳng bao giờ có ý ủng hộ mấy cái đại công ty sản xuất thuốc lá cả (dù rằng tôi hay các bạn đều có thể thấy trước một viễn tượng khá bi thảm là hàng triệu người sẽ bị thất nghiệp nếu các đại công ty ấy bị khai phá sản hoặc bị cấm hoạt động). Tôi chỉ ngậm ngùi nhắc lại, nhìn lại một chút về cái thú tiêu khiển đã có từ nhiều thế kỷ, đã từng đóng góp những trang sử tráng lệ huy hoàng cho thế giới, đã từng vỗ về bao tâm hồn đau khổ sầu muộn, bao giây phút chờ đợi nhớ nhung nhau, bao công trình tim óc quên ngày quên tháng... Ôi, nhìn lại xem, biết bao là hình ảnh đẹp, biết bao là kỷ niệm êm đềm quấn qua quấn quít giữa điếu thuốc và con người, giữa những người bạn chung tình đồng điệu ở khắp nơi trên hành tinh này... Điếu thuốc, mỗi điếu thuốc, là một người bạn, một tri kỷ không lời, một người bạn luôn lắng nghe, biết vỗ về an ủi bằng chính sự thiêu hủy chính bản thân mình. Ở đời bạn có thấy ai hy sinh chính họ để làm vui lòng người khác như điếu thuốc không nhỉ? Điếu thuốc cũng phù du như con phù du, cháy lên trong ánh lửa, nhưng con phù du thì hy

sinh cho chính nó, còn điếu thuốc thì hy sinh cho bạn, cho nỗi buồn hay niềm vui của bạn, cho thời gian trống vắng của bạn, cho cái cô đơn khủng khiếp tàn bạo của đời bạn...

Nhìn lại xem, nào hãy nhìn lại xem... khoan chờ tôi đốt điếu thuốc, vâng một điếu nữa thôi, hoặc có thể là một vài điếu cuối cùng của đời tôi... Bạn có thấy không, ôi, có khi chỉ kéo một hơi thuốc thôi mà thấy cả một bức tranh toàn bích của toàn nhân loại. Không phải là toàn nhân loại trong giây phút hiện tại mà bao gồm luôn cả quá khứ. Cái đẹp tuyệt vời nhất của đời người là ở chỗ đó - nó luôn luôn phát sinh từ sự liên tưởng, từ sự tưởng tượng. Nếu chẳng có chút trầm tư suy tưởng, liên tưởng hay tưởng tượng thì đốt điếu thuốc này chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ là đốt tiền và đốt sức khỏe. Nhưng khi một người biết hút thuốc, biết nói chuyện với điếu thuốc, biết giá trị của điếu thuốc, thì đốt một điếu thuốc là thắp sáng lên bức tranh toàn bích ấy, thắp sáng cả một lịch sử dài lâu của nhân loại. Đây này, điếu thuốc này, cách đây trăm năm hay ngàn năm, hay là ở ngay trong hiện tại này, ở những nơi chốn khác nhau, có những người không hề biết nhau, không từng thấy mặt nhau, không từng nghe tiếng nhau, đang cùng đốt lên và phà những làn khói mỏng vào không gian. Một gã tình si lặng đứng bên bờ hồ. Một văn sĩ bên cửa sổ nhìn ra vườn sau. Một thi nhân đứng trên đỉnh núi cao. Một người lính trận lom khom tựa mình vào vách đá. Một kỹ nữ gõ nhịp chân trên hè phố vắng khách. Những người bạn tri âm gặp gỡ nhau. Những người tình quay quắt chờ đợi nhau. Những người tử tù thức sáng đêm trong ngục thất. Những bờ sông. Những quán cà phê vỉa hè. Những công viên với ghế đá bỏ trống. Những sân trường không thấy bóng sinh viên. Những bãi đậu xe vắng ngắt. Những hàng hiên không người qua lại... Những bình minh tráng lệ huy hoàng. Những buổi trưa văng vẳng tiếng còi tàu xa xa. Những màn đêm ôm xiết bao tình sầu... Những buổi chiều màu nắng lặng lẽ rơi xuống cùng nỗi bâng khuâng nhớ nhà. Ôi cái gì thế... vâng, những nơi chốn, những hoàn cảnh, những tâm tình, những thời gian... đã lần lượt hiện hữu rồi trôi đi cùng khói thuốc... Người ta chỉ thấy cái đẹp của những tác phẩm mỹ thuật mà không thấy cái đẹp lặng lẽ vô danh của những điếu thuốc trên tay người nghệ sĩ. Không thấy những tàn tro âm thầm rơi xuống. Không thấy những làn khói mỏng lãng đãng bay lên. Khói, tro, tan biến đi. Chỉ có nghệ phẩm là ở lại lâu dài với đời. Người thưởng lãm, người ái mộ, làm bạn với nhà nghệ sĩ khi ông ta buông bút xuống. Chỉ có điếu thuốc mới là người bạn đường của nghệ sĩ trong những phút trầm lắng nhất của tư duy, trong những cơn dật dờ phiêu hốt nhất của mộng tưởng và hoang tưởng. Đêm cũng như ngày, lúc no cũng như lúc đói, lúc giàu cũng như lúc nghèo, lúc vinh quang cũng như khi sa cơ thất vận... luôn luôn điếu thuốc là người cận kề và trung thành nhất của người nghệ sĩ tài hoa.

Có những tay đại phú bỏ hàng trăm triệu mỹ kim để mua vài bức danh họa của Picasso hay Van Gogh về treo trong phòng khách tư gia. Những người này cũng ủng hộ hội chống thuốc lá đấy. Lại có những nữ độc giả đọc hàng trăm, hàng nghìn cuốn sách của nhiều tác giả khác nhau, từ cận đại đến hiện đại, đi đâu cũng mang theo mình những cuốn sách, mê sách mê truyện đến dường đó, nhưng chính họ cũng đang tham gia những cuộc vận động chống thuốc lá đấy. Đối với đa phần các nghệ sĩ tài hoa mà nói, thực ra cấm họ hút thuốc họ vẫn cứ sáng tác được chứ chẳng phải không. Nhưng cái gia vị vô hình để nêm vào các món ăn tinh thần đã bị lược giảm đi rồi. Bạn không biết đâu, ở một đoạn văn, một câu thơ, hay một nét vẽ đó, nếu có một hơi thuốc lá vào thì kết quả sẽ không giống với khi không hút thuốc. Đúng vào cái lúc ngầy ngật lâng lâng khi rít vào một hơi thuốc, những tư tưởng tuyệt diệu nào đó ở sâu thẳm nhất trong tiềm thức có thể được vực dậy. Hậy, các cậu các cô nghiên cứu y dược cứ đưa ra những phân tích, những kết quả chi li, cho rằng thực ra khói thuốc (với chất nicotine) chỉ làm trì trệ sự suy tưởng chứ không có khả năng làm phấn khích như những người hút thuốc quen nghĩ; rồi lại nói rằng sự tin tưởng vào khói thuốc trong tư duy sáng tạo chỉ là ảo tưởng... Ôi, nói vậy thì cũng chẳng hiểu cóc lác gì cái quá trình sáng tác của nghệ nhân cả. Ha ha, phải biết rằng cái điều mà nghệ sĩ tư duy nghiêm chỉnh theo phong cách thông tục của đời thường chỉ mới là cái phông cho nghệ phẩm - ở phần ấy, chẳng cần hút hơi thuốc nào cũng chả sao cả. Nhưng những tư tưởng thậm thâm tuyệt vời nhất của hắn thì bộc phát ở chính giây phút mà hắn phải vượt qua cái lề thói của tư duy, bước vào thế giới của ảo tưởng, loạn tưởng... cái thế giới mà hắn không còn khả năng để kiểm soát được nữa. Chính từ giây phút đó,

chính ở giai đoạn đó, cái thần của nghệ phẩm mới được phát tiết, tuôn trào. Nếu chỉ ngồi nghiêm chỉnh ngay ngắn nơi bàn cái viết sạch sẽ thơm tho ngăn nắp gọn gàng để hít thở đều đặn và suy tư một cách nề nếp thận trọng đàng hoàng thì... ôi chao, chỉ đẻ ra những sách biên khảo, giáo khoa và sách học làm người thôi bạn ạ!

Người ta kêu gọi các nghệ sĩ hãy sáng tạo, hãy sáng tác, hãy vẽ, hãy viết, hãy đàn hãy ca cho hay, cho đạt... nhưng đồng thời cứ la ó chống đối khói thuốc, ý chừng họ muốn các nghệ sĩ này hãy vừa nhai kẹo chewing gum vừa sáng tác ấy mà. Hãy thử tưởng tượng một tác phẩm được hoàn thành bởi mười ngàn cho tới mười triệu cái nhóp nhép của hai hàm răng sạch sẽ, khỏe mạnh và cần cù xem nào! Tác phẩm ấy nói cái gì thế nhỉ? Có tư tưởng thâm viễn nào hay một ý tứ xuất thần nào được nẩy sinh bởi sự vận động ồn ào và thô bạo của quai hàm không nhỉ? Nhai kẹo hay nhấm mực khô với bia chỉ có thể thích hợp với những người viết sách dạy nấu ăn thôi.

Tôi sẽ không hút thuốc nữa trong một ngày rất gần, có lẽ là như vậy. Không phải tôi bị thúc đẩy bởi những lời rao giảng về tác hại của thuốc lá đâu bạn ạ, nhưng bởi vì sống ở đời này cũng phải biết điều một chút. Người ta nói rằng tôi hơi gàn, hơi điên, nhưng thực ra tôi cũng biết điều lẽ nghĩa, biết lẽ đúng sai thuận theo môi trường xã hội lắm chứ. Tôi không muốn gàn bướng chống lại kỳ cùng cho quyền tự do của tôi - một cái quyền mà mọi người ở thế giới văn minh đều đề cao hết mực - để rồi các bạn lại mang tiếng là tước đoạt nó của tôi. Tôi cũng không muốn nói lên tất cả điều này để rồi được một chính quyền hay một ủy ban quốc tế về thuốc lá cho tôi hay những người nghệ sĩ sáng tác thứ đặc ân đặc quyền gì đó về việc hút thuốc lá... chẳng hạn cấp cho một giấy phép hút thuốc hoặc một cái bằng chứng nhận nghệ sĩ để được hút thuốc.

Hừ, cả hai trường hợp trên đều không được, nhất định là không được. Thứ nhất, tôi ghét nhất những cái gọi là "đặc quyền"; cái thứ ấy trao đến tay ai là dìm chết ngay kẻ ấy trong hư đốn, hèn mạt và kiêu hãnh một cách lố bịch. Còn về giấy chứng nhận nghệ sĩ đó à? Ối, chỉ là chuyện ruồi bu kiến đậu thôi. Vì sao ấy à? Bởi vì... không lẽ những người không có một chút thơ hay chút điên nào mà lại có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận điên chứng nhận thơ cho một nghệ sĩ? Còn nữa, không lẽ những người thơ và những người điên lại đi điền đơn để xin giấy chứng nhận được làm nghệ sĩ? Còn nữa, lấy cái tiêu chuẩn nào để xét định rằng gã này, gã nọ xứng đáng là một nhà thơ, một nhà điên, một nhà nghệ sĩ? Còn nữa, không lẽ kẻ nào có tác phẩm in ra thì đều được coi là nghệ sĩ? Không lẽ kẻ nào không có tác phẩm được in thì không phải là nghệ sĩ? Không lẽ muốn được hút thuốc thì phải rán làm cái gì đó để chứng minh rằng mình là nghệ sĩ? Ôi mấy cái trò đó mà bày ra chỉ thêm thối cho đời. Đó là chưa nói đến khi mà mọi lý do không thể chấp nhận vừa nêu ở trên đều được ậm ừ chấp nhận, thì cái màn nghệ-sĩ-được-đặc-quyền- hút-thuốc sẽ dẫn đến một thứ vấn nạn buồn cười lố bịch khác. Chẳng hạn khi một thi nhân đang ngồi hút thuốc bên bờ sông để lấy hứng cảm thì có anh chàng cảnh sát lăm le khẩu súng bên hông, với bộ mặt làm ra vẻ oai phong lẫm liệt lắm, tiến đến gần, đòi phải trình giấy chứng nhận nghệ sĩ! Ôi, chỉ mới tưởng tượng thử chút xíu cái màn đó đã thấy nó thảm sầu thế nào!

Cho nên, tôi nói rồi: tôi không cố gắng nhiều lời để đòi hỏi cái gì cho tôi hay đồng bạn của tôi đâu. Tôi chỉ muốn thuận theo vần xoay của cuộc đời. Khi đa số mọi người muốn vậy, tôi sẽ tôn trọng tuân theo. Tuân theo bằng cách không làm gì chống trái với nó chứ không phải là chấp nhận nó.

Cuộc đời tương lai mà các bạn nỗ lực gầy dựng nó sẽ như vậy, giống như một trường học tôn giáo hay một bệnh viện tâm thần. Thế giới ngày mai có thể là không còn thuốc lá nữa và đồng thời cũng không còn bất kỳ một nghệ phẩm sáng tạo nào ra đời nữa - nói vậy không có nghĩa rằng không có thuốc thì không sáng tác; mà chỉ có nghĩa rằng, khi những cá nhân bị lùa đi như vịt vào một ao tù có vòng rào vây sẵn, bị đồng hóa đến tận cùng hơi thở, nụ cười và suy tưởng để kết thành một tổng thể từ trên xuống dưới giống nhau, từ trái qua phải đều nhau, từ trước đến sau chẳng khác... thì thực sự là chẳng còn một thứ gì có thể được coi là "nghệ phẩm." Chỉ có những sản phẩm được sản xuất bởi những đầu óc toán học nghiêm chỉnh. Thế giới này sẽ không còn chất thơ. Và không còn chất điên. Tôi không muốn chờ đợi thế giới ấy trở thành hiện thực, vì vậy tôi phải lên đường đi trước. Đi đâu đấy à? Chắc là vào rừng sâu núi thẳm, hay một xó xỉnh xa xôi nào đó, nơi mà *"chút thơ mộng ấy hãy còn, anh về thì cũng chẳn tròn trăm năm."*

VẤN ĐỀ SÁNG TẠO, TỔ CHỨC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LÂM VĨNH THẾ
(Đại học Saskatchewan, Canada)

(Tiếp theo và hết)

Sử Dụng Tài Liệu

Sử Dụng Của Cá Nhân

Mọi người đều truy tầm thông tin cho chính nhu cầu của mình. Người Việt Nam cũng không đi ra ngoài quy luật nầy. Tác giả của bài viết nầy chỉ biết được một vài cuộc điều tra nhỏ hẹp về tình hình của khối lượng tài liệu Việt ngữ tại các thư viện công cộng. Tuy nhiên, người viết tin rằng việc sử dụng cá nhân khối lượng tài liệu tiếng Việt nầy có thể được khẳng định dựa trên ba lý do sau đây: 1) việc tiếp tục gia tăng của khối lượng tài liệu như đã trình bày ở phần trước; 2) sự hiện diện của sách báo tiếng Việt trong sưu tập của hầu hết các thư viện công cộng tại các thành phố lớn và trung bình của Bắc Mỹ; và, 3) sự tràn ngập của báo chí Việt ngữ, đặc biệt là các báo biếu phát không tại các siêu thị thực phẩm Việt Nam. Yếu tố thứ 3 là một hiện tượng độc đáo của các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Nhà văn Sơn Tùng đã ghi nhận: *"Trong cộng đồng người Việt ở Mỹ hiện nay có hai nghề làm ăn thường được nghe nói tới nhiều nhất là nghề mở tiệm phở và ra báo."* (21) Số lượng báo biếu vượt xa số lượng báo bán. Theo nhà báo Chữ Bá Anh, vào Tháng Hai năm 1991, riêng tại Hoa Kỳ có vào khoảng 180 tờ báo, trong đó chỉ có 10 tờ là báo bán (22). Ngoài các bài vở văn nghệ như truyện ngắn, tiểu thuyết đăng từng kỳ, thơ, các tờ báo nầy còn cung cấp cho độc giả các quảng cáo của các cơ sở kinh doanh địa phương cũng như đầy đủ tin tức về cộng đồng, địa phương, quốc gia và quốc tế. Chúng ta có thể tin chắc rằng người Việt hải ngoại, trên cơ sở cá nhân, đã dựa vào các tờ báo nầy — đặc biệt là vì chúng được phát không— để thoả mãn các nhu cầu về thông tin, học hỏi và giải trí. Tác giả bài viết nầy chưa tìm thấy được những cuộc nghiên cứu rộng lớn và có hệ thống về vấn đề nguyên nhân và phương thức truy tầm và sử dụng tài liệu của người Việt hải ngoại. Qua liên hệ cá nhân, người viết đã có được một vài số thống kê như sau:

- Thư Viện Tỉnh Bang Saskatchewan: vào năm 1999, thư viện đã nhận được 186 yêu cầu về tài liệu Việt ngữ, và 1311 tài liệu Việt ngữ đã được cho mượn để thỏa mãn các yêu cầu đó (thông tin cung cấp bởi ông John Onufer, quản thủ thư viện phụ trách Dịch Vụ Đa Ngôn Ngữ, Thư Viện Tỉnh Bang Saskatchewan, Regina, Saskatchewan, Canada).

- Thư Viện Đại Học California tại Irvine: số lượng yêu cầu mượn sách liên-thư-viện trung bình vào khoảng 25 mỗi quý, trong số nầy 50%-60% là sách Việt ngữ (thông tin cung cấp bởi bà Anne Frank, quản thủ thư viện của Văn Khố Đông Nam Á, Đại Học California tại Irvine, California, Hoa Kỳ).

- Thư Viện Công Cộng Thành phố Montréal: trong năm 1999, số sách mượn ra khỏi thư viện là 79.430 (78.863 cho người lớn và 567 cho trẻ em) (thông tin cung cấp bởi ông Lâm Văn Bé, Thư Viện Trưởng Thư Viện Chi Nhánh tại Mile-End, Phụ Trách Phát Triển Sưu Tập Đa Ngôn Ngữ, Thư Viện Công Cộng Thành Phố Montréal, Québec, Canada; xem thêm chi tiết ở Phụ Đính C).

- Thư Viện Công Cộng Thành phố Santa Ana: từ Tháng Bảy 1998 đến Tháng Sáu 1999, tổng số sách Việt ngữ cho mượn là 26.429; tổng số sách Việt ngữ trong sưu tập là 5.822; tổng số độc giả gốc Việt là 4.568; tính trung bình số sách mượn theo đầu người là 5,78

cuốn mỗi năm (thông tin cung cấp bởi cô Angie Nguyễn, quản thủ thư viện, thư viện chi nhánh Newhope, hệ thống Thư Viện Công Cộng Thành phố Santa Ana, California, Hoa Kỳ).

Các con số thống kê nầy chỉ nên được sử dụng một cách dè dặt vì hai lý do: 1) Chúng chỉ phản ảnh số sách mượn ra khỏi thư viện mà thôi; chúng không bao gồm việc sử dụng tài liệu trong thư viện; 2) Tại nhiều nơi, như tại một vài thành phố ở California, Hoa Kỳ, theo một chính sách mới áp dụng, các độc giả không thường trú trong thành phố phải trả một lệ phí hàng năm mới có thể mượn sách được, và vì thế con số sách mượn đã bị giảm sút trong những năm vừa qua.

Sử Dụng Của Cộng Đồng

Người Việt Nam có một truyền thống về cộng đồng rất cao. Khi định cư tại Hoa Kỳ, do sự bảo trợ của các hội đoàn tôn giáo và từ thiện, lúc đầu họ bị rải ra khắp lãnh thổ Hoa Kỳ, nhưng chỉ sau một vài năm, họ đã tập hợp lại thành những cộng đồng lớn. Đợt di dân lần thứ hai nầy, mà người ta tin là vẫn còn đang tiếp diễn (23), đã đưa đến kết quả là sự thành hình của bốn trung tâm người Việt lớn tại Hoa Kỳ: tiểu bang California, tiểu bang Washington, tiểu bang Texas, và vùng thủ đô District of Columbia, thường gọi tắt là D.C. (bao gồm D.C. + tiểu bang Maryland + tiểu bang Virginia). Bất cứ nơi nào có một cộng đồng khá lớn người Việt, chúng ta thấy sự hiện diện của một hội người Việt đóng vai trò đại diện cho toàn thể cộng đồng, bên cạnh là các hội thứ cấp, như các hội tương tế, các hội ái hữu cựu học sinh, các hội cựu quân nhân, và các hội đoàn tôn giáo. Theo một ước tính dè dặt, tại Hoa Kỳ hiện có vào khoảng 1300 hội ái hữu tương tế (24). Phần đông các hội đoàn nầy đều có ấn hành bản tin, đặc san, giai phẩm. Cuốn thư tịch *Mục Lục Báo Chí Việt Nam Hải Ngoại, 1975-1995* của ông Nguyễn Hùng Cường, mặc dù chỉ liệt kê đến năm 1995 mà thôi, cũng đã ghi nhận được gần 200 nhan đề cho loại Bản Tin và Đặc San. Các ấn phẩm nầy không những cung cấp các tin tức trực tiếp liên quan đến các thành viên của các hội đoàn mà còn cung cấp cả tin tức về vấn đề định cư của các thành viên. Tại Canada đặc biệt ta còn thấy sự hiện diện của một liên hội đại diện cho toàn thể cộng đồng người tại quốc gia nầy: đó là Liên Hội Người Việt Tại Canada. Ngoài các Bản Tin ấn hành hai tháng một kỳ và quý san Liên Hội, Liên Hội còn ấn hành các kỷ yếu của các cuộc hội thảo mùa hè hàng năm do Liên Hội tổ chức (mỗi cuộc hội thảo đều có một chủ đề riêng, hè vừa qua, chủ đề của cuộc hội thảo là *Women As Agents of Change in the New Millennium = Phụ Nữ, Nhân Tố Của Thay Đổi Trong Tân Thiên Niên Kỷ*; các kỷ yếu nầy hiện đã đưa vào Trang Nhà của Liên Hội tại địa chỉ điện tử sau đây: http://www.vietfederation.ca). Các niên giám doanh thương Việt Nam, hoặc do hội người Việt địa phương hoặc do tờ báo chính của địa phương ấn hành, hiện có gần như khắp các thành phố lớn tại Bắc Mỹ. Và, dĩ nhiên, các hội địa phương đều có cung cấp các dịch vụ thông tin để giúp các người mới đến trong việc tìm nhà ở, tìm việc làm, cũng như giúp họ trong các thủ tục giấy tờ với các cơ quan địa phương về y tế, xã hội, và giáo dục. Một đặc điểm nữa trong đời sống tại các cộng đồng Việt Nam là vai trò đặc biệt của các trụ sở tôn giáo như nhà thờ, chùa. Trong các cộng đồng nhỏ, nhất là ở các nơi không có sự hiện diện của một hội người Việt, thì các trụ sở tôn giáo trở thành các trung tâm cộng đồng, tại đây người Việt trao đổi nhau tất cả các loại thông tin: tang ma, cưới hỏi, hội hè (Trung Thu, Tết, cứu trợ, vv). Sau cùng, nhưng không kém phần quan trọng, phải kể đến vai trò của các trường dạy tiếng Việt cho trẻ con (phần lớn hoạt động trong cuối tuần); đây chính là nơi sử dụng rất nhiều các loại sách đánh vần, tập đọc, sách giáo khoa, sách nhi đồng, cũng như các băng nhạc, video, vv.

Sử Dụng Của Các Cơ Quan

Sử Dụng Của Các Cơ Quan Chính Phủ Và Ngoài Chính Phủ

Các cơ quan chính phủ ở tất cả các cấp — liên bang, tiểu/tỉnh bang, và địa phương— và các cơ quan ngoài chính phủ (Non-Government Organizations—NGOs)— các hội đoàn tôn giáo và từ thiện— không những là những đơn vị tạo ra tài liệu mà họ cũng chính là những đơn vị tiêu thụ các tài liệu. Tất cả đều cần có những thông tin cập nhật và chính xác trong các công tác của họ, từ hoạch định cho đến thực hiện các dự án, chương trình và dịch vụ mà họ cung cấp. Trong nhiều trường hợp, họ phải truy tầm và sử dụng các tài liệu do các hội đoàn người Việt tạo ra. Tại Canada, Liên Hội Người Việt đã nhiều lần được mời thuyết trình trước các

ủy ban của Quốc Hội để cung cấp các thông tin, dữ kiện mà các ủy ban cần có trong công tác của họ. Tại Hoa Kỳ, Trung Tâm Tác Vụ Đông Dương (IRAC = Indochina Resource Action Center; về sau đổi tên thành SEARAC = Southeast Asia Resource Action Center = Trung Tâm Tác Vụ Đông Nam Á) luôn luôn sưu tập các thông tin — phần lớn là về dân số— về người Việt tỵ nan/di dân và cung cấp cho các cơ quan chính phủ khi họ cần đến. Tuy nhiên, các cơ quan chính pủ và các NGOs nên được khuyến khích truy tầm và sử dụng cả các tài liệu không do người Việt tạo ra, lý do là để có cái nhìn đầy đủ hơn về một vấn đề. Kinh nghiệm cho thấy rằng phần lớn các tài liệu của người Việt đều mang nặng cái nhìn cá nhân, yếu kém phần lý luận và phân tích; ngược lại tài liệu không phải do người Việt tạo ra thì mang tính phân tích nhiều hơn (25).

Sử Dụng Trong Nghiên Cứu

Đây là một phần quan trọng trong việc sử dụng tài liệu Việt ngữ trong cộng đồng Việt Nam. Sau 25 năm định cư tại hải ngoại, một thế hệ người Việt trẻ đã trưởng thành, tại Hoa Kỳ cũng như các nơi khác. Họ *"đã vào học tại các trường đại học của Hoa Kỳ với các điểm nhập học cao nhất, họ ghi danh học các ngành học khó nhất, và tốt nghiệp với tỷ lệ cao nhất hơn tất cả các sắc dân khác"* (26). Khá đông các người Việt trẻ nầy tiếp tục học lên bậc cao học và tiến sĩ. Họ tìm kiếm một cách tích cực và sử dụng một cách có chọn lọc các thông tin, tài liệu về cuộc tranh đấu đầy gian khổ của cha anh trong việc hội nhập, sống còn, và vươn lên trong môi trường xa lạ của các nước mà họ đến định cư. Hiện nay, ta thấy xuất hiện ngày càng nhiều những công trình nghiên cứu do các người Việt trẻ tại hải ngoại về các vấn đề như hội nhập văn hóa, cách biệt giữa các thế hệ, khủng hoảng về bản chất, vv. Theo một cuộc nghiên cứu gần đây, do ứng viên tiến sĩ Thái C. Hùng tại Đại Học California ở Berkeley thực hiện, thế hệ trẻ Việt Nam, lớn lên tại Hoa Kỳ, hiện vẫn còn đang học ở cấp đại học hay đã tốt nghiệp và ra đi làm, đang tìm cách quay về cội nguồn Việt Nam của họ, có nhiều bạn người Việt hơn, và tham gia nhiều hơn vào các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam (27). Cô Đỗ Quý Linh Thư, một sinh viên năm thứ hai tại Đại Học Rice, Houston, Texas, Hoa Kỳ, đã kể lại cách cô tìm kiếm tài liệu tiếng Việt như sau : *"Nhờ cái phép lạ của điện thư — e-mail — tôi đã được biết nhiều giai thoại rất hấp dẫn. Một điện thư tôi nhận được nói về một báo cáo xã hội học về Người Mỹ gốc Việt, cho biết là Người Mỹ gốc Việt học rất giỏi bởi vì chúng ta, theo như họ nói, có trí nhớ rất tốt và vì chúng ta có được lợi thế của đại gia đình luôn luôn đề cao tình cảm gia đình và sự giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình"* (28). Và dĩ nhiên, ngoài các tài liệu được ấn hành như trước đây, các nhà nghiên cứu trẻ tuổi nầy còn sử dụng các kỹ thuật thông tin hiện đại nhất, như INTERNET, tạp chí điện tử, các danh sách và nhóm điện thư, vv. Chính các nhà nghiên cứu nầy, vừa là người tiêu thụ thông tin vừa là người tạo ra thông tin, sẽ tạo ra một tầm vóc mới cho khối lượng tài liệu của người Việt hải ngoại.

Kết Luận

Người Việt Nam, với tư cách là một nhóm chủng tộc mới tại Hoa Kỳ, đã đạt được nhiều thành công đáng kể trong mọi lãnh vực của đời sống quốc gia nầy. Trong địa hạt thông tin, người Việt Nam đã tạo ra được một khối lượng tài liệu rất lớn. Một nền văn học hải ngoại đã phát triển rực rỡ trong thập niên 1980 và vẫn còn tiếp tục phát triển cho đến ngày hôm nay. Số lượng nhật báo và tạp chí của người Việt hải ngoại, đặc biệt là trong thập niên 1990, lớn lao ngoài sức tưởng tượng. Khối lượng tài liệu nầy đã được sử dụng một cách rất có hiệu quả bởi các hội đoàn người Việt cũng như các cơ quan chính phủ và ngoài chính phủ. Tuy nhiên, việc tổ chức khối lượng tài liệu nầy, mặc dù đã được khởi sự từ gần hai mươi năm nay, vẫn còn thiếu sót nhiều và khiến cho việc nghiên cứu trong lãnh vực nầy vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn.●

15-04-2000

Chú thích

21. Sơn Tùng, "Những Ý Nghĩ Vụn Về Vấn Đề Báo Biếu," *Tiếng Nói Thủ Đô* 53 (29 Tháng Sáu, 1991).

22. Chử Bá Anh, sđd.

23. Douglas Pike. *Viet Kieu in the United States: Political and Economic Activity.* Lubbock, Tex.: Texas Tech University, Vietnam Center, 1998, tr. 10.

24. — nt — , sđd., tr. 29.

25. Yen Le Espiritu. *Vietnamese in America: An Annotated Bibliography of Materials in Los Angeles and Orange County Libraries.* Los Angeles : UCLA Asian American Studies Center, Resource Development & Publications, 1988, tr. iv.

26. Douglas Pike, sđd., tr. 23.

27. Nguyễn Tử Quý, "Ở Trung Học Tôi Muốn Làm Người Mỹ Trắng, Lên Đại Học Và Khi Đi Làm, Tôi Trở Về

Nguồn Việt," *Thời Báo* 593 (13 Tháng Giêng, 2000): tr. 142-143.

28. Đỗ Quý Linh Thư, "The Vietnamese American Family," *Người Dân* 113 (Tháng Giêng 2000): tr. 27-29.

PHỤ ĐÍNH A

Thư Tịch Chọn Lọc Về Các Thư Tịch

1. Espiritu, Yen Le. *Vietnamese in America : An Annotated Bibliography of Materials in Los Angeles and Orange County Libraries.* Los Angeles : UCLA Asian American Studies Center, Resource Development & Publications, 1988.

2. Halpern, Joel Martin et al. *A Bibliography of Cambodian, Hmong, Lao, and Vietnamese Americans.* Amherst, Mass. : University of Massachusetts, 1992.

3. Hastie, Diane. *Vietnam: Une Bibliographie de Publications Recentes = Vietnam: A Bibliography of Recent Publications.* Quebec City, Quebec : GERAC, Universite Laval, 1992.

4. Hoang, Trang et al. Emergence of the Vietnamese American Communities : *A Bibliography of Works including Selected Annotated Citations*. Los Angeles : UCLA Asian American Studies Center, 1996.

5. Huynh, Dinh Te. *Vietnamese Language Materials Sourcebook.* Folsom, Calif.: Southeast Asia Community Resource Center, 1990.

6. Lewis, Judy. *Selected Resources: People from Cambodia, Laos & Vietnam.* Folsom, Calif.: Southeast Asia Community Resource Center, Folsom Cordova Unified School District, 1993.

7. Marr, David G. and Kristine Alilunas-Rodgers. *Vietnam.* Oxford, England ; Santa Barbara, Calif. : Clio Press, 1992.

8. Nguyen, Dinh Tham. *Studies on Vietnamese language and literature : A Preliminary Bibliography.* ithaca, N.Y. : Southeast Asia Program, Cornell University, 1992.

9. Nguyen, Hung Cuong. *A Bibliography of Overseas Vietnamese Periodicals and Newspapers, 1975-1995 = Muc Luc Bao Chi Viet Nam Hai Ngoai, 1975-1995.* Washington, D.C. : Southeast Asia Resource Action Center, 1997.

10. Pfeifer, Mark. *Bibliography of Vietnamese-Related Research, 1958-1989* (Available online at: http://www.geocities.com/Athens/Stage/8421/).

11. — nt — . *Bibliography of Vietnamese-Related Research, 1990-2000* (Available online at: http://www.geocities.com/Athens/Stage/8421/).

12. Pham, Henry Thuoc V. *A Bibliography of Vietnamese Magazines, Newspapers and Newsletters Published in the United States and Other Countries = Muc Luc Tap Chi, Bao Chi, Thong Tin Xuat Ban O Hoa Ky Va The Gioi.* Aurora, Colo. : Vietnamese-American Cultural Alliance of Colorado, 1988 ?

13. Saskatchewan. Saskatchewan Education. Provincial Library. *Vietnamese Bibliography.* Rev. ed. Regina, Sask. : Provincial Library, 1988.

14. Schafer, John C. *Vietnamese Perspectives on the War in Vietnam : An Annotated Bibliography of Works in English.* New Haven, Conn. : Yale Center for International and Area Studies, 1997.

15. Singleton, Carl. *Vietnam Studies : An Annotated Bibliography.* Lanham, Md. : Scarecrow Press, 1997.

16. Texas Tech University. Vietnam Center. *Vietnam Archive Holdings As Of April 1, 1999.* Lubbock, Tex. : Texas Tech University, Vietnam Center, 1999.

17. United States. Library of Congress. *Vietnamese Holdings in the Library of Congress: A Bibliography.* Washington, D.C. : Library of Congress, 1982.

18. United States. Library of Congress. *Vietnamese Holdings in the Library of Congress : Supplement, 1979-1985.* Washington, D.C. : Library of Congress, 1987.

PHỤ ĐÍNH B

Danh Sách Chọn Lọc Các Websites Việt Nam

Thông Tin Tổng Quát

eViet (The Vietnamese Internet Directory)
http://eviet.com/frame/welcome.html

Saigon.Com
http://www.saigon.com/saigon.html

VietGate http://www.vietgate.net/

Vietnamese Boat People
http://www.boatpeople.com/

VietPage
http://www.vietpage.com/

VietSpace
http://www.kicon.com/

Viet-Net
http://www.vnet.org/

VN-Central (Search Directory for Vietnamese Online)
http://www.vncentral.com/

Cộng Đồng

New Orleans Vietnamese
http://www.nolaviet.com/

Vietnamese Canadian Federation
http://www.vietfederation.ca

Vietnamese Association in Edmonton, Alberta, Canada
http://www.freenet.edmonton.ab.ca/viets/

Vietnamese Association in British Columbia, Canada
http://www.geocities.com/Paris/Arc/7599/

Vietnamese Association of Michigan
http://www.hoinguoivietmi.com/

Vietnamese Community Council in Ottawa
http://www.vietfederation.ca/ottawa/index.htm

Vietnamese Community in Montreal, Quebec, Canada
http://www.vietnam.qc.ca/

Vietnamese Community in Washington, DC Metropolitan Area
http://www.freeviet.org/cdhmv/cdhmv.html

Vietnamese in Northeastern USA
http://www.viet-ne.org/

Hội Đoàn

LEAF-VN (The Library and Education Assistance Foundation for Vietnam) http://www.leaf.org

UCLA Vietnamese Student Union
http://www.studentgroups.ucla.edu/vsu/

Vietnamese Association for Computing, Engineering Technology and Science
http://www.vacets.org/vacets.html

Vietnamese Cultural Society of Metropolitan Washington
http://www.vcsmw.org/

Vietnamese Economics Network
http://www.arts.uwaterloo.ca/Avecon/index.html

Vietnamese National Military Academy Alumni Association
http://www.vobi-vietnam.org/

Vietnamese Mutual Assistance Association
http://hometown.aol.com/vmaatx/vmaa.html

Vietnamese Professionals Society
http://www.vps.org/

Vietnamese Student Associations Worlwide
http://www.geocities.com/CollegePark/2929/

Triển Lãm

Canadian Museum of Civilization
http://www.civilization.ca/membrs/traditio/vietnam/viint00e.html

Documenting the Vietnamese Refugee Experience
http://www.lib.uci.edu/new/seaexhibit/vietnamam.html

Báo Chí

Ngày Nay (Houston, Texas, USA)
http://www.asianmediaguide.com/vietnam/pub/ngay_nay.html

Nguoi Viet Daily News (Westminster, California, USA)
http://nguoi-viet.com/

Thế Kỷ 21 (Garden Grove, California, USA)
http://kicon.com/theky21/

Thời Báo (Toronto, Ontario, Canada)
http://www.thoibao.com/vietfpmw.htm

Về Nguồn
http://www.venguon.org/magazine/bao_intro.htm

Phát Thanh Và Truyền Hình

Đài Tiếng Nói Việt Nam (Montreal, Quebec, Canada)
http://alcor.concordia.ca/Adm_doan/cungvang.htm

Radio Free Asia
http://www.rfa.org/Vietnamese Broadcasting Network
http://www.vbnweb.com/

VietScape
http://www.vietscape.com/

VNCR (Garden Grove, California, USA)
http://kicon.com/VNCR/

Voice of Vietnam Radio
http://www.vovradio.com/

Nghiên Cứu

Cornell University Library
http://www.library.cornell.edu/catalog

George Mason University
http://library.gmu.edu/

Harvard-Yenching Institute
http://www.fas.harvard.edu/Ayenching/index.html

Institute of Vietnamese Studies
http://www.viethoc.org/

Library of Congress
http://lcweb.loc.gov/z3950/gateway.html#other

Southeast Asia Resource Action Center
http://www.searac.org/

Southern Illinois University Morris Library
http://www.lib.siu.edu/

Texas Tech University Vietnam Center
http://www.ttu.edu/Avietnam/vietnam.htm

Vietnamese Studies Internet Resource Center
http://www.geocities.com/Athens/Stage/8421/

UCI Libraries
http://www.lib.uci.edu/

University of Hawaii Libraries
http://www.hawaii.edu/library/

University of Michigan Center for South and Southeast Asian Studies
http://www.umich.edu/Aiinet/csseas/

University of Washington Libraries
http://www.lib.washington.edu/

Yale University Library
http://www.library.yale.edu/

PHỤ ĐÍNH C

Bibliothèque de Montréal*

Collection des livres vietnamiens : inventaire et prêts externes

1999

Bibliothèque	Inventaire			Prêts externes		
	Adultes	Jeunes	Total	Adultes	Jeunes	Total
Mile-End	7 068	226	7 294	56 706	516	57 222
Côte-des- Neiges	3 543	25	3 588	19 770	46	19 816
Plateau Mont-Royal	718	0	718	2 387	5	2 392
Total	11 329	251	11 580	78 863	567	79 430

Van Be Lam*
Bibliothécaire Responsable
Bibliothèque Mile-End
Chargé du développement des collections des langues d'origine
Bibliothèque de Montréal

ĐƠN VỊ, TRỌNG LƯỢNG VÀ KIM LOẠI CỦA TIỀN ĐỒNG, TIỀN KẼM VIỆT NAM

LỤC ĐỨC THUẬN

(Tiếp theo)

Tiền tệ vào thời Nam triều - Bắc triều

Tháng sáu năm 1527, Mạc Đăng Dung buộc vua Lê Cung Hoàng phải nhường ngôi và ép các quan triều Lê soạn chiếu tôn họ Mạc lên làm vua, lấy niên hiệu là Minh Đức. Vài tháng sau, họ Mạc giết vua Lê Cung Hoàng. Nhà Lê tuy đã mất ngôi vua, nhưng lòng dân vẫn còn nhớ đến công lao của vua Lê Lợi đuổi giặc Minh. Bởi thế vào năm 1532, An Thành Hầu Nguyễn Kim tôn Lê Trang Tông, tức con vua Lê Chiêu Tông lên làm vua, lấy niên hiệu là Nguyên Hòa. Vua tiến quân chiếm lấy Thanh Hoá, Nghệ An, lập một triều đình riêng ở phía Nam, đánh nhau với triều đình họ Mạc ở phương Bắc mấy chục năm trời. Đó là thời Nam triều - Bắc triều.

Họ Nguyễn và họ Trịnh phò vua Lê chiếm cứ các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh, gọi là đất Đông Đô. Còn họ Mạc đóng đô ở Thăng Long, bốn trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Hải Dương và Kinh Bắc quanh kinh đô, gọi là đất Tây Đô, cùng vùng cao nguyên của Bắc Hà. Hai bên giao chiến dai dẳng cả vài chục năm trời. Mãi đến năm Nhâm Thìn, tức 1592 sau Công nguyên, Trịnh Tùng tấn công quy mô, chiếm được Thăng Long và bắt giết Mạc Mậu Hợp, Mạc Kính Chỉ, chấm dứt ngôi vua của họ Mạc.

Tiền tệ vào thời Mạc đã có một sự đổi mới về thành phần hợp kim dùng đúc tiền. Năm thứ hai của niên hiệu Minh Đức, Đăng Dung cho đúc tiền đồng nhưng đa số không thành, nên về sau cho pha sắt, pha kẽm đúc loại tiền gián để tiêu dùng trong nước. Không hiểu vì phân lượng sắt trong hợp kim của nhà Mạc quá ít, hoặc vì những đồng tiền Minh Đức pha sắt đó dễ bị hoen rỉ, hủy hoại theo thời gian mà không còn tồn tại nữa, trong khi chỉ những đồng tiền đồng Minh Đức thông bảo lưng trơn của nhà Mạc ngày nay còn lưu lại do chất đồng khó bị sét rỉ hơn sắt, mà ngày nay chúng tôi chỉ tìm thấy hiện vật tiền đồng Minh Đức. Theo thiển ý, nhà Mạc trong thời gian đầu, có thể không đúc tiền đồng thành công nên phải pha sắt, nhưng cho rằng nhà Mạc hoàn toàn không thể đúc tiền đồng mà chỉ đúc tiền sắt thì lập luận này có hơi vô lý. Bằng chứng ngày nay chúng tôi vẫn có thể tìm được tiền đồng của nhà Mạc như Minh Đức, Thái Bình, An Pháp. Có thể vì nhà Mạc làm điều soán nghịch, cướp ngôi nhà Lê, mà sử thần dựa vào những lần thất bại đầu tiên trong việc đúc tiền đồng mà ghi những điều như "bấy giờ Đăng Dung muốn đổi làm chính lệnh mới, bèn sai đúc tiền thông bảo theo kiểu cách đồng tiền cũ, nhưng phần nhiều không thành, sau lại đúc các loại tiền gián pha kẽm và sắt ban hành các xứ trong nước để thông dụng" để cho thấy hoàng thiên không trợ giúp kẻ tiếm ngôi, khiến đúc tiền đồng làm chính lệnh không thành?

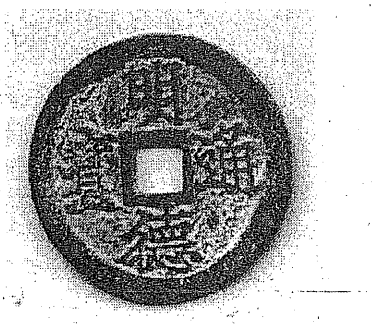

Tiền đồng Minh Đức thông bảo, lưng trơn

Tiền tệ vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh

Họ Nguyễn và họ Trịnh trợ giúp vua Lê, đánh đuổi nhà Mạc về vùng Cao Bằng, tái lập triều đại nhà Lê, thường gọi là nhà Lê Trung Hưng. Nhưng họ Trịnh chuyên quyền, lấn áp nhà vua, khiến họ Nguyễn đang trấn thủ đất Thuận Quảng không phục mà xưng độc lập. Từ đó Nam Bắc phân biệt, thành hai xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài. Vào thế kỷ này, các thương nhân và giáo sĩ Tây Phương đã khởi sự dọ dẫm vào truyền đạo hoặc mua bán ở xứ Đại Việt. Tiền tệ, theo sự phát triển của ngoại thương, trở nên khởi sắc hơn, nhất là từ năm 1600, Nguyễn Hoàng trở về đất Thuận Quảng lần thứ hai, dựng cảng Hội An, quyết tâm xây dựng xứ Đàng Trong thành nơi cát cứ.

Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong vào năm 1624 và ra Đàng Ngoài vào những năm 1627 đến 1630, ông đã nói đến hai loại tiền lớn nhỏ được tiêu dùng trong xứ vào thời đó. Loại tiền lớn được thông dụng khắp hai xứ, phần lớn được mang vào đất Việt từ Nhật bản hoặc bởi khách thương Trung Quốc. Loại tiền nhỏ chỉ lưu hành tại kinh thành và bốn trấn chung quanh mà thôi, chứ không dùng ở các trấn khác hoặc ở xứ Đàng Trong. De Rhodes cho rằng có thể loại tiền nhỏ đã được đưa vào bốn trấn, từ khi những trấn này được tách rời vào ngày trước. Nhận xét này khá phù hợp với tình trạng phân biệt hai vùng trong thời Nam triều - Bắc triều, với Thăng Long và bốn trấn quanh kinh thành thuộc về nhà Mạc. Có thể giáo sĩ De Rhodes bàn đến những đồng tiền gián được đúc và tiêu dùng trên phần đất của họ Mạc đã nói trên, mà số lượng đúc chắc giới hạn so với số lượng tiền đồng lớn nhập cảng từ bên ngoài vài chục năm sau. Vì thế, dù nhà Lê đã tiến chiếm Thăng Long từ năm 1592, nhưng tiền gián vẫn không thông dụng vượt ngoài bốn trấn giới hạn quanh đất kinh kỳ.

Giáo sĩ Alexandre de Rhodes, đã bàn thêm về tiền đồng: *Các tiền đồng lớn nhỏ đều được đánh bóng, có hình tròn và bốn chữ đúc ở một mặt và có một lỗ ở giữa để có thể xỏ qua được. Tiền đồng thường được xâu thành dây, mỗi dây có 600 đồng, giữa 60 đồng thì có đặt dấu chia riêng nhau ra. Như vậy dân chúng không dùng túi để đựng tiền, mà khoác xâu tiền trên vai. Giá trị của những tiền đồng này thường thay đổi theo nhu cầu của thị trường. Đôi lúc 1100 đồng tiền lớn ngang với giá tương đương của 1 đồng ecu vàng [khoảng 3.315 gram vàng ròng], cũng có lúc ba tiền đồng lớn ngang giá với năm tiền đồng nhỏ, hoặc cao hơn nếu tiền đồng lớn khan hiếm (những lúc tàu buôn ngoại quốc chưa mang tiền đồng qua kịp).*

Giá trị so sánh giữa hai thứ tiền đồng lớn nhỏ vào thời này cũng được Lê Qúy Đôn giải thích rất chi tiết: *Ở nước Nam ta, 36 đồng gọi là một sử tiền, 60 đồng làm một mạch, gọi là cổ tiền. Cứ 10 tiền sử tiền lại là 6 tiền cổ tiền là một quan sử tiền. Còn 10 tiền cổ tiền lại là 1 quan 6 tiền 24 đồng sử tiền, cũng là một quan cổ tiền. Lúc bấy giờ công tư đều thông dụng. Ban thưởng cấp phát thì lấy sử tiền mà tính. Còn trưng thu nộp thuế thì lấy cổ tiền mà tính. Đời gần đây thì dùng toàn cổ tiền. Còn sử tiền thì việc mua bán trong dân gian còn dùng.*

Tiền đồng lớn là tiền quý, tức cổ tiền. Tiền đồng nhỏ là tiền gián, tức sử tiền.

- 1 quan cổ tiền = 10 tiền cổ tiền = 600 đồng [1 tiền cổ tiền = 60 đồng]
- 1 quan sử tiền = 10 tiền sử tiền = 360 đồng [1 tiền sử tiền = 36 đồng]

hay = 6 tiền cổ tiền [6 x 60 = 360 đồng]

- như thế sự khác biệt giữa 1 quan cổ tiền và 1 quan sử tiền là 240 đồng [600 - 360 = 240]
- hoặc nói cách khác 1 quan cổ tiền = 1 quan 6 tiền 24 đồng sử tiền (1 x 600) = (1x360) + (6x36) + (24x1) 600 đồng 600 đồng

Theo luật cung cầu, hối xuất giữa hai loại tiền nêu trên thỉnh thoảng có thể thay đổi đôi chút. Vào thời này, sử Việt không chú trọng về kinh tế tiền tệ nên không bàn đến nhiều. Chỉ có Lê Qúy Đôn và Phan Huy Chú là hai tác giả để lại cho chúng ta một số tài liệu về kinh tế tiền tệ mà thôi. Tuy nhiên, nhờ vào hồi ký của các giáo sĩ và thương nhân ngoại quốc đến Đại Việt buôn bán và truyền đạo đã bổ túc những chi tiết quý giá cho đời sau này.

Dựa vào dữ liệu của giáo sĩ De Rhodes và Lê Qúy Đôn kể trên, chúng tôi đã kiểm chứng và đều thu được kết quả giống nhau. Theo De Rhodes "3 tiền đồng lớn ăn 5 tiền đồng nhỏ," như vậy tỷ lệ tiền đồng nhỏ với tiền đồng lớn là 3/5 = 0.6. Và theo Lê Qúy Đôn "1 quan cổ tiền bằng 600 đồng và 1 quan sử tiền bằng 360 đồng," tương tự tỷ lệ cũng sẽ là 360 / 600 = 0.6.

Nếu không kể đến tiền giấy Bảo Sao của Hồ Quý Ly, tờ vẽ hình con rồng ăn ngang một quan chẳng hạn, chúng tôi có thể nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử tiền tệ của Việt

Nam nhắc đến đồng tiền có đơn vị lớn, tức một đồng tiền ăn ngang nhiều đồng tiền loại khác. Sử tiền có giá trị ngang nhiều đồng gián tiền, cũng như tiền đồng lớn ăn ngang nhiều tiền đồng nhỏ. Vấn đề tỷ giá của hai loại tiền đồng lúc này, vẫn còn đơn giản. Đến khi tiền kẽm xuất hiện, tỷ giá giữa tiền kẽm với tiền đồng lớn, tiền đồng nhỏ đã khiến vấn đề trở nên phức tạp hơn. Đấy là chưa nói đến tỷ giá của tiền ngoại thương bắt đầu du nhập vào thời này.

Sau nữa, chúng tôi cũng không quên William Dampier, một thương gia người Anh, đã đến Đàng Ngoài vào năm 1688, cũng nói về tiền tệ của thời này: *Đồng là đơn vị nhỏ nhất của tiền đồng, và đây là thứ tiền duy nhất người dân tiêu dùng, nếu không được đúc trong xứ thì cũng từ Trung Quốc chở đến. Giá trị của đồng tiền lên xuống tùy theo mức cung cầu và theo số lượng hiện có trên thị trường lúc đó, hoặc tùy vào các bà hành nghề đổi chác tiền [ông cho biết phần lớn những người làm nghề đổi tiền là phái nữ]. Và 1000 tiền đồng trị giá tương đương khoảng 1 Dollar [đồng bảng của Anh = pound]*

Và cuối cùng Jérome Richard, giáo sĩ người Pháp viết về Đại Việt vào thế kỷ 18 thuật lại, khi ông ta đến Đàng Ngoài vào năm 1726: *Họ không có thứ tiền nào khác, ngoài tiền bằng đồng tròn, không có in hình, nhưng có bốn chữ liên hệ đến tên của nhà vua. Tiền có lỗ vuông ở giữa để có thể xâu chung lại được. Cứ 60 đồng là 1 mạch, 10 mạch là 1 quan, có trị giá tương đương khoảng nửa đồng crown [đồng 1/2 crown của Anh nặng 15.05 gram bạc] của chúng ta. Một quan nặng vào khoảng 4 đến 5 pound, cho nên một số lượng tiền lớn sẽ gây nhiều trở ngại khi di chuyển. Đồng tiền đúc không tinh xảo và bị mất giá trị nếu chữ bị mòn, điều nầy khiến thương nhân bị thiệt hại, Ngoài ra đồng tiền không có một trị giá nhất định, nó tăng hay giảm tùy theo ý của triều đình. Tiền được mang đến từ Trung Quốc, cũng được dùng như tiền trong nước.*

Trong một xứ, trị giá giữa hai thứ tiền sử và tiền gián đã khác biệt nhau, thử hỏi tiền đồng của Đàng Trong và Đàng Ngoài vào thời buổi này có khác nhau về giá trị hay chăng? Đọc sử, qua những chi tiết cho biết về cuộc sống xa hoa của quân dân xứ Đàng Trong, lụa là xa xỉ, đồ dùng bịt vàng bịt bạc, binh sĩ ngồi ghế nệm mây, so sánh với quân dân xứ Đàng Ngoài mà viên Cai Đội của chúa Nguyễn Phúc Thuần nhận xét "thống tướng thì mặc áo bào vải xanh, quân sĩ thì áo quần tệ lậu," chúng tôi cũng thấy một phần nào về sự thịnh vượng kinh tế và trị giá tiền tệ của hai xứ. Lúc đó, một quan của Đàng Trong có trị giá cao hơn một quan của Đàng Ngoài. Vào hậu bán thế kỷ 17, một tạ gạo mua ở Đàng Trong với giá 6 quan, nhưng dân Đàng Ngoài phải trả đến 15 quan.

Đặc biệt hơn hết là đến đời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1706), và vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740), chúng tôi thấy xuất hiện loại tiền Thông Bảo to, bằng đồng tốt, có đường kính từ 34 tới 51 mm. Đồng tiền to không có ghi tỷ giá của nó so với tiền đồng nhỏ, và sử liệu cũng không giúp ích hơn nhiều. Cho đến nay, chúng tôi chỉ phỏng đoán theo lẽ thường là một tiền đồng to có thể ăn ngang nhiều tiền đồng nhỏ, nhờ dựa trên tỷ lệ giữa trọng lượng của chúng. Những

Lưng tiền	Đường Kính	Trọng lượng	Tỷ lệ
Trơn	38.5 mm	13.10 gram	1:4
Trơn	47	19.02	1:6
chữ Tân Dậu	45	25.37	1:8
chữ Qúy Hợi	48.9	33.02	1:10
chữ Nhâm Tuất	40.8	23.7	1:7
Nhâm Tuất thông bảo	43	26.12	1:8
Nhâm Tuất thông bảo	53	40.31	1:13
chữ Đinh Mão	34.7	8.65	1:3
chữ Canh Ngọ	41	21.95	1:7
chữ Bình Nam	41.2	22.15	1:7
Cảnh Hưng Bình Nam	33.8	14.22	1:4
Cảnh Hưng Khai Quốc	46	31.53	1:10
Hình rồng	40.5	23.47	1:7
Hình rồng	42.5	28.73	1:9
Hình rồng	47	42.33	1:13
Rồng và trái châu	47	45.64	1:14
Rồng và trái châu	47.7	35.97	1:11
chữ Nhất Lạng	42	34.93	1:11

tiền đồng nhỏ Cảnh Hưng thông bảo, hay vĩnh bảo, cự bảo trung bình thường nặng trong khoảng từ 2.7 gram tới 3.7 gram, lấy trung bình là 3.2 gram. Sau đây là bảng tỷ lệ trọng lượng giữa một số tiền đồng Cảnh Hưng loại lớn so với trọng lượng trung bình 3.2 gram của tiền Cảnh Hưng loại nhỏ.

Tiền tệ của nước Đại Việt vào hai thế kỷ 17 và 18 đã trải qua một giai đoạn khá phức tạp. Ngoại thương phát triển mạnh, tiền đồng chen chân với những đồng bạc ngoại thương của nước ngoài, thoi vàng, bạc đỉnh, tiền Trường Kỳ của Nhật Bản, rồi sau cùng tiền kẽm được chính thức lưu hành rộng rãi để gây ra những khủng hoảng và nội loạn sau này. Trong khuôn khổ của đề tài, từ thế kỷ 17 này cho đến những đồng trinh của Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nền quân chủ phong kiến của Việt Nam, chúng tôi xin chỉ nói đến tiền đồng và tiền kẽm, và giới hạn tiền vàng, tiền bạc cho một dịp khác.

châu Thuận Quảng, Đoan Quận Công của nhà Trịnh đã cho thi hành những chính sách chiêu an tạm bợ để tình trạng kinh tế của Đàng Trong chỉ khá hơn đôi chút. Tướng Trịnh vẫn cho tiền kẽm thông dụng và định giá 3 tiền kẽm ăn 1 tiền đồng của xứ Đàng Ngoài, để cho hai thứ tiền được thông dụng giữa hai xứ, vì từ khi chúa Nguyễn cho phép dân đúc tiền kẽm, Đàng Trong đã không còn nhiều tiền đồng nữa. Lúc này tiền còn quá ít, ngay cả sau khi chúa Trịnh cho lệnh tịch thu súng đồng của Thuận Hóa mà đúc tiền Cảnh Hưng Thuận Bảo để thông dụng. Một đồng tiền mới này ăn hai đồng tiền cũ. Nhưng tiền mới không có nhiều và tiền cũ lại còn quá ít nên dân Đàng Trong phải tiêu bạc như tiền. Đàn bà, trẻ con đi mua bán vật nhỏ gì phải mang theo cân tiểu ly, để cân từng phân, từng hào. Nội loạn ở xứ Nam Hà đã gây nhiều bất ổn, dân chúng xiêu giạt hoặc chết đói, nhân sự chỉ còn được mấy phần, ruộng vườn không ai canh tác. Con tạo

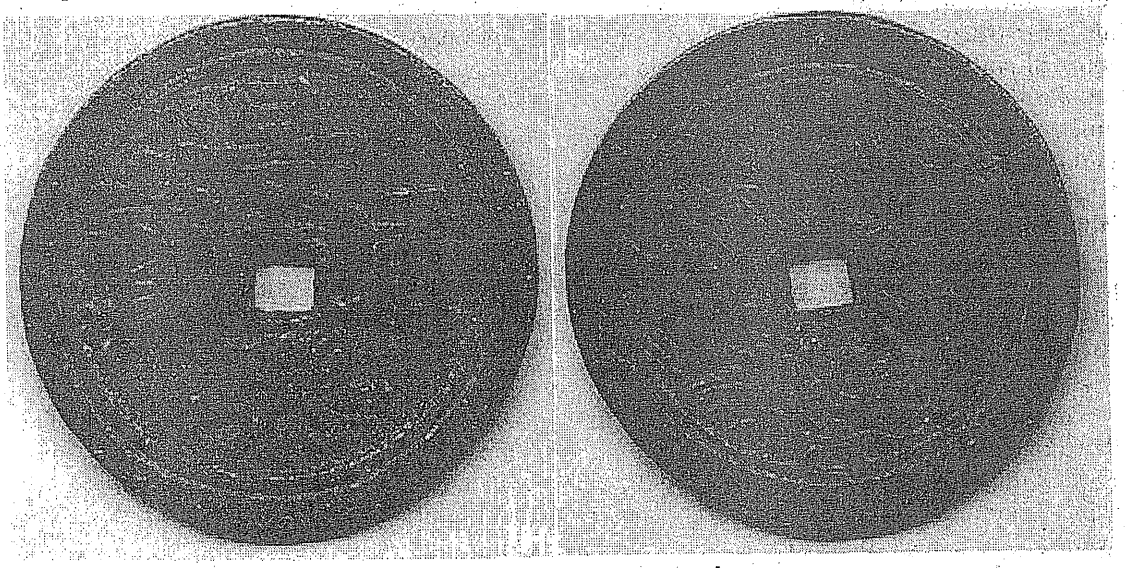

Tiền đồng lớn Cảnh Hưng thông bảo

Xứ Đàng Trong không có mỏ đồng, chúa Nguyễn phải nhờ đến số lượng tiền đồng đưa vào hằng năm từ Trường Kỳ của Nhật Bản, Trung Hoa và ngay cả Batavia. Đó là thứ tiền đồng to mà Alexandre de Rhodes và Lê qúy Đôn nói đến ở trên. Trong khi đó, cuộc sống của Đàng Ngoài cũng trải qua những khó khăn, do hậu quả của cuộc nội chiến tương tàn giữa hai chúa Trịnh Nguyễn. Đàng Ngoài cố gắng khắc phục nhưng rồi cũng phải dùng đến tiền kẽm và tệ nạn đúc trộm tiền cũng xẩy ra ở nhiều nơi. Đến thời Cảnh Hưng, nhân dịp loạn Tây Sơn mà chúa Trịnh chiếm được hai cũng không chiều lòng người, Bắc Hà cũng bị hạn hán, xong lại đến lụt lội, vỡ đê, dân chúng cũng đói kém như trong Nam.

Tiền kẽm thời Trịnh Nguyễn

Ngay từ năm 1323 thuộc niên hiệu Đại Khánh, vua Trần Minh Tông đã cho đúc tiền kẽm, nhưng chỉ một năm sau lại truyền dụ cấm dùng tiền kẽm vừa đúc. Hai trăm năm sau, khi Mạc Đăng Dung soán ngôi của nhà Lê vào năm thứ hai của niên hiệu Minh Đức, họ Mạc muốn đúc tiền Thông Bảo để chính thức thay đổi nhà Lê, nhưng việc đúc tiền đồng

không thành, sau đó phải đúc thứ tiền gián pha kẽm, pha sắt. Nhà Mạc không được hưởng phúc lâu dài, chỉ năm năm sau, năm 1532, Nguyễn Kim phù trợ vua Lê Trang Tông mưu khôi phục nhà Lê. Chiến tranh giữa họ Mạc và nhà Lê, rồi tiếp đến cuộc chiến phân tranh giữa Trịnh Nguyễn, kéo dài liên miên trên xứ Đại Việt gần 140 năm. Nhìn lại lịch sử tiền tệ của Đại Việt trong hơn 100 năm này, chúng ta thấy từ khi Mạc Đăng Dung làm điều soán nghịch, cho đến đời vua Lê Thần Tông, chỉ có vài niên hiệu tiền được đúc để tiêu dùng. Họ Mạc có tiền Minh Đức, Đại Chính, Quảng Hoà, Vĩnh Định được tiêu dùng giới hạn trên lãnh thổ nhà Mạc. Nhà Lê Trung Hưng, từ vua Lê Trang Tông đến vua Lê Thần Tông, tám đời vua, cũng chỉ đúc có tiền Nguyên Hoà, Gia Thái và Vĩnh Thọ.

Tiền kẽm được nhắc trở lại vào năm 1653, trong niên hiệu Thịnh Đức của vua Lê Thần Tông, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi "cấm dùng tiền kẽm." Tiền kẽm này do ai đúc, tự đời nào? Chắc hẳn Ngô sĩ Liên muốn ám chỉ thứ tiền gián của họ Mạc, hay cũng có thể tiền do dân đúc trộm khi số lượng tiền lưu hành quá ít. Vua Lê Thần Tông cấm tiền kẽm nhưng cũng chỉ đúc được tiền đồng Vĩnh Thọ. Vua Lê Huyền Tông kế vị ngôi cha , cũng có lệnh "cấm tiền kẽm, bắt dân phải đổi 1 quan tiền kẽm để lấy 1 tiền tiền đồng." Nhưng rồi trận chiến giữa Nam Bắc xẩy ra 7 lần, kéo dài 45 năm làm ngân quỹ hao hụt, đến đời vua Lê Hi Tông (1676), Đàng Ngoài phải chính thức đúc tiền kẽm Vĩnh Trị.

Trong xứ Nam Hà, đến năm 1715, vì Mạc Phủ Tokugawa ở Nhật ra cấm lệnh không cho xuất cảng đồng, nên nguồn tiếp liệu bị cắt hẳn. Chẳng hiểu chúa Nguyễn Phúc Chu thấy trước nguy cơ của tiền kẽm hay không, mà năm 1724 chúa nghe theo lời của Nguyễn Đăng Đệ ra lệnh cấm các thứ tiền tạp như gang, thiếc, chì, sắt. Nhưng vì việc đúc tiền đồng thay thế cho thứ tiền tạp chất lại hao hụt quá nhiều, tốn nhiều công của, không thành công cho lắm nên chúa Nguyễn Phúc Khoát đành nghe lời người Thanh họ Hoàng cho đúc tiền kẽm chính thức.

Để tìm hiểu về lợi tức giữa việc đúc tiền kẽm hoặc tiền đồng, chúng ta có thể dựa vào những dữ liệu của Lê Qúy Đôn "100 cân đồng đỏ trị giá 45 quan tiền đồng" và "100 cân kẽm giá trị 8 quan tiền, ngoại trừ các phí tổn về nhân công và ăn uống, người ta còn được số tiền là 20 quan." Ông không cung cấp số lượng bao nhiêu tiền đồng đúc được từ 100 cân đồng. Tuy nhiên, dựa trên số tiền mua nguyên liệu, chúng ta thấy chúa Nguyễn có lợi 37 quan, nếu đúc tiền kẽm cho mỗi 100 cân.

Pierre Poivre, thương nhân Pháp đến Đàng Trong vào khoảng 1750, cũng nói về việc đúc tiền kẽm của chúa Nguyễn lúc này "chúa mua toutenague (kẽm trắng) 14 quan 1 picul (120 kati) và đúc được 48 tới 50 quan." Nhưng theo Anthony Reid, 1 picul chỉ có 100 kati, và 1 picul cân nặng 60.4 kí, là trọng lượng mà một người đàn ông có thể xách bằng hai tay.

Nếu dựa vào dữ liệu trên để tính trọng lượng của một tiền kẽm, chúng tôi thấy có sự khác biệt giữa Poivre và Reid về số lượng kati của 1 picul như sau.

- theo Reid, 1 picul có 100 kati:

1 tiền kẽm sẽ nặng 60400 gram / (49 quan x 600) = 2.05 gram

- theo Poivre, 1 picul có 120 kati :

1 tiền kẽm sẽ nặng 72480 gram / (49 quan x 600) = 2.44 gram.

Nhưng theo hiện vật tìm thấy, trọng lượng của tiền kẽm Thiên Minh trong bộ sưu tập của Thierry là 1.91 gram. Trọng lượng này gần với cách tính toán của Reid hơn, do đó đơn vị 1 picul = 120 kati của Poivre có điểm không chính xác.

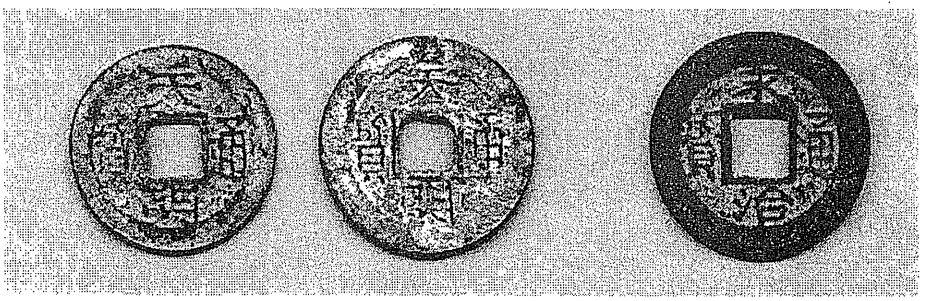

Thiên Minh thông bảo (Đàng Trong) 1.4 gram 2 gram

Vĩnh Trị thông bảo (Đàng Ngoài) 2.4 gram

Thứ kim loại dùng đúc tiền kẽm thời Trịnh Nguyễn mà Lê Qúy Đôn gọi là "ô diên" và người Tây Phương thường gọi là toutenague đã gây nhiều lẫn lộn khi tìm hiểu về tiền kẽm. Theo Li Tana, ba thứ kim khí hay hợp kim đã liên hệ đến vấn đề này. Đầu tiên là "chì" một món hàng mà thương thuyền Tây Phương thường cung cấp cho vùng Sumatra vào đầu thế kỷ 17. Kế đến là "bạch đồng" [white copper] xuất cảng từ Trung Quốc, là một hợp kim đồng và kền. Sau cùng là "ô diên," Li Tana dịch là kẽm tạp chất. Lacroix Désiré dẫn từ *Agenda du chimiste* của Ad Wurtz cho thấy thứ kẽm tạp này chứa 55% đồng, 23 % kền, 17 % kẽm, 3% sắt và 2% thiếc.

Mục đích của việc đúc tiền kẽm là tạo ra đồng tiền thay thế cho tiền của những đời trước bằng kim loại đồng khan hiếm. Lúc đầu một đồng tiền kẽm thay thế cho một đồng tiền đồng. Về sau, vì ham lợi, dân đúc tiền kẽm không đủ phẩm chất, nên tiền kẽm dần dần mất giá. Ba đồng kẽm mới ăn được một đồng tiền đồng, mà có người vẫn chê. Nạn khủng hoảng tiền kẽm đã dẫn đến nội loạn, chúa Trịnh thừa cơ nhà Tây Sơn nổi lên mà tiến chiếm Thuận Quảng. Theo Lê Qúy Đôn, vì Đàng Trong có nhiều tiền kẽm hơn tiền đồng, nên tướng Trịnh trấn an dân chúng bằng lệnh cho 1 tiền đồng của hai xứ ăn 3 tiền kẽm như cũ. Tuy nhiên, vùng Quảng Nam không có tiền đồng, chỉ xài tiền kẽm cho nên tiền kẽm và đồng đều có giá trị ngang nhau. Do đó các thương nhân thường đến Quảng Nam mua hàng trả tiền kẽm, chở sang xứ khác bán nhưng chỉ nhận tiền kẽm để lời gấp ba, rồi lại mang tiền kẽm về xứ Quảng mua hàng. Nhưng chỉ được vài năm rồi xứ Đàng Trong của chúa Nguyễn, đến cả vương quốc của triều nhà Lê cũng mất vào tay anh em Nguyễn Huệ.

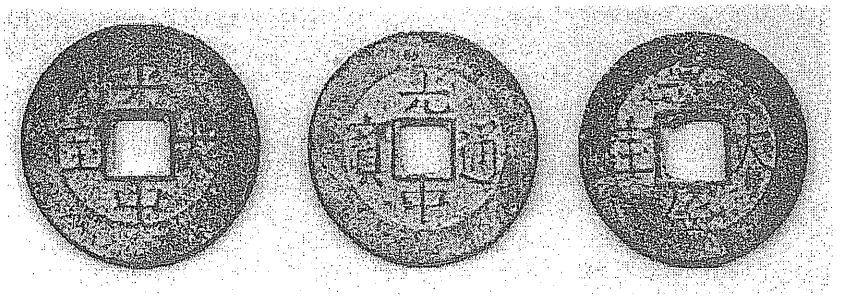

Quang Trung đại bảo, Quang Trung thông bảo, Cảnh Thịnh đại bảo

Tiền tệ thời Tây Sơn

Năm 1777, Nhà Tây Sơn bắt được chúa Nguyễn Phúc Thuần và chấm dứt cơ đồ của chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong. Vào thời này, Nguyễn Nhạc đã xưng đế và đúc tiền Thái Đức cho lưu hành trong phạm vi chiếm đóng từ đất Hà Tiên lên đến địa giới của vua Lê Chiêu Thống. Việt Nam chia thành hai nước và có hai loại tiền thông bảo khác nhau, Thái Đức thông bảo và Chiêu Thống thông bảo. Sau khi Nguyễn Huệ xưng Quang Trung Hoàng đế, đánh đuổi giặc Thanh và chấm dứt nhà Lê, vua Quang Trung cho đúc tiền Quang Trung, lưu hành song song với tiền Thái Đức. Quang Trung làm vua được năm năm thì mất, con là Cảnh Thịnh lên nối ngôi, cho đúc tiền Cảnh Thịnh, tiền Bảo Hưng và cuối cùng cơ nghiệp lại mất trở lại vào tay nhà Nguyễn. Vào triều vua Cảnh Thịnh, vài kiểu mẫu tiền đồng hạng lớn như tiền Cảnh Hưng nói ở trên được đúc, nhưng cũng không có sử liệu nào ghi chép giữa tiền nhỏ và tiền lớn ra sao.

Nhà Tây Sơn chỉ đúc tiền đồng, thứ tiền nhà Nguyễn sau này gọi là "tiền nguy." Các vua nhà Nguyễn đã giới hạn việc thông dụng rồi ngăn cấm và phá hủy tiền Tây Sơn để xóa bỏ tàn tích của một triều đại đã từng tiêu diệt cơ nghiệp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Vua Gia Long đã cho dân chúng tiêu dùng tiền Tây Sơn nhưng ra hạn cuối là năm Nhâm Ngọ (1821) thì phải chấm dứt. Vua Minh Mạng bắt dân chúng đổi hai đồng tiền đồng Tây Sơn lấy một đồng tiền kẽm Gia Long hay Minh Mạng, ban lệnh cấm lưu hành và cho thu hồi tất cả tiền Tây Sơn, nấu chảy mà đúc tiền Minh Mạng. Kẻ vi phạm lệnh bị trừng phạt nặng nề. Sử liệu cũng ghi chép nhiều lần về nhà Nguyễn tiêu hủy tiền Tây Sơn để đúc tiền mới. Tuy nhiên, ngày nay tiền Tây Sơn vẫn không phải là tiền cổ khó kiếm. Có lẽ dân chúng thời ấy còn chút lòng thành kính với một triều đại oai hùng của vua Quang Trung, đánh Nam dẹp Bắc mà cất dấu tiền cổ của Tây Sơn chăng?

(Còn tiếp)

HOÀNG THỌ

Truyện
LÂM CHƯƠNG

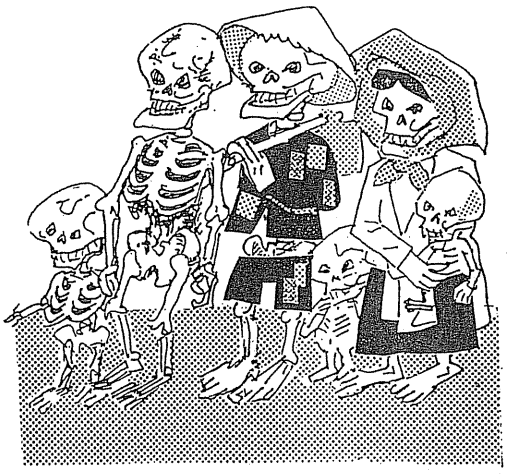

Những năm loạn lạc, các phe phái nổi lên như loài thảo khấu. Tất cả đều lấy danh nghĩa chống Pháp, giành độc lập cho nước nhà. Họ chống Pháp, nhưng đồng thời cũng chống nhau. Thời đốn mạt, phe nào cũng tự cho mình là chính nghĩa. Đến thằng ăn cướp giết người, cũng lấy tiếng vì dân làm cách mạng. Kẻ chân lấm tay bùn chẳng biết tin ai. Chân lý có một, mà nghĩa lý thì rối bung. Bọn có học bảo sách vở thánh hiền là khuôn vàng thước ngọc, rồi tự giải thích theo ý riêng của mình. Miệng lưỡi của bọn mọt sách thật đáng sợ. Nói xuôi cũng được, nói ngược cũng hay. Trong cái đầu ti tiện của bọn này, chất xám chứa đầy những tế bào vị kỷ, lọc lừa, phản trắc. Những lời khoác lác không thấy gươm đao, nhưng lọt vào lỗ tai có sức tác hại rộng lớn. Đám vô lại thì chữ nghĩa mù mờ, còn biết tranh biện làm sao? Với chút máu du côn cộng thêm tính khí liều mạng, họ muốn làm anh hùng ra tay nghĩa hiệp trừ gian diệt bạo. Họ càng làm nghĩa hiệp thì xã hội càng bất an. Họ thường qua lại trên chốn giang hồ, lấy câu "tứ hải giai huynh đệ" kết bè lập đảng, tự cho mình là tay hảo hán. Họ chứng tỏ lẽ phải bằng con dao cái búa, chủ trương giải quyết bất công xã hội bằng hành động. Dân đen có chút tiền của, ngày đêm nơm nớp lo sợ. Biết đâu là kẻ cướp. Biết đâu là cách mạng. Hôm qua là tên lưu manh giết người giựt của. Hôm nay, bỗng thay hình đổi dạng thành người cách mạng. Vàng thau lẫn lộn, là câu nói văn hoa vô nghĩa. Thời đốn mạt làm gì có vàng? Chỉ có đồng chì thau thiếc, mà những thứ này lại nằm trong hầm phân hố xí. Cái môi trường ghê tởm, vấy bẩn tất cả.

Việt Minh nổi lên, thu phục những tên côn đồ dao búa làm tay chân, trong đó có Hoàng Thọ. Thủ đoạn của Việt Minh là tuyên truyền mị dân, khủng bố, thủ tiêu. Giết người thủ

tiêu là ngón nghề của Thọ. Thọ là tay anh chị ở Hải Phòng trôi giạt vô Nam. Mặt mày bặm trợn như Trương Phi. Mắt xếch, cằm bạnh, râu rậm tới mang tai. Thân hình vạm vỡ, cánh tay săn chắc, ngực vồng lên, ức mọc một chòm lông. Thọ xuất thân từ gia đình nghèo. Thuở thiếu thời, có lúc phải nương vào cửa Phật kiếm ăn. Sư chùa thương thằng bé siêng năng lanh lợi, truyền cho võ nghệ với mục đích mai sau giúp đời. Năm mười bảy tuổi, Thọ cởi trần gánh nước, sư nhìn thấy lún phún chòm lông giữa ngực. Sư quay đi không nói gì. Từ đó, sư không truyền võ nữa, thuần dạy gỏ mõ tụng kinh. Thọ chán, khăn gói ra đi. Sư chép miệng, *"râu rìa lông ngực là tôi phản thần."*

Thọ vào đời, xông xáo múa võ kiếm ăn. Trên chốn giang hồ, Thọ khét tiếng ra tay tàn độc. Một lần đối địch với gã anh chị tên Luân Mặt Ngựa, thủ lãnh đầu gấu bến tàu Hải Phòng. Thọ hạ đo ván, và bẻ lọi cả tay chân địch thủ. Luân Mặt Ngựa nằm co quắp, cắn răng nén đau, giương mắt nhìn trừng trừng vào mặt Thọ. Thọ đứng quan sát một hồi, bỗng nói: "Địt mẹ! Dứt điểm luôn, không cho mày có cơ hội phục thù." Nói xong, Thọ bước đến, vươn hai ngón tay trỏ và giữa, thọc sâu vào hai hố mắt của Luân Mặt Ngựa. Hai tròng mắt lòi ra, Thọ tóm tròng mắt ném xuống đất, lấy chân dày xéo lên, nát bấy. Rồi Thọ đứng dạng chân, lôi dương vật ra đái vào mặt Luân Mặt Ngựa, trước sự chứng kiến của đám đàn em Luân Mặt Ngựa. Không thằng nào dám cử động nói năng. Gã thủ lãnh đầu gấu bến tàu nằm quằn quại trong máu, và nước đái. Thọ thản nhiên bỏ đi. Mấy ngày sau, Hoàng Thọ quay lại bến tàu Hải Phòng, nghiễm nhiên trở thành thủ lãnh của bọn đầu gấu. Khi Nhật đảo chánh Pháp, tàu Nhật ra vô kiểm soát cảng Hải Phòng. Trước khí thế súng đạn của quân phiệt, Thọ mất địa bàn hoạt động. Bọn đàn em phân tán tứ phương, Thọ đầu quân ngay vào lính Hải Quân Nhật. Thời gian này, Thọ được dạy nghề thợ điện. Ngày Nhật đầu hàng Đồng Minh, rút quân khỏi Hải Phòng, Thọ không theo. Thọ quy tụ lại đám đàn em thất lạc, sống tiếp tục bằng nghề đâm chém. Giai đoạn này, Thọ có biệt danh Thọ Mạch Lô, để chỉ thời gian đi lính Hải Quân Nhật. Khi Việt Minh nổi lên cướp chính quyền, Thọ hùa theo đoàn quân Cứu Quốc. Từ đó, Thọ giạt vô Nam, làm tay chân bộ hạ của tướng Nguyễn Bình.

Cả tỉnh Tây Ninh, ai nghe danh Hoàng Thọ cũng đều sợ hãi. Vùng hoạt động của Thọ là Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng. Mục tiêu của Thọ là chức sắc đạo Cao Đài, và Việt gian thân Pháp. Người chết dưới tay Thọ không biết bao nhiêu mà kể. Hành tung của Thọ vô cùng bí mật. Thoắt hiện thoắt biến khó lường. Bóng đêm là thế giới của ma quỷ. Khi vầng dương chìm khuất, Thọ nương theo khí âm trở về. Bao giờ Thọ cũng xuất hiện lẫm liệt, hông trái súng ngắn, hông phải gươm dài. Trang bị theo kiểu cấp chỉ huy lính Nhật. Thọ xuất hiện là có đổ máu. Giết người không nháy mắt. Cắt cổ, đập đầu thả trôi sông. Cần thanh toán nhiều người cùng một lúc, Thọ cột lại thành bè, ra tay một loạt là xong.

Khúc sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang qua hai huyện Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng là mồ chôn những nạn nhân của Việt Minh, và của bọn Pháp. Người dân sống theo hai bên bờ sông, cứ vài ngày lại thấy xác chà chổng nổi lên, trôi lềnh bềnh theo những cụm lục bình. Thời kỳ này, người ta gọi khúc sông này là khúc sông Chà Chổng. Nhìn dấu tích trên thi thể chà chổng, người ta biết ngay là do Pháp, hay do Việt Minh sát hại, mà Thọ là cánh tay. Pháp giết người bằng cách trói thúc ké nạn nhân, đưa ra cầu tàu Vên Vên, bắn và hất xác xuống sông. Việt Minh không bao giờ phí đạn với những con mồi nằm sẵn trong tay. Họ cắt cổ, đập đầu.

Ngoài thủ đoạn ám sát thủ tiêu, Thọ còn có biệt tài đánh trận. Nổi tiếng gan lì. Từng gây cho quân Pháp nhiều tổn thất lớn. Thọ được tướng Nguyễn Bình phong làm tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn 303, quân khu 7. Để phô trương lực lượng, đêm tối trời, Thọ cho quân di chuyển chung quanh làng. Quân đi cả đêm. Người ta tưởng đoàn quân đông đến hơn trung đoàn. Thật ra, chỉ là trò mị. Quân của Thọ tiếp nối nhau, đi theo vòng tròn kín. Một người có thể đi ngang qua một điểm mười lần. Như thế, đoàn quân của Thọ được miệng đời nhân lên gấp mười. Đó chỉ là một trong những phương cách tuyên truyền lừa mị dân đen của Việt Minh. Thọ mê truyện Tàu, khoái nhân vật Hạng Vũ. Chủ trương quân cần tinh, không cần đông. Bắt chước Hạng Vũ hành quân thần tốc, dàn quân theo thế tử chiến. Phía trước là địch quân. Phía sau là sông ngòi, đầm lầy khó di chuyển. Ở vào cái thế không thể lui binh. Buộc quân sĩ phải liều chết xông lên, tìm đường sống. Trên trận mạc, Thọ tỏ ra tháo vát, can đảm phi thường. Thọ thường tổ chức phục kích đoàn "convoi" của Pháp. Thu

được nhiều vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng. Nhiều lần được ghi công lớn. Trong đời, Thọ chỉ thất bại một lần duy nhất. Và đó cũng là điềm báo vận mạt cho Thọ.

Theo chiến thuật cũ, Thọ đưa quân về Vên Vên, Trà Võ phục kích đoàn xe tiếp vận của Pháp. Nửa đêm, quân của Thọ đào hầm độn thổ. Phía sau là sông Vàm Cỏ Đông. Phía trước là rừng cao su bạt ngàn, chạy dài lên tận Cầu Khởi, nối tiếp với mật khu Bời Lời. Buổi trưa, ba chiếc auto blindé * mở đường vừa qua khỏi, thì chiếc xe đầu của đoàn "convoi" trờ tới. Thọ chờ cho tất cả đoàn xe lọt trọn vào ổ phục kích, liền nổ súng khai hỏa. Quân của Thọ từ dưới đất trồi lên, giáo mác và súng "mút cà tông" xung phong ồ ạt. Khí thế vô cùng dũng mãnh. Nhiều xe đâm đầu lật xuống mương, hoặc bốc cháy. Thế trận đang nghiêng phần thắng về phía Thọ. Bỗng từ đâu trong rừng cao su, lính Lê Dương xuất hiện phản công mãnh liệt. Giáo mác và súng "mút cà tông" làm sao chống nổi vũ khí hiện đại của Pháp? Quân của Thọ núng thế, không đường rút lui, buộc phải cận chiến.

Nhưng tình thế đã hỗn loạn mất rồi, Thọ không thể điều động chỉ huy. Mỗi người vùng vẫy chiến đấu theo cách riêng của mình, tìm đường thoát ra rừng cao su. Lính Lê Dương đã phong tỏa rừng cao su, chận bít lối về Bời Lời. Như con thú bị dí vào ngõ cụt, quân của Thọ la hét tả xung hữu đột, đâm chém điên cuồng. Tiếng la hét lẫn trong sắt thép va chạm, và súng nổ vang trời. Những cây thịt đổ xuống. Lớp khác tràn lên, gục ngã. Trong cảnh hỗn loạn, không ai còn nhìn thấy Thọ đâu nữa.

Mưu mô xảo trí và nhanh như sói, Thọ mở đường máu thoát thân. Chuồn về tới mật khu Bời Lời, dưới tay Thọ chỉ còn hơn hai chục mạng. Gần một trăm ba mươi bỏ lại chiến trường.

Sau thất bại này, Thọ nghi ngờ có gián điệp của Pháp làm nội tuyến. Người bị Thọ chiếu tướng là Lê Minh Chiếu, tự Năm Chiếu. Năm Chiếu là tay chân bộ hạ của Nguyễn Bình, đảng viên, hoạt động nội thành. Chiếu vẫn thường về mật khu báo cáo, và nhận chỉ thị của Nguyễn Bình. Thọ giận quá mất khôn, cho người phục kích bắt Chiếu trên đường về, đem đến một cái lều giữa rừng hoang.

Thọ mình trần, ngồi trên chõng tre, hài tội Chiếu.

Chiếu mặc đồ đen, khăn rằn quấn cổ, mặt không hề đổi sắc, nói:

"Loạn rồi. Ông biết tôi là ai, mà dám nói thế?"

"Mày là thằng chỉ điểm cho Tây!"

Chiếu cười mỉa: "Ông chưa đủ tư cách nói câu đó."

Thọ gầm lên: "Tao đập đầu mày như đập đầu bọn chó săn phản bội."

Nói xong, Thọ ra lệnh trói Chiếu, dẫn đi.

Chiếu ngoái lại, nói với những người trong

TRẦN MỘNG TÚ

À! THI SĨ

Buổi sáng thức dậy
bỏ chân xuống giường
vươn vai
kéo màn cửa
nắng ào vào buồng

Bỗng thấy thèm
được làm
thi sĩ

Múc một muỗng đường
bẻ một câu thơ (không biết của ai)
thả vào ly nước lạnh
tiếng muỗng kêu lanh canh
cầm ly lên ngắm nghía
uống cạn một hơi
ngẫm nghĩ

Thấy mình trong suốt
ngọt lịm
nhẹ tênh

À! Thi Sĩ

8/2000

lều: "Anh em có mặt, xin báo vụ này lên đồng chí Nguyễn Bình."

Thọ xô Chiếu chúi nhũi về phía trước: "Nguyễn Bình cũng không cứu nổi mày đâu."

Thọ dẫn Chiếu đến trước miệng giếng, dùng khúc gỗ quật vào ót, đạp xác xuống giếng.

Khi Thọ trở lại lều, có người nói: "Năm Chiếu là đảng viên."

Thọ vung tay bất cần: "Đảng cái đầu bùi tao!"

Ít lâu sau, Thọ được gọi lên gặp Nguyễn Bình.

Bình hỏi: "Sao giết Năm Chiếu?"

Thọ nói: "Hắn làm gián điệp cho Tây."

Bình vỗ bàn: "Hồ đồ! Chiếu là người của đảng. Chú dám tự động ra tay, không cần chỉ thị cấp trên. Chú đang là đối tượng được đề nghị vào đảng, nhưng vô kỷ luật không còn xứng đáng nữa."

Thọ quen thói du côn coi trời bằng vung, không biết sợ là gì, nói: "Thọ này đi kháng chiến vì dân vì nước. Không cần đảng. Đảng chỉ là bọn bè phái bênh vực cho nhau." Lời vừa ra khỏi cửa miệng, Thọ biết đã lỡ.

Nguyễn Bình cười nhạt, đuổi Thọ ra ngoài, chờ chỉ thị.

Thọ được chỉ thị ra Bắc, nhận công tác mới.

Con sói tinh ranh biết trên đường đi có nhiều cạm bẫy. Thọ khôn ngoan biết người ta muốn đưa mình vô cửa tử, như Thọ đã từng bao lần đưa người khác vào chỗ chết. Thọ rời bỏ hàng ngũ kháng chiến, trốn đi biệt tích.

Năm sau. Có người khách miền Bắc, đến Mỹ An. Khách có thân hình cao lớn mạnh mẽ, nói năng hoạt bát sành đời, tự tin. Khách dựng quán lá bên bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp làm kế sinh nhai. Người dân Đồng Tháp Mười gọi khách là Ông Bắc Kỳ.

Năm sau nữa. Cũng có người khách lỡ độ đường xa, ghé quán lá Ông Bắc Kỳ, xin trọ qua đêm.

Trời chiều. Nắng ráng mỡ gà pha sắc đỏ, đổ mênh mông trên những lá dừa nước điệp trùng dọc theo bờ kinh. Bên ly rượu nhạt, chủ khách nói chuyện đời ra chiều tâm đắc.

Khách nhận xét: "Ông có phong thái của nhà sư Lỗ Trí Thâm."

Ông Bắc Kỳ cười lớn: "Tài thật! Mới gặp nhau mà đã nhìn ra chân tướng. Vâng! Kẻ này có lúc ở chùa."

Khách hỏi: "Còn nhớ gì không?"

Ông Bắc Kỳ nói: "Vỏn vẹn một câu thần chú: Yết Đế. Yết Đế. Ba la Yết Đế. Ba La Tăng Yết Đế. Bồ Đề Tát Bà Ha."

Khách nói: "Ngộ thì chớp mắt đáo bỉ ngạn. Mê thì cả đời chìm đắm. Ông toàn ăn thịt chó mắm riềng, qua sông sao khỏi?"

Ông Bắc Kỳ nói: "Lấy hình tướng, để xét thực tướng. Nhà Phật cho đó là cái lầm lớn của người đời."

Khách nói: "Thực giả, giả thực quyện vào nhau. Nhìn ra cái giả là biết cái thực."

Nửa khuya đêm ấy, Ông Bắc Kỳ bị bắt đem đến Cạnh Đền, quận Gò Quao, tỉnh Rạch Giá.

Trước khi hành quyết Ông Bắc Kỳ, khách nói: "Năm Chiếu ở dưới suối vàng, gởi lời thăm Hoàng Thọ."

Ông Bắc Kỳ hỏi: "Mày là ai?"

Khách nói: "Tôi là bạn Năm Chiếu, được chỉ thị của đồng chí Nguyễn Bình, đi tìm Hoàng Thọ bấy lâu. Gặp Ông Bắc Kỳ, nhìn ra giả tướng, biết thực tướng là Hoàng Thọ."

Thọ bị đập đầu. Trước khi chết, Thọ chửi Nguyễn Bình, chửi đảng, và rống từng hồi như bò rống.

Đó là năm 1950.●

(trích Cơn Lốc)

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

HUYỀN THOẠI BỊ ĐÁNH CẮP

TRẦN NGỌC TUẤN

Bây giờ tôi chẳng còn gì ngoài căn phòng mười hai mét vuông, vài bộ quần áo, và cây đàn ghita gẫy khóa (khi lên dây phải dùng kìm để vặn.)

Chiêm nghiệm lại những gì trải qua tôi đã 35 tuổi. Nếu như ngày ấy tôi học dốt chắc số phận sẽ khác bây giờ.

Lúc thiếu thời tôi còi cọc suy dinh dưỡng nên hay bị lũ trẻ cùng phố bắt nạt, chúng nói bảo: Cái mặt mày là để cho người khác áp bức. Sau những lần vùng lên bạo động, răng gãy, đầu sưng, toàn thân ê ẩm. Bà ngoại phải giã gừng trộn rượu xoa vào chỗ đau, tôi nghe bà ru:

Đừng ngộ nhận sức mạnh là cơ bắp
Ông Ác đứng trước cổng chùa cầm thanh long đao có nào có dọa được ai
Chỉ có ma quỉ sợ ông
Và người lớn mang ông ra hù dọa những đứa bé mắc bệnh đái dầm
Ông Thiện cũng đứng trước cổng chùa
Nhưng trong tay không cầm vũ khí
Ông cầm một quyển sách
Quyển sách đó viết rằng
Đã là thần nên để người ta kính trọng
Đừng để người ta sợ hãi
Bởi lẽ, bên trong sự sợ hãi sự khinh bỉ còn lớn hơn.

Tôi không quan tâm tới ý nghĩa của lời ru, tôi thiếu đức kiên trì, tôi vô tội và không muốn bị áp bức. Ông Thiện hay ông Ác chẳng mang cho tôi một đạo lý gì về cách sống hoặc sự rèn rũa nhân phẩm. Khi khỏi đau tôi lại lao vào cuộc chiến đấu để trả thù song chẳng bao giờ trả nổi, vô hình chung tôi trở thành con nợ của bạo lực. Cho đến một ngày kia tôi có duyên gặp Già Triệu, lúc đó, tuổi tôi vừa tròn một con giáp.

... Nghe kể, Già Triệu đã từng lưu lạc sang tận Trung Quốc mở đài đấu võ và được bạn bè trong giới giang hồ đặt tên Triệu Tử Long. Già Triệu bảo: võ là đạo, nó giúp con người ghét cái ác, kẻ nào ỷ võ làm điều xấu ức hiếp người hiền thì gọi là tà, đừng gây sự sẽ chẳng ai đụng tới mình.

Không giám cãi thầy vì cứ suy ra: tôi toàn bị cả chục đứa đánh hội đồng chỉ vì tội có khuôn mặt của kẻ sinh ra để bị áp bức...

Học võ được hơn năm, bà ngoại mất, tôi vào trường nội trú dành cho con em liệt sĩ không nơi nương tựa, tuần hai buổi vẫn tới chỗ Già Triệu học võ, đầu tháng tạt qua nhà thắp hương cho bố mẹ và bà. Thi đại học, tôi đủ điểm ra nước ngoài, tốt nghiệp được phân công về Viện nghiên cứu, mọi sự xui xẻo, khốn nạn cũng bắt đầu từ đây, nói theo ngôn ngữ phổ cập là đời tôi ra tóp, không phải tóp mỡ (nếu vậy thiên hạ còn xơi được). Tôi là tóp con phù du - giống vật lấy sự chết làm giá trị thẩm mỹ, chúng trì độn hay lầm lẫn giữa hiến dâng và cống nạp.

Tôi nhiệt thành trong công việc. Anh Khải về nước trước tôi hai năm bảo: Hăng vừa thôi, sống phải biết quan sát. Tôi nghe lời anh và quan sát xung quanh. Tôi phản đối việc tuyển lựa nhân viên không có chuyên môn, tôi chất vấn ông viện trưởng về số tiền làm đề tài nghiên cứu nhập nhèm, bí hiểm, chính vì thế tôi thành kẻ cô đơn.

Tôi bị thuyên chuyển lên nông trường chăn nuôi bò sữa làm đề tài cấp vĩ mô có tên: Tìm nguyên nhân bệnh viêm nhiễm ở vú bò. Tôi làm bạn với lũ bò, chúng an phận, không hay triết lý hoặc nổi loạn, cũng có đôi con hạnh kiểm kém hay kêu rống ầm ĩ vì những việc hết sức dở hơi, hoặc đực cái công khai trước cửa văn phòng Bí Thư Đảng ủy nông trường. Tôi không đánh giá hành vi này thuộc phạm trù

đạo đức. Ở chỗ khỉ ho cò gáy bò cái nhiều hơn bò đực thì những trường hợp như thế nên xét theo lăng kính nhân bản và độ lượng.

Sống nơi rừng xanh núi đỏ cũng buồn. Buổi chiều, tôi ra suối cởi bộ quần áo hôi mùi phân bò rồi ngâm mình vào làn nước mát lạnh. Trong khung cảnh kỳ vĩ và buồn bã của thiên nhiên, tự dưng tôi muốn khóc, rồi nhớ lại câu chuyện Già Triệu kể: ở vùng đất rất xa, nơi rừng thẳm, có một bộ tộc sống hồn nhiên như cây cỏ, vàng bạc ở nơi này không có giá trị gì. Các cô gái bộ tộc cũng chẳng biết cách biến nó thành đồ trang sức.

Họ tự trồng lúa, nuôi thú, dệt vải để sinh tồn, họ tốt bụng và ngây thơ... Già Triệu lạc vào vùng đất ấy sống với họ ba ngày, sau buổi uống rượu, lúc tỉnh dậy thấy mình nằm trên trảng cỏ giữa rừng, xung quanh hoàn toàn không có dấu vết gì, tất cả kinh qua như giấc mơ. Già Triệu khẳng định: Bộ tộc này không muốn cho người ngoài xâm nhập, họ muốn lánh xa sự trần tục. Theo Già Triệu, trong quãng đời lưu lạc của mình, ba ngày ấy là ba ngày hạnh phúc nhất, Già Triệu trẻ ra đến hơn chục tuổi. Tôi không tin bộ tộc ấy có thật, nhưng chẳng lẽ Già Triệu lại nói dối?

Tôi tự tìm phương tiện đào thoát khỏi nỗi cô đơn bằng cách tới nhà thầy giáo Nghiêm trò chuyện, cứ cắt rừng đi bộ khoảng hai tiếng đồng hồ. Thầy Nghiêm lịch lãm, kiến thức rộng, người Hà Nội lên miền cao dạy học từ những năm sáu mươi. Nhìn chiếc quần Jeans tôi mặc, thầy Nghiêm hỏi: Em chuộng quần Jeans? Tôi trả lời Vâng! Khỏi phải giặt nhiều, lâu rách, phù hợp với địa hình rừng núi. Thầy Nghiêm bảo: Phải hiểu quần Jeans sâu sắc hơn, giá trị của nó không đơn thuần ở cấp độ sử dụng. Tôi hỏi: Hiểu thế nào? Thầy Nghiêm nói: Quần Jeans không phân biệt đẳng cấp. Lưu manh, trí thức, chính khách, bộ trưởng, thủ tướng và cả những kẻ vô học... đều mặc được. Quần Jeans không bị chi phối về chính trị hoặc chủ thuyết của các nhà tư tưởng, nó không rụt rè trước sự dị biệt về ngôn ngữ, mầu da, biên giới, lãnh thổ. Nó cũng không hề xấu hổ, mặc cảm khi thuộc quyền sở hữu của cô gái điếm hạng xoàng, cũng không phổng mũi khi được tổng thống xỏ chân. Tóm lại quần Jeans mang tính đại đồng hơn hẳn ông Marx...

Còn gì nữa không? Tôi hỏi. Thầy Nghiêm bảo: Thêm điều này nữa: Quần Jeans tuổi thọ cao, mốt thay đổi thường xuyên song nó thì không thay đổi nhiều. Sự ù lì này không gây tắc nghẽn dòng văn minh trang phục, mà còn nâng giá trị chiếc quần Jeans ngang bằng với các kì quan...

Thầy Nghiêm nuôi rất nhiều mèo. Vào nhà thầy có cảm tưởng như vào hang động phù thủy, lũ mèo kêu nheo nhéo, nhẩy nhót, lượn lờ vô lễ xung quanh khách và chủ. Chúng trắng trợn thò tay bốc đồ ăn, lè lưỡi liếm vào bát canh...

Thầy Nhiêm nói: Bầy tiểu hổ này đang nhạo báng nền giáo dục nước nhà. Tôi hỏi: Sĩ số có bằng một lớp học không? Thầy Nghiêm bảo: Đếm không nổi. Tôi thiếu nghiệp vụ của mấy anh công an hộ khẩu quản lý khu vực. Hy vọng sẽ xuất hiện Con Mèo Đi Hia trong chuyện cổ Grim. Chắc em đã đọc chuyện này? Tôi bảo chưa đọc. Thầy Nghiêm khuyên: Nên đọc, thế giới cổ tích sòng phẳng hơn thế giới chúng ta đang sống. Mặc dù sự trả thù trong một số chuyện đôi khi tàn bạo, nhưng chả là gì so với ngoài đời. Trường tôi có cậu bé con ông Trưởng bản, bữa nọ cậu ta lấy súng của bố bắn chết cả một chuồng lợn hơn hai chục con. Hỏi tại sao làm vậy cậu hồn nhiên trả lời: Em vừa đọc xong cuốn Nhà Thiện Xạ, và thích nhìn thấy máu phọt ra khi trúng đạn...

Về điểm này tôi không đồng ý lắm với thầy Nghiêm khi dùng từ hồn nhiên để dán lên hành vi bệnh hoạn của đứa trẻ chưa tới tuổi thành niên. Tôi liên tưởng tới các mối quan hệ xã hội, gia đình và băn khoăn, nghi ngờ các giá trị nhận thức... Nhìn nét mặt đăm chiêu của tôi, thầy Nghiêm bảo: Hát nhé! Tôi cười buồn bã: Cũng được! Thầy Nghiêm ôm đàn, gam thứ réo rắt, ngập ngừng rồi phóng đãng ùa ra. Lời bài ca nghe rất đĩ thõa:

Em tụt váy đừng e ấp
Nơi này chỉ có núi rừng
Có lửa đốt làm đèn
Ta đuổi cái lạnh bằng hai tấm thân
Giường cỏ êm hơn suối
Anh sẽ làm đứa trẻ
Bú vào vú em
Em rướn mình cắn vào cổ anh
Chỉ có tiếng ồn khi em rên
Chỉ có tiếng vang khi anh thở
Nơi đây không tiếng thú ồn ào

Tôi bảo: Lời bài ca nghe rất dâm, hoang dã, trần trụi. Thầy Nghiêm nói: Dục tính là vị hoàng đế sang trọng, là bản năng gốc. Tôi hỏi: Thế hiếp dâm có sang trọng không? Thầy Nghiêm cười: Nó đê tiện và đáng thương... Nói

chuyện với thầy Nghiêm khi lũ mèo vây quanh chúng tôi hóng hớt, mắt rực lên xanh lè. Tôi bảo: Anh cho mèo ăn, chúng nó đói rồi. Thầy Nghiêm nói: Hôm nay tôi bắt chúng nhịn ăn. Rèn lũ này hết sức kỷ luật mà hở cái gì ra là mất cái đấy, bọn kẻ cắp giả hình khốn khiếp, khi chúng õng ẹo cọ vào chân mình, đừng lầm đó là tình cảm, thông điệp yêu thương. Lúc ấy là nó đang lừa mị mình, những công dân nông nổi cả tin. Sau cú lừa tầm thường mang hình thức cao cả, một khúc cá, miếng thịt của mình sẽ chui vào bụng chúng...

"Chó treo mèo đậy! Tôi ngắt lời."

"Sự che đậy và bưng bít không phải là giải pháp tối ưu. Người hoặc vật đều có năng lực khám phá, khao khát tìm tòi. Chính năng lực ấy đã tôn vinh một gã thủy thủ quèn trở thành vĩ nhân vì gã đã có công tìm ra châu Mỹ." - Thầy Nghiêm nói.

Không gì buồn và xấu xí như mưa rừng. Người ta có thể tân trang được nhiều thứ, song không thể đưa mưa rừng vào mỹ viện, hoặc các trung tâm khí tượng để cải tạo. Những ngày mưa tôi hay vào Nhà văn hóa nông trường ngồi nhâm nhi chút rượu, xem múa xòe. Kể từ khi vào tay tư nhân Nhà văn hóa thay đổi hẳn, lúc trước, nó lạnh lẽo hệt nhà xác bệnh viện, nay rực rỡ, sang trọng từ nội dung tới hình thức. Vào đây mọi người được thưởng thức các đặc sản vùng cao, uống rượu cần, các cô gái phục vụ duyên dáng trong phục trang các dân tộc vùng cao. Tôi thích ngồi nơi ít ánh sáng để ngắm nhìn xung quanh. Anh Sản (chồng chị Nông chủ quán) hay qua ngồi cùng bàn với tôi, anh Sản bảo: Mình khoái nói chuyện với cậu. Tôi cũng thích nghe anh Sản kể chuyện, anh là cuốn gia phả của rừng. Thuở hàn vi, anh sống bằng nghề sơn tràng ngang dọc khắp vùng rừng núi, khi có đủ vốn vợ chồng anh mua đứt nhà văn hóa tu sửa, biến nó thành tụ điểm làm ăn. Anh Sản bảo: Nhìn cốt cách của em, anh chắc em có học võ. Tôi trả lời: Học ít lắm và chưa tử thí bao giờ. Anh Sản nói: Vừa có văn lại vừa có võ nếu không biết điều chỉnh dễ trở thành cục súc. Tôi hỏi: Tại sao? Anh Sản trả lời: Người biết viết thì ít, kẻ biết đọc lại càng ít hơn. Khi đang viết về sự tử tế bỗng dưng có kẻ phi nhân tới phá, nói mãi nó không nghe thì phải dùng đến võ, như vậy không trở thành cục súc là gì!

Tôi nói: Anh lập luận hết sức lộn xộn, em không biết viết văn. Anh Sản bảo: Văn là nói theo nghĩa bóng dùng để chỉ những người có trình độ học vấn...

Tự dưng tôi nhớ về huyền thoại bộ tộc sống trong rừng thẳm mà Già Triệu đã kể cho tôi nghe, tôi hỏi anh Sản, hy vọng anh biết. Anh Sản nói: Bộ tộc ấy có thật, họ lấy lá rừng dựng thành lều, lúc nào lá ngả vàng thì họ lại lên đường, chúng tôi gọi họ là bộ tộc lá vàng.. (như vậy Già Triệu không nói dối, tôi đã nghi oan cho già). Anh Sản nói tiếp: Họ tốt lắm, là những nhà thiện xạ nhưng không bao giờ giết thú nhiều, chỉ săn bắt đủ dùng, họ không tiếp người ngoài quá ba ngày. Hình như họ không yêu thích cái cuộc sống nhiễu nhương của chúng ta, chúng ta nhiều âm ưu quá, đểu cáng quá và còn hung bạo hơn dã thú.

Tôi bảo: Anh có vẻ bi quan. Anh Sản nói: Tôi va chạm nhiều hơn chú...

Thằng Thao con ông Lược (giám đốc nông trường) dẫn lũ bạn vào nhà văn hóa. Chúng kéo ghế gọi rượu ồn ào, cợt nhả với mấy cô gái: Thánh mẫu ơi! *Anh xin hai quả đào thơm lấy lộc...*

Anh Sản nói: Chúng nó ỷ thế bố mẹ du côn

CỔ NGƯ

ỐM

Hãy ốm một lần cho hả dạ,
Nhức xương, ngực tức hay váng đầu,
Cơn cảm cúm của ngày đông buốt giá
Lấn sang mùa dị ứng bụi phấn hoa.

Hãy ốm thử xem, nằm lăn lóc,
Kêu tên người như tụng những hồi kinh,
Bàn tay xanh xao nổi mờ gân ngọc
Khỏa không gian tù hãm giữa căn phòng.

Hãy ốm, và ôm tình òa vỡ,
Vung mảnh hồn ra tám phía, bốn bên,
Gieo vi khuẩn vào tim người bở ngỡ,
Truyền nhiễm nỗi buồn, truyền nhiễm thơ.

Choisy-Le-Roi
29-02-2000

nhất vùng này. Thằng cởi trần xăm con hổ trên ngực con ông chủ tịch tỉnh, nó ngang nhiên bóp vú cô giáo mà nhà trường không dám đuổi học...

Tửu lượng tụi này rất khá, nhoáng một cái đã hết mấy chai. Tôi nói với anh Sản: Chúng nó nhiều tiền thật. Anh Sản bảo: Bọn nó không nghèo như em, mặc dù em học nhiều hơn. Em không có xe máy là phương tiện để phóng vào tình yêu, em sẽ trở nên thấp hèn trước các định ước xã hội. Tôi bảo: Nhưng mà em lương thiện. Anh Sản nói: Lương thiện giống như huyền thoại. Con người hiện tại ít kẻ có nhu cầu lương thiện, các mối quan hệ cũng phải mang lợi nhuận. Em chỉ có một giá trị duy nhất - đánh động sự thương hại.

"Như vậy cũng đủ, khi biết thương dù là thương hại cũng tử tế lắm rồi!"

Anh Sản trố mắt nhìn tôi, lát sau anh nói:

"Anh không thương hại em mà anh chỉ bàng hoàng, ai dạy em điều này?"

"Sách vở!" Tôi trả lời. Anh Sản bảo: "Em bất hạnh. Nghe em nói anh căm thù các nhà văn. Họ sống dung tục, xảo trá và yếu ớt nhưng lại lừa đảo những kẻ ngây thơ vào một thế giới chẳng bao giờ có..."

"Em tự nguyện lựa chọn cách sống, em không mộng mơ..."

... Ông cù lần, nói với hiền thê mang rượu ra đây! Tôi nhìn lên, thằng con ông Chủ tịch tỉnh đã tới bên cạnh từ lúc nào, nó ngang tàng hất hàm hệt mấy gã chăn bò trong các cuốn phim Mỹ. Anh Sản nói: Các cậu vui lòng chờ, quán đang đông người.

"Thế còn thằng này, mày vào phụ bà chủ bưng bê cho các đại ca" - nó nói với tôi.

"Xin lỗi tôi cũng là khách."

Nó bảo: Mày thuộc loại khách hạ lưu, nó túm áo kéo tôi dậy. Anh Sản nhún nhường: Thôi xin chú...

Nó cười gằn: Nhưng mà đây thích thằng đeo kính cận này hầu hạ. Con ông Chủ tịch cao hơn tôi một cái đầu, to ngang, nó đang ở thời kỳ sung mãn, mùi rượu của nó phả vào mặt tôi. Nó bảo: có hai cách, một là phục dịch cho các ông đây, hai là uống nước đái, mày thích kiểu gì? Tôi trả lời: Không thích kiểu nào cả.

Nó kéo khóa quần lấy chai rượu tôi đang uống đái vào trong. Anh Sản nói: Đừng làm thế! Tối nay các chú uống hết bao nhiêu tôi cũng không tính tiền... Lũ bạn của nó cười hô hố vì đã tìm ra trò chơi thú vị. Thằng con ông Chủ tịch dí chai rượu lẫn nước đái vào miệng tôi, nó nhả giọng: Tao cho mày suy nghĩ năm giây. Già Triệu, xin Già hãy tha thứ, con đành phải phá môn quy... Đòn đánh của tôi nhẹ nhàng mang tính cảnh cáo, thằng bóp vú cô giáo ngã lăn, cả lũ bạn nó bàng hoàng. Tôi bảo: bất đắc dĩ nên phải vậy thôi.

Nhưng chỉ một thoáng cả lũ ào lên vây lấy tôi. Nhị khúc, dao, vỏ chai chúng nó cầm lăm lăm trong tay. Xéo mắt quan sát, tôi đẩy anh Sản vào sát tường, nói khẽ: Anh để mặc em! Con ông Giám đốc nông trường lao lên trước tiên, nó vung đao chém thẳng, tôi trườn tới nhập nội trước khi đường dao bổ xuống, bấm vào huyệt khúc trì tiếp theo là đòn chân thốc từ dưới lên, nó nằm vật dãy đành đạch. Bây giờ tôi mới dùng kỹ xảo đánh khăn mà Già Triệu truyền dạy. Rất nhanh các loại hung khí của lũ con ông cháu cha bị tôi vô hiệu hóa hết. Cố lên giọng anh chị, tôi bảo: Các chú chưa phải là đối thủ của anh... Anh Sản rên rỉ: Kể từ nay tôi rất khó kinh doanh. Em cũng nên cẩn thận, tụi này lắm mẹo bẩn.

Ngày nào cũng chết hai con bò trong đàn bò mà tôi quản lý để làm đề tài vĩ mô. Chẳng tìm ra nguyên nhân. Ông Giám đốc gọi tôi lên: Cậu phải chịu trách nhiệm, nhà nước cho đi du học mà làm việc kiểu đấy là không xong. Cậu tạm nghỉ việc để viết bản kiểm điểm...

Bác Sửu - phụ trách trại giống nói với tôi: Những con bò chết là do bị đầu độc, có kẻ muốn hại cậu...

... Bây giờ tôi không còn gì nữa, ngoài căn phòng mười hai mét vuông và cây đàn ghita gẫy khóa. Tôi bị sa thải với tội danh: Thiếu tinh thần trách nhiệm, làm thiệt hại nghiêm trọng tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa...

Tôi căm giận mình, chứ chẳng trách cứ ai, cuộc sống thật nhọc nhằn. Bỗng dưng tôi muốn xin nhập cư vào bộ tộc lá vàng, nhưng anh Sản nói: Bộ tộc ấy đã bị tuyệt chủng vì rừng càng ngày hẹp lại dưới lưỡi rìu của những kẻ chẳng biết tư duy.

Thầy Nghiêm thì khuyên: Em nên mở lò dạy võ...

Tôi không nghe ai, tôi chẳng tin ai. Ngày mai tôi sẽ đi tìm bộ tộc lá vàng, chắc rằng họ vẫn tồn tại vì rừng và núi làm sao hết được. Tôi sẽ xin họ nhập cư, sẽ đóng khố, cởi trần. Tôi chạy trốn khỏi sự văn minh. Tôi muốn tìm về nơi lạc hậu, hoang dã, nguyên sơ như khi con người mới tìm ra lửa.

CH Séc 8/2000

DI NGÔN CỦA MỘT NGHỆ SĨ ĐA DẠNG

TRẦN GIA PHỤNG

1. Văn Cao, nghệ sĩ đa dạng

Văn Cao (1923-1995) là một trong những nghệ sĩ tài hoa nhất của Việt Nam trong thế kỷ 20. Ông tên thật là Nguyễn Văn Cao, khi vẽ tranh thường ký chữ "Văn," gốc người Nam Định, sinh ngày 15-11-1923, tại Lạch Tray, Hải Phòng. Vì nhà nghèo nên mới học đến lớp nhì niên bậc trung học (tức lớp 7 trung học ngày nay), ông phải nghỉ học, và xin đi làm nhân viên sở bưu điện để tự mưu sinh. Ông có khiếu văn nghệ từ trẻ. Vào cuối năm 1939 (16 tuổi) ông sáng tác bài "Buồn tàn thu." Năm 1940, ông lang thang vào Nam, ghé thăm Huế, và khi trở về Hải Phòng, ông sáng tác bản "Thiên Thai," như một giấc mơ của người nghệ sĩ vào chốn an bình miên viễn mà người Việt khó đạt được trong hoàn cảnh đất nước bị đô hộ. Năm 1941, một sự kiện làm thay đổi cuộc đời Văn Cao: ông gặp Phạm Duy vừa từ Hà Nội xuống Hải Phòng trình diễn. Theo lời khuyên của Phạm Duy, Văn Cao lên Hà Nội sống đời nghệ sĩ. (1) Trong thời gian nầy, ông sáng tác nhiều nhạc phẩm danh tiếng như "Trương Chi," "Thu cô liêu," "Bến xuân," "Suối mơ." Tên tuổi Văn Cao càng ngày càng nổi tiếng cả nhạc, thơ và họa.

Chân dung Văn Cao - tranh sơn dầu Bùi Xuân Phái

Trong sinh hoạt văn nghệ, Văn Cao quen biết ông Nghiêm Xuân Huyến, thường được gọi là Voi Đen vì vừa đen, vừa cao lớn, chủ nhân một nhà in và xuất bản một tạp chí cùng tên Rạng Đông. Từ đó, Văn Cao làm quen và cưới cô con gái của Nghiêm Xuân Huyến là Nghiêm Thúy Băng. Ông Nghiêm Xuân Huyến bị quân đội Nhật bắt giam và tra tấn đến chết trong tù, vì bị tình nghi hoạt động cho Việt Minh. (2) Con rể ông Nghiêm Xuân Huyến, nhạc sĩ Văn Cao, sau đó cũng theo Việt Minh, nhưng người đã lôi kéo Văn Cao theo phong trào chính trị nầy là một đồng hương của Văn Cao, ông Vũ Quý. (3)

Nguyên vào năm 1944, Vũ Quý, một người bạn của Văn Cao, hoạt động cho Việt Minh ở Hải Phòng, bị Nhật lùng bắt nên bỏ trốn lên Hà Nội, nhờ Văn Cao giúp đỡ. Vũ Quý tuyên truyền lý thuyết cộng sản cho Văn Cao và dần dần lôi kéo Văn Cao theo Việt Minh. Do lệnh trên, Vũ Quý nhờ Văn Cao soạn một bản nhạc quân hành cho trường quân sự của Việt Minh. Trường nầy đang cần một bài hát xuất quân.

Chính vì vậy, Văn Cao sáng tác bản "Tiến quân ca," viết vào cuối năm 1944, tại căn gác trọ số 171 phố [đường] Montgrange, nay là số 45 phố Nguyễn Thượng Hiền Hà Nội. (4)

Sau khi hoàn thành xong bài "Tiến quân ca," vào cuối 1944, Văn Cao được Võ Nguyên Giáp (sinh năm 1912) mời lên chiến khu Việt Minh khen thưởng, tặng một khẩu súng lục, và giao cho ông công tác phụ trách đoàn Thanh niên Xung phong ở thành phố Hà Nội. (5) Thanh niên Xung phong có lẽ chỉ là bình phong bên ngoài, chứ thực sự Văn Cao phụ trách "Đội danh dự trừ gian" (6). Danh xưng đội nầy có vẻ anh hùng hiệp sĩ lãng mạn phù hợp với tính chất của thanh niên lúc đó, thực tế chức năng là biệt đội ám sát thành. Vào cuối xuân năm 1945, Văn Cao tham dự vào một cuộc ám sát nổi tiếng, đó là vụ giết ông Đỗ Đức Phin ở Hải Phòng. Ông Đỗ Đức Phin bị Việt Minh kết án tử hình vì tội "Việt gian thân Nhật." Sau đây là lời thuật của nhà văn Vũ Bằng (7):

"Lúc ấy Phin bị coi là làm mật thám cho Phát xít Nhật. Hôm xảy ra vụ ám sát, Văn Cao nằm một cái giường ngay sát giường của Phin [trong tiệm thuốc phiện]. Đợi Phin hút [thuốc phiện] xong xuôi rồi, nằm lơ mơ, Văn cao gọi; "Phin ơi," Phin quay lại xem có gì xảy ra thì Văn Cao nói tiếp: "Phin ơi, tao giết mày." Bắn xong, Văn Cao đứng dậy đi ra, nhảy lên một chiếc xe đạp đi thong thả một chút rồi ở trong tiệm người ta mới hô hoán Phin bị bắn.

"Một vài người khác, cũng là dân hút và cũng ở Hải Phòng lúc đó, lại nói khác đi một chút... Phin hút xong, ngồi dậy ăn cái bánh xong nằm hút thì từ cầu thang Văn Cao và một thanh niên nữa bước lên đứng chắn lối đi... Văn Cao rút túi lấy bản "cáo trạng" đọc cho Phin nghe, kể hết tội "Việt gian" của Phin. Xong xuôi, L. bắn hai phát, Phin chết liền tại chỗ." (8)

Dù thế nào, Văn Cao cũng đóng một vai trò quan trọng trong vụ ám sát ông Phin. Vũ Bằng kể tiếp rằng: *"Sau đó im bặt, không ai nói đến Văn Cao nữa."* Có thể Văn Cao lánh đi để tránh bị mật thám Pháp và Nhật theo dõi, nhưng lúc đó ở Hải Phòng cũng như ở Hà Nội, có nguồn dư luận cho rằng ông Đỗ Đức Phin là một người yêu nước, hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, nên bị đảng Cộng Sản kết án. Không ai lấy làm lạ về việc Việt Minh cộng sản truy lùng và bắt giết các đảng viên Việt Quốc. Khi biết nạn nhân Đỗ Đức Phin là một nhà hoạt động yêu nước, Văn Cao rất ân hận về hành động của mình. Điều nầy cũng dễ hiểu, vì Văn Cao là một nghệ sĩ nhạy cảm, dễ rung động. Dư luận cho rằng chính vì vậy mà từ đó Văn Cao chỉ hoạt động cầm chừng và ít khi xuất hiện.

Trong cuộc biểu tình cướp chính quyền của Việt Minh ngày 19-8-1945 tại Hà Nội, Văn Cao đánh nhịp cho đoàn Thanh niên Xung phong hát bài "Tiến quân ca" của ông trước Nhà Hát Lớn. Sau khi Hồ Chí Minh (1890?-1969) cầm quyền, Văn Cao được Tố Hữu (tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh 1920) tiến dẫn gặp Hồ Chí Minh. Tháng 3-1946, Quốc hội do chính phủ Hồ Chí Minh tổ chức bầu cử nhóm họp tại Hà Nội, đã chọn bản "Tiến quân ca" làm quốc ca nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Việc nầy được ghi lại trong điều 3 của Hiến pháp ngày 9-11-1946: *"Quốc ca là bài Tiến quân ca."* (Sau nầy, bài "Tiến quân ca" cũng là quốc ca của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 1976.)

Chiến tranh bùng nổ ngày 19-12-1946, gia đình Văn Cao tản cư lên Lào Kay, qua Tuyên Quang, rồi đến Phố Yến thuộc Vĩnh Yên. Nhận thấy Văn Cao càng ngày càng về miền xuôi, đảng Cộng Sản sợ Văn Cao sẽ bỏ về thành phố Hà Nội, lúc đó do chính quyền Quốc gia kiểm soát, nên ra lệnh cho Văn Cao lên chiến khu Việt Bắc. (9) Tại đây, ông viết bản trường ca "Sông Lô" khá nổi tiếng năm 1947 và gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương tháng 3-1948. (10) Năm sau (1949), ông được lệnh viết bản nhạc "Lãnh tụ ca," ca tụng Hồ Chí Minh. Bản nhạc nầy xem ra không thành công và ít được nhắc đến, kể cả phía cộng sản.

Năm 1952, ông được gởi đi Liên Xô với lý do nghiên cứu thêm về âm nhạc trong phái đoàn văn hóa do Trần Huy Liệu cầm đầu. Chính cuộc xuất ngoại nầy làm cho Văn Cao thất vọng về"thiên đường cộng sản." (11)

Năm 1954, chiến tranh đến hồi khốc liệt. Trận Điện Biên Phủ là đề tài cho các văn công cộng sản đề cao tính chiến đấu của cán binh cộng sản thì Văn Cao vẽ một bức tranh sơn dầu lập thể. Bức tranh đó được mô tả lại như sau: *"Một cậu bé thổi sáo bằng hai cái mồm, một cái được vẽ từ cách nhìn thẳng và một cái được vẽ bằng cách nhìn nghiêng. Đằng sau cậu bé, trên cái nền đông nghịt những con người trong một tiết tấu đầy chuyển động của nhịp chiến tranh."* (12) Ý nghĩa thật sự của bức tranh nầy chỉ có Văn Cao hiểu vì do chính ông vẽ ra.

Người xem rất khó nắm bắt được những ý tưởng của ông trong bức tranh, nhưng bức tranh thể hiện một cậu bé với hai cái mồm, nếu không mỉa mai giọng điệu lật lọng hai lời của đảng Lao Động (đảng Cộng Sản Đông Dương cải danh thành đảng Lao Động năm 1951), thì cũng không phải để ca ngợi chiến công Điện Biên Phủ của quân đội Việt Minh cộng sản.

Sau hiệp định Genève (20-7-1954), nước Việt Nam bị chia hai, Văn Cao hồi cư về Hà Nội, làm việc trong đài Phát thanh, nhưng rất ít sáng tác. Một nghệ sĩ tài danh, say mê âm nhạc và sống với âm nhạc từ thuở nhỏ, mà phải tự mình giữ im lặng, không sáng tác một nhạc phẩm nào, thật là cả một khổ tâm khó nói.

2. Di ngôn của một nghệ sĩ đa dạng

Theo lời tác giả Nguyễn Thụy Kha, năm 1955, *"Anh quyết định cầm bút sau đúng 10 năm không hề làm một câu thơ nào từ bài 'ngoại ô mùa đông' 1945."* (13) Do quá bức xúc vì thời cuộc, ông mới cầm bút trở lại để nói lên tâm sự u uất của ông và cả của dân chúng lúc bấy giờ dưới chế độ cộng sản khắc nghiệt. Lời lẽ thơ ông lúc nầy rất buồn và chán nản. Dưới đây là một đoạn trong bài "Anh có nghe không?" đăng trong *Giai Phẩm mùa Xuân*, phát hành tháng 2-1956, trước Tết Bính Thìn:

... Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả
Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống

*

Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người..." (14)

Trong bài thơ dài "Những người trên cửa biển," đăng trên *Giai Phẩm Mùa Thu* tập 2, Hà Nội, tháng 10-1956, Văn Cao cũng bị ám ảnh vì "chúng nó":

... Những con bạch tuộc
Bao nhiêu tay chân dìm chết một con người
Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỏi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rỗng những con người, lùi dần niềm hy vọng
Héo dần mầm sáng tạo, mất phẩm giá con người..." (14)

Văn Cao là một trong những người đóng góp bài vở cho các đặc san *Giai Phẩm* và báo *Nhân Văn*, là hai tờ báo ở Hà Nội theo chủ trương đòi hỏi tự do báo chí và tư tưởng, đả kích những tệ đoan xã hội do nạn quan liêu, bè phái, độc tài, thiếu dân chủ của nhà cầm quyền Hà Nội dưới sự lãnh đạo của đảng Lao Động. Đặc san Giai Phẩm ra được năm số gồm có Giai Phẩm mùa Xuân (tháng 2-1956), ba số Giai Phẩm mùa Thu và Giai Phẩm mùa Đông. Bán nguyệt san Nhân Văn ra được năm số, số đầu vào ngày 20-9-1956, đến số 6 đang in thì bị tịch thu và bị đình bản vào giữa tháng 12-1956.

Như những văn nghệ sĩ khác trong nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm*, Văn Cao bị kỷ luật, phải tham dự khóa học tập chính trị vào đầu năm 1958, do tiểu ban Văn nghệ Trung ương đảng Lao Động phối hợp với Vụ Bảo vệ Văn hóa thuộc ngành Công An tổ chức, theo nghị quyết chấn chỉnh công tác văn nghệ ngày 6-1-1958 của Bộ Chính trị Trung ương đảng do Trường Chinh ký. Nói là khóa học tập chính trị, nhưng kỳ thật đây là một cuộc họp để đấu tố các văn nghệ sĩ phản kháng chế độ.

Vào tháng 7-1958, trong bài "Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao" trên *Văn Nghệ* số 14, thi sĩ Xuân Diệu đã đả kích Văn Cao là *"con người phản phúc hai mặt, giả dối như con mèo, là một tên phù thủy toan dùng âm binh để chọi nhau với Đảng."* (14) Văn Cao bị loại trừ ra khỏi ban chấp hành Hội Nhạc sĩ sáng tác. Từ đó, tên tuổi Văn Cao hầu như không xuất hiện trên các tạp chí văn chương nghệ thuật ở Hà Nội. Ông sống âm thầm bằng đủ thứ nghề, như viết nhạc không lời cho các truyện phim và truyện kịch, trang trí sân khấu cho các đoàn kịch, và vẽ quảng cáo các báo... Dầu rất ít sáng tác, vào gần cuối đời ông, người nghệ sĩ tài hoa đa dạng nầy đã gởi gắm tâm sự âm thầm của mình một cách hết sức tế nhị qua một bản nhạc, một bức họa và một bài thơ được sáng tác trong những hoàn cảnh và thời gian khác nhau.

Một bản nhạc: Thời cuộc biến chuyển. Năm 1975, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội cưỡng chiếm miền Nam, thống nhất đất nước dưới bạo quyền của họ. Vào cuối năm đó, Văn Cao

sáng tác bài hát "Mùa xuân đầu tiên," rất nhẹ nhàng, êm đềm và đầy tình người. Nguyên văn lời ca như sau:

"Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về./ Mùa bình thường mùa vui nay đã về./ Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên với khói bay trên sông gà đang gáy trưa bên sông./ Một trưa nắng vui cho bao tâm hồn. Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về./ Người mẹ nhìn đàn con nay đã về./ Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên./ Nước mắt trên vai anh giọt rơi ấm đôi vai anh./ Niềm vui phút giây như đang long lanh./ Ôi giờ phút yêu quê hương làm sao trong mùa xuân vui đầu tiên!/ Ôi giờ phút trong tay anh đầu tiên một cuộc đời êm ấm!/ Từ đây người biết quê người./ Từ đây người biết thương người./ Từ đây người biết yêu người./ Giờ dặt dìu mùa xuân theo én về./ Mùa bình thường mùa vui nay đã về./ Mùa xuân mơ ước ấy xưa có về đâu với khói bay trên sông gà đang gáy trưa bên sông./ Một trưa nắng thôi hôm nay mênh mông." (15)

Trước hết, tại sao đây lại là "mùa xuân đầu tiên" đối với Văn Cao? Trong lịch sử đấu tranh của Việt Minh cộng sản, mùa xuân đầu tiên phải là mùa xuân năm 1946, sau khi họ cướp được chính quyền vào mùa thu năm 1945. Nếu không phải năm 1946, thì phải là mùa xuân năm 1955, khi cộng sản chiếm hẳn được một nửa đất nước sau hiệp định Genève ngày 20-7-1954, mới đúng là mùa xuân đầu tiên của họ. Thế mà Văn Cao lại không thừa nhận những điều nầy, trong phần cuối bài hát trên đây, ông viết: ."..Mùa xuân mơ ước ấy xưa có về đâu với khói bay trên sông gà đang gáy trưa bên sông..."

Có thể, đối với Văn Cao, đây là mùa xuân đầu tiên vì đất nước đã im tiếng súng sau bao nhiêu năm chiến tranh triền miên (điều nầy năm 1946 và 1954 chưa đạt được), và các gia đình đã được sum họp vì con cháu ở phía bên nầy hay phía bên kia đều không còn vắng nhà vì chinh chiến. *"...Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên với khói bay trên sông gà đang gáy trưa bên sông..."* Một hiện tượng tế nhị ít được chú ý là trước kia, người Việt bị chia rẽ trầm trọng vì sự tuyên truyền đầu độc của cộng sản, người nầy thù hận người kia, bên nầy thù hận bên kia. Ngay sau biến cố năm 1975, cộng sản đã để lộ bộ mặt thật của họ, mọi sự giả trá đều được phơi bày, nên toàn thể dân chúng, Bắc cũng như Nam, đều ý thức được rằng tất cả họ đều đã bị cộng sản lừa bịp trong mấy mươi năm nay. Từ đó, người Việt ở Bắc cũng như Nam thông cảm nhau hơn, thương yêu nhau và đứng về một phía đối kháng lại với nhóm cộng sản cầm quyền. Phải chăng đó mới là ý nghĩa đoàn kết thương yêu nhau thật sự của "Mùa xuân đầu tiên," mà một nghệ sĩ nhạy bén như Văn Cao đã cảm nhận được?

TRẦN VẤN LỆ

MỘT NGÀY BỐN MÙA

Tháng Bảy, em ơi, trời đất Los, bốn mùa thấy ở một ngày thôi: Sáng, chim không hót vì sương giá, khăn áo người che kín cả người...

Khi vầng nhật hiện mới là Xuân. Trước giậu nhà tôi nở đóa hồng. Con bướm bay theo cô gái Mỹ, áo len nàng cởi thắt ngang lưng.

Rồi trưa... Vầng nhật như vầng lửa trên cái ô bà cụ xuýt xoa. Ông cụ đi bên chùi nước mắt, không buồn chi cả cũng tuôn ra!

Mùa Hè khép lại khi chiều xuống. Nắng ở bên sông nắng thở dài. Gió nhẹ vuốt ve từng đám cỏ, lá vàng năm ngoái trở mình bay...

Một ngày, em ạ, bốn mùa qua, tuần tự như tôi trẻ tới già! Hai chữ Nhớ Thương thành bốn chữ: Sầu-Đau-Thương-Nhớ Việt Nam xa...

Ở đây không có trăng đầu xóm. Tôi vớt vầng trăng rớt dưới sông. Không một lá tre nào vướng víu, Los Angeles buồn mênh mông!

Trong hoàn cảnh bình thường, ví dụ ngày nay ở hải ngoại, người nghe những lời ca êm đềm nầy chẳng thấy có gì đáng chú ý, với những lời lẽ đầy ắp yêu thương. Tất cả bức tranh êm đềm nầy diễn tả rất đúng tâm trạng mong mỏi hòa bình sum họp của dân chúng Việt Nam, và đề cao tình người một cách hết sức sâu sắc ý nhị. Bản nhạc nầy không nói đến chiến tranh, không viết về hận thù, không nhắc đến chiến thắng, lại không tâng công đảng Lao Động nay đổi thành đảng Cộng Sản, cũng không ca tụng Hồ Chí Minh. Điều đó có nghĩa là bản nhạc nầy hoàn toàn lạc điệu, không hòa nhập vào không khí chính trị do cộng sản chủ trương sau biến cố năm 1975, tiếp tục khí thế đấu tranh giai cấp sắt máu bằng "bạo lực cách mạng," gây chia rẽ, hận thù chính trị, đưa hàng trăm ngàn người đi tù ở những vùng rừng thiêng nước độc, đẩy hàng triệu người đến những hoang địa "kinh tế mới." Nói theo ngôn ngữ cộng sản, bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên" của Văn Cao đã đi sai đường lối chính sách của đảng, mà ông Trường Chinh (tên thật Đặng Xuân Khu, 1907-1988), uỷ viên Bộ chính trị đảng Lao Động, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (từ ngày 7-7-1960), quy định trong bài "Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa" đọc trước Đại hội Văn nghệ Bắc Việt năm 1962:

"Văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ đường lối chính sách của đảng. Văn nghệ sĩ phải trung thành với lý tưởng cộng sản và đấu tranh không mệt mỏi cho chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ sĩ bằng hoạt động văn nghệ và hoạt động xã hội của mình cần luôn luôn phấn đấu để tăng cường sự lãnh đạo của đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đảng, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin..." (16)

Tác giả "Mùa xuân đầu tiên," nhạc sĩ Văn Cao, sau hơn 20 năm im hơi lặng tiếng, nay viết nhạc trở lại, và chỉ ca tụng tình yêu thương giữa người với người, đương nhiên là một hiện tượng nghệ thuật không qua mắt được Uỷ ban Khoa giáo Trung ương đảng do Tố Hữu đứng đầu. Bản nhạc vừa được phổ biến liền bị rút giấy phép và cấm lưu hành. Tuy nhiên, bản nhạc nầy vẫn được tiếp tục trình diễn trong chương trình Việt ngữ đài phát thanh Moscow, Liên Xô, vì đài nầy không lệ thuộc quyết định của đảng Cộng Sản Việt Nam, và có thể những người phụ trách đài nầy lúc đó đồng tình với ý nghĩ của Văn Cao. Nhờ thế, bản nhạc mới có cơ hội được truyền bá và bảo lưu cho đến nay.

Một bức họa: Trong khi đó, tại nước nhà, Văn Cao lại rút vào trong vỏ ốc cô đơn triền miên, với đời sống khép kín, và chỉ còn biết uống rượu, vẽ tranh để giải trí một mình, bởi vì hội họa là loại hình nghệ thuật không lời mà bạo quyền khó bắt bẻ được. Khoảng năm 1977, một họa sĩ miền Nam là Đỗ Toàn, tên thật là Đoàn Văn Toàn, tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Huế, giáo sư hội họa trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng trước năm 1975, trong chuyến viếng thăm Hà Nội, đã ghé thăm Văn Cao. Theo Đỗ Toàn, nhà Văn Cao trống trơn, xơ xác, ở giữa treo một bức họa lớn vẽ một người thượng du cỡi một con ngựa chiến rất đẹp. Nhiều người Việt thường có định kiến bất công là tỏ ra xem khinh người miền núi, gọi họ là dân thiểu số, hay dân "mọi." Rất thắc mắc về bức tranh một người "mọi" cỡi trên lưng một con ngựa cao lớn oai phong, nên trong lần gặp gỡ thứ nhì, trong dịp ra Hà Nội đó, Đỗ Toàn mới hỏi Văn Cao ý nghĩa thật sự của bức tranh là gì? Văn Cao vừa cười vừa giải thích: *"Thì cái nước Việt Nam mình hiện nay là vậy đó. Một đất nước giàu có với một dân tộc anh hùng đang bị mấy thằng 'mọi' đè đầu đè cổ."* Hiểu được thâm ý của Văn Cao, Đỗ Toàn đáp lại: *"Anh vẽ thế anh không sợ ..."* Mới ngang đây, Văn Cao ngắt lời: *"Tôi chỉ nghĩ trong đầu thôi chứ có phổ biến thành bài viết giấy tờ gì đâu mà sợ?"* Đỗ Toàn sửa lại: *"Không, ý tôi muốn nói là anh không sợ người 'mọi' họ kiện hay sao khi anh so sánh họ với đám lãnh đạo?"* (17)

Thật ra, thâm ý của Văn Cao còn sâu sắc hơn nữa, vì trong thời gian chiến tranh chống Pháp, báo chí Việt Minh cộng sản thường tuyên truyền với dân chúng bằng bức tranh Hồ Chí Minh ngồi ngựa đi quan sát chiến trường, đăng trên các báo. Hình ảnh nầy gây ấn tượng vừa hào hùng, vừa lãng mạn của một chiến sĩ trên mình ngựa xông pha ngoài sương gió... Nay hình ảnh nầy được Văn Cao dùng làm ẩn dụ để mỉa mai một cách kín đáo mà ông không thể nào chia xẻ bằng lời, dưới một chế độ khắc nghiệt đến độ *"Đến nghĩ ngợi cũng cần phải xin phép."* (18)

Nói đến bức tranh họ Hồ cỡi ngựa, có lẽ nên mở ngoặc nhắc đến tác giả của bức tranh nầy, ông Dương Bích Liên. Dương Bích Liên là một trong bốn họa sĩ nổi tiếng nhất Hà Nội

sau năm 1954. Ba người kia là Bùi Xuân Phái (1921-1988), Nguyễn Tư Nghiêm, và Nguyễn Sáng (1923-1988) (19). Năm 1956, Trung ương đảng Lao Động, qua Tố Hữu, gọi Dương Bích Liên đến vẽ chân dung Hồ Chí Minh. Dương Bích Liên trả lời rằng muốn vẽ cho linh hoạt, họa sĩ cần phải có thời gian quan sát thật gần ông Hồ làm việc. Đưa ra điều kiện nầy, họa sĩ họ Dương hy vọng cộng sản sẽ giao cho người khác vẽ thay mình. Thế nhưng cộng sản lại sắp đặt cho Dương Bích Liên ngồi quan sát họ Hồ làm việc suốt một tuần lễ tại căn nhà sàn. Cuối cùng tranh vẫn không được vẽ. Bị căn vặn, Dương Bích Liên trả lời khéo: *"Chủ tịch là người phi thường, tôi không đủ tài diễn tả hết nổi, nên không vẽ được."* Trong khi đó, giới họa sĩ Hà Nội kháo với nhau rằng Dương Bích Liên không muốn dùng cây cọ của mình để tô điểm hình ảnh một người khi đã nhìn được mặt thật của kẻ đó. Từ đó, cho đến khi từ trần (khoảng 40 năm sau), Dương Bích Liên không bao giờ triển lãm và chỉ vẽ tranh phụ nữ và trẻ em mà thôi. (20)

Một bài thơ: Trở lại chuyện Văn Cao, để tránh sự dòm ngó của cộng sản, ông thường dùng ẩn dụ trong họa cũng như trong thơ. Ẩn dụ là phương cách duy nhất để người nghệ sĩ có thể diễn đạt tư tưởng của mình mà không sợ bị cường quyền bắt bẻ. Ấp ủ mãi một khối buồn trong tim, vào tuổi 65, một lần nữa, Văn Cao lại dùng những ẩn dụ trong bài thơ "Ba biến khúc tuổi 65," viết vào tháng 9-1988, để bộc bạch rõ nét nhất tâm trạng u uất của suốt cuộc đời ông:

Ba biến khúc tuổi 65

Những ngày buồn không nói được
tôi chỉ tìm ra sự sống của tôi.

I

Một người cho tôi một con dao găm
Không biết dùng làm gì
đêm nhìn qua cửa sổ
một khoảng trống đen

tôi ném vào khoảng trống
con dao găm ấy
có phải đây là sự nghịch ngợm

bỗng nhiên có tiếng ngã ngoài sân
một người trúng tim đã chết

tôi không hề biết người ấy
tôi là kẻ không muốn giết người
chỉ biết bóng tối
mà tôi đã ném dao

II

Tôi đi trên phố
bỗng nhiên mọi người nhìn tôi
một ai đó kêu lên thằng ăn cắp
tôi chạy
tôi chạy
tại sao tôi chạy?
tôi không hiểu tôi
cả phố đuổi theo tôi
xe cộ đuổi theo tôi

tôi chạy bạt mạng
gần hết đời
tới chỗ chỉ còn gục xuống
tỉnh dậy mồ hôi chảy
tôi lại thấy tôi là người chưa phạm tội

III

Tôi rơi vào mạng nhện
mạng nhện cuốn lấy tôi
không còn cách gì gỡ được
tôi như con sâu tằm
cuộc đời cứ như thế

muốn phá cái mạng nhện
tôi không đủ tay (21)

Biến khúc thứ nhất phải chăng ám chỉ về vụ Đỗ Đức Phin năm 1945? Hay đây là ẩn dụ về sự lầm lẫn của ông trong tuổi thanh xuân, đã lỡ nghe theo Việt Minh, làm tay sai cho một đảng độc tài bất nhân, chỉ chuyên đàn áp và bóc lột dân chúng? Biến khúc thứ nhì rõ ràng là sự phỉ báng của dân chúng đối với hành động thất nhân tâm mà ông hay đảng của ông đã làm, nhưng tự vấn lương tâm mình, như người đã lỡ tay phóng dao trong đêm tối, ông chỉ bị hoàn cảnh cuốn hút và xét thấy mình chẳng gây tội ác gì, đầu bị nhân gian đuổi theo nguyền rủa. Và biến khúc thứ ba chứng tỏ ông muốn thoát ra khỏi con bạch tuộc cộng sản nhưng ông không tài nào làm được.

Tâm sự của Văn Cao không phải chỉ là tâm sự cá biệt của riêng ông, nhưng là tâm sự chung của biết bao nhiêu người đã lên đường cứu nước năm 1945, cho đến khi về già thì mới biết mình đã lầm đường lạc lối. Như những người bình thường khác, Văn Cao đi theo kháng chiến để chống Pháp giành độc lập, nhưng không ngờ công sức kháng chiến của

toàn dân đã bị đảng Cộng Sản lợi dụng để phục vụ quyền lợi riêng tư của họ. Rất nhiều người mang tâm trạng như Văn Cao, và cũng không biết làm sao thoát ra, chỉ đành ngậm ngùi ân hận cho đến cuối đời. Mà càng âm thầm ngậm ngùi ân hận, niềm đau càng chất chồng cay đắng không nguôi, nhất là khi chứng kiến vận mệnh của đất nước càng ngày càng tuột dốc thê thảm.

Sau năm 1975, với một bản nhạc, một bức họa, và một bài thơ ở tuổi 65, kiểm điểm lại đời mình, chẳng những Văn Cao muốn kín đáo bộc bạch tâm tư u uẩn của ông, mà còn có thể ông muốn nhắn nhủ với đời một cách khéo léo rằng ông đã ý thức rõ rệt việc làm của ông đã đi ngược với lòng dân, *"cả phố đuổi theo tôi/ xe cộ đuổi theo tôi,"* vì ông đã một thời lầm đường vào lịch sử. Dầu đã từng *"rơi vào mạng nhện/ mạng nhện cuốn lấy tôi/ không còn cách gì gỡ được/ tôi như con sâu tằm/ cuộc đời cứ như thế,"* nhưng khi còn lại một mình đối diện với chính mình, bước ra khỏi cơn mê muội chập chờn, *"tỉnh dậy mồ hôi chảy,"* và sau những lần tự vấn lương tâm lúc trí óc còn sáng suốt trong buổi hoàng hôn của đời mình (Văn Cao từ trần ngày 10-7-1995), ông mới có thể tự xác định: *"tôi lại thấy tôi là người chưa phạm tội."* Phải chăng đây là di ngôn để nhân gian hiểu cho tâm hồn của một nghệ sĩ lãng mạn, tài hoa, đa dạng, vẫn luôn luôn cố gắng gìn giữ tấm lòng trong sáng, dù phải nổi trôi đắm chìm theo dòng đời đầy kịch tính chính trị trong một giai đoạn nhiễu nhương nhất của lịch sử nước nhà?

Chú thích:

1. Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc,* Nxb. Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hóa, Sài Gòn, 1959, tr. 220.
2. Vũ Bằng, "Văn Cao, một nghệ sĩ tài hoa" (viết tại Sài Gòn, 1970), đăng trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm,* Lữ Huy Nguyên tuyển chọn, Nxb. Văn Học, Hà Nội 1996, tt. 177-178.
3. Phí Văn Bái, "Văn Cao với những nốt nhạc đầu...," Lữ Huy Nguyên, *sđd.* tr. 170.
4. Trọng Bằng, "Điếu văn đọc tại lễ tang nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ Văn Cao," Lữ Huy Nguyên, *sđd.* tr. 289.
5. Hoàng Văn Chí, *sđd.* tr. 221.
6. Trọng Bằng, *bài đã dẫn, sđd.* tr. 289.
7. Vũ Bằng (1914-1984), tên thật là Vũ Đăng Bằng, còn có những bút danh khác là Tiêu Liêu, Lê Tâm, Vũ Tường Khanh, Hoàng Thị Trâm, nguyên quán tỉnh Hải Dương, là một nhà báo khá nổi tiếng ở Hà Nội trước năm 1954 và Sài Gòn sau 1954. Đặc biệt, theo tiết lộ của báo *Nhân Dân* Hà Nội ngày 9-3-2000, Vũ Bằng hoạt động cho Cục tình báo chiến lược quân sự của cộng sản từ năm 1952. Năm 1954, Vũ Bằng di cư vào Sài Gòn tiếp tục hoạt động với tư cách là cơ sở khai thác tin tức phục vụ tình báo cho đến 30-4-1975.
8. Vũ Bằng, *bài đã dẫn, sđd.* tt. 178-179.
9. Hoàng Văn Chí, *sđd.* tr. 221.
10. Trọng Bằng, *bài đã dẫn, sđd.* tr. 290. [Năm 1945, trước những áp lực do sự hiện diện của các đảng phái theo khuynh hướng quốc gia như Việt Quốc, Việt Cách, của quân đội Trung Hoa và quân đội Pháp, Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 11-11. Thật ra đảng nầy rút vào hoạt động bí mật.]
11. Hoàng Văn Chí, *sđd.* tr. 221.
12. Nguyễn Thụy Kha, "Nửa thế kỷ với người viết quốc ca," Lữ Huy Nguyên, *sđd.* tr. 415.
13. Nguyễn Thụy Kha, "Văn Cao, người viết quốc ca," Lữ Huy Nguyên, *sđd.* tr. 407. [Nguyễn Thụy Kha là người sau nầy được giao phó giữ gìn tất cả bản thảo và sáng tác chưa công bố của Văn Cao.]
14. Hoàng Văn Chí, *sđd.* tt. 222-225.
15. *Tuyển tập nhạc Văn Cao,* Nxb. Trẻ, Sài Gòn, 1988, tt. 60-62.
16. Thân Trọng Mẫn: "Từ phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đến Cao trào văn nghệ phản kháng 1986-1989," tuyển tập *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương,* Nxb. Lê Trần, California, 1990, tr. 24.
17. Câu chuyện nầy do họa sĩ Đỗ Toàn kể cho người viết vào năm 1978 tại Đà Nẵng. Họa sĩ Đỗ Toàn dặn kỹ: *"Chuyện nầy đừng viết, công an biết được thì phiền lắm."* Nay Đỗ Toàn vừa mới qua đời tại Đà Nẵng ngày 2-5-2000. Đỗ Toàn được huy chương bạc tại kỳ triển lãm hội họa Tokyo vào đầu thập niên 60. Muốn kiểm chứng lại chuyện nầy, xin lục xem tranh của Văn Cao, chắc chắn gia đình hiện còn bức tranh nầy.
18. Thơ Trần Mạnh Hảo, "Nhớ Nguyễn Bính," Nguyễn Minh Cần trích dẫn, *Công lý đòi hỏi,* Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 44.
19. Dương Bích Liên chuyên vẽ chân dung; Bùi Xuân Phái chuyên vẽ phố Hà Nội, hề chèo, tranh khỏa thân minh họa thơ Hồ Xuân Hương; Nguyễn Tư Nghiêm chuyên vẽ tranh về chuyện huyền thoại, văn minh Lý, Trần; Nguyễn Sáng, người miền Nam, vợ gốc người Đức, chuyên vẽ tranh thiếu nữ, hoạt động trong nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm,* sau giả điên để thoát.
20. Người viết nghe giới hội họa kể lại tại miền Nam sau 1975, xin ghi lại để tìm hiểu thêm.
21. Lữ Huy Nguyên, *sđd.* tt.81-83.

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài 7: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

Ở Hoa Kỳ, đối với những người gắn bó với đời sống công, việc viết hồi ký là một công tác nghiêm trọng, được thực hiện qua nhiều giai đoạn khoa học. Trước hết là lưu giữ tài liệu ngay từ những ngày đầu làm việc. Đó là những văn kiện do họ đứng tên, những cuộn băng ghi âm và ghi hình, nhật ký do họ ghi hàng ngày, hình ảnh của những sự việc hay biến cố, các hiện vật, các bài báo, phỏng vấn,... liên hệ trực tiếp đến chức chưởng của họ. Sau khi rời bỏ đời sống công, họ đem theo tất cả những tài liệu ấy để hợp cùng chuyên viên các ngành kể cả chuyên viên viết- mà ghi lại sự việc trong thời gian họ can dự. Đó là trường hợp các tổng thống hay các nhân vật có vai trò quan trọng trong các ngành chính trị, văn hoá, giáo dục, kinh tế, xã hội,... Với hàng tấn tài liệu đầu tay như thế, nhiều khi cùng một sự việc, hồi ký của người này vẫn mâu thuẫn với hồi ký của người kia. Ấy là vì cách nhìn vấn đề và cách giải thích sự kiện của mỗi người một khác, tùy theo mục tiêu của mỗi đương sự. Cứ đọc hồi ký của Henry Kissinger Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ thời Tổng Thống Richard Nixon- rồi so sánh với hồi ký của chính tổng thống Richard Nixon thì biết!

Riêng trong cộng đồng gốc Việt cũng đã xuất hiện khoảng 100 tác phẩm dưới dạng hồi ký được xuất bản tại Bắc Mỹ trong những năm 1975-2000. Dĩ nhiên là phần lớn trong số 100 tác giả sinh sống tại vùng đất này. Nhưng không ít tác giả sinh sống ngoài Bắc Mỹ, như Pháp, Úc, Trung Quốc, Nga, Việt Nam, vân vân. Số tác giả sinh sống tại Việt Nam đặc biệt ở chỗ không phải ai cũng là những người đã lìa bỏ chủ nghĩa Cộng Sản để hoà nhập với những người tỵ nạn chính trị hiện đang sống tại Bắc Mỹ. Chẳng hạn như Vũ Ngọc Phan và Tô Hoài, tuy vẫn còn trung thành với chế độ Cộng Sản, nhưng cũng đều có hồi ký xuất bản tại Hoa Kỳ. Cả hai quyển đều do nhà Hồng Lĩnh ở California xuất bản năm 1993: *Cát Bụi Chân Ai* của Tô Hoài và *Những Năm Tháng Ấy* của Vũ Ngọc Phan.

Hồi ký của giới cựu quân nhân QLVNCH chiếm số lượng nhiều nhất, khoảng 30 %. Thứ đến là hồi ký của giới nhà văn nhà báo, khoảng 25%, nhờ nhiều người đã trở lại nghề cũ, ghi lại những biến cố đổi đời của cả một dân tộc mà họ vừa là nạn nhân, vừa là chứng nhân. Trong số hồi ký của các nhà văn nhà báo có cả hồi ký của người còn ở Việt Nam. Thí dụ hồi ký của nhà văn Nguyễn Thụy Long, được nhà Văn Nghệ ở California xuất bản một phần (tựa đề *Hồi Ký Viết Trên Gác Bút*, in năm 1999) và nhà Tuổi Xanh xuất bản một phần (tựa đề *Thuở Mơ Làm Văn Sĩ*, in năm 2000). Số hồi ký của các tác giả gốc Cộng Sản chiếm tới 17%. Giới này, trừ Vũ Ngọc Phan và Tô Hoài vừa đề cập nơi trên, là những cựu đảng viên Đảng Cộng Sản đã phản tỉnh. Nhiều người đã chạy được sang Thế Giới Tự Do, nhưng cũng có người còn ở Việt Nam như Trần Độ chẳng hạn (hồi ký của Trần Độ là *Đổi Mới, Niềm Vui Chưa Trọn* do nhà Văn Nghệ mới xuất bản ở California). Lại có người bỏ Việt Nam chạy sang Trung Quốc, vẫn còn theo chủ nghĩa Cộng Sản mà họ mệnh danh là "Cộng Sản chính thống Hồ Chí Minh" như Hoàng Văn Hoan với *Giọt Nước Trong Biển Cả* (xuất bản tại Oregon, 1991, 462 trang). Số chuyên viên các ngành thời VNCH và ở hải ngoại cũng có những hồi ký riêng của họ, chiếm 15%. Giới phụ nữ góp phần không nhiều, chỉ khoảng 6%, nhưng họ đã làm cho thể hồi ký thêm phong phú và sống động vì họ đã giúp độc giả đi vào thế giới của những cuộc hôn nhân dị chủng. Giới chính khách và đảng phái thời VNCH ít viết hồi ký, khoảng 5%.

Tổng số tác giả có thể liệt kê theo bảng

dưới đây.

NHÓM THỨ BA: Những Người Viết Hồi Ký

Quân nhân:	30 người
Nhà văn & Nhà báo:	25 người
Nhân vật Cộng Sản:	17 người
Chuyên viên &Công chức:	15 người
Phụ nữ:	6 người
Chính khách & Đảng phái:	5 người
Tổng Cộng:	**98 người**

Những hồi ký của người Việt viết hay xuất bản tại Bắc Mỹ đều có chung một mục đích là, nói như Trần Văn Đôn trong *Việt Nam Nhân Chứng,* trang 12, "góp một phần nào tài liệu cho người viết sử mai sau," hay như Nguyễn Tường Bách trong *Việt Nam Một Thế Kỷ Qua.*

Hồi Ký Cuốn Một 1916-1946 trang xii, "cũng có thể giúp cho những ai quan tâm đến quá khứ, có thể thành một ít sử liệu," hay như Đinh Văn Ngọc trong *Hồi Ký Hai Mươi Năm Thăng Trầm* trang 18-19, "... góp phần làm sáng tỏ thêm cho lịch sử của nền thể thao thể dục của nước nhà," hay như Hoàng Văn Hoan trong *Giọt Nước Trong Biển Cả* trang 2, "... nêu ra một số sự thật... để sau này những người có quan tâm đến cách mạng Việt Nam có thể tham khảo," hay như Vũ Thư Hiên trong *Đêm Giữa Ban Ngày* (Hồi Ký Chính Trị Của Một Người Không làm Chính Trị) trang 13, "Trong cuốn sách này chỉ có sự thật." Họa hoằn mới có một vài tác giả như Huỳnh Văn Lang đã phân biệt hồi ký với lịch sử khi ông cho biết ông chỉ ghi lại những kinh nghiệm riêng của ông, và dựa vào ký ức cá nhân, chứ không dựa theo tài liệu, sách vở và, nguyên văn, "lọc đi lọc lại, sửa chữa đi sửa chữa lại" như nhà viết sử. Nhưng rồi khi viết hồi ký, chính ông đã tham khảo rất nhiều những nhân vật then chốt trong chính phủ thời Đệ Nhất Cộng Hoà như Lâm Lễ Trinh, Đoàn Thêm, Cao Xuân Vỹ, Đỗ La Lam, sĩ quan cao cấp như cựu đại tướng Trần Thiện Khiêm, các cựu đại tá Nguyễn Văn Y, Nguyễn Quang Sanh, Trần Văn Hổ, Nguyễn Hữu Phước, Trần Thanh Chiêu, những nhân vật văn hoá như Lê Ngọ Châu, những cựu dân cử như Phan Thị Nguyệt Minh, Nguyễn Thị Xuân Lan, Nguyễn Thị Trang Hai, Lê Phát Đạt, kể cả, nguyên văn, "người vợ Bắc Kỳ" của ông... để việc ghi lại những chi tiết trong hồi ký của ông được xác thực. Chính vì làm việc thận trọng như vậy, ông đã đóng đúng vai trò chứng nhân để giúp ích cho các nhà viết sử sau này!

Dĩ nhiên, đã có người viết hồi ký vì muốn nói lên sự thật, như tôi vừa có dịp vinh danh tác giả Huỳnh Văn Lang trên đây. Nhưng hồi ký không phải là một thể văn thích hợp cho người Việt trình bầy sự kiện như nó đã xẩy ra trong quá khứ vì lẽ đơn giản là họ không hề có trong tay những chứng cứ đáng tin cậy. Họ cũng thiếu cả sự kiên nhẫn và, trong nhiều trường hợp, thiếu sự nhũn nhặn cần thiết để tham khảo người khác. Họ viết phần lớn do sự nhớ lại những gì họ đã trải qua hay can dự hàng nhiều thập niên đã qua. Việc nhớ lại những chi tiết của sự việc trong hàng nửa thế kỷ trước để sắp xếp chúng theo thứ tự thời gian đã là nhiêu khê và khó khăn lắm, huống chi lại còn thêm cả đối thoại trong hồi ký thì độc giả làm sao tin được!

Nói chung, với bản chất thích khoe khoang và nhiều tự ái, người Việt ít khi trình bầy sự việc một cách trung thực. Hơn nữa, trong hoàn cảnh thực tế hiện nay là ở Hoa Kỳ, khi xin việc người ta phải nộp tiểu sử (resumé), việc trình bầy sự thực về mình hay những việc liên quan đến mình là một điều nhiều người Việt cho là một thói quen xưa cũ và rất... dại!

Thật sự, người Việt viết hồi ký vì nhiều động cơ khác nhau, mà động cơ "để làm tài liệu cho người viết sử" nhiều khi chỉ là một động cơ rất mờ nhạt, thứ yếu! Đọc các hồi ký của người Việt xuất bản trong vòng 25 năm qua tại Bắc Mỹ, độc giả có thể thấy rõ đâu là những động cơ thật sự của các tác giả. Nhiều lắm. Như để bào chữa hay biện minh cho sự thất bại của họ. Để thỏa mãn những ấm ức đối với cấp trên hay người đồng đảng đồng chí chất chứa trong lòng từ lâu. Để có được một số tiền do các cơ quan công quyền Hoa Kỳ tài trợ. Để theo thời thượng. Và để làm món quà tinh thần cho con cháu nhân dịp lễ thọ hay ngân hôn, kim hôn...

Một điều cần nói là một số "tác giả" gốc Việt viết hồi ký đã không thành thật với mình và với người. Tôi viết tác giả trong ngoặc kép vì họ không phải là người viết thật sự. Họ chỉ cung cấp một số chi tiết, rồi nhờ hay thuê một hay nhiều người khác múa bút. Thật ra, cách viết này rất thông thường trong sinh hoạt văn hóa của người bản địa Hoa Kỳ. Nhưng trong trường hợp có người khác viết chung, người Hoa Kỳ ít khi quên ghi tên người cộng tác ấy là đồng tác giả. Phần người Việt, chỉ có một số nhỏ tác giả, vì vừa quen với nếp sống Hoa Kỳ và vừa có trình độ văn hoá cao, đã trung thực ghi lại những đồng tác giả với họ, như Nguyễn Tiến Hưng ghi rõ Jerrold L. Schecter là đồng tác giả với ông để viết *The Palace File* xuất bản năm 1986 tại New York, hay như Bùi Diễm ghi rõ David Chanoff là đồng tác giả với ông

để viết *In The Jaws of History* xuất bản năm 1987 tại Massachusetts.

Thế giới hồi ký, do đó, là một thế giới hỗn tạp, một mặt đầy những chủ quan và thù hận, một mặt đầy những khoáng trương và khoe khoang, một cách vô tình và cố ý. Độc giả của hồi ký, do đó, khi đọc chơi giải trí thì được, hay đọc để tỏ ra lịch sự với người tặng sách thì được, nhưng còn muốn tìm hiểu những sự thực lịch sử thì phải cẩn thận vô cùng. Hãy lấy vài thí dụ để phản ánh cái khoáng trương của thể hồi ký đối với người Việt. Có người một đời chỉ mải ăn chơi, nhưng khi viết (?) hồi ký lại tự nhận mình là người xướng xuất ra quốc kỳ mầu vàng ba sọc đỏ (xin xem: Trần Văn Đôn, *Our Endless War Inside Vietnam*, California, 1978, trang 39 và *Việt Nam Nhân Chứng*, California, 1989, trang 74). Có người làm thượng tướng thì... xạo hết chỗ nói (XHCN), viết rằng quân lính của họ bắn súng trường, nguyên văn: *"xuyên táo: 2 viên đạn diệt được 4 người, 3 viên diệt được 5 người"* (xin xem: Thượng Tướng Đặng Vũ Hiệp, *Ký Ức Tây Nguyên,* Hà Nội, nxb Quân Đội Nhân Dân, 2000, trang 246). Và nếu quí vị tướng lãnh cầm quyền thời VNCH thật sự văn võ song toàn như họ viết trong những hồi ký đang bầy bán ở Bắc Mỹ thì Bắc Mỹ làm gì có thị trường cho sách của họ: làm gì có người Việt tỵ nạn chính trị sinh sống nơi đây!

Cái khổ của người viết sử là... vẫn phải tìm đọc hồi ký. Bởi vì dù phải đọc hàng ngàn trang mới thu lượm được một hay hai sự kiện chính xác để tái tạo quá khứ cho đời sau, thì thời giờ, công khó, và tiền bạc mà người viết sử bỏ ra là đã đáng, và phải làm!

Cho nên, chỉ mong những ai viết hồi ký hãy nghĩ đến cái khổ của người viết sử mà tự chế và thận trọng!

1. Giới Chính Khách và Đảng Phái

Liệt kê trong phần này là năm tác giả: Bảo Đại, Bùi Diễm, Huỳnh Văn Lang, Nguyễn Tường Bách, và Nguyễn Xuân Chữ. Thực ra, nói về chính khách VNCH không thể không đề cập đến quí vị tướng lãnh cầm quyền thời Đệ Nhị Cộng Hòa, những người từng là tổng thống, thủ tướng, và tổng bộ trưởng. Nhưng hồi ký của quí vị tướng lãnh sẽ được giới thiệu trong phần quân nhân vì đó mới chính là cái gốc của họ.

Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nước Việt Nam, đã mất từ năm 1997. Hồi ký của Bảo Đại được xuất bản khi Bảo Đại còn sống. Nguyên tác bằng Pháp ngữ được in tại Paris năm 1980, tựa đề *Le Dragon d'Annam*. Đến năm 1990, Nguyễn Phước Tộc cho dịch hồi ký sang Việt ngữ và xuất bản ở California, tựa đề *Con Rồng Việt Nam. Hồi Ký Chánh trị 1913-1987,* 610 trang. Dù phải đọc bản văn dịch, tôi vẫn thấy thấp thoáng cách diễn tả ý nhị và văn hoa của nguyên tác, vốn là cách viết của bất cứ một người Pháp trí thức nào, huống chi đây là những người Pháp thượng lưu!

Thật vậy, cần nói ngay rằng Le Dragon d'Annam không phải là sách do chính Bảo Đại viết. Cuộc điều tra của Nguyễn Đắc Xuân sinh viên tranh đấu Đại Học Sư Phạm Huế vào bưng theo Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam năm 1968 nay là người chuyên khảo về Huế tại Việt Nam- về tác giả đích thực của Le Dragon d'Annam đã cung cấp cho chúng ta những dữ kiện sau đây.

Đầu năm 1999, Nguyễn Đắc Xuân từ Việt Nam qua Pháp để sưu tầm tài liệu. Nhân dịp này, ông đã gặp và phỏng vấn bà Bùi Mộng Điệp, năm nay đã 75 tuổi, thứ phi của cựu hoàng Bảo Đại. Bà Mộng Điệp cho biết người xướng xuất việc xuất bản hồi ký Bảo Đại là một viên tướng người Pháp tên là Jean Julien Fonde. Bảo Đại bằng lòng cho ông Fonde viết, và đã kể những điểm chính của đời mình cho ông này nghe và thu vào băng ghi âm. Nhưng bản thảo của hồi ký do ông Fonde hoàn thành không được ai hài lòng. Bảo Đại không thích vì bản thảo chứa nhiều sai lầm về triều Nguyễn và bà Monique Baudot -lúc ấy đã là vợ chính thức của Bảo Đại- tức giận vì bản thảo không hề đề cập gì đến bà ta. Vì thế, Bảo Đại đồng ý để bà Monica tìm người thay thế để tiếp tục dự án. Đó là các ông Guignac, người viết tiếp, vốn là một cựu đại úy của quân đội Pháp, Bùi Thế Phúc, một giáo sư tại Pháp phụ trách các phần văn hoá và xã hội của thiên hồi ký, và hoàng thân Bửu Lộc cùng cựu đổng lý văn phòng Quốc Trưởng Nguyễn Đệ góp ý kiến thêm. Năm 1980, sách được nhà Plon ở Paris xuất bản. Ông Fonde liền kiện Bảo Đại ra toà vì sách in ra không có tên ông. Toà án Pháp xử ông Fonde thắng kiện, và Bảo Đại phải bồi thường 100,000 quan cho ông Fonde. Bảo Đại đã phải bán một cái nhà nghỉ mát nhỏ để có tiền bồi thường. Chuyện này làm Bảo Đại tức giận và buồn rầu đến sinh bệnh (1).

Chuyện viết hồi ký của Bảo Đại nay đã rõ như thế và chứng nhân vẫn còn đó, chứ không phải như lời Giới Thiệu trịnh trọng trong bản tiếng Việt được xuất bản năm 1990 tại California.

Tuy nhiên, *Con Rồng Việt Nam* vẫn là một quyển sách nên đọc, vì nó ít nhiều là đứa con

tinh thần của vị hoàng đế cuối cùng nay đã khuất bóng. Ngoài những chi tiết thú vị về cuộc đời cựu hoàng, độc giả còn được thấy nhiều hình ảnh của hoàng gia, một số những hòa ước và hiệp ước ký kết giữa hai nước Pháp Việt. Thỉnh thoảng độc giả còn được thưởng thức những câu văn hùng hồn và những nhận định sâu sắc. Thí dụ như nơi trang 557 có những câu, nguyên văn, *Ai có thể lập được bản đúc kết các sự bi thảm của cuộc di cư đẫm máu của cả một dân tộc chạy trốn Cộng Sản? hay Sự thắng trận của Hà Nội, cũng là sự thất bại của họ.*

Bùi Diễm sinh trưởng trong một gia đình trí thức và quan lại. Ông là cháu nội của tiến sĩ Bùi Thức, con trai của phó bảng Bùi Kỷ, và cháu của Thủ Tướng Trần Trọng Kim. Bùi Diễm đã đóng nhiều vai trò quan trọng trong đời sống công VNCH vì ông thích chính trị, và gia nhập Đảng Đại Việt do sự bảo cử của bác sĩ Đặng Văn Sung ngay từ năm 1944 (*In The Jaws of History*, Boston, Houghton Mifflin xb, 1987, trang 21). Ông từng là nhân viên phái đoàn quốc gia VN tham dự Hội Nghị Genève 1954, Chánh Văn Phòng của Thủ Tướng Phan Huy Quát, rồi Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao, Đại Sứ VNCH tại Hoa-thịnh-đốn, và Đại Sứ Lưu Động tại Hoà Đàm Ba-lê. Ông cũng là chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo *Saigon Post* ở Sài Gòn trước năm 1975. Ông được coi là người rất "thân Mỹ" từ thời VNCH cho đến tận ngày nay! Cứ đọc "Lời Mở Đầu" của *In The Jaws of History* (sđd, trang ix-x) thì biết: ông cám ơn bẩy cá nhân có tên và rất nhiều người bạn khác đã giúp ông hoàn tất tác phẩm. Tất cả đều là Mỹ. Kể cũng lạ: một người Việt viết về lịch sử chính trị Việt Nam mà chỉ làm việc và tham khảo với người Mỹ, hoàn toàn không có một người Việt nào khác dính dáng!

Những biến cố trong lịch sử hiện đại của Việt Nam đã được Bùi Diễm kể lại qua chính cuộc đời ông, bắt đầu từ những ngày ông học trung học tại Trường tư thục Thăng Long, Hà Nội. Trong vai trò của một người trong cuộc liên lạc viên giữa những lãnh tụ chính trị với chính quyền, liên lạc viên giữa tướng lãnh với người Mỹ để đảo chánh Ngô Đình Diệm, và liên lạc viên giữa chính quyền Đệ Nhị Cộng Hòa với người Mỹ-, ông ghi lại sinh hoạt chính trị từ những năm 40 cho đến tháng Tư năm 1975. Mặt khác, cũng có thể nói *In The Jaws of History* xoay quanh chi tiết của những cuộc vận động chính trị để có chân trong nội các các chính phủ quốc gia cùng những diễn biến của mối bang giao bất bình đẳng Mỹ-Việt mà tác giả Bùi Diễm là con thoi tích cực của hai bên.

Những gì tác giả Bùi Diễm viết trong sách với sự hợp tác chặt chẽ của người Mỹ nhiều khi vừa thừa thãi vừa thiếu sót. Thừa thãi những lời tự xưng tụng mà độc giả Mỹ khó kiểm chứng. Như khi ông viết rằng tờ nhật báo Quốc Dân xuất bản đầu thập niên 50 do ông trông coi, từ in ấn, sản xuất, phát hành đến cả việc viết Xã Luận... là tờ nhật báo, nguyên văn, một trong những tờ báo được nhiều người đọc nhất và có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong vùng Pháp kiểm soát (sđd, trang 71). Lấy gì lượng định hay bảo đảm được nhận xét này là chính xác, không chủ quan, tự mãn? Hay như khi ông khẳng định ông là người giúp thảo Tuyên Cáo Caravelle 26/4/1960. Nhưng Tuyên Cáo Caravelle đứng tên 18 vị nhân sĩ trí thức, trong đó đâu có tên ông (2)?! Thêm nữa, Tuyên Cáo được viết dưới hình thức một bức thư tương đối ngắn mà từ giọng văn, từ ngữ sử dụng, đến chính tả đặc biệt miền Nam thì việc ông, vốn sinh trưởng ở miền Bắc, khó có thể là một đồng tác giả được! Và tác phẩm cũng thiếu sót nhiều sự kiện lịch sử. Như thiếu sót những sinh hoạt văn hoá, xã hội, kinh tế, hay tài chính trong một thời điểm mới của lịch sử dân tộc, nhất là khi tác giả đã minh xác ngay từ đầu là ông viết quyển hồi ký này là do bổn phận tự ông đặt cho mình đối với hàng trăm ngàn binh sĩ QLVNCH đã ngã xuống cũng như nhiều triệu người dân Việt miền Nam vốn đã nhiều đau khổ và mất mát vì chiến tranh và hậu quả của sự thất trận.

Quyển sách có một kết thúc tốt đẹp (happy ending!) cho tác giả khi cả nước rơi vào tay Công sản. Trong những trang cuối cùng của tác phẩm tương ứng với thời điểm tháng Tư năm 1975, ông cho biết đích thân đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam bấy giờ là Graham Martin đã sắp xếp chuyến bay đặc biệt cho ông rời Sài Gòn: một chiếc máy bay của Hải Quân Hoa Kỳ chờ ở phi trường Tân Sơn Nhất để chở ông, mẹ và một người chị (hay em gái) của ông cùng nhiều hành lý sang Bangkok, Thái Lan, để từ đo, ba người chuyển qua máy bay thương mại bay tiếp sang Hoa-thịnh-đốn, nơi vợ và ba con của ông đã ở đó sẵn rồi.

Một chuyến đi cũng có nước mắt nhưng rất an toàn và thoải mái!

Huỳnh Văn Lang là một viên chức cao cấp thời Đệ Nhất Cộng Hoà (1954-1963), quê miền Tây Nam phần. Ông xuất thân thuộc nhóm du học sinh tại Hoa Kỳ đầu tiên hồi hương để giúp Ngô Đình Diệm khi nhân vật này lên nắm quyền thủ tướng năm 1954. Sau

cuộc đảo chánh 1963, Huỳnh Văn Lang bị chính quyền quân nhân bắt giam ba năm.

Huỳnh Văn Lang viết về nhiều đề tài khác nhau. Về thú phong lưu của giới thượng lưu miền Nam, ông có *Cờ Bạc. Đá Cá Chọi Gà Đánh Phé Chơi Dà-dách* (tác giả xb, 1998, 271 trang). Về săn bắn ở Việt Nam, ông có *Chuyện Đường Rừng, Một Chương Hồi Ký* (tác giả xb, 1999, 522 trang). Về chánh trị và văn hoá, ông có hai tập *Nhân Chứng Một Chế Độ* (tác giả xb, 1999-2000, 549 và 445 trang. Tập thứ ba về Đệ Nhị Cộng Hoà được quảng cáo là sẽ ra mắt trong năm nay).

Những chương hồi ký chánh trị và văn hoá của Huỳnh Văn Lang đã giúp đem ra ánh sáng nhiều sự việc thời Đệ Nhất Cộng Hòa do trí nhớ của một cộng tác viên thân cận với Tổng Thống và Cố Vấn Tổng Thống. Xin ghi lại một số chi tiết đặc biệt trong các tập hồi ký của ông: việc truất phế Bảo Đại, biến cố Bình Xuyên và chuyện hai thùng phuy (loại 200 lít) tiền mặt và vàng của Bình Xuyên do Tư Lệnh Hành Quân bấy giờ là đại tá Dương Văn Minh cất và giữ, và những ghi nhận rõ nét về cá nhân anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm và người con dâu nổi tiếng của gia đình này từ khi họ còn hàn vi. Một số những viên chức cao cấp nhưng bất xứng thời Đệ Nhất Cộng Hoà như bộ trưởng như Nguyễn Lương và Nguyễn Đình Thuần, đại sứ như Phạm Khắc Hy, hay sĩ quan như Nguyễn Văn Quan... cũng bị tác giả vạch trần.

Tác giả Huỳnh Văn Lang cũng can đảm phân tích Đảng Cần Lao thời Đệ Nhất Cộng Hòa để chứng minh đó là một tổ chức chính trị đứng đắn và hợp pháp với mục tiêu ủng hộ một tổng thống dân cử. Nhưng hình như sự kiện này chỉ đúng trong trường hợp của Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt dưới sự lãnh đạo của chính tác giả, lúc ấy là đóng vai trò Bí Thư của Liên Kỳ Bộ. Vì ngay trong Kỳ Bộ Bắc Việt của Đảng Cần Lao đã, như chính tác giả cho biết, có ít nhất một con sâu là Ngô Đình Nam, hay trong Khu Thành Bộ Sài Gòn/Chợ Lớn đã có ít nhất hai con sâu là Lê Văn Cang và Hà Đức Minh, rồi Quân Ủy Cần Lao thì đầy dẫy những sĩ quan Cần Lao mà, nguyên văn của tác giả, tác yêu tác quái. Thế thì dư luận xấu về Đảng Cần Lao thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm đâu có gì là bất công?!

Cũng theo tác giả, bác sĩ Trần Kim Tuyến là một người kỳ thị Nam Bắc, hay đi cửa hậu, và tiểu nhân. Nhận định này thật mới mẻ. Trước đây, từ Vĩnh Phúc đến Nguyên Sa Trần Bích Lan đều ca tụng những đức tính dễ thương (làm việc hữu hiệu, bình dân, hay giúp người...) của nhân vật này. Âu cũng là tiếng chuông thứ hai cho độc giả nào muốn tìm hiểu về nhân vật cầm đầu ngành mật vụ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Cựu Tổng Giám Đốc Cảnh sát VNCH Phạm Văn Liễu cũng bị đề cập đến với nhiều ác cảm. Nhưng cựu đại tá Phạm Ngọc Thảo lại được khen nhiều.

Sau khi khẳng định Ngô Đình Diệm là hậu duệ của Ngô Quyền, tác giả Huỳnh Văn Lang có sự so sánh gượng ép để thấy hai triều đại nhà Ngô là y hệt nhau: nhà Tiền Ngô (Ngô Quyền) nắm quyền khoảng một thập niên (939-950) rồi sau đó là loạn Thập Nhị Sứ Quân (3). Nhà Hậu Ngô (Ngô Đình Diệm) cũng tồn tại trong một thập niên (1954-63) và sau đó là loạn các tướng tá nhảy ra làm chính trị, đảo chánh liên miên.

Tác giả Huỳnh Văn Lang là một người đã có tất cả. Về danh vọng, ông từng làm Giám Đốc Viện Hối Đoái và phụ trách Bí Thư Liên Kỳ Bộ Nam Bắc của Đảng Cần Lao cầm quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Về tiền của, ông là một nhà tỷ phú lương thiện do sáng kiến nhập cảng xe Honda, khai thác và xuất cảng lâm sản, cùng thành lập ngân hàng và công ty bảo hiểm.

Vì thế, chúng ta có thể tin rằng ông viết không phải để kiếm chút danh hay lợi. Khi viết lại những chương hồi ký, mục đích chính của tác giả Huỳnh Văn Lang là ghi lại những kinh nghiệm của đời sống tư mà rất công của ông để giúp cho các thế hệ sau hiểu biết thêm về thời Đệ Nhất Cộng Hoà 1954-1963, thời mà ông có cái hãnh diện của một người từng góp công xây dựng.

Về hình thức, Huỳnh Văn Lang đã để lại trong sách của ông rất nhiều lỗi của một "tác giả Nam Kỳ": những lỗi hỏi ngã, những lỗi có G hay không có G, những lỗi viết C hay viết T, vân vân, khiến độc giả nhiều khi đang đọc bị hụt hẫng. Điểm đặc biệt nhất là tác giả Huỳnh Văn Lang thường xuyên sử dụng từ ngữ "ngoài ra và hơn nữa." Người khó tính tất sẽ trách ông là khi viết "ngoài ra" thì đâu cần "hơn nữa" làm gì. Riêng tôi, tôi nghĩ ông đã tạo ra cho mình một cái tên mới: Ông Ngoài Ra Và Hơn Nữa!

Bác sĩ Nguyễn Tường Bách là con út của gia đình nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Ông cũng là một phần tử tài hoa trong gia đình Nguyễn Tường: ông làm báo, viết văn, làm thơ, làm cách mạng, chính trị, và tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Ông hoạt động cách mạng cùng với ông anh thứ ba là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Ông sang Trung Hoa hoạt động rồi lưu vong ở đó từ năm 1946. Mãi đến 1988, ông mới cùng

gia đình đi dân sang Hoa Kỳ.

Năm nay dù đã 84 tuổi, bác sĩ Nguyễn Tường Bách vẫn còn bị lấm bụi trần. Ông vẫn tích cực trong các sinh hoạt chính trị. Ông có tham dự vào một số những sinh hoạt hoan hô đả đảo ở Nam Califonria và do đó, đã bị một số báo chí người Việt ở địa phương công kích.

Nguyễn Tường Bách có hai hồi ký. Một là *Việt Nam Những Ngày Lịch Sử* do Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản ở Gia-nã-đại năm 1981. Hai là *Việt Nam Một Thế Kỷ Qua. Hồi Ký Phần Một 1916-1946* do Thạch Ngữ xuất bản ở California năm 1998.

Thực ra, hai cuốn là một. Ông chỉ viết lại mà thôi. Cả hai đều là những hồi ức của tác giả trong những năm từ 1916 đến 1946 (cuốn in năm 1998) hay đến 1949 (cuốn in năm 1980). Cuốn 1916-1949 chỉ dài 160 trang, cuốn 1916-1946 dài hơn gấp đôi, tới 324 trang. Sự khác biệt dài ngắn giữa hai cuốn chính là những đoạn văn tả tình tả cảnh và nhất là những cuộc đối thoại mới thêm vào trong bản in sau. Nói cách khác, sự khác biệt là sự khác biệt giữa hồi ức và hư cấu! Đặc biệt, cuốn sau, dài, nhưng lại bị cắt bỏ đoạn rất quan trọng của cuốn trước: ấy là đoạn tác giả cho biết quyết định từ bỏ, hay "thoát ly" theo nguyên văn của tác giả, Việt Nam Quốc Dân Đảng để thành lập một tổ chức mới, lấy tên là Nhóm Cách Mạng Xã Hội, nghiên cứu tài liệu của Marx và Lenine. Thực ra, sự kiện này xảy ra vào năm 1949. Do đó, độc giả trông chờ cuốn hai (1946 đến nay) sẽ được xuất bản để biết tác giả trình bầy sự việc ra sao, có gì mới lạ hơn những điều ông đã công bố hồi năm 1980?!

Bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ mất năm 1967. Xuất thân là y sĩ Đông Dương, ông tham gia những sinh hoạt chính trị ngay từ năm 1924 và liên tục cho đến khi ông mất tại Sài Gòn. Ông cũng viết văn, làm thơ. Ông ăn chay, tập võ. Nổi tiếng là một người có khí tiết và quả cảm, bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ nhiều lần từ chối những chức vụ trong chính phủ Ngô Đình Diệm. Năm 1964, ông được cử vào Thượng Hội Đồng Quốc Gia (THĐQG), hình thức của một ủy ban lãnh đạo quốc gia. Chính THĐQG đã cử Chủ Tịch THĐQG lúc bấy giờ là Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng, và ông thay thế Phan Khắc Sửu làm Quyền Chủ Tịch THĐQG. Nhưng chỉ một tháng sau đó, ông đã dứt khoát từ chức để phản đối sự vụng về của nội các Trần Văn Hương đối với Phật giáo và sự kỳ thị địa phương của một vài thành viên chính phủ lúc bấy giờ.

Cuộc đời Nguyễn Xuân Chữ là tấm gương phản chiếu những giá trị tinh thần cao qúy của nền giáo dục cổ truyền, hợp cùng quan niệm tân tiến "một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện." Ông coi thường vinh hoa phú quí và cuộc sống vật chất hào nhoáng. Ông rất khiêm tốn. Nói về mình, ông dùng những chữ cổ mà luật sư Trần Thanh Hiệp, trong Lời Bạt, gọi là những lời "khiêm xưng," như "mỗ sinh, mỗ y sĩ, nội nhân"...

Hồi ký của Bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ ghi lại nhiều sự kiện chính trị, giáo dục, xã hội, văn hoá, y tế... trong tiền bán thế kỷ XX. Lời văn trong hồi ký ngắn gọn, đơn giản, và dứt khoát, rõ ra là sản phẩm phản ánh con người và cung cách đặc biệt Nguyễn Xuân Chữ chứ không phải của một ai khác, tự nó đã là một bài học cho những ai muốn diễn tả sự việc một cách cụ thể và trung thực, không văn hoa lèo lá. Nhưng như thế không có nghĩa là bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ thiếu tinh tế và sắc sảo. Cứ đọc đoạn ông phê phán Hồ Chí Minh đã dám xưng hô "tôi bác" với tổ tiên, nguyên văn, "Sau nghe Hồ Chí Minh ra thăm đền Kiếp Bạc (không viết là "ra lễ")... (sđd, trang 326) thì biết bác sĩ Chữ tinh tế đến chừng nào! Và lời phê bình của ông nó nhẹ nhàng nhưng đau đớn làm sao, nguyên văn, "Ở một người khác, (...) vì là vô giáo dục, cách xưng hô ngạo mạn kia còn tha thứ được. Nhưng ở một người như Hồ Chí Minh, (...) hai tiếng 'bác tôi' không chứng minh được một con nhà dòng dõi." (sđd, trang 326-327).

Hồi ký của bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ còn thêm giá trị ở những cước chú của Nguyễn Xuân Phác, thứ nam bác sĩ Chữ, và của Vũ Ngự Chiêu, người đứng ra xuất bản hồi ký.●

Alameda, tháng 10 năm 2000

Kỳ tới: 2/ Giới Quân Nhân

Chú thích:

(1) Nguyễn Đắc Xuân, "Ai Viết Sách Con Rồng An Nam Đứng Tên Cựu Hoàng Bảo Đại?" trong *Qua Pháp Tìm Huế Xưa*, Huế, nxb Thuận Hóa, 2000, trang 69-78.

(2) Danh sách 18 vị nhân sĩ trí thức và tu sĩ ký tên vào Tuyên Cáo Caravelle theo thứ tự là: Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Trần Văn Lý, Nguyễn Tiến Hỷ, Trần Văn Đỗ, Lê Ngọc Chấn, Lê Quang Luật, Lương Trọng Tường, Nguyễn Tăng Nguyên, Phạm Hữu Chương, Trần Văn Tuyên, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, và Hồ Văn Vui.

(3) Thật ra thì nhà Tiền Ngô tồn tại trước sau 19 năm và gồm tới ba đời vua, là Ngô Quyền (939-944), Ngô Xương Ngập (951-959), và Ngô Xương Văn (950-965).

ĐẾN VỚI NƯỚC NGA

PHẠM XUÂN ĐÀI

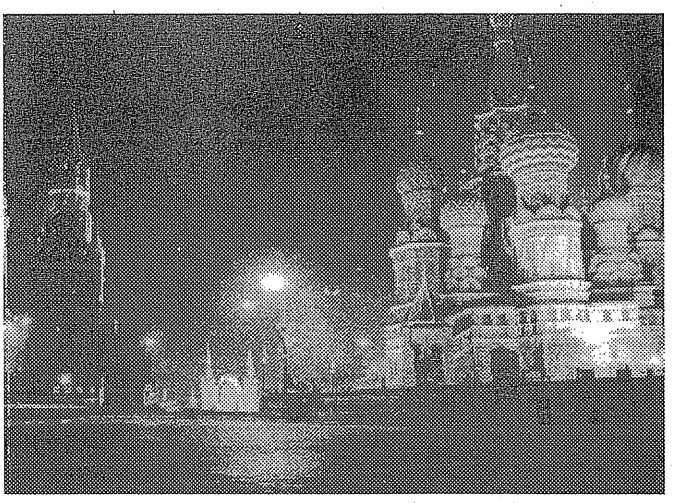

(Tiếp theo)

Rời Niệm Phật Đường, chúng tôi chỉ kịp ghé qua nhà anh Cần để chào chị Inna, rồi vội vã ra ga để mua vé xe lửa đi Saint Petersburg khuya nay. Nhìn vẻ khẩn trương của anh Cần, tôi biết việc mua vé xe lửa ở đây không phải là việc đơn giản.

Sau một chuyến xe buýt, rồi một chuyến xe điện ngầm, chúng tôi đến nhà ga Mạc Tư Khoa, vội vào ngay phòng bán vé. Trước các ghi-sê đã có người sắp hàng dài, và chúng tôi tìm cửa bán vé đi St Petersburg để bắt đầu cái công việc chán nản kinh khủng là xếp hàng, một thuộc tính của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà dân Sài Gòn, với máu hài hước cố hữu của mình đã chẳng ngần ngại gì mà "phiên dịch" bốn chữ viết tắt cái chế độ "ưu việt nhất trong lịch sử" đó, theo như những tác giả của nó tự phong — XHCN, thành ra "xếp hàng cả ngày." Phải xếp hàng thôi, mọi thứ do nhà nước phân phối thì người dân nào có cách gì khác hơn là biểu lộ cái thân phận phục tùng của mình bằng cách nhẫn nhục đứng sau một cái lưng để chờ đến phiên mình nhận ơn mưa móc. Mà đảng kể ơn đàng hoàng, dạy dân như cha mẹ dạy con, tao cho mày thì mày phải biết mở miệng nói lời biết ơn tao, do đó mấy chữ "Ơn Bác, ơn Đảng" đã là một thành ngữ sống, dùng rộng khắp trong xã hội miền Bắc Việt Nam trước đây. Người ta muốn lập một trật tự mới về sản xuất phân phối, đồng thời từ đó cũng lập nên một đạo lý mới trong ý thức con người; những lời dạy dỗ đại loại *công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra* là những thứ phải xóa sạch để thay bằng một cái thang giá trị khác về nuôi nấng, dạy dỗ. Người ta nghĩ một cách đơn giản rằng kinh tế quyết định được tất cả, khi đã nắm trong tay mọi nguồn phân phối, cộng thêm với quyền lực, thì cũng có nghĩa là nắm trong tay tất cả bí quyết để tạo nên một mẫu người theo ý mình muốn.

Phòng bán vé rộng lớn, trần cao, nhưng bài trí đơn sơ. Một dãy mười mấy cái ghi-sê, che chắn kỹ bằng kính, bên trong hầu hết là nhân viên phụ nữ, bán vé bằng computer. Bất cứ ai mua vé, dù là công dân Nga hay người ngoại quốc, đều phải xuất trình giấy tờ. Dĩ nhiên chúng tôi phải đưa passport, nhưng tất cả người Nga cũng làm tương tự, họ có một loại passport nội địa để xuất trình khi đi lại trong nước. Chính vì thủ tục này mà anh Cần không thể mua vé trước cho chúng tôi được. Mua vé đi trong ngày thì có khả năng bị hết vé, nhưng anh Cần trấn an chúng tôi rằng trong tháng Sáu vì có hiện tượng đêm trắng tại St Petersburg nên du khách đổ lên trên ấy rất đông, vé tàu khó mua, nhưng bây giờ thì cơn sốt ấy đã qua.

Đứng xếp hàng cũng là một hoạt cảnh xã hội. Người Nga, vì đã quá quen với việc này, tỏ

ra thản nhiên, không chút bồn chồn, khó chịu. Các cô cậu sinh viên thì vừa xếp hàng vừa đọc sách hay học bài. Nhiều người chuyện vãn cùng nhau cho qua giờ. Nhưng cũng rất đông người không làm gì cả, đứng im lặng một cách vô cảm, như thể xếp hàng cũng là một loại công việc mà xã hội quy định, và mọi người đều phải thi hành một cách nghiêm túc, như một nghĩa vụ. Một loại nghĩa vụ không làm ra của cải hay dịch vụ, nhưng nó cũng góp phần lớn để tạo nên phong cách của một con người xã hội chủ nghĩa: nhẫn nhục một cách câm nín. Kể ra xếp hàng chờ đến lượt mình, theo nguyên tắc người đến trước được trước, không chen lấn dành giựt, là một thành tựu của con người văn minh; nhưng sống một cuộc đời mà cái gì cũng phải xếp hàng mới có được, theo một kế hoạch siết chặt mọi thứ nhu cầu để điều kiện hóa con người, thì không xứng đáng là đời sống của con người nữa, chứ đừng nói đến văn minh. Người Nga, và có lẽ người của những nước xã hội chủ nghĩa nói chung, chắc đã đạt đến trình độ coi chuyện xếp hàng là một cái gì thiết thân đến đời sống của mình, và đối với con người sinh ra trong xã hội ấy có thể chuyện xếp hàng đã biến thành một trong những yếu tố xây dựng nên nhân cách của họ.

Giữa đám quần chúng nhẫn nhục chờ đợi ấy lâu lâu lại nảy ra yếu tố quyền lực. Một người từ ngoài xăm xăm đi vào, không nhìn gì đến đám rồng rắn đang uốn éo tại chỗ một cách đau khổ mà đi thẳng đến cửa ghi-sê, ngang nhiên đưa giấy tờ qua mặt người đang đứng mua vé tại đó và nói một tràng, thế là chuyện mua vé của người ấy được giải quyết ngay. Dĩ nhiên khi cào bằng cuộc sống để dựng nên một xã hội mà người ta nghĩ là sẽ công bằng tuyệt đối, những người làm cách mạng không quên nghĩ ra những ưu tiên dành riêng cho đẳng cấp lãnh đạo. Những ưu tiên ấy biểu hiện ở mọi nơi, và được bảo kê bởi quyền lực mà họ đang nắm giữ. Và cứ thế một tôn ti trật tự mới lại bắt đầu, với nguyên lý bất di bất dịch từ xưa tới nay trong những thể chế toàn trị: người nắm quyền luôn luôn xây dựng một trật tự mà trong đó chính mình là kẻ có lợi nhất.

Bán vé tàu, nhất là thời buổi này có computer phụ giúp, thì đâu có gì mất nhiều thì giờ, chắc các bạn nghĩ thế. Nhưng thực tế chúng tôi trải qua tại ga Moscow lại không phải thế, đứng sau độ mười người, chúng tôi phải tốn hai tiếng đồng hồ để tiến đến sát được ghi-sê, tức là một cái vé trung bình phải mất từ mười đến mười lăm phút để được bán ra. Tôi không biết người bán vé phải qua những thủ tục gì để phát hành một cái vé tàu, nhưng xem cung cách thì có vẻ người ta phải *check* đi *check* lại nhiều thứ lắm, và trong đó chắc không khỏi có sự nhẩn nha theo lối thư lại xã hội chủ nghĩa, biết chắc người ta cần mình chứ không phải mình cần người ta. Điều anh Cần sợ nhất, cứ nhắc đi nhắc lại trong suốt "quá trình" xếp hàng, là không khéo đến phiên mình thì người bán vé đóng cửa đi ăn trưa, quả nhiên đã xảy ra! Cái lưng trước mặt vừa rời khỏi ghi-sê, chúng tôi vừa trờ tới với biết bao vui mừng hí hửng "đến lượt mình" thì cửa ghi-sê kéo sập lại ngay trước mũi, với một câu nói thoảng ra như vọng lại từ âm ty: "Một giờ nữa quay lại."

Bạn ạ, dù là bạn có đức kiên nhẫn đến đâu, dù tính tình của bạn có "thiền" (nghĩa là điều sân si không dễ chế ngự bạn) đến đâu, mà gặp cảnh ngộ của chúng tôi hôm ấy thì ít nhất bạn cũng phải buông một tiếng... chửi thề. Nhưng chửi xong, bạn cũng vẫn phải nhẫn nhục chờ một tiếng đồng hồ nữa chứ không còn lựa chọn nào khác. Dĩ nhiên phải đứng ngay cái cửa đã đóng ấy mà chờ, chứ rời khỏi đó để đi dạo chơi một chỗ nào khác thì coi như hai tiếng chờ đợi vừa qua đổ xuống sông xuống biển hết, và phải làm lại từ đầu ở phần chót của cái đuôi. Thật là một trường luyện tính nhẫn nhục tuyệt hảo!

Một giờ rồi cũng trôi qua. Câu đầu tiên của bà bán vé khi trở lại mở cửa ghi-sê và nhận ra anh Cần đang đợi là: "Ồ, ông cũng còn ở đấy à!" Anh Cần hóm hỉnh trả lời: "Vâng, chúng tôi vẫn trung thành với bà." Bà bán vé, tuổi trung niên, dáng người thanh lịch, tự nhiên trở nên vui vẻ và tử tế hẳn. Chúng tôi ba người, một công dân Nga và hai công dân Mỹ, cần mua ba cái vé giường nằm, bà ta chịu khó rà rất kỹ trong computer để tìm một phòng còn hoàn toàn trống (mỗi phòng có bốn giường ngủ) để dành hẳn cho chúng tôi. Ba tiếng đồng hồ chờ đợi đã đi đến một *happy end*. Chúng tôi rời khỏi phòng vé thơ thới hân hoan, nhất là hai công dân Mỹ cũng chỉ trả tiền tàu bằng giá với dân bản xứ: 15 đô-la cho một vé tàu giường ngủ đi một chặng đường dài 700 cây số lên cố đô Saint Petersburg. Một giá rẻ không ngờ, nhất là chuyến tàu có những tiện nghi tương đối cao.

Thời gian còn cho buổi chiều không nhiều,

phải đi xem thành phố Mạc Tư Khoa một chút, và thế là từ ga, chúng tôi lại *độn thổ* (mượn tiếng của Nhất Linh trong cuốn Đi Tây) đi xe điện ngầm đến Quảng trường Đỏ. Thành Kremlin rất quen thuộc, từ xa đã nhận ra màu nâu thẫm của các bức tường và các nóc tháp chuông của nó. Lại nhớ đến ông Nhất Linh, ngày xưa đến Pháp, bỗng thấy sao nước Pháp đối với mình quen thuộc quá, sau mới biết ra là do đã xem hình ảnh và đọc về nước này quá nhiều. Tôi nay cũng vậy, mười mấy năm trong trại cải tạo đã xem biết bao là số tạp chí Spounik và những họa báo khác của Xô Viết có in hình ảnh quảng trưởng Đỏ và điện Kremlin, hình ảnh những ngôi sao trên các ngọn tháp quen thuộc với tôi đến nỗi năm 1989 lần đầu tiên nhìn thấy Tháp Rùa ở Hà Nội với cái ngôi sao trên nóc là tôi có thể liên hệ liền với kiểu mẫu gốc ở đây. Nếu cái ngôi sao bé nhỏ trên cái Tháp Rùa bé nhỏ giữa Hà Nội bé nhỏ trông đầy vẻ tội nghiệp của một sự sao chép ngoan ngoãn rất thiếu ý thức về dân tộc cũng như thẩm mỹ, thì các ngôi sao trên các tháp chuông Kremlin ngày nay tôi thấy trái lại vẫn đầy vẻ ngạo nghễ, mỹ thuật cũng như sức mạnh của dân tộc Nga. Nó nói lên một thành tựu đã một thời có thật, trong khi ngôi sao của Hồ Gươm thì biểu lộ rõ rệt một tinh thần vừa nô lệ vừa kệch cỡm.

Để có ý niệm về những ngôi sao của điện Kremlin, xin trích một đoạn trong một bài viết của Lan Hương, một phụ nữ trí thức Việt Nam hiện đang sống tại Mạc Tư Khoa:

Trước đây trên bốn ngọn tháp chính là Spasskaia, Nikolskaia, Borovitskaia và Troitskaia cho treo hình hai con đại bàng, biểu tượng của nước Nga, nhưng năm 1935 nhân dịp 18 năm cách mạng Tháng Mười, Liên Xô đã quyết định thay những con đại bàng bằng những ngôi sao đỏ năm cánh. Chẳng bao lâu sau người ta phát hiện thấy những ngôi sao này bị thời gian làm han rỉ nên đến năm 1937 lại phải thay bằng những ngôi sao khác được làm bằng đá rubi, lần này người ta quyết định treo những ngôi sao này trên năm ngọn tháp, từ đó đến nay đã hai lần những ngôi sao này được lấy xuống tu bổ vào năm 1945 và 1974, riêng việc mạ vàng lại các gọng kim loại của các ngôi sao này cũng đã tốn đến 27 kg vàng. Gần 20 viện nghiên cứu và xí nghiệp luyện kim đã tham gia vào việc chế tạo những ngôi sao này, việc chiếu sáng những ngôi sao về đêm cũng là cả một vấn đề, người ta đã phải chế ra những bóng đèn công suất từ 3700 đến 5000 w cùng một hệ thống thông gió để làm nguội.

(Trích từ cuốn sách *Nước Nga dưới mắt người Việt* của Lan Hương, Tân Văn xuất bản).

Quảng trường Đỏ là một cái sân rộng mênh mông lát đá, nằm sát chân tường phía đông của điện Kremlin, chiều dài theo hướng bắc nam là 650 m, chiều rộng 130 m. Lưng chừng theo chiều dài và dựa vào bức tường là lăng Lê-Nin, nhìn từ xa là một khối đá vuông vức màu nâu đỏ, không hài hòa với quần thể kiến trúc cổ kính của toàn khu vực. Cái tên Quảng trường Đỏ, mà lại là trung tâm của nước Nga, dễ khiến cho nhiều người nghĩ rằng đây là tên một công trình xây dựng của chế độ cộng sản, nhưng thật ra không phải thế, về cả tên gọi lẫn kiến trúc. Sử Nga lần đầu tiên nhắc đến quảng trường này vào năm 1434, lúc bấy giờ có tên là Chợ Lớn (đây chỉ là tên dịch từ tiếng Nga, không có liên quan gì đến Chợ Lớn China Town của Sài Gòn cả). Sau nhiều biến thiên, tên Quảng trường Đỏ đến giữa thế kỷ thứ 17 mới ra đời, và dĩ nhiên chẳng dính dáng gì đến chủ nghĩa cộng sản, tiếng Nga cổ "Đỏ" có nghĩa là Đẹp hoặc Chính yếu. Những viên đá của quảng trường này đã nhiều lần thấm máu người, vì nơi đây đã diễn ra nhiều trận đánh quan trọng của lịch sử Nga, như thế kỷ 17 chống đội quân của Ba Lan và Litva, thế kỷ 19 đánh nhau với quân của Napoléon, rồi cuộc nổi dậy của người Bôn-sê-vich năm 1917... Trong thế kỷ 20, những buổi lễ chính thức của Liên Bang Xô Viết đều diễn ra ở đây, phía trên lăng Lê-Nin người ta xây thành một khu lễ đài để các lãnh tụ cộng sản đứng duyệt binh. Nhưng trong chế độ Cộng sản, Quảng trường Đỏ cũng một phần nào biến thành một nghĩa địa, vì ngay sau lưng lăng Lê-Nin, dọc theo chân bức tường, người ta chôn các lãnh tụ cộng sản của Liên Xô, như Stalin, Chernhenko, Andropov..., ngoài ra còn có hai ngôi mộ tập thể chôn những người Bôn-sê-vich bị thiệt mạng trong cuộc cách mạng tháng Mười 1917, và tro xương của những người được phong anh hùng Liên Xô khác được gắn trên tường điện Kremlin. Những người đứng đầu đảng và nhà nước duy vật cũng muốn trang trí cho chế độ bằng những cái chết, hoặc cụ thể hơn, những xác chết. Nhưng dân Nga hẳn không muốn biến quảng trường lịch sử của họ thành nơi phong thánh cho một đảng phái như thế, nên có lẽ sớm muộn các nấm mộ kia, kể cả mộ Lê-Nin,

cũng phải được cải táng đi nơi khác.

Một đầu Quảng trường Đỏ là ngôi giáo đường Chính Thống giáo với một khối các tháp chuông tròn theo hình củ hành mà đầu nhọn chỉa lên trời, cái lớn cái nhỏ chen chúc nhau, nhìn xa như một bụi hành sai củ vừa được nhổ dưới đất lên. Hình ảnh này khác hẳn các giáo đường Thiên Chúa giáo La Mã, chỉ gồm một hoặc hai tháp chuông nhọn như hai mũi tên lao vút lên trời. Tôi chưa có dịp tìm hiểu lịch sử sự thành hình và cả sự li khai của Chính Thống giáo với giáo hội gốc Vatican, nhưng khi đứng đây, giữa Quảng trường Đỏ và đối diện với ngôi giáo đường vuông vức sừng sững một khối vững chắc này, tôi hiểu là việc ấy phải xảy ra vì cái cá tính Nga quá mạnh bao phủ nơi này mà tôi không thể nào không cảm nhận thấy. Nếu một nhà văn công giáo người Nhật Bản, Endo Shusaku, mãi đến hậu bán thế kỷ 20 mới đặt vấn đề tại sao chỉ có một phần trăm dân Nhật theo đạo Công giáo, và cho nhân vật của mình, Đại Tân, một chủng sinh qua tận Pháp để được đào tại thành linh mục, phát biểu: *Sẽ có ngày tôi trở về Nhật Bản. Tôi sẽ đào sâu suy tư về một Ky Tô giáo ứng hợp với tâm thức Nhật Bản,* thì có lẽ đối với dân tộc Nga, vấn đề như thế đã được đặt ra và giải quyết từ lâu rồi. Chính Thống giáo có lẽ là câu trả lời cho vấn nạn *một Kitô giáo ứng hợp với tâm thức Nga.* Cá tính Nga đã đủ mạnh để tự lập ra một hình thái tôn giáo riêng cho mình, tuy vẫn không ra ngoài đức tin về Chúa Trời. Đối với một du khách chưa có dịp tìm hiểu sâu về con người và đất nước Nga, chỉ cần đứng ở Quảng trường Đỏ nhìn quanh bốn bên, người ấy sẽ phần nào cảm thấy linh hồn, phong cách Nga, và nhận ra ngay rằng trong cái kiểu thức trầm, chắc, hơi nặng nề ở đây mà lại có một kiến trúc thanh thoát bay vút lên không trung thì rõ ràng là không thích hợp.

Trời mùa hè dù đã năm giờ chiều nắng hãy còn cao, chúng tôi lại lấy xa điện ngầm để đi thăm nhà thờ Đấng Cứu Thế, một ngôi nhà thờ lạ, vừa mới xây dựng xong nhưng lại đã có từ rất lâu, sự tái sinh của nó là cả một câu chuyện ly kỳ về sự sống dậy của Con Người.

Ngay sau khi đánh đuổi quân Pháp ra khỏi nước Nga vào năm 1812, Nga hoàng Alexandre Đệ nhất đã quyết định xây dựng một ngôi nhà thờ vĩ đại "để tạ ơn Đấng Cứu Thế." Năm năm sau, công trình bắt đầu với một dự án rất đồ sộ, nhưng sau bảy năm thi công, người ta mới phát giác ra đó không phải là một dự án khả thi, mọi chuyện ngừng lại. Mãi đến năm 1839, 27 năm sau chiến tranh với Pháp, việc xây đại giáo đường để tạ ơn chiến thắng mới chính thức bắt đầu lại tại một địa điểm mới và với một ông vua mới là Nicolai Đệ nhất. Trong lễ đặt viên đá đầu tiên tổ chức ngày 10 tháng 9 năm 1839, người ta không quên chuyển đến viên đá đầu tiên do tiên vương đã đặt trong lần xây nhà thờ không thành lần trước. Bốn mươi bốn năm sau, vào năm 1883 nhà thờ được khánh thành, lại với một vì vua khác nữa là Alexandre Đệ tam. Từ đó, nhà thờ Đấng Cứu Thế đã trở thành ngôi Đại Giáo Đường chính của cả nước, và trở thành không chỉ là một trung tâm tôn giáo, mà còn là một công trình văn hóa, kiến trúc và lịch sử nổi tiếng của nước Nga.

(Còn tiếp)

HOÀNG BÍCH ĐÀO

GIAO MÙA

Mùa đã âm thầm qua đó anh
Vàng thu ghi dấu ở trên cành
Lá xanh dần chuyển sang màu úa
Nhìn nỗi u hoài thoáng mong manh.

Có những hàng cây đứng chờ vơ
Dầu dãi phong sương để đợi chờ
Theo mây hiu hắt đôi vàng lá
Một tiếng thở dài chợt ngẩn ngơ.

Ta cũng như cây lá mùa thu
Chờ mãi người yêu vẫn biệt mù
Tiếng ai thổn thức lời thương nhớ
Xin gởi theo từng bước lãng du.

Mùa đã thay mùa vẫn nhớ ai
Mơ một ngày mai nắng trải dài
Có dáng ai về trong sương sớm
Nụ cười sưởi ấm những tàn phai.

TÌM MỘT QUÊ HƯƠNG

ký sự tùy bút

ĐOÀN VĂN KHANH

(Tiếp theo)

Thành phố biển êm đềm

Vừa nghỉ hè sau năm học đầu tiên ở Phù Cát thì tôi được nghe mẹ nói cha tôi nhận được lệnh đổi vào phủ Tuy An ở Phú Yên. Nhiều người đến mừng cha tôi đã thăng quan tiến chức nhanh chóng. Tôi không thích Phù Cát nhưng nghe cha tôi bảo Tuy An thì cũng giống như Phù Cát vậy tôi nên cũng không ham thích dời đổi. Hình như tôi đã bắt đầu tìm thấy nơi đây một vài vật quen thuộc với tôi rồi. Hàng cây trứng trồng lúc tôi mới đến đã cao nhanh hơn tôi rất nhiều và bây giờ đang cho trái. Giàn hoa thiên lý mẹ tôi trồng sau dãy nhà ngang đã ra hoa khá nhiều. Tôi đã được ăn món canh mẹ tôi nấu hoa thiên lý với thịt nạc. Và vào những buổi chiều, tôi cũng có thể bắc ghế ngồi dưới giàn hoa, ngửi hương thơm và chờ ngắm những chuyến tàu chạy qua.

Cha tôi vừa làm lễ bàn giao xong thì em tôi bị bệnh nặng phải đưa về nhà thương Quy Nhơn điều trị nên chỉ có mình cha tôi đi trước vào nhiệm sở còn tôi ở lại Quy Nhơn với mẹ. Sau một thời gian sống ở huyện lỵ, thiếu những tiện nghi thành phố, nay trở lại được sống ở chỗ có đèn điện, thấy phố xá đông người, cảnh trí lại có núi có biển, tôi vui thích lắm. Thích hơn nữa là ở đây cũng có cà rem, món ăn tuyệt vời đối với tôi tuổi ấy, do đó mà tôi cũng không còn tha thiết với hàng cây trứng cá cùng giàn hoa thiên lý nữa. Còn con tàu thì ở đâu mà chẳng có.

Bỗng một hôm tôi thấy những đoàn người cầm cờ đỏ sao vàng đi các phố hô to nhiều khẩu hiệu có những tiếng như *"Việt minh, đồng minh, cách mạng, tự do, độc lập, thực dân phát xít, phong kiến, đả đảo v.v..."* toàn là những tiếng mà tôi chẳng hiểu ra làm sao cả. Rồi có những người đội ca lô, đeo dao găm hay vác gậy gộc, một hai người có cả súng dài xưng là Giải phóng quân canh gác, còn mấy người lính Nhật trước đây vẫn là mối lo sợ của tôi nay bỗng nhiên vắng bặt. Tôi có hỏi mẹ nhưng mẹ tôi cũng không thể nào cắt nghĩa cho tôi hiểu thêm được tí nào. Thôi thì đành đợi cha tôi vậy.

Và cha tôi cũng đã trở về, cho tôi biết không phải đi Phú Yên nữa. Nước nhà đã độc lập, cách mạng nắm chính quyền, quan quyền đã cáo chung, toàn là những chuyện khó hiểu. Mới hôm nào tuyên bố độc lập, bây giờ lại cũng tuyên bố độc lập. Nhưng bây giờ thì có các ông Việt Minh xuất hiện, đeo băng tay đỏ với ngôi sao vàng và nói năng có vẻ hùng dũng lắm. Dân chúng thì biểu tình mít tinh, hoan hô đả đảo rầm rộ, tay nắm đấm vung lên trời mạnh bạo chứ không còn nghiêm chỉnh khép nép như trước đây. Tôi nghe người ta nói Việt

Minh giết người nhiều lắm. Tôi không thấy, nhưng tôi không thích màu cờ đỏ, nhất là không thích nghe người ta hát: *"Cờ pha máu chiến thắng..."* Có lẽ Việt Minh giết người thật vì người ta còn hát: *"Thề phanh thây uống máu quân thù..."* tôi nghe mà cảm thấy rùng mình. Tôi thấy mẹ tôi xếp mớ áo dài khăn đóng của cha tôi vào ngăn quần áo không dùng tới. Tôi cũng không thích cái màu đen ảm đạm này. Tôi chỉ thích màu xanh da trời, màu xanh của cây lá và màu xanh của một dòng sông.

Trong gia đình tôi mọi người vẫn bình thường. Cha tôi đưa gia đình dọn đến một căn nhà ở một khu phố yên tịnh, có cổng, có rào tường, có lối đi vào rải sỏi và giàn bông trước ngõ. Trên cánh cửa chính trước cửa nhà có đính tấm danh thiếp: *"Ám Sát..."* Nhà có phòng khách, phòng ăn, hai buồng ngủ và phòng tắm, mở vòi là có nước chảy. Phía sau là nhà bếp, kho và có cả nhà để xe. Tại giếng bên hông bếp có một cái bơm nước bằng tay dùng bơm nước lên hồ chứa trên mái nhà. Buổi tối chỉ cần đưa tay vặn một cái là có đèn điện sáng. Mẹ tôi lo sắp đặt mọi thứ cho ngăn nắp.

Tôi lại được sống ở thành phố, có những tiện nghi dễ chịu và nhất là không bị gò bó trong những khuôn phép rắc rối như lúc sống ở huyện lỵ. Tôi được đi dạo phố, được mua sắm, được đi tắm biển, được ra thăm bến cảng, nhìn xác chiếc tàu dầu của Nhật bị Đồng Minh đánh đắm còn nằm chìm nửa phần trong vịnh. Cha tôi bảo Nhật thua rồi, không còn đánh nhau nữa. Điều mơ ước của tôi đến thật bất ngờ. Tôi vui thích với ngôi nhà và với thành phố biển xinh đẹp và mới lạ này. Chỉ hơi thiếu một dòng sông, nhưng bù lại đã có biển. Và tôi đang chờ đợi mẹ tôi trồng lại một giàn hoa thiên lý khác.

Nhưng tôi lại chợt nhận ra sáng và tối thường có tiếng kèn đồng thổi một điệu nhạc ngắn vào những giờ nhất định phát ra từ khu phố kế cận, và ngày nào cũng lặp lại một điệu y như thế. Khu phố giới hạn bằng bốn mặt đường đó được bao bọc kín mít bằng một vòng tường rào cao, trên bờ tường lởm chởm mảnh chai. Tại bốn góc có chòi canh và luôn luôn có người cầm súng gác. Tôi hỏi anh Đài thì anh ta bảo tôi đó là nhà lao, tức là nơi dùng để nhốt những người phạm tội. Nhưng vì sao họ lại phạm tội để bị nhốt tù thì anh Đài không trả lời. Tôi không thấy được những người bị nhốt sau bức vòng tường, nhưng tiếng kèn đồng vẫn nhắc nhở cho tôi biết có người đang bị giam giữ trong đó và tôi cảm thấy như có một chút buồn xâm chiếm khi nghe thấy tiếng kèn.

Cũng từ lúc dọn về căn nhà này thì anh Đài hay vắng nhà. Căn nhà xe không có xe để cất nên anh ta chiếm làm giang sơn riêng cho mình. Một vài lần thấy anh có nhà, tôi bước vào chơi thì thấy anh ta cũng có đeo băng tay đỏ với ngôi sao vàng, lưng mang dao găm và một loại dây thừng quấn gọn ở bên hông. Một hôm tôi hỏi anh đeo dây thừng làm gì thì anh bảo dùng để trói Việt gian. Tôi chẳng hiểu Việt gian là gì và Việt gian ở đâu để cho anh ta trói, *nhưng cái chuyện trói người hay bị người khác trói đều là những điều tôi không thích tí nào.*

Qua bữa đó tôi không thấy anh Đài về nhà hằng ngày cho đến một hôm tôi bỗng thấy anh ta xuất hiện trong bộ đồng phục Vệ quốc đoàn màu mằn quân, đầu đội ca lô có ngôi sao vàng. Anh nhìn tôi với vẻ hãnh diện và tôi cũng nhìn anh ta với tất cả niềm khâm phục. Anh cho cha mẹ tôi biết là anh sắp sửa lên đường vào Nam Bộ chiến đấu để bảo vệ tổ quốc. Tôi không biết Nam Bộ nằm ở đâu và xa xôi đến mức nào nhưng sự ra đi của anh Đài quả thật là một hành động cao đẹp. Anh từ giã cha mẹ tôi, xoa đầu tôi hẹn gặp lại, và cũng từ đó tôi không bao giờ còn thấy anh ta.

Niên học này tôi được đi học ở trường các sư huynh dòng La San. Trường to lớn khang trang, lớp học rộng rãi và bốn mặt tường đều có bảng. Các sư huynh đều vui vẻ và rất thương yêu học trò chứ không phải lúc nào cũng phải nghiêm nghị như mấy ông giáo ở trường huyện. Tôi có bạn và chúng tôi có những câu chuyện để trao đổi, nhất là những câu chuyện như Đồng Minh tước khí giới Nhật, hoặc chuyện Nam Bộ kháng chiến, những mẩu chuyện mà chúng tôi nghe lóm được của người lớn nhưng thực ra chúng tôi chẳng hiểu gì cả. Và ở trường, chúng tôi được các sư huynh tập cho hát những bài ca yêu nước. Chúng tôi chiêm ngưỡng hình ảnh anh Vệ quốc quân và bắt chước các toán dân quân du kích chơi trò bắn súng, đánh trận giả. Chúng tôi đang tưởng tượng trò chiến tranh trong cái cảm giác của một cuộc sống thật thanh bình.

Đối với chúng tôi, những chuyện đánh nhau, bắn giết ngoài chiến trường mà người lớn vẫn nói chuyện với nhau cũng chỉ giống như những chuyện tưởng tượng vui chơi trẻ

thơ của chúng tôi thôi. Cuộc đời vẫn vui và thành phố vẫn hiền hòa, tôi không hề hiểu biết tí gì về những diễn biến phức tạp của tình hình cho đến một hôm tôi nghe cha tôi nói tất cả dân thành phố sẽ phải tản cư vì có lệnh. Người ta kháo với nhau, Tây đã đánh ra Nha Trang và sắp sửa đánh tới Quy Nhơn. Ngoài đường phố thấy kẻ nhan nhãn khẩu hiệu: *"Thà chết chứ không chịu làm nô lệ."* Tôi không hiểu thế nào là nô lệ, nhưng nô lệ chắc là khổ lắm nên tôi cũng không muốn làm nô lệ. Còn cái chuyện thà chết thì tôi rất phân vân, vì chết thì cũng chẳng còn gì nữa.

Những ngày đầu tản cư

Tuy là hàng quan tại Nam triều nhưng sau ngày khởi nghĩa cha tôi vẫn được mời tham gia chính quyền mới cho nên cơ quan chuẩn bị dời khỏi thành phố, người cũng phải sắp đặt đi theo. Thế là gia đình tôi thu xếp đồ đạc, chỉ mang theo những đồ cần dùng cho vào mấy chiếc vali, còn bao nhiêu thứ cồng kềnh vẫn để lại, khóa cửa nhà ra đi. Tản cư là chuyện tạm thời thôi, ai mà chẳng nghĩ vậy. Tôi đành tạm biệt mấy tên bạn thân yêu. Chúng nó rồi cũng sẽ theo cha mẹ đi tản cư, chưa biết về đâu. Nhưng tất cả đều hẹn nhau sẽ gặp lại để tiếp tục những dự tính dang dở, vì chiến tranh rồi cũng sẽ qua mau như trò chơi đánh trận giả của chúng tôi vậy thôi.

Thuê nguyên một chuyến xe ngựa, gia đình tôi bỏ thành phố đông vui để lóc cóc chạy trở về Phù Cát. Trên đường từ Quy Nhơn trở ra Phù Cát lần này, tôi chợt để ý đến một số tháp Chàm ở vùng An Nhơn. Những ngôi tháp màu gạch nung này có vẻ lớn hơn ngôi tháp tôi đã nhìn thấy trước đây ở Phù Cát, và tất cả đều đứng chơ vơ trên những ngọn đồi trọc, nổi bật lên nền trời của một vùng nhiều đồng ruộng ít núi non này đã tạo cho tôi một sự tưởng tượng như nhìn thấy những vết thương trên một thân thể lành lặn. Thì ra đất Bình Định này còn rất nhiều dấu tích của Chiêm Thành chứ không phải chỉ độc nhất ngôi tháp nhỏ ở huyện Phù Cát đã từng gây ấn ảnh cho tôi trước đây.

Dĩ nhiên chúng tôi không về lại huyện đường mà ở đậu nhà một thầy thơ cũ trong huyện. Tuy nhiên tôi cũng đã có dịp nhìn lại huyện đường. Vẻ nghiêm trang mới ngày nào không còn nữa mà huyện bây giờ trông giống như một cái kho gạo. Người ta bảo đó là gạo cứu đói cho miền Bắc và người ta còn nói rằng trong nạn đói vừa rồi ở miền Bắc đã có tới hai triệu người chết. Tôi không thể hình dung nổi hai triệu người là nhiều như thế nào, nhưng dù sao thì con số hai triệu cũng có mãnh lực gây cho tôi một ấn tượng khủng khiếp. Tôi bỗng nhớ lại những tốp người gầy guộc, rách rưới và xanh xao vẫn kéo nhau đi ngang huyện trước đây. Không biết bây giờ họ ở nơi nào, có tìm cho mình được sự no ấm như điều họ mong ước khi bỏ xứ đi tìm hay không, vì ngay chính tôi bây giờ cũng không còn thấy được mình yên vui với cuộc đời như trước đây nữa.

Trước khi gia đình tôi đi tản cư thì bác sĩ đã khám phá ra mẹ tôi vướng bệnh lao phổi. Vì cha tôi phải đi theo cơ quan, mà cơ quan này thì nay dời mai đổi, còn tình hình tản cư có thể sẽ còn kéo dài nên cha tôi mới sắp xếp cho gia đình về sống tại một miền quê hẻo lánh để cho mẹ tôi được yên tĩnh dưỡng bệnh. Đó là xứ *Đại An*, một họ đạo nằm trên đường đi xuống cửa biển Điện Gi. Đất ở đây cũng nhiều gò cát và tiếp với núi rừng. Chúng tôi ngụ tại nhà ông Cửu. Cha tôi mỗi cuối tuần mới về thăm một lần.

Ngôi nhà và cả khu vườn xoài to rộng của ông Cửu vốn là khu chủng viện xưa kia của giáo phận Quy Nhơn trước thời chủng viện được dời về Lăng Sông. Trừ khoảnh vườn xung quanh ngôi nhà ông Cửu hiện đang ở là được dọn dẹp sạch sẽ, trong khu vực vẫn còn dấu vết những cái nền rộng lớn của những dãy nhà đổ nát bỏ hoang, cây dại phủ um tùm. Riêng hai cái tháp vuông bằng gạch rêu phong thì vẫn còn sừng sững đứng chơ vơ ở mặt tiền một nền nhà rộng lớn mà đám táo nhơn đã mọc lên như rừng. Đó là di tích của ngôi nhà thờ ngày xưa. Đời đống trong tháp không biết cơ man nào mà kể. Nhìn ra xung quanh tôi chỉ thấy toàn là những vết tích của một sự hoang phế.

Nói là về đây để dưỡng bệnh nhưng thực ra thì sức khỏe của mẹ tôi cứ suy yếu dần dần. Trong họ đạo cũng có mấy người đang mang bệnh giống như bệnh mẹ tôi. Vào thời bấy giờ, y học còn lạc hậu, thuốc men không có, những người mắc bệnh như mẹ tôi đều hiểu rằng cuộc đời của mình sẽ chẳng còn bao lâu nữa. Bây giờ thì mẹ ăn riêng, ngủ riêng, có đồ dùng riêng và anh em tôi không được phép sà vào lòng mẹ và ôm ấp mẹ như xưa nữa. Tôi tự hỏi cuộc đời sao lắm chuyện oái oăm đến thế. Thoáng yên vui của những ngày thanh bình ở một thành phố êm đềm qua mau và bây giờ là những ngày tẻ nhạt ở một vùng thôn dã hẻo

lánh, lại thêm nỗi khó khăn và chật vật của cảnh sống tản cư nữa.

Theo như cha tôi đã sắp xếp đâu đó với cha sở, mỗi tuần vài ba ngày, tôi lên nhà thờ để ngài dạy cho học. Tôi không nhớ ở đây có trường học hay không, vì tôi chẳng học theo trường lớp nào cả. Tôi cũng chưa bao giờ thấy xuất hiện bóng dáng một học sinh nào khác. Chỉ có cha sở là thầy giáo và tôi là tên học trò duy nhất. Lớp học là chỗ kê cái bàn ăn lớn và dài ở khu hàng ba thoáng mát. Vào mỗi sáng, ngài thường dạy tôi một bài tập đọc, hoặc ít ngữ vựng tiếng Pháp, vài bài toán, và dĩ nhiên ngài cũng dạy tôi giáo lý nữa. Buổi chiều, nếu không bận công việc, ngài dẫn tôi theo ngài đi đó đây.

Nhà thờ này tương đối lớn so với nhà thờ Kiều Đông mà hồi còn ở huyện tôi vẫn thường đi lễ, nhưng xóm đạo thì cũng nghèo nàn giống nhau. Ngoại trừ nhà cha sở và nhà ông Cửu ra, hầu hết chỉ là những nhà tranh vách đất lụp sụp. Hầu như nhà nào ngoài các tượng ảnh Chúa, còn treo thêm hai bức ảnh gọi là *chết lành* và *chết dữ*. Kẻ lành khi hấp hối được các Thiên thần đến rước và Chúa trên trời cao đang tay đón về. Kẻ dữ khi chết bị quỷ sứ lôi kéo vào hỏa ngục cho lửa thiêu đốt. *"Quê hương thật chính là nước Trời,"* vị linh mục vẫn dạy tôi như vậy. Tôi chưa muốn tưởng tượng đến Thiên đường hay Hỏa ngục. Đối với tôi, trần gian này vẫn còn đang còn rất nhiều thứ để cho mình mơ ước hơn.

Cha sở là một vị linh mục hiền hòa và vui tính, có sở thích câu cá, nhử chim cu và ngài cũng rất mê âm nhạc. Tuy vậy tôi lại thấy ngài chẳng hiểu tôi tí nào. Ngài không bao giờ tưởng tượng giống như tôi tưởng tượng. Ngài thường dẫn tôi theo ngài đi câu hoặc đi nhử chim cu, thú tiêu khiển ở nông thôn rất nhẹ nhàng và lặng lẽ. Tuy nhiên đối với tôi lúc ấy là cả một sự buồn nản ghê gớm vì tôi không tài nào ngồi yên chờ phao động đậy để biết là cá đã cắn câu, hay núp trong một lùm cây nào đó, ngóng chờ nghe con cu mồi gáy rủ bạn tới để rồi vướng vào bẫy sập và bị bắt. Nhiều khi ngồi cả buổi trời, ngóng đã mỏi cổ, chẳng bẫy được gì, cha sở lại vai vác cây sào dài, tay xách cái lồng chim mồi lửng thửng đi về, lại còn vui vẻ cười ha hả và đọc cho tôi nghe:

Trên đời có bốn cái ngu
Mai dong, lãnh nợ, treo cu, cầm chầu

Tôi không biết mai dong, lãnh nợ, cầm chầu là như thế nào mà bị gọi là ngu, nhưng còn cái chuyện treo cu tức là xách cái lồng nhốt chim cu mồi treo lên cây cho cu mồi gáy rủ chim cu trời tới thì tôi tự hẹn với mình sẽ không bao giờ bị vướng vào cái ngu này.

Ngoài việc dạy tôi học chữ và dạy cho tôi hiểu giáo lý, cha sở còn dạy tôi ký âm pháp và tập hát. Ngài rất thích bài Đêm Đông của Nguyễn Văn Thương nên ngài cũng chỉ tập cho tôi có mỗi một bài Đêm Đông. Tôi cố bắt đúng giọng và giữ thật đúng nhịp để cho mau xong bài tập hát, còn rung cảm với bài hát thì tôi chẳng thấy mình rung cảm tí nào. Riêng cha sở thì vẫn không ngớt *"...bâng khuâng rã rời... tê tái... nhớ nhung tiêu điều... đìu hiu... Đêm đông, ôi ta nhớ nhung đường về xa xa... ta lê bước chân phong trần tha hương..."* Hát đi hát lại mãi những câu buồn trong một cảnh sống cũng buồn nản, nhiều lúc tôi cảm thấy gần như muốn đông cứng lại luôn để khỏi phải hát nữa.

Về môn giáo lý thì sau khi thấy tôi có thể đọc vanh vách một số kinh trong quyển nhựt khóa, thuộc Mười điều răn Đức Chúa Trời và Sáu điều răn Hội Thánh, cha sở bèn cho phép tôi được xưng tội rước lễ vỡ lòng. Sau khi suy

NGUYỄN VĂN THỰC

NHỚ CÁT SÔNG HẰNG

Chiều về
Trăng cũng về
Thuyền thúng và những con mực khô
Ngửa mình hứng
Còng vẫn lăm nhăm mật ngữ
Chờ nguyệt ngời soi tỏ mộng phù sinh
Cát cởi áo mặt trời
Nằm lả lơi
Uống ngọt ngào tiếng sóng vừa yên vọng động
Phải chăng cát sông Hằng
Bóng người chật vật đổi áo
Phải chăng sóng sông Hằng
Tay lửa đưa người bụi trùng dương...

nghĩ và phân vân rất nhiều về những tội ghi trong mục xét mình xưng tội, tôi đã mạnh dạn xưng hầu hết mọi tội được in trong sách, có lẽ chỉ trừ tội giết người và tội dâm dục. Cha sở vẫn dạy tôi: *"Con người là tội lỗi. Không phải chỉ có nói hay làm điều tội mới là phạm tội mà chỉ cần nghĩ đến điều tội cũng đã là có tội rồi."* Nghe tôi xưng tội, ngài chỉ biết lắc đầu, nhưng rồi ngài cũng ban phép giải tội cho tôi vì Chúa bao giờ cũng nhân từ và luôn luôn tha thứ.

Những ngày không phải lên với cha sở, tôi đi theo chơi, coi mấy anh chị em ông Cửu làm việc. Vào tháng nắng, theo mấy anh chị em đi coi người ta chặt mía, bó lại, vác về lò, ép lấy nước, cho vào chảo đun, nấu thành đường, tôi mới thấy bao nhiêu là mồ hôi đã đổ chứ không phải là một trò vui như tôi đã tưởng tượng. Chỉ có một số công việc nhẹ nhàng nhất thường dành cho trẻ em, đó là cầm cây roi đi sau cặp bò bị thắng vào cần che, thúc cho bò luôn bước làm cho trục che quay đều để cho mấy người ngồi cạnh che đút mía vào ép. Nhưng cứ tối ngày cầm cây roi đi mãi sau đuôi hai con bò theo một vòng tròn cố định thì cũng chẳng còn cái cảnh nào buồn nản hơn. Tuy nhiên món đường non mới nấu quệt lên bánh tráng nướng ngon chẳng kém gì mạch nha.

Mùa xoài chín, tôi lại theo coi bẻ xoài. Người ta không leo lên cây lấy tay hái như tôi tưởng, mà dùng một cái sào tre dài, phía đầu sào được kết thành một cái lồng có chừa một cửa trống nhỏ bên hông. Người hái đưa sào lên, hướng cho trái xoài lọt vào trong lồng rồi giựt cho xoài rơi vào trong lồng, tránh cho xoài không bị rớt xuống đất làm cho dập. Mỗi lần hái xoài, tôi lại được ăn thử loại xoài tiến, tức là loại xoài mà theo lời mấy anh chị nói trước đây chỉ để dành dâng vua. Đối với tôi, chỉ có mấy trái xoài còn đang xanh mới chua, còn hễ mà đã là xoài chín thì loại nào cũng ngon ngọt hết. Cũng có lần tôi được theo mấy anh chị lên núi hái sim, hái chà là. Sim và chà là mọc hoang thành từng vùng trong núi nhiều vô kể. Hoa sim có màu tím nhạt thật đẹp và trái sim thơm mềm, nhưng tôi vẫn thích những trái chà là là đen bóng ngon ngọt, dù khi hái nó phải len vào giữa bụi, vạch những tàu lá nhọn như gai để hứng cái rổ sát dưới chùm trái chín rồi dùng tay đập lên trên cho trái rụng xuống. Chà là có thể phơi khô, cho vào cối giã lấy lớp cơm ngọt bên ngoài cho vào hũ để dành, còn hột thì bỏ đi. Do đó tới mùa, người trong xóm rủ nhau đi hái chà là giống như người ta rủ nhau đi trẩy hội.

Chính nhờ đi theo cùng mấy anh chị nơi đây mà tôi bắt đầu tập hội nhập vào đời sống của người dân Bình Định. Tôi đã thấy thế nào là cuộc sống ở nông thôn với đủ thứ công việc luôn tay luôn chân. Tôi cũng bắt đầu biết tiếng *nẩu* thay cho tiếng *người ta*, và *qua* thay cho *tôi*. Và tôi đã ngô nghê xưng *qua* với tất cả mọi người làm cho người lớn nghe thấy phải bật cười. Phải đến khi được mấy anh chị con ông Cửu cắt nghĩa *qua* có nghĩa là tôi nhưng là kẻ bề trên xưng với người nhỏ hơn mình chứ không phải lúc nào cũng xưng *qua* được, tôi mới hiểu cái rắc rối của ngôn ngữ. Để tránh phạm lỗi lần, từ đó tôi không bao giờ xưng *qua* với ai nữa và ngưng bắt chước giọng Bình Định luôn, dù cho có bị chế giễu là trọ trẹ. Tôi cho rằng giọng Bình Định mới đúng là eo éo khó nghe. Nhưng họ đông quá, còn tôi chỉ có một mình nên đành phải nhịn.

Từ ngày về sống ở Đại An này, tôi mới có dịp ăn những món ăn thôn dã của người Bình Định. Người ở đây không hề biết cái bánh chưng mà chỉ biết có đòn bánh tét. Món ăn phổ biến nhất là bánh tráng. Nào là bánh tráng gạo, bánh tráng khoai mì và có cả bánh tráng khoai lang. Người Bình Định có thể ăn bánh tráng trừ cơm. Bánh tráng có thể nướng phồng lên và ăn dòn, hoặc cũng có thể để nguyên đem nhúng nước cho mềm lại, quấn với vài cọng rau sống gì đó, chấm với mắm cái có dằm tí ớt cay là đủ rồi. Cá thịt có thể thiếu, nhưng mắm là món không thể thiếu đối với người dân quê Bình Định. Ăn xong, uống thêm một tô nước chè tươi hay chè huế là đủ no nê. Người ta còn bảo xưa Nguyễn Huệ đã nhờ biết dùng bánh tráng và bánh tét làm lương khô cho quân mang theo, vừa gọn vừa tiện cho việc ăn uống lúc đi đường nên quân Tây Sơn có thể hành quân một cách thần tốc và chiến thắng quân Thanh.

Nhưng quân Tây Sơn chiến thắng quân Tàu chính là nhờ võ nghệ. Mấy anh chị em con ông Cửu bảo với tôi rằng, Bình Định là nơi phát xuất của quân Tây Sơn nên người dân ở đây ai cũng có võ. Hèn gì tôi thấy mấy anh ấy thỉnh thoảng vẫn luyện võ, múa côn, đi quyền với nhau. Mấy anh chị ấy vẫn bảo với tôi rằng luyện võ cốt để phòng thân, nhưng tôi cho rằng, khi ghét nhau có ai cấm người ta dùng võ để đánh người khác đâu. Cũng vì thế mà từ đó tôi thấy mình bắt đầu nể nang người Bình Định. *(Còn tiếp)*

Một buổi ra mắt sách lạ thường

TIỂU KỲ

Đức Trí và Quế Anh (sanh năm 1973 và 1974), vừa cho trình diện hai tác phẩm trước một cử tọa đa số trẻ tuổi, cùng trang lứa với đôi bạn này tại phòng sinh hoạt báo Người Việt, sáng ngày 8 tháng 10 vừa qua.

Một buổi ra mắt sách rất lạ, so với các buổi bình thường khác. Họa sĩ Etcetera trang trí đẹp mắt, sinh động và hợp với đề tài hai cuốn sách, một là cuốn thơ "Thiên nhiên cuồng niệm," một là tập đoản văn "Đạo sĩ và cọng cỏ."

Các tham dự viên viên đều là những thanh niên nam nữ trẻ trung sinh động, nhiều người là các sinh viên bạn bè của Đức Trí - Quế Anh. Họ diễn đọc khá nhiều đoạn trong hai tác phẩm và khán giả theo dõi thích thú, không phải chỉ những bài hát, bài thơ phụ diễn mới được chú ý... Hình như cũng không có ai "mặc áo thụng lễ nhau" như thường xảy ra trong các buổi ra mắt sách thông thường. Suốt buổi không có người nào nói về hai tác giả.

Chỉ có một "người lớn" là thi sĩ Dụ Tử Lê giới thiệu cuốn thơ lúc mở đầu. Có một số đầu bạc trong cử tọa và phái nữ cũng chiếm đa số. Giáo sư Phạm Hồng Vũ (con trai giáo sư Phạm Cao Dương) là thanh niên duy nhất trong thành phần giới thiệu sách. Hai người điều khiển chương trình Lương Tâm Giáo, Tạ Thiên Nga cùng các bạn đọc thơ, đọc đoản văn đều là những người nữ rất trẻ và duyên dáng. Không khí trẻ trung, vui vẻ như một buổi họp mặt của tuổi thanh niên. Khi trẻ, người ta chỉ cần gặp nhau là đã vang tiếng cười ròn.

Các "diễn viên" tài tử thủ vai Đạo Sĩ và cọng cỏ ngay từ đoạn mở đầu đã diễn đọc thật sống động khiến cho một khán giả tình cờ ghé tới bị cầm chân lại vì muốn nghe cho hết mấy bài trong tập đoản văn của hai tác giả trẻ tuổi đặc biệt ấy. "Đạo sĩ và cọng cỏ" chỉ gồm hơn 80 trang ghi lại những ý tưởng hiện ra nhanh như làn chớp, như giấc mơ - bằng hai thứ tiếng Việt - Mỹ. Các tác giả Đức Trí và Quế Anh chưa tới tuổi 30, mới qua Mỹ khoảng 10 năm nên có khả năng sáng tác bằng tiếng Việt; bà Đỗ Châu Huyền (mẹ của Đức Trí - vốn là giáo sư Anh Văn) dịch ra Anh ngữ. Cả ba đều viết trong thời gian kỷ lục - giống như họ phải ghi thật nhanh kẻo các ý tưởng bay vù mất khi họ tỉnh giấc mơ.

Đức Trí và Quế Anh

Riêng đối với TK tôi, cuốn sách mỏng này thật đáng nâng niu và có giá trị, mang nhiều nét minh triết mà lại rất nên thơ. Câu chuyện đối thoại giữa ông đạo và cọng cỏ trong góc rừng, nơi hang đá, đề cập tới mọi vấn đề nhân sinh theo nhãn quan mới mẻ, tươi mát của hai người trẻ đang có sức sáng tác dồi dào có lẽ nhất nhì trong cộng đồng những người Việt Nam trẻ viết văn nơi hải ngoại. Cùng với các bạn nghệ sĩ như Etcetera, Vũ Hoàng Lân, Đoàn chí Bình... cặp Đức Trí-Quế Anh đang mang lại sinh khí tươi mới cho sinh hoạt văn hóa của cộng đồng VN hải ngoại bằng sức sáng tác và những sáng kiến độc đáo của mỗi người. Hai cuốn sách của Đức Trí- Quế

Anh đều do Vũ Hoàng Lân và Val design trình bầy rất nghệ thuật. Một điểm khác lạ nữa là hai tác giả đều được các bậc phụ huynh của họ hết lòng nâng đỡ trên con đường nghệ thuật.

Thực hiện cuốn sách bằng hai thứ ngôn ngữ, Đức Trí và Quế Anh đã đáp ứng được nhu cầu của giới trẻ Việt Nam chưa thạo hay đã quên tiếng mẹ đẻ. Biết đâu, họ sẽ chẳng tò mò đọc và học luôn tiếng Việt sau khi đã thấm thía ý và từ của bản tiếng Anh?

Kể từ thập niên 1990, có khá nhiều thanh thiếu niên gốc Việt tại hải ngoại, thuộc thế hệ di dân thứ hai đã vô học các ngành nhân văn như điện ảnh, báo chí, âm nhạc, văn chương... Đức Trí và Quế Anh mới qua tới Mỹ hồi đầu thập niên 90, học về Polytical Science và Biology, nhưng tiềm năng sáng tác văn chương cùng lòng yêu thiên nhiên đã khiến cho cặp uyên ương này liên tiếp cho trình làng những tác phẩm bằng Việt ngữ hàng năm. Năm ngoái họ đã ra mắt cuốn "Thiên nhiên và thi cảm" gồm 100 bài thơ.

Cô Thủy Tiên, một người trẻ khác đã viết về họ như sau:

"Đức Trí, Quế Anh chọn thi ca văn nghệ như cứu cánh cho tâm hồn. Chỉ với tinh thần đó, chúng ta đã cần trân quý họ như những người khác lạ. Cái khác lạ không phải ai cũng làm được, cái khác lạ đáng yêu. Tuổi trẻ cần có trái tim nóng và tinh thần vượt khó. Sẽ không có những cánh bướm muôn màu nếu những cái kén cứ lặng lẽ thối rữa trong thói quen dè dặt, dám nghĩ mà không dám làm..."

Đọc cuốn đoản văn Đạo sĩ và Cọng Cỏ, TK tôi học được khá nhiều chuyện, nhưng có lẽ TK thích nhất là đoản văn "Nghệ thuật trong mắt mỗi loài." Trong đó, cọng cỏ cùng con giun đất đối thoại với nhau về trình độ thưởng ngoạn và làm nghệ thuật. Khi con giun trườn mình trên chiếc lá khô (rất nghệ thuật, trong mắt cọng cỏ), nó bị cọng cỏ mắng mỏ là đồ không biết thưởng thức nghệ thuật, phản nghệ thuật. Giun ta cãi lại thì cọng cỏ át giọng chú giun:

"Mi là loài giun dế, mi biết gì về nghệ thuật."

"Mi không phải là ta, sao dám khẳng định là ta không có nghệ thuật...

Nghệ thuật của cọng cỏ mi là gì?"

"Là cảm xúc, rung động trước một vật gì, một cảnh gì. Ta nhìn thấy chiếc lá khô, cảm xúc vì hình hài chiếc lá, vì màu sắc của chiếc lá, ta cho đó là nghệ thuật."

"Mi có cảm xúc của mi, ta có cảm xúc của ta. Ta nằm trên chiếc lá, thưởng thức mùi thơm của lá, cảm nhận được sự mềm mại của lá, và những đường gân li ti trên lá kia mới chính là nghệ thuật."

"Nhưng mi nằm trên chiếc lá thì còn gì là nghệ thuật của chiếc lá nữa?"

"Tại sao?"

"Vì mi xấu xí!"

Con giun cười lớn:

"Đối với ta, vật nào có thân hình căng tròn như ta, cơ thể uốn éo như ta mới là tuyệt đẹp. Còn mi, mi xanh le xanh lét và gầy nhom thế kia, mới đúng là xấu xí. Hơn nữa ta cho rằng chiếc lá khô có ta nằm ở trên lại càng nghệ thuật hơn."

Cọng cỏ còn giận, nhưng nó im lặng, nó nhìn con giun tiếp tục ngo ngoe hít ngửi, còn nó thì tiếp tục nhìn ngang nhìn dọc."

TK đồng ý với chú giun rất nhiều điểm, và có một tiểu tiết (rất nhỏ - như sợi tóc chẻ tư thôi), TK không đồng ý với chú ta là chiếc lá khô thì ít khi mềm mại như nó tả. Giun ta tiếp xúc với lá bằng cái thân căng tròn và mềm nhũn, chắc phải nhận ra độ cứng (hay ròn) của chiếc lá khô chứ, sao lại cho là nó mềm mại? TK đoán, có lẽ đây là một chiếc lá vàng (mùa thu) mới rụng, còn tươi mà vì nhà in sơ xuất, "xếp chữ" lộn thành lá khô đó thôi. Cũng vẫn nghệ thuật như thường!

Đoàn Văn Nghệ Truyền Thống Lạc Hồng với chủ đề Niềm Tin & Hy Vọng - 2000.

Hơn một ngàn khán giả cùng với phụ huynh và con em đã tham dự một đêm văn nghệ truyền thống Việt Nam đặc sắc với chủ đề Niềm Tin & Hy Vọng của Hội Phát Huy Nghệ Thuật Truyền Thống Việt Nam và đoàn văn nghệ Lạc Hồng tổ chức tại rạp Robert B. Moore Theater, trong khuôn viên trường Đại Học Orange Coast College, vào tối ngày thứ Bẩy 29 tháng Chín năm 2000.

Mở đầu chương trình, ban Thiếu Nhi Lạc Hồng đã chinh phục ngay cảm tình của khán giả với trên 30 em thiếu nhi trong bộ y phục bà ba cổ truyền màu sắc rực rỡ với khăn rằn quấn cổ, đặc trưng của miền Nam. Các em vừa múa vừa hát bài Bắt Kim Thang, dân ca Miền Nam. Điệu múa này do vũ sư Lưu Hồng dàn dựng với phần hòa âm của nhạc sĩ Nguyễn Châu cùng ban nhạc Lạc Hồng. Có thể nói hầu hết các em chưa quá 10 tuổi, đều sanh ra và lớn lên ở Hoa Kỳ. Nhìn vẻ ngây thơ, bụ

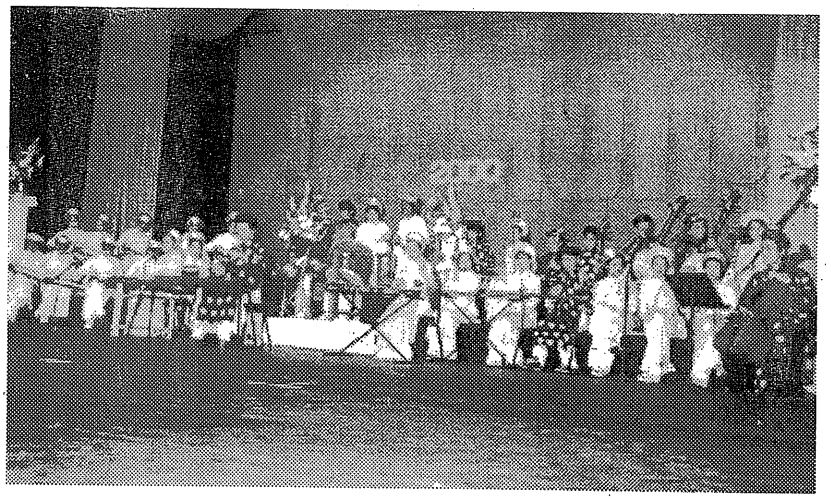

Ban Lạc Hồng đang trình tấu.

bẫm của các em trong điệu múa khán giả đã dành nhiều tràng pháo tay cho các em. Hình ảnh này cũng là hình ảnh mà ban tổ chức muốn đưa vào chủ đề của đêm văn nghệ Lạc Hồng năm nay: Niềm Tin và Hy Vọng - 2000.

Khán giả đã theo dõi suốt gần ba tiếng đồng hồ với những bản dân ca ba miền, các điệu vũ dân tộc, hòa tấu, tam tấu, độc tấu, hợp ca và đơn ca, nhiều màn rất độc đáo đặc sắc. Đêm văn nghệ Niềm Tin và Hy Vọng 2000 của đoàn văn nghệ Lạc Hồng là một nỗ lực trong việc phát huy và bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc Việt. Đoàn văn nghệ Lạc Hồng đã tròn 11 tuổi khởi đi từ 18 thành viên lúc ban đầu và cho đến nay với sự hiện diện của trên 100 thành viên. Thành quả này là do sự đóng góp của nhiều giới quan tâm đến văn hóa văn nghệ Việt Nam, đáng kể là phụ huynh của các em. Chính phụ huynh là người quan ngại đến sự bứt khỏi gốc rễ nguồn cội Việt Nam của các em hơn ai hết. Có đến 90 phần trăm đoàn viên là giới trẻ. Trong đó có những em đã đến với Lạc Hồng từ tuổi niên thiếu và nay đã tốt nghiệp nhưng vẫn còn đóng góp với Lạc Hồng.

Giáo sư Nguyễn Thuyết Phong thuyết trình về cổ nhạc miền Nam

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức một buổi thuyết trình về đề tài "Từ Tiếng Thở Dài Đến Những Bước Đi Hùng Tráng: Nhạc Tài Tử và Cải Lương" với diễn giả Tiến Sĩ Nguyễn Thuyết Phong từ tiểu bang Ohio, tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào chiều ngày thứ Bẩy 14 tháng Mười năm 2000. Buổi sinh hoạt đã hấp dẫn trên 200 văn nghệ sĩ và khán giả theo dõi một cách thích thú.

Mở đầu, cô Lê Đình Y Sa, Tổng Thư Ký Hội VAALA lên nói sơ lược về tình trạng cải lương ở trong nước hiện đang xuống cấp vì ảnh hưởng của các phong trào video và ở hải ngoại vì tình trạng rải rác của người Việt nên cũng chưa chấn hưng lại được bộ môn cải lương đã từng thu hút hàng triệu người qua nhiều thập niên ở trong nước trước 1975.

Tiếp theo, ông Ngô Mạnh Thu, chủ tịch Hội VAALA cũng đã lên diễn đàn giới thiệu về diễn giả Nguyễn Thuyết Phong, Tiến Sĩ Âm Nhạc tốt nghiệp ở Đại Học Sorbonne năm 1982. Được chánh phủ Hoa Kỳ phong tặng Nghệ Sĩ Di Sản Quốc Gia, ông hiện đang giảng dậy môn Dân Tộc Nhạc Học tại trường Đại Học Kent (Kent State University) thuộc tiểu bang Ohio.

Diễn giả Nguyễn Thuyết Phong tâm tình với khán giả Việt Nam rằng ông đã đi thuyết trình nhiều nơi, nhiều quốc gia nhưng bằng ngôn ngữ Anh và Pháp. Đây là lần thứ hai ông thuyết trình bằng tiếng Việt trước khán giả Việt Nam, sau lần đầu tiên tại Seattle, cách đây... 15 năm.

Ông đã dẫn giải sơ lược âm nhạc Việt Nam và nhất là âm nhạc của miền Nam thời kỳ cách đây hơn 100 năm. Giáo sư Phong qua máy điện toán lưu trữ những hình ảnh của xã hội và âm nhạc Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ 19 và những hình ảnh đầu tiên khi nhạc cụ Tây Phương đi Việt Nam, với âm thanh mạnh mẽ ồn ào lấn át những đàn bầu, đàn cò... của nhạc Việt Nam.

Giáo sư phong cho biết ông đã từng theo ban nhạc lễ, tức nhạc đám ma từ ngày còn thơ ấu ở Bến Tre. Việc này đã ảnh hưởng đến việc ông theo đuổi nền cổ nhạc rất nhiều, ông cho rằng nhạc tài tử bắt nguồn từ nhạc lễ trong dân gian.

Ông nói nhạc tài tử miền Nam chịu rất

Nữ nghệ sĩ Thu Hồng trình diễn cùng ban nhạc

nhiều âm hưởng của ca trù (miền Bắc) và ca Huế (miền Trung). Nhạc cụ cũng dần dần thay đổi, với sự thích ứng và nhu cầu cải tiến âm nhạc ngày một tăng, các nhạc sĩ như các ông Trần Quang Quờn, thầy giáo Tiên ở Rạch Giá đã đã cải tiến thành công cây đàn guitare và cây đàn violon để sử dụng trong nền cổ nhạc miền Nam.

Về bài bản, giáo sư Phong cho biết trong cổ nhạc miền Nam có 72 bài bản, không kể những dị bản biến chế rất nhiều. Dịp này, giáo sư Phong nhắc đến sự thành công vượt bực của bản Vọng Cổ, qua nhiều thập niên hiện nay vẫn còn thịnh hành ở cả trong và ngoài nước. Ông nói bản Vọng Cổ có thể nói là một bản nhạc được trình diễn bền nhất thế giới vì hiện chưa có một bản nhạc nào được phổ biến và kéo dài qua nhiều thập niên mà vẫn còn sức lôi cuốn khán giả như thế.

Giáo sư Nguyễn Tuyết Phong nói lai lịch về bản Vọng Cổ khởi đầu là của nhạc sĩ Cao Văn Lầu sáng tác khoảng năm 1920 là Dạ Cổ Hoài Lang chỉ có hai nhịp cho mỗi câu, dần dần được chế biến thành nhịp 4, nhịp 8, 16, 32, 64. Khán giả được xem sự chuyển động của nhịp trong một câu vọng cổ trên màn ảnh qua sự phân tích của một máy điện toán.

Về những diễn tiến từ nền âm nhạc tài tử đến sân khấu, diễn giả cho biết khởi đầu là Hát Bộ hay là Ca Ra Bộ đến vở tuồng cải lương đầu tiên qua bài Tứ Đại Oán vào khoảng đầu thế kỷ 20. Đến năm 1920, vở cải lương đầu tiên được ra mắt khán giả là vở Kim Vân Kiều. Sau đó nhằm phong phú hóa sân khấu, bản Vọng Cổ cũng được đưa vào sân khấu cải lương và thành công. Từ năm 1930, nền cải lương miền Nam chịu ảnh hưởng của sân khấu Tây Phương với những nghệ sĩ Năm Châu, Bảy Nhiêu, Tư Chơi đã phóng tác những vở kịch của Tây phương thành những tuồng cải lương đầu tiên, thoát khỏi ảnh hưởng độc tôn của truyện tuồng Tàu. Cũng có phóng tác tuồng Nhật Bản, Ấn Độ.

Theo giáo sư Phong thì những soạn giả cải lương cũng đã có công đóng góp nhiều cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, nhưng ít được để ý đến. Cải lương cũng đã làm phong phú nền âm nhạc: chỉ có sân khấu cải lương miền Nam Việt Nam mới có hai dàn nhạc, dàn nhạc Tây Phương để phụ họa cho kịch tính của tuồng, dàn cổ nhạc để cho nghệ sĩ hát. Nền cải lương cũng có những khía cạnh rõ rệt về thẩm mỹ và sáng tạo. Ông nói nền âm nhạc tài tử và cải lương đã có những đóng góp to lớn cho nền văn học nghệ thuật Việt Nam.

Giáo sư Nguyễn Thuyết Phong kết luận là người Việt Nam cần giữ cái bản sắc của mình tức là nền văn hóa văn nghệ của dân tộc Việt. Ông kể trong lễ ông được phong tặng danh hiệu "Nghệ Sĩ Di Sản Quốc Gia" (National Heritage Fellow), Đệ Nhất Phu Nhân Hoa Kỳ Hillary Clinton đã nói với ông rằng danh hiệu này phong tặng cho một người Việt Nam đã có những đóng góp (văn hóa VN) cho nền văn hóa Hoa Kỳ. Cần có sự quan tâm của nhiều giới người Việt thì mới có thể phát huy nền cổ nhạc Việt Nam.

Với sự giúp sức của máy điện toán, nhiều hình ảnh, âm thanh của nền cổ nhạc miền Nam đã hệ thống hóa được trình bày để minh họa cho lời thuyết trình. Nhưng quý hơn cả là sự minh họa sống của của các nghệ sĩ cổ nhạc Nguyễn Châu, Chí Tâm, Thu Hồng, Việt Hùng... đã được khán giả nhiệt liệt tán thưởng.

Viện Việt Học khai giảng Khóa Mùa Thu 2000: Giáo Sư Trần Huy Bích nói chuyện về Văn Học Dân Gian

Viện Việt Học đã làm lễ khai giảng Khóa Mùa Thu-2000 tại phòng hội của Viện với sự tham dự của nhiều giáo sư đại học, nhân sĩ

cùng với một số sinh viên nhiều lứa tuổi và đặc biệt là các lớp trẻ, vào chiều ngày Chủ Nhật 24 tháng Chín năm 2000 và trong dịp này giáo sư Trần Huy Bích thuyết trình về đề tài: Giá trị Văn chương và Nhân Văn của Dòng Văn Học Việt Nam.

Ông Nguyễn Thành Lân, đại diện cho Viện Việt Học ngỏ lời chào mừng quan khách và các bạn trẻ. Sau đó ông đã mời giáo sư Nguyễn Sỹ Tế, Trưởng ban văn chương Việt Nam của Viện Việt Học lên nói sơ lược về lịch trình lớp Đại Cương về Văn Học Việt Nam, khóa mùa thu niên khóa 2000-2001.

Giáo sư Trần Huy Bích đã nói chuyện về đề tài Giá Trị Văn Chương và Nhân Văn Của Dòng Văn Học Dân Gian. Ông nói dòng văn học dân gian có một địa vị đáng kể đối với dân tộc. Dù bị ảnh hưởng chữ Hán nhưng dân tộc ta có ngôn ngữ riêng, là chữ Nôm. Phần lớn dân chúng đã sáng tác và lưu giữ các tác phẩm dưới dạng truyền khẩu. Dòng văn học dân gian truyền khẩu rất phong phú và quan trọng trong kho tàng văn học Việt Nam.

Giáo sư Trần Huy Bích đã trích dẫn những ca dao, tục ngữ và phân tích giá trị văn chương của ca dao, tục ngữ qua hình ảnh, từ ngữ, cách phô diễn ý tưởng, cách dùng mỹ từ pháp... Giáo sư Bích đã làm cả hội trường theo dõi thích thú với những ca dao phổ thông.

Sau phần thuyết trình là cuộc trao đổi giữa giáo sư Bích với cử tọa chung quanh đề tài nêu ra.

Viện Việt Học do một số giáo sư Đại Học Việt Nam gầy dựng nhằm mục đích phát huy và bảo tồn những giá trị văn hóa và văn học đích thực của Việt Nam do giáo sư Nguyễn Đình Hòa làm Viện Trưởng.

Viện Việt Học đã khai giảng khóa 1999-2000 với 45 sinh viên ghi danh theo học. Theo một thông cáo mới phổ biến thì các bạn học viên có thể ghi danh học ban Cử Nhân Việt Học hoặc Sư Phạm và Giáo Dục.

Theo lịch trình năm nay thì Lớp Đại Cương về Văn Học Việt Nam khóa Mùa Thu gồm có 12 đề tài kéo dài trong 12 tuần lễ cộng với tuần lễ thứ 13 ôn tổng quát. Các đề tài giảng dậy gồm có :

1. Đại cương về dòng văn học dân gian
2. Đại cương về các truyện nôm cổ
3. Đại cương về dòng văn học chữ Hán
4. Đại cương về Nguyễn Trãi
5. Văn Nôm từ thế kỷ thứ 14 đến thế kỷ thứ 19 (4kỳ)
6. Đại cương về Nguyễn Du
7. Thơ văn yêu nước cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20
8. Đại cương về văn học quốc ngữ
9. Đại cương về văn học cận đại.

Các bạn trẻ và các vị nào muốn hiểu biết thêm về nền văn học Việt Nam thì có thể theo học các lớp kể trên. Mọi chi tiết xin liên lạc về số điện thoại (714) 636-6967.

SAN GABRIEL

Mùa thu, ra mắt sách, tưởng nhớ đến thuyền nhân

Chuông trình "Mùa Thu, Ra Mắt Sách, Tưởng Nhớ Đến Thuyền Nhân" do tuần báo SàiGòn Times tổ chức, đã diễn ra vào lúc 6 giờ chiều Chủ nhật, 8-10-2000, tại thành phố San Gabriel thuộc quận Los Angeles, quy tụ trên 600 tân khách.

Nhà thơ Du Tử Lê đã được mời nói về nhà thơ Thái Tú Hạp và những tác phẩm của ông. Theo họ Lê, với thi phẩm đầu tay "Thèm Về" xuất bản năm 1970, Thái Tú Hạp đã cho thấy sự tách khỏi những người đồng thời và mau chóng tạo cho mình được một "cá tính thi ca" hay là một thẻ nhận diện riêng, mà nhiều người, sau một đời làm thơ, viết văn, cũng chưa dễ gì tạo dựng được. Sau những năm tháng tù cải tạo, rồi định cư tại Hoa Kỳ, Thái Tú Hạp đã xuất bản thêm bốn tác phẩm, trong đó thi phẩm "Hạt Bụi Nào Bay Qua," theo lời Du Tử Lê, "là tác phẩm quan trọng, như một dấu mốc trên bước đường trường chinh chữ nghĩa của tác giả này."

Du Tử Lê cũng nói về người bạn đời của Thái Tú Hạp là Ái Cầm, mà ông gọi là "Bà Tú Xương của thời đại mới," một người đã dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt trên dưới mười tác phẩm nổi tiếng của Quỳnh Giao và một tập thơ Đường, người đã quán xuyến tờ Saigon Times và Giai phẩm Quảng Đà, và cũng là tay hoạt động đáng kể cho buổi ra mắt sách đầy ý nghĩa hôm nay: bán sách, lạc quyên, lấy tiền xây dựng "Tượng Đài Thuyền Nhân."

Kết quả tài chánh được công bố tại chỗ: 14 nghìn Mỹ kim. Vì vùng đồng bằng Cửu Long đang bị lụt trầm trọng, ban tổ chức đã quyết định chia đôi số tiền thu được, một nửa để cứu trợ lụt, một nửa vẫn theo mục tiêu cũ, là xây dựng một tượng đài để nhớ đến một trong những sự kiện lớn lao nhất trong thế kỷ 20 của dân tộc Việt Nam: hàng triệu người liều chết vượt biển ra đi để tìm tự do.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN KỲ PHONG
NGUYỄN HÙNG VŨ

ĐỊA NGỤC GIỮA ĐỜI

Điểm các cuốn sách mới của **Nguyễn Thụy Long:**

Thân Phận Ma Trơi, truyện, 340 trang, giá $18, và

Giữa Đêm Trường, hồi ký, 170 trang, giá $14

do Tiếng Quê Hương xuất bản. Liên lạc: Tiếng Quê Hương, P.O. Box 230113 Centreville, VA 20120 - USA.

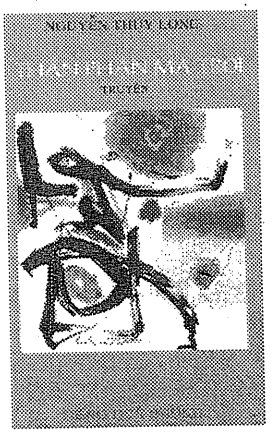

Người viết: NGUYỄN KỲ PHONG

Giống như Nguyễn Đình Lạp, Trương Tửu hay Nam Cao - những tiểu thuyết gia tả chân của miền Bắc thời tiền chiến - Nguyễn Thụy Long viết về những hiện thực xã hội.

Trong khi những văn sĩ miền Bắc của thời 1940-45 tả cảnh khốn cùng của hai giai cấp giàu - nghèo, thống trị - bị trị ở những vùng hẻo lánh quê mùa khi miền Bắc còn dưới ách cai trị của thực dân Pháp thì Nguyễn Thụy Long viết về những hoạt cảnh xã hội miền Nam của những năm 1965-70 - một thời khoảng cực thịnh khi mọi giá trị của xã hội Việt Nam bị va chạm, thử thách trong buổi giao thời của hai nền văn hóa Mỹ - Việt.

Sau hơn 20 năm ngừng viết (bị cấm viết thì đúng hơn), Nguyễn Thụy Long, tác giả của *Kinh Nước Đen, Bà Chúa Tám Cửa Ngục, Loan Mắt Nhung, Cầu Cá...* của thời tiền-75 vừa ra mắt hai tác phẩm: hồi ký GIỮA ĐÊM TRƯỜNG và tập truyện THÂN PHẬN MA TRƠI do Tủ Sách Tiếng Quê Hương ấn hành.

Nội dung các tác phẩm mới của Nguyễn Thụy Long vẫn là những cảnh lầm than, khốn cùng, ứa nước mắt của những tầng lớp thấp nhất đang bị đàn áp, chà đạp bởi một lớp có cơ hội đứng trên. Nhưng trong hai tác phẩm này, Nguyễn Thụy Long không còn được cái may đứng ngoài nhìn vào những thảm cảnh xã hội như một khách thể, để mô tả như ông đã làm trong những tác phẩm thời tiền-75: Lần này Nguyễn Thụy Long là một nạn nhân trong cảnh đời lầm than đó. Thêm nữa, những cảnh hiện thực trong xã hội miền Nam được Nguyễn Thụy Long mô tả - và phải chịu đựng - chua xót hơn, đau đớn hơn tất cả những hoàn cảnh xã hội ông đã sống qua vào thời khoảng trước.

Trong *Thân Phận Ma Trơi*, độc giả sẽ xúc động và khó tránh khỏi rùng mình với những thảm cảnh bán-địa-ngục xảy ra cho tầng lớp bị trị, bị chánh thức trừng phạt bởi những kẻ mạo danh cách mạng nhân dân: Những người Cộng Sản. Những người thua cuộc ở miền Nam bị tước đoạt một quyền căn bản nhất: Quyền Sống. Những người Cộng Sản chiến thắng chỉ dành cho những người mà họ gọi là kẻ thù ở miền Nam một chọn lựa duy nhất: tự sát hoặc sống theo bản năng như những con thú đói.

Có người vẫn nói giá trị nhân bản là một giá trị tiên thiên, giống nhau, không thay đổi trong mọi hoàn cảnh. Đọc *Thân Phận Ma Trơi*, chúng ta sẽ thấy có ít nhất hai "giá trị nhân bản," hai "quyền sống" khác nhau: Một của kẻ chiến thắng và một của kẻ chiến bại. Nguyễn Thụy Long và những người đồng cảnh là kẻ chiến bại.

Trong *Giữa Đêm Trường*, độc giả sẽ nhìn cuộc đời qua lăng kính của một nhà văn về già với hoài niệm của "bốn mươi năm ở thành phố Sài Gòn này từ khi còn là một thiếu niên..." và một ước mơ: chỉ muốn khỏe mạnh, muốn sống thêm để được ngồi lại bàn viết, trên căn gác của mình để tiếp tục viết. Ước mơ thật nhỏ, nhưng thật lớn cho một nhà văn về già, kém sức khỏe... biết mình sẽ phải có cái hẹn với chuyến đò qua Sông Nại Hà trong một tương lai gần.

Chiến dịch X1, X2, đánh tư sản mại bản và chiến dịch cấp bách đưa miền Nam theo kịp miền Bắc trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của Lê Duẩn vào những năm 78-83 (mà Lê Duẩn cho là miền Nam đi sau miền Bắc gần hai mươi năm) đã đưa miền Nam vào một sự lụn bại thê thảm về kinh tế và thương mại. Sự cấm vận của thế giới khi Việt Nam chiếm

đóng Campuchia càng làm đời sống của dân chúng miền Nam nghèo đói thêm. Trong tầng lớp nghèo đói đó lại có một tầng lớp nghèo đói hơn: nhóm người bị tước đoạt quyền công dân. Nguyễn Thụy Long nằm trong lớp người này - những người phải sống trong một địa ngục giữa đời.

Truyện *Thân Phận Ma Trơi* là một tập hợp những thảm kịch của cái địa ngục giữa đời mà Nguyễn Thụy Long sống qua - bị đày đọa thì đúng hơn. Trong cuộc sống này, đối với ông, thực là ác mộng và ác mộng là thực. Trong một truyện có tên *Hồn Bút*, với một bút pháp thực-ảo như lối viết *magic realism* của Milan Kundura, tác giả sống để thấy mình chết, chết khỏi cái địa ngục trần gian đang sống. Nhưng không dễ như vậy: *"Đối với bị cáo... mọi hình phạt nơi chốn âm ti này như cắt cổ, mổ họng, lóc thịt, lột da, nấu trong vạc dầu đều không xứng đáng với tội ác mà hắn đã phạm phải... Tòa án nhất trí xử phạt lưu đày ngay hắn lên trần thế cho lao động cải tạo để đền tội ác."* Diêm Vương phán.

Trong một truyện khác, *Thân Phận Ma Trơi*, Nguyễn Thụy Long cho thấy cái lầy lội, ngõ cụt của những người sống bên kia thượng tầng xã hội... họ hiện hữu như những con ma trơi, sống gần bờ mương, sống trên nghĩa địa, sống trong những ngôi mả cổ: ...*"tôi đi nặng nề dưới trời mưa... Tôi nghĩ đến vợ và con, nàng cũng ngồi dưới mưa, trên đầu chùm miếng ni lông, ôm con vì lều bị dột. Ngọn đèn dầu leo lét, nàng giống như một con ma ngồi ru con, rũ rượi hốc hác. Vú nàng còn sữa cho con bú không? Sao nàng theo tôi để khổ thân như thế."* Một đêm mưa, một người ngồi núp mưa trong một ngôi mả hoang, thương cho vợ con mình đang bị dột mưa. Ma trơi có lẽ còn hạnh phúc hơn, vì ma trơi không có một gia đình để lo lắng, xót xa.

Trong *Giữa Đêm Trường*, cuộc sống của Nguyễn Thụy Long đỡ chật vật hơn. Tác giả có được thời giờ để hoài niệm, có được thời giờ để tìm lại bạn bè coi ai sống ai chết. Trên căn gác, bây giờ ông sống bằng hoài niệm: *"Tiếng ễnh ương kêu buồn bã trong đêm gây buồn gây nhớ. Nhớ lắm, thương lắm, hỡi những người bạn của tôi. Các anh thoắt hiện, thoắt biến trên cõi đời. Còn lại những kỷ niệm, những cái các anh để lại, mà tôi không thể nào quên... Tôi viết hay tôi gặm nhấm những kỷ niệm?"* Tác giả nhớ về Bùi Giáng, Dương Hùng Cường, Lê Xuyên, Ninh Chữ, Huy Cường, Hoàng Vĩnh Lộc ... Tác giả tả cái chết của Hoàng Vĩnh Lộc thật thảm thương: hòm không đủ dài để gói xác, huyệt địa bị ngập nước vào một ngày mưa... Hoài niệm hay mặc niệm, Nguyễn Thụy Long tìm về cố tích thân yêu - đôi khi đau đớn - trong những đêm dài.

Nguyễn Thụy Long, theo tin mới nhất, đang bị bệnh nặng. Thế giới tiểu thuyết của Nguyễn Thụy Long hơn ba mươi năm trước là thế giới của phòng trà, của tiền dollar vung như nước. Của gái điếm và du đãng, của mẹ Mỹ và mệnh phụ phu nhân, của đâm thuê chém mướn. Thế giới của *Giữa Đêm Trường* và *Thân Phận Ma Trơi* là thế giới của đói, của miếng ăn, thảm cảnh, địa ngục giữa đời và những hoài niệm của một người luôn nghĩ mình cũng sắp được mặc niệm.

Một Nguyễn Thụy Long trong hai bối cảnh; hai Nguyễn Thụy Long trong một cuộc đổi đời.

*

Phần Gới thiệu sách dưới đây do NGUYỄN HÙNG VŨ thực hiện:

Trần Lục, Thực Chất Con Người và Sự Nghiệp

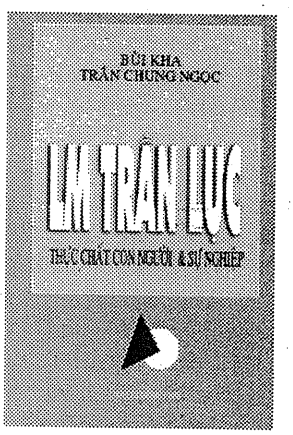

Biên khảo của hai tác giả **Bùi Kha** và **Trần Chung Ngọc**, Giao Điểm xuất bản năm 1999, 228 trang, giá 12MK. Liên lạc: Giao Điểm, P.O Box 2188, Garden Grove, CA 92842. USA.

Bìa sau cuốn sách có một số ý kiến đáng chú ý của một số nhân vật: Ông Sơn Diệm, "Linh Mục Trần Lục là một vĩ nhân của lịch sử hiện đại."

Linh Mục Trần Quý Thiện, "Linh Mục Trần Lục là một danh nhân, anh tài không những của giáo hội Công giáo mà còn của dân tộc Việt Nam chúng ta."

Linh Mục Trần Tam Tĩnh, "Linh Mục Trần Lục nhận phép lành của Giám Mục Puginier, rồi tiếp viện cho quân Pháp với 5000 giáo dân. Ba Đình thất thủ."

Trần Lục là một nhân vật lịch sử cận đại được một số người công giáo Việt Nam suy tôn và ngưỡng mộ như một anh hùng dân tộc. Mới đây, ngày 17-7-1999, hội truyền thống

giáo phận Phát Diệm tại nam California đã tổ chức kỷ niệm ngày giỗ 100 năm của ông. Cuốn biên khảo của hai tác giả Bùi Kha/Trần Chung Ngọc nhằm đặt lại vấn đề: Giám mục Trần Lục đã có những công trạng gì cho đất nước để được một số người Việt Nam xem như vĩ nhân?

Sách chia làm ba phần. Phần một cuốn sách trình bày những sự kiện trái ngược và những nhận định khách quan về cá nhân Trần Lục. Người viết đưa ra những bằng chứng khả tín về thân thế, sự nghiệp, và những hoạt động chính trị của ông trong thời Pháp thuộc, đậm nét nhất là việc ông đã nhúng tay vào việc huy động 5000 giáo dân Công giáo trợ ứng với quân đội Pháp trong việc tấn công chiến lũy Ba Đình của Đinh Công Tráng.

Hai tác giả Bùi Kha và Trần Chung Ngọc đã dùng nhiều tài liệu từ những cuốn sách của sử gia Helen B. Lamb, Mark McLeod, Linh mục Trần Tam Tĩnh, Trần Ngọc Thụ, Cao Huy Thuần, LM Phan Phát Huồn v.v... đưa ra những bằng chứng lẫn kết luận trái ngược với những gì từng được biết về nhân vật Trần Lục.

Phần 2 cuốn sách là một phụ lục của Trần Chung Ngọc viết về một cuốn sách mang tựa "Chuyện Kiều và Tuổi Trẻ" của ba tác giả Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Công. Phần này được xem như một tranh luận lẫn giải thích của tác giả Trần Chung Ngọc nhằm trao đổi với tác giả Lê Hữu Mục về một số diễn giảng truyện Kiều và cho rằng việc so sánh Truyện Kiều với cuốn Thánh Kinh của Kitô giáo là một sự so sánh lệch lạc. Một thí dụ nhỏ: hai chữ "kéo lên" trong câu "ngổn ngang gò đống kéo lên" đã được tác giả Lê Hữu Mục Mục giảng là chỉ sự di chuyển của người đi thăm mộ, trong khi tác giả Trần Chung Ngọc hiểu là sự ngổn ngang vô thứ tự của mồ mả.

Phần 3 cuốn sách do tác giả Bùi Kha viết nhằm phản chứng bốn luận điểm của nhóm Ki Tô hữu và Đức ông Nguyễn Đức Tiến về một số vấn đề: Sự trùng hợp về thời gian giữa chế độ thuộc địa hóa của những cường quốc Âu Châu, sự truyền bá của Thiên Chúa giáo không có nghĩa là Thiên Chúa giáo muốn nô lệ hóa Việt Nam hay bất cứ quốc gia nào, v.v...

Cuốn sách sẽ làm độc giả đặt lại một số câu hỏi: Trần Lục thực sự là ai? Sự nghiệp ông gồm những gì? Ông có đáng được xem như một danh nhân của dân tộc Việt Nam nói chung hay chỉ là một người đã có một số công trạng với thực dân Pháp trong việc thành lập một chế độ bảo hộ đối với Việt Nam, đồng thời là một chức sắc Công giáo có công tạo dựng một số kiến trúc tôn giáo đặc sắc? Cuốn sách đã nêu ra được nhiều chi tiết lịch sử cần thiết, phần nhiều lấy từ văn khố của Pháp, giúp độc giả có thể tự mình có một nhận định khách quan về thực chất của nhân vật này.

Cũng cần nói thêm, có một số ngôn ngữ, thái độ viết, cũng như nội dung trong sách đáng lẽ đã có thể được hai tác giả thay đổi gia giảm ít nhiều để cuốn sách bớt mang tính công kích đồng thời giữ được thái độ khách quan, để từ đó, độc giả nói chung, hay những độc giả công giáo nói riêng, sẽ cảm thấy đỡ nặng nề khi đọc lại những vấn đề lịch sử khúc mắc và tế nhị trong một giai đoạn chuyển mình khó khăn của đất nước.

Đối Mặt Một Trăm Năm Cô Đơn Của Nietzsche (1900-2000)

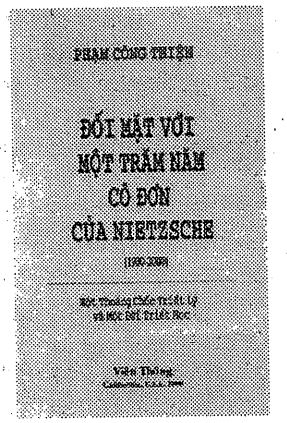

của **Phạm Công Thiện**, Viên Thông xuất bản, 54 trang, giá US$10.00. Liên lạc: P.O. Box 18476, Long Beach CA 90807, USA. Tel: (562) 428-7712.

Một cuốn sách mỏng 54 trang- nhưng chứa đựng hai điều ý nghĩa của Phạm Công Thiện. Điều thứ nhất: nó là những nén hương tưởng nhớ đến một triết gia lớn của nhân loại, Nietzche, nhân ngày giỗ thứ 100 của ông. Điều thứ hai: tác giả viết về ý nghĩa của triết học bằng một thứ dụng cụ bất đắc dĩ: ngôn ngữ.

Khi đọc Phạm Công Thiện, hay Nietzche, người ta thường phải đối diện với những gì ngôn ngữ rất khó diễn tả hay không diễn tả nổi, những gì dị thường không giống với thứ tiếng nói chuyện trò hay văn thơ thường ngày, viết bởi những ngòi bút trong lúc xuất thần. Chính vì thế mà có người đã nhận định sách của PCT là sách của một ngòi bút "thiếu trách nhiệm."

Người đọc thấy ở những dòng chữ của ông những mỉa mai căm phẫn của một tâm thức sôi sục đang bị hành hạ mãnh liệt vì hiện hữu, và ngôn ngữ của ông lúc nào cũng như muốn

bộc phá và vượt thoát, không chấp nhận khuôn khổ của những gì sáng tạo ra nó. PCT như muốn tách rời ngôn ngữ ra khỏi tư tưởng để lột trần những bản tính thâm sâu, những cảm giác siêu thực và dị thường của tính thể, một điều mà Nietzche và Heidegger đã từng làm, và dường như đã thất bại với thứ nhãn quan duy lý tây phương, vốn khó chấp nhận những gì "khó hiểu."

Nietzche đã từng viết, "A philosophical mythology lies hidden in language which breaks through at every moment, no matter how careful we may be" "Có cẩn thận đến thế nào đi chăng nữa thì những ý nghĩa huyền ảo của triết học đang ẩn tàng trong ngôn ngữ cũng phá tung để chui ra khỏi những gì giam hãm nó từng giây phút."

Vì thế, đọc PCT, hay Nietzche, hay Heidegger, lúc nào cũng là một điều khó. Khó vì họ khinh thường những thứ luật chơi của ngôn ngữ và xem ngôn ngữ là một trở ngại của ngòi bút thay vì một phương tiện cần thiết. Không nên đọc "văn" của PCT với một thái độ thưởng ngoạn giải trí, cũng không nên đọc sách ông để "tìm hiểu vấn đề" hay "khám phá những gì mới lạ trong triết học." Vấn đề của PCT, nếu có, dường như bao giờ cũng "nằm ngoài" những gì ông viết và có lẽ người đọc chỉ có thể bắt được hay cảm được qua những lúc xuất thần của tâm thức. Nếu ai chưa bị những thôi thúc dằn vặt về ý nghĩa của triết học, của hiện hữu, của hư vô, của sự sống sự chết thì không "cảm" được Phạm Công Thiện. Trên một ý nghĩa nào đó, tâm tư Phạm Công Thiện rất xa cách độc giả thông thường. Những phát ngôn mạnh bạo, gần như là thô bạo, như "Khoa học là một hình thức tế nhị nhất của mê tín dị đoan" cho thấy PCT gần giống những suy nghĩ của Thomas Kuhn và ông đã có cái nhìn tiêu cực về những gì vốn được khoa học và triết học xem là nền tảng hiểu biết của con người.

Cuốn sách của PCT tốt hơn hết không nên được giới thiệu như một cách mời chào hay bị xếp vào loại "nên đọc" hay "cần có trong tủ sách gia đình" vì lẽ: những ai thích đọc PCT thì sẽ tự động tìm đến nó như một cần thiết.

Cụm Hoa Tình Yêu

thi tập VI của nhiều tác giả Việt Nam, do "Hội Thơ Tài Tử Việt Nam" ấn hành năm 2000, 532 trang. Liên lạc: Lê Quang Sinh, P.O Box 246958, Sacramento, CA 95824, USA.

Một góp mặt thơ của rất nhiều cây bút trong và ngoài nước gồm nhiều bài thơ trữ tình ca ngợi tình yêu nhiều thể loại. Người đọc sẽ có một điểm lợi là biết qua được một số lớn khuôn mặt và tiểu sử của những người cộng tác. Nhưng cũng có thể giật mình tự hỏi: Việt Nam sao mà sản sinh ra lắm thi sĩ thế?

Nhưng nhiều người làm thơ và có phương tiện để in ấn, phổ biến là một điều đáng mừng. Điều đó chứng tỏ người Việt Nam chúng ta vẫn biết cách vượt qua khỏi sự khô cằn của cuộc sống vật chất và kỹ thuật, tự nâng mình bay bổng trong những rung động tâm hồn với sáng tạo thi ca. Mỗi lần một *cụm hoa tình yêu* bừng nở, chắc chắn đem lại một vẻ tươi mát, một nỗi vui mừng, ít nhất cho các tác giả, rồi đến những người yêu mến họ. Đã nở đến cụm hoa thứ sáu, Hội thơ Tài tử Việt Nam rõ ràng chứng tỏ được tính chất tích cực cùng khả năng sáng tạo của người làm thơ.

Từ rất xưa, những người làm thơ và yêu thơ đã có khuynh hướng tập họp nhau lại, sinh hoạt chung, làm thành những Thi Xã. Đó là sự đến với nhau của những người đồng điệu, họ cần gặp gỡ, trao đổi, để nhận ra nhau và nhận ra chính mình, và từ đó phát triển thi tài của họ. Thi nhân là một chủng loại riêng biệt, và cũng theo quy luật chung của muôn loài, những gì giống nhau thì tập hợp với nhau, tiếng thơ luôn luôn có khả năng kêu gọi, nhận dạng nhau, không khác nào đặc tính chủng loại dùng để báo hiệu tập hợp của các loài khác. Cho nên chúng ta không lạ các cụm hoa của Hội Thơ Tài Tử có dịp nở mãi, ngày một đông đảo, ngày một phong phú.

Nhìn quanh Một Mình

tiểu thuyết của **Nguyễn Ngọc Ngạn**, bìa Nguyễn Thị Hợp, Văn Khoa xuất bản, 440 trang, giá 22 MK. Địa chỉ: VănKhoaBooks, 9200 Bolsa Ave., suite 123, P.O. Box 2283, Westminster, CA 92684-2283, USA.

Một tác phẩm văn xuôi mới nhất thuộc loại "tình cảm xã hội. Truyện của Nguyễn Ngọc

Ngạn vẫn được nhiều người ưa thích, một phần vì văn đối thoại của ông dễ đọc, một phần vì chuyện của ông phản ảnh khá chính xác bộ mặt phức tạp của xã hội lồng trong những biến chuyển thời sự, dễ gây cho độc giả cảm tưởng sống động. Người đọc bao giờ cũng thấy tính chất phác thật thà cũng như những ti tiện lấu cá của con người sóng trong xã hội, những bộ mặt hư hư thực thực của cuộc đời và cuộc sống phức tạp đa dạng của người Việt tị nạn ở ngoại quốc cũng như ở trong nước. Chuyện Nguyễn Ngọc Ngạn tạo sự tò mò thúc đẩy ở người đọc như một cuốn phim trinh thám. Văn ông giản dị, gần với giọng kể chuyện, không cần chải chuốt hay làm dáng ngôn ngữ. Tất cả những điều ấy tạo nên một ưu điểm: truyện ông rất dễ đọc và đọc rất thích, luôn luôn lôi cuốn, với một cỗ xe ngôn ngữ lăn bánh trơn tru.

Cũng chính vì thế, khi lật một cuốn truyện mới nhất của ông, người đọc sẽ có cảm giác giống như mua vé bước vào xem một cuốn phim James Bond mới nhất. Phim mới, hình thức, nội dung, diễn viên và không gian lẫn thời gian có khác đi nhưng quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bấy nhiêu trò: tình, tiền, lừa đảo, bắn, giết, đây đó thỉnh thoảng có những cái lố bịch, tục tĩu cũng như tiếu lâm làm độc giả cười thú vị. Khó có thể tìm thấy một cái gì mới đúng ý nghĩa của cái "mới" trong tiểu thuyết của ông, nhưng sự hấp dẫn thông thường thì luôn luôn có.

Truyện lấy bối cảnh Việt Nam, hai vai chính là Khái, một công chức cộng sản, và Hương, vợ Khái, một người đàn bà bị chồng bạc đãi, hiếp đáp. Khái, sau những màn tham nhũng bạo tay, lận lưng được một số vàng làm vốn khá lớn cất trên gác bếp. Khái chẳng may bị đứt mạch máu não và trở thành bán thân bất toại. Khái ngồi xe lăn, cay đắng nhìn cuộc đời dần trôi và tài sản vuột khỏi tầm tay mình. Tiền khi mất, thì ngay cả những người thân ruột thịt như anh em hay ngay vợ mình cũng chẳng đoái hoài nể nang gì mình. Đau hơn nữa là khi tiền mất thì cái tình hờ và cái quyền thế giả tạo Khái từng có cũng từ từ chào giã biệt Khái, và cái còn lại duy nhất ở Khái là nỗi nhục nhằn và thân phận bệnh hoạn chó má xác xơ của một tay cán bộ hết thời.

Truyện phản ảnh những gì đã và vẫn xẩy ra trong một xã hội nghèo, vô thể thống, mạnh ai nấy sống. Giả tạo và phù phiếm. Người đọc có cảm tưởng nó đang dẫn độc giả cũng như đám nhân vật trong truyện vào chỗ tuyệt lộ. Vào một chỗ không có lối thoát trong cái xã hội họ đang chới với ngụp lặn.

Tác giả vẫn là một cây bút khỏe với tác phẩm này, nhưng đề tài và khả năng sáng tạo xem ra đã chững lại.

Tuyển Tập Truyện Ngắn, 14 tác giả.

Nhà xuất bản Văn Tuyển, bìa Nguyễn Mai Phương, in năm 2000, 270 trang, không đề giá bán. Liên lạc: Văn Tuyển, 23125 Lakeridge ave., Hayward, CA 94541, USA.

Đối với đại đa số người đọc hải ngoại vốn hiếm hoi thì giờ thì đọc những truyện ngắn trong một tuyển tập dễ hơn là phải đọc một trường thiên tiểu thuyết dài dằng dặc. Tất cả 21 truyện do 14 cây bút, mỗi mẩu truyện với một đề tài khác nhau dễ cho người đọc theo dõi và chọn lựa.

Mười bốn tác giả là: Nguyễn Thị Thảo An, Hoàng Chính, Nguyễn Trung Dũng, Quan Dương, Hoài Ziang Duy, Nguyễn Trung Hối, Trầm Hương, Nguyễn Vĩnh Long, Cổ Ngư, Nhật Nguyễn, Tâm Thanh, Thu Thuyền, An Phú Vang, Kinh Dương Vương.

Làm tuyển tập nhiều tác giả là một sáng kiến hay. Mỗi tác giả có dịp giới thiệu một hay vài ba truyện mà mình đắc ý, mà khỏi phải lo lắng gì về việc xuất bản; độc giả thì thích thú vì được đọc những truyện hay của nhiều tác giả khác nhau. Có những chuyện ngắn đọc rất thú vị như chuyện "Ông Thơm" của Kinh Dương Vương, "Con Đầu Lòng" của Thu Thuyền viết về lần sinh nở đầu tiên, "Ngẩng mặt, đi bằng hai chân" của Nguyễn Trung Dũng, viết về sự tù đầy của phi công Mỹ John Mc Cain... Tập hợp càng đông thì sự cách biệt càng lớn: mỗi tác giả là một tuổi tác, một phong cách, một bút pháp, một khả năng riêng biệt. Người thực hiện tuyển tập phải có bản lãnh chọn lựa để những cái riêng biệt ấy để có thể ngồi cùng một chiếu mà vẫn tạo được một sự hài hòa chung, và đem đến một lợi lạc tinh thần cho người đọc.●

SÁCH MỚI NGÔ THẾ VINH:

CỬU LONG CẠN DÒNG
BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TRƯỚC NHỮNG NGUY CƠ
* *DO TAI ƯƠNG TỪ THƯỢNG NGUỒN:*
_ Phá Hủy Rừng Mưa, Phá Đá Khai Thông Lòng Sông
_ Xây Đập Thủy Điện Chặn Nước và Đổi Dòng Sông Mekong
_ Điện Khí Hóa, Kỹ Nghệ Hóa, Đổ Chất Phế Thải Xuống Sông
* CỘNG THÊM VỚI NHỮNG SAI LẦM THỦY LỢI NƠI HẠ NGUỒN,
HẬU QUẢ NHÃN TIỀN:
_ Lụt Lớn Ngay Mùa Mưa,
_ Hạn Hán Trong Mùa Khô,
_ Nước Sông Ô Nhiễm và Ngập Mặn
RỒI RA SẼ CHẲNG CÒN ĐÂU MỘT NỀN "VĂN MINH MIỆT VƯỜN, HÃY CỨU LẤY DÒNG SÔNG !

PHÁT HÀNH: Tháng 10 - 2000
Sách dày 650 trang với nhiều hình ảnh.
Giá 25 MK

Liên lạc: Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
PO.BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934 – 8574.
Email: vannghe@pacbell.net

CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC LÀ

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

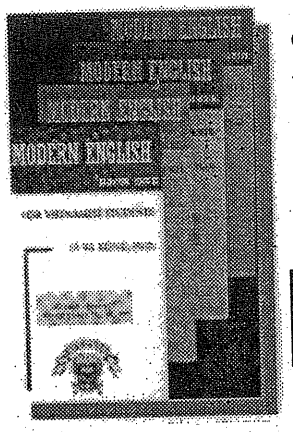

Quí vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau giồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

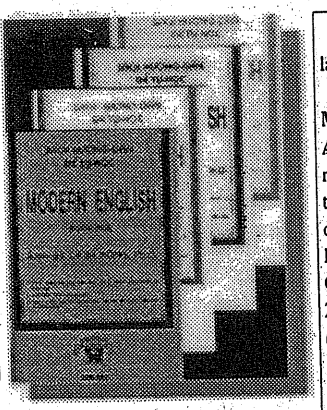

Giá toàn bộ **Modern English** là **US$99** và **US$10 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120** và **US$12** cước phía.

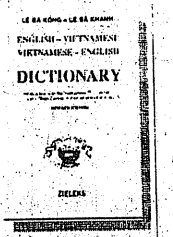

Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí.

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Bộ sách **Modern English** sẽ giúp quí vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dậy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

Bộ sách và băng cassettes **Modern English** gồm:

- **4 cuốn sách giáo khoa**, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- **4 cuốn sách hướng dẫn**, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1,000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- **8 cuộn băng cassettes C-90** với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, vần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ..., chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai be bét, là mãn nguyện.

CÔNG PHU MỸ THUẬT

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
☐ Bộ Modern English - US$99 và US$10 cước phí.
☐ Bộ Modern English và bộ Tự Điển Anh-Việt & Việt-Anh - US$120 và US$12 cước phí.
(Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí)

Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____

Nếu dùng credit card:
Số _____
Tháng/năm hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

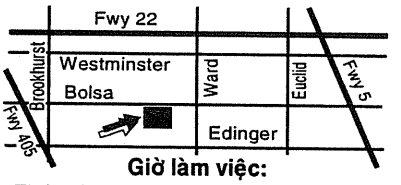

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và chẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành **CD và Cassette THƠ THIỀN**

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn - Thiền sư Vạn Hạnh - Tuệ Trung Thượng Sĩ

THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu - Thiền sư Thanh Từ - Thiền sư Nhật Quang

Tự Tỉnh

Bước nhẹ lưng trời vui giải thoát
Lâng lâng nghe gió thoảng hương quê
Quẳng hết bao tình lý ràng buộc
Thong dong từng nhịp bước quay về

Thiền Sư Nhật Quang

Tặng Bạn

Bạn biết chăng cuộc đời đầy đau khổ
Bởi con người mãi gieo rắc hận thù
Gây đau thương, gây tang tóc ngục tù
Rốt cuộc chỉ còn là cơn ác mộng
Nào lợi danh, nào tài sắc
Từ xa nhìn chúng ông ánh lung linh
Bọn mình đua nhau tranh giành đuổi bắt
Nắm được rồi nhìn lại chỉ tay không
Chúng vốn là những chùm bọt trên sông
Còn chi đâu chỉ toi công nhọc sức
Trời trong, mây trắng, gió mát, trăng thanh
Vườn cây xanh rờn khóm hoa cười mỉm
Nhạc dế nhẹ nhàng, giọng chim thảnh thót...

Thiền Sư Thích Thanh Từ

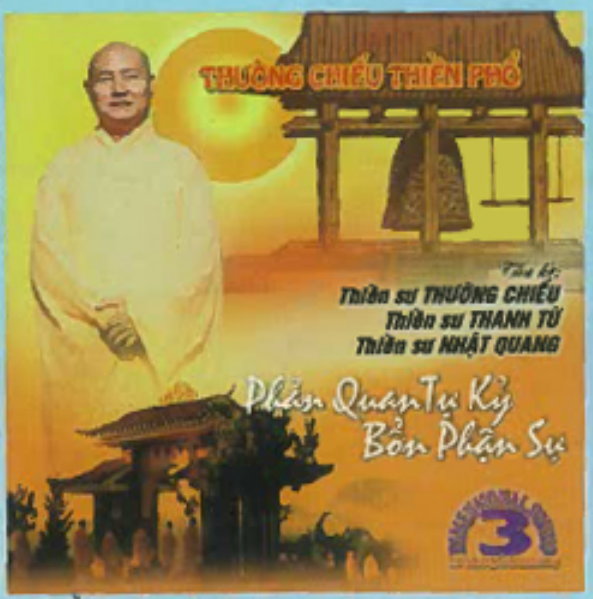

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

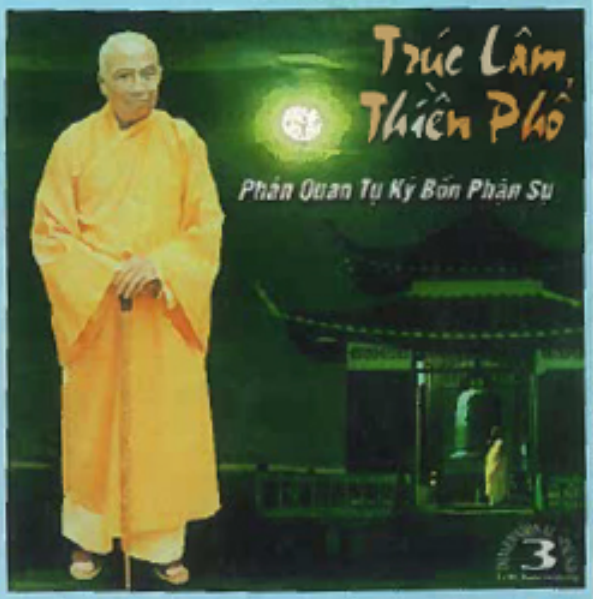

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền Sư Vạn Hạnh,*** vị Quốc sư đầu tiên khai sáng triều đại Lý; ***Thiền sư Thường Chiếu***, một cao tăng tài ba lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12; ***Tuệ Trung Thượng Sỹ*** là thầy của Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Nhân Tông là Sư tổ phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, vào thế kỷ 13; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Ngài có công khôi phục Thiền Tông Việt nam cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai.

Phát hành tại: Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700
hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm An: (714) 839-6704** - Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA
www.truclamthienvien.com * Email: mantaman@truclamthienvien.com

Chúng tôi có phát thanh Chương Trình Học Phật trên làn sóng VOVradio.com hàng tuần mỗi thứ Ba từ 5:05AM - 6AM.
Chúng tôi có phát hành Video & Cassette học Phật. Liên lạc Mãn Tâm An.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim